HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
(Biên soạn)

TẬP HỢP
CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031



BẢN QUYỀN XUẤT BẢN
NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ - TRUYỀN THÔNG

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

THƯỜNG TRỰC ỦY BAN CÔNG TÁC ĐẠI BIỂU CỦA QUỐC HỘI

BIÊN SOẠN

- Đồng chí Tạ Thị Yên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổ trưởng tổ giúp việc về nhân sự Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.
- Công chức, chuyên viên Thường trực Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia và Vụ Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội.

1. CHỈ THỊ SỐ 46-CT/TW NGÀY 16/5/2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 sẽ được tiến hành vào ngày 15/3/2026.

Cuộc bầu cử diễn ra trong thời điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vừa kết thúc thành công tốt đẹp; toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang nỗ lực phấn đấu triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước ta sau gần 40 năm đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng và có ý nghĩa lịch sử to lớn trên mọi mặt đời sống, kinh tế - xã hội, song vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước ở Trung ương và địa phương theo hướng "tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả". Bối cảnh quốc tế và khu vực hiện đang có những thuận lợi và khó khăn đan xen, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta. Tình hình đó đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải nỗ lực phấn đấu, đoàn kết thống nhất, chung sức đồng lòng, tận dụng mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Cùng với đại hội đảng các cấp, cuộc bầu cử là dịp quan trọng để tiếp tục xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Vì vậy, việc lựa chọn, bầu ra những đại biểu tiêu biểu, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới là một nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong năm 2026.

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 đạt kết quả cao, Bộ Chính trị yêu cầu

các cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt những yêu cầu, nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để tổ chức thắng lợi cuộc bầu cử; bảo đảm cuộc bầu cử được tiến hành dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân.

2. Lãnh đạo tốt công tác nhân sự, bảo đảm phát huy dân chủ gắn với sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ. Gắn kết quả nhân sự của đại hội đảng các cấp và quy hoạch cán bộ với công tác chuẩn bị giới thiệu những người tiêu biểu, có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, đủ tiêu chuẩn, có năng lực và điều kiện thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Không đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, bảo thủ, tư tưởng bè phái, cục bộ, địa phương; các đối tượng đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm, đã bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận không trung thực; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra những vụ, việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mất đoàn kết nghiêm trọng.

3. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện bầu đủ số lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, chú trọng tới chất lượng; bảo đảm cơ cấu hợp lý về số đại biểu là người đang công tác ở cơ quan đảng, nhà nước, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc; tăng số lượng đại biểu chuyên trách, bảo đảm tỷ lệ người ứng cử là phụ nữ và người dân tộc thiểu số theo đúng quy định của Luật bầu cử; có tỷ lệ hợp lý đại biểu các tôn giáo, đại biểu tái cử, đại biểu trẻ tuổi, các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân và các hiệp hội, nghiệp đoàn trong sản xuất, kinh doanh.

4. Việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải bảo đảm theo đúng quy trình đã được pháp luật quy định và hướng dẫn của các cơ quan Trung ương có thẩm quyền. Các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc tổ chức hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để mọi công dân thực hiện đầy đủ quyền ứng cử, bầu cử theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử;

các quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; về vị trí, vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong bộ máy nhà nước; về trách nhiệm, quyền hạn của người đại biểu nhân dân; về nghĩa vụ của công dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Động viên mọi cử tri tự giác, chủ động tham gia bầu cử, nghiên cứu kỹ về danh sách người ứng cử; mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu gương, đề cao tinh thần trách nhiệm, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia bầu cử.

6. Chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng các phương án bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; kịp thời giải quyết các khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật; ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng dân chủ, vi phạm pháp luật về bầu cử. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống mọi luận điệu xuyên tạc, âm mưu, hành động phá hoại cuộc bầu cử, lợi dụng bầu cử để gây rối mất an ninh trật tự. Có các phương án chủ động đối phó với những tình huống bất ngờ, thiên tai, dịch bệnh có thể xảy ra trong thời gian tiến hành bầu cử.

7. Các tỉnh ủy, thành ủy thành lập ban chỉ đạo để lãnh đạo toàn diện công tác bầu cử ở địa phương; làm tốt công tác giới thiệu người ứng cử; chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở địa phương.

8. Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các ban đảng ở Trung ương, Hội đồng bầu cử quốc gia, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Chỉ thị này; đồng thời, chủ động phối hợp chặt chẽ trong quá trình chỉ đạo, tổ chức bầu cử, bảo đảm để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 thành công tốt đẹp.

Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Chỉ thị này.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ

(Đã ký)

Trần Cẩm Tú

2. NGHỊ QUYẾT SỐ 199/2025/QH15 NGÀY 21/5/2025 CỦA QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021–2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026–2031

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 1276/TTr-UBTVQH15 và Tờ trình số 1277/TTr-UBTVQH15 ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến đại biểu Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 là Chủ nhật, ngày 15 tháng 3 năm 2026.

Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa XVI được triệu tập chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày bầu cử.

Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031 được triệu tập chậm nhất là 45 ngày, kể từ ngày bầu cử.

Điều 3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức hữu quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 21 tháng 5 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn

3. NGHỊ QUYẾT SỐ 211/2025/QH15 NGÀY 25/06/2025 CỦA QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Nội quy kỳ họp Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Tờ trình số 1337/TTr-UBTVQH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia, gồm 19 thành viên.

Điều 2.

Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia:

1. Chủ tịch Quốc hội.

Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia:

2. 01 Phó Chủ tịch Quốc hội là Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Trưởng Tiểu ban Nhân sự.

3. 01 Phó Thủ tướng Chính phủ.

4. Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

5. Phó Chủ tịch nước.

Các Ủy viên:

6. Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

7. Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

8. Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương.

9. Đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

10. Đồng chí Bộ trưởng Bộ Công an.

11. 01 đồng chí Phó Chủ tịch Quốc hội kiêm Trưởng Tiểu ban văn bản pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

12. 01 đồng chí Phó Chủ tịch Quốc hội kiêm Trưởng Tiểu ban thông tin tuyên truyền.

13. 01 đồng chí Phó Chủ tịch Quốc hội kiêm Trưởng Tiểu ban đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội.

14. Đồng chí Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

15. Đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội.

16. Đồng chí Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.

17. Đồng chí Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội.

18. Đồng chí Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

19. Đồng chí Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 2. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia

1. Hội đồng bầu cử quốc gia có nhiệm vụ tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 theo quy định của pháp luật; phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chính phủ và các cơ quan, tổ chức hữu quan thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Hội đồng bầu cử quốc gia có địa điểm làm việc tại Nhà Quốc hội, con dấu, kinh phí hoạt động và bộ máy giúp việc.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn

4. CHỈ THỊ SỐ 28/CT-TTG NGÀY 18/9/2025 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16 tháng 5 năm 2025 về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, theo đó, Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 sẽ được tiến hành vào Chủ nhật, ngày 15 tháng 3 năm 2026.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 là sự kiện chính trị lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với cả nước và từng địa phương; được tổ chức vào thời điểm đất nước đã tiến hành công cuộc đổi mới gần 40 năm, đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật, vị thế của nước ta trong khu vực và trên trường quốc tế ngày càng lớn mạnh. Cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp là hành trang mới, tạo khí thế mới đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, phát triển giàu mạnh, văn minh, phồn vinh, thịnh vượng.

Cùng với Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được Đảng, Quốc hội, Chính phủ xác định là những nhiệm vụ công tác trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong năm 2026; là đợt vận động và sinh hoạt dân chủ sâu rộng trong mọi tầng lớp Nhân dân để lựa chọn, bầu được những đại biểu ưu tú, đại diện cho Nhân dân cả nước tại Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất trong nhiệm kỳ Quốc hội

khóa XVI và các đại biểu đại diện cho Nhân dân địa phương tại Hội đồng nhân dân các cấp, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương trong nhiệm kỳ 2026-2031.

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được tổ chức bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là ngày hội của toàn dân; tạo điều kiện thuận lợi nhất để Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của mình trong việc lựa chọn, giới thiệu, bầu người có đủ đức, đủ tài, xứng đáng đại diện cho Nhân dân cả nước tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:

1. Bộ Nội vụ là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc tham mưu, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công tác bầu cử theo quy định của pháp luật và phân công của Hội đồng bầu cử quốc gia; hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử trong toàn quốc; hướng dẫn và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong tổ chức bầu cử theo quy định; kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan theo dõi, cập nhật tình hình chuẩn bị, tiến độ thực hiện các bước của công tác bầu cử tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp để kịp thời tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định của pháp luật về bầu cử.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương và các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai công tác thông tin, tuyên truyền; chỉ đạo và hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí ở Trung ương và địa phương tổ chức tuyên truyền kịp thời, sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử; quyền ứng cử, quyền bầu cử của công dân theo quy định của Hiến pháp; các

nội dung cơ bản của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn bầu cử của các bộ, cơ quan Trung ương; góp phần nâng cao ý thức làm chủ, tinh thần tự giác của mọi công dân, cơ quan, tổ chức trong thực hiện công tác bầu cử.

3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chịu trách nhiệm xác định đơn vị hành chính xã ở miền núi, Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm xác định đơn vị hành chính xã ở hải đảo để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân xã được bầu trong nhiệm kỳ 2026-2031.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Bộ Nội vụ công bố việc xác định đơn vị hành chính xã ở miền núi, hải đảo trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia và trên Cổng Thông tin điện tử của Quốc hội (http://www.quochoi.vn) trước ngày 01 tháng 11 năm 2025.

4. Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và thông tin liên lạc thông suốt trong quá trình chuẩn bị, tổ chức bầu cử; đặc biệt là thời điểm trước, trong và sau ngày bầu cử.

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện công tác bầu cử.

5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao xây dựng kế hoạch, phương án triển khai lực lượng bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong suốt quá trình chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử, đặc biệt chú trọng bảo đảm an ninh, trật tự tại những địa bàn trọng điểm, khu vực trọng yếu về quốc phòng, an ninh; chỉ đạo và hướng dẫn các lực lượng quân đội, công an tham gia cuộc bầu cử.

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phòng chống tấn công mạng, bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ hệ thống thông tin phục vụ bầu cử, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi phát tán thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng đến cuộc bầu cử.

Bộ Công an cung cấp dữ liệu dân cư cho Hội đồng bầu cử quốc gia và Bộ Nội vụ; chỉ đạo Công an các tỉnh, thành phố cung cấp dữ liệu dân cư ở địa phương cho Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu

cử các cấp để phục vụ cho việc tổng hợp, thống kê số liệu dân số, danh sách cử tri theo từng đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh điện tử (VNeID) trong quá trình lập danh sách cử tri, in thẻ cử tri,...

6. Bộ Tài chính cân đối bố trí kinh phí kịp thời để các cơ quan Trung ương, các địa phương thực hiện công tác bầu cử; hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán và kiểm tra việc sử dụng kinh phí bầu cử; bảo đảm kinh phí được sử dụng đúng mục đích, yêu cầu, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

7. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình dịch bệnh; chỉ đạo các đơn vị y tế phối hợp với chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức phụ trách bầu cử chủ động xây dựng các phương án đáp ứng phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn trong thời gian chuẩn bị và tổ chức cuộc bầu cử.

8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình, chủ động ứng phó với những tình huống thiên tai xảy ra; chủ động xây dựng các phương án và phối hợp với các địa phương nhằm kịp thời ứng phó với những tình huống thiên tai có thể xảy ra ở một số địa bàn, khu vực trong thời gian chuẩn bị và tổ chức cuộc bầu cử.

9. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc kê khai tài sản đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo chỉ đạo của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tập trung giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân trước, trong và sau cuộc bầu cử.

10. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương tổ chức thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Kế hoạch công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử

quốc gia, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chủ động thực hiện và bảo đảm tiến độ việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử; công tác hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; trình tự các bước tiến hành công việc trước, trong, sau ngày bầu cử và các điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ cho cuộc bầu cử.

Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm đảm bảo hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ cuộc bầu cử; chỉ đạo các cơ quan quân đội, công an ở địa phương xây dựng các kế hoạch, biện pháp cụ thể nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và tại các địa điểm bỏ phiếu; bảo đảm cho cuộc bầu cử diễn ra an toàn, đúng pháp luật; xây dựng phương án dự phòng, kịch bản tổ chức bầu cử trong điều kiện khẩn cấp (dịch bệnh, thiên tai...) để bảo đảm cuộc bầu cử được tiến hành liên tục, không bị gián đoạn. Đồng thời, tập trung triển khai có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của địa phương, chuẩn bị tốt cho việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và cả giai đoạn 2026-2031.

11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác tổ chức, thực hiện cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 ở địa phương theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và của các bộ, cơ quan Trung ương.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị, tổ chức cuộc bầu cử; tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử theo thẩm quyền; kịp thời gửi báo cáo đến Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ để tổng

hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình công tác chuẩn bị, triển khai và tổ chức cuộc bầu cử, trong ngày bầu cử theo tiến độ từng giai đoạn của cuộc bầu cử, bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 thành công tốt đẹp.

KT. THỦ TƯỚNG
Phó Thủ tướng

(Đã ký)

Nguyễn Hòa Bình

5. NGHỊ QUYẾT SỐ 101/2025/UBTVQH15 NGÀY 26/9/2025 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

- Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I
TỔ CHỨC HỘI NGHỊ CỬ TRI LẤY Ý KIẾN ĐỐI VỚI NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 1. Tổ chức hội nghị cử tri nơi công tác

1. Hội nghị cử tri nơi công tác để lấy ý kiến nhận xét và bày tỏ sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức ở nơi người ứng cử đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp người ứng cử có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì tổ chức lấy ý kiến của cử tri nơi người đó công tác hoặc làm việc thường xuyên.

2. Thẩm quyền chủ trì và triệu tập hội nghị cử tri nơi công tác được thực hiện như sau:

a) Người ứng cử đang công tác chuyên trách tại cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức triệu tập và chủ trì hội nghị. Đối với người ứng cử đang là cán bộ làm công tác Đảng chuyên trách tại Đảng ủy Quốc hội thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này;

b) Người ứng cử đang là Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội; đang công tác tại Thường trực Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các vụ chuyên môn thuộc Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; đang công tác tại Văn phòng Quốc hội; đang làm công tác Đảng chuyên trách tại Đảng ủy Quốc hội thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, chỉ đạo Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Văn phòng Quốc hội triệu tập và chủ trì hội nghị;

c) Người ứng cử đang là Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, đang công tác tại Văn phòng Chủ tịch nước thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Văn phòng Chủ tịch nước triệu tập và chủ trì hội nghị;

d) Người ứng cử đang là Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Văn phòng Chính phủ triệu tập và chủ trì hội nghị;

đ) Người ứng cử đang công tác tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác của Nhà nước thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị;

e) Người ứng cử đang hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đang công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban

lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh triệu tập và chủ trì hội nghị;

g) Người ứng cử đang là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triệu tập và chủ trì hội nghị.

Người ứng cử đang công tác tại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo gồm người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị;

h) Người ứng cử đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi làm việc do người đứng đầu đơn vị, tổ chức phối hợp với Ban chấp hành công đoàn (nếu có) triệu tập và chủ trì hội nghị;

i) Người ứng cử đang công tác tại các đơn vị vũ trang nhân dân thì việc tổ chức hội nghị quân nhân để lấy ý kiến do lãnh đạo, chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị;

k) Người ứng cử đang công tác tại Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác được thực hiện tại hội nghị liên tịch giữa Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Người đứng đầu Đảng ủy cấp xã triệu tập và chủ trì hội nghị.

3. Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là người ứng cử thì cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với Ban chấp hành công đoàn (nếu có) triệu tập và chủ trì hội nghị.

4. Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là hai phần ba tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại diện cử tri và phải bảo đảm có ít

nhất là 70 cử tri tham dự hội nghị. Tùy đặc điểm, tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với Ban chấp hành công đoàn (nếu có) phân bổ số lượng người để các đơn vị trực thuộc cử đại diện tham dự.

5. Trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai mà không thể tổ chức hội nghị trực tiếp thì tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đối với người ứng cử đến cử tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến được thực hiện như sau:

a) Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định việc tổ chức hội nghị trực tuyến, tổ chức phát phiếu lấy ý kiến khi mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai trong phạm vi toàn quốc; Ủy ban bầu cử cấp tỉnh quyết định việc tổ chức hội nghị trực tuyến, tổ chức phát phiếu lấy ý kiến khi mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai trong phạm vi địa phương mình (toàn tỉnh, thành phố hoặc ở từng xã, phường, đặc khu).

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cấp ủy cùng cấp thống nhất tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc phát phiếu lấy ý kiến đến cử tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thành phần, số lượng cử tri được mời tham dự hội nghị trực tuyến hoặc phát phiếu lấy ý kiến phải bảo đảm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị bố trí hệ thống họp trực tuyến bảo đảm điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thông báo nội dung, thời gian, cách thức tổ chức hội nghị trực tuyến tới cử tri.

Nội dung, biên bản và thủ tục tổ chức hội nghị trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị quyết này. Tại hội nghị trực tuyến, chủ trì hội nghị quyết định hình thức biểu quyết phù hợp (giơ tay hoặc tạo bình chọn để cử tri biểu quyết trực tuyến); cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 thành viên trong số những người trực tiếp tham dự hội nghị. Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu (theo Mẫu số 06/BBKP kèm theo Nghị quyết này);

c) Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với Ban chấp hành công đoàn (nếu có) tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đối với người ứng cử đến cử

tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc phát phiếu lấy ý kiến phải được công khai thông tin đến cử tri trước ngày tổ chức phát phiếu lấy ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến (theo Mẫu số 07/PLYK kèm theo Nghị quyết này) được cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng dấu treo ở phía trên bên trái của từng phiếu. Khi phát phiếu lấy ý kiến phải kèm theo tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với Ban chấp hành công đoàn (nếu có) thành lập Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 thành viên, gồm đại diện các phòng, ban, đơn vị, tổ, bộ phận chuyên môn; phân công 01 thành viên làm Tổ trưởng, 01 thành viên làm thư ký Tổ kiểm phiếu.

Tổ kiểm phiếu gửi phiếu lấy ý kiến đến từng cử tri; thu phiếu theo thời hạn đã được ấn định ghi trên phiếu. Trong quá trình kiểm phiếu, Tổ kiểm phiếu mời 02 cử tri chứng kiến việc kiểm phiếu. Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu (theo Mẫu số 06/BBKP kèm theo Nghị quyết này).

Cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi biên bản (theo Mẫu số 05/HNCT kèm theo Nghị quyết này) kèm biên bản kiểm phiếu đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

6. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được mời tham dự hội nghị.

Điều 2. Tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú

1. Hội nghị cử tri nơi cư trú để lấy ý kiến nhận xét và bày tỏ sự tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử thường trú hoặc tạm trú. Trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì tổ chức hội nghị cử tri tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử đang sinh sống.

Trường hợp người ứng cử cư trú tại nhà chung cư chưa có tổ dân phố thì tổ chức hội nghị cử tri tại nhà chung cư nơi người đó sinh sống để lấy ý kiến đối với người ứng cử.

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì hội nghị.

Trưởng Ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập danh sách và mời cử tri đến dự hội nghị. Trường hợp tổ chức hội

nghị cử tri tại nhà chung cư chưa có tổ dân phố thì Trưởng Ban công tác Mặt trận phối hợp với Ban quản trị nhà chung cư (nếu có) lập danh sách và mời cử tri cư trú tại tòa nhà chung cư hoặc cụm nhà chung cư đến dự hội nghị.

Trường hợp tổ chức hội nghị cử tri tại nhà chung cư chưa có Tổ dân phố, chưa có Ban công tác Mặt trận thì Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và Ban quản trị nhà chung cư (nếu có) chủ trì hội nghị.

3. Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là 50% tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là 55 cử tri tham dự hội nghị.

4. Trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai mà không thể tổ chức hội nghị trực tiếp thì tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đối với người ứng cử đến cử tri tại nơi cư trú. Việc tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến được thực hiện như sau:

a) Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định việc tổ chức hội nghị trực tuyến, tổ chức phát phiếu lấy ý kiến khi mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai trong phạm vi toàn quốc; Ủy ban bầu cử cấp tỉnh quyết định việc tổ chức hội nghị trực tuyến, tổ chức phát phiếu lấy ý kiến khi mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai trong phạm vi địa phương mình (toàn tỉnh, thành phố hoặc ở từng xã, phường, đặc khu, thôn, tổ dân phố).

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền và điều kiện, tình hình thực tế ở địa phương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã báo cáo cấp ủy cùng cấp, trao đổi, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương lựa chọn hình thức tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc phát phiếu lấy ý kiến và tổ chức thực hiện.

Thành phần, số lượng cử tri được mời tham dự hội nghị trực tuyến hoặc phát phiếu lấy ý kiến phải bảo đảm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan bố trí

hệ thống họp trực tuyến bảo đảm điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; thông báo nội dung, thời gian, cách thức tổ chức hội nghị trực tuyến tới cử tri; tuyên truyền, vận động cử tri tham dự hội nghị.

Nội dung, biên bản và thủ tục tổ chức hội nghị trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị quyết này. Tại hội nghị trực tuyến, người chủ trì hội nghị quyết định hình thức biểu quyết phù hợp (giơ tay hoặc tạo bình chọn để cử tri biểu quyết trực tuyến); cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 thành viên trong số những người trực tiếp tham dự hội nghị. Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản (theo Mẫu số 06/BBKP kèm theo Nghị quyết này);

c) Theo hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức phát phiếu lấy ý kiến. Việc phát phiếu lấy ý kiến phải được công khai thông tin bằng hình thức niêm yết tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố, thông báo qua hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố trước ngày tổ chức phát phiếu lấy ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến (theo Mẫu số 07/PLYK kèm theo Nghị quyết này) được Ủy ban nhân dân cấp xã đóng dấu treo ở phía trên bên trái của từng phiếu. Khi phát phiếu lấy ý kiến phải kèm theo tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử.

Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thành lập Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 thành viên, gồm: đại diện thôn, tổ dân phố, đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, đại diện tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố. Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố là Tổ trưởng, phân công 01 thành viên Tổ kiểm phiếu làm thư ký.

Tổ kiểm phiếu gửi phiếu lấy ý kiến đến từng cử tri đối với nơi có dưới 100 cử tri hoặc đến cử tri đại diện hộ gia đình đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều này; thu phiếu theo thời hạn đã được ấn định ghi trên phiếu. Trong quá trình kiểm phiếu, Tổ kiểm phiếu mời 02 cử tri chứng kiến việc kiểm phiếu. Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu (theo Mẫu số 06/BBKP kèm theo Nghị quyết này).

Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố lập biên bản (theo Mẫu số 05/HNCT kèm theo Nghị quyết này) kèm biên bản kiểm phiếu gửi về Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương.

Trường hợp tại nhà chung cư chưa có Tổ dân phố, chưa có Ban công tác Mặt trận thì Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức việc phát phiếu lấy ý kiến và thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm này.

5. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố đã giới thiệu người ứng cử được mời tham dự hội nghị.

Điều 3. Nội dung và biên bản hội nghị cử tri

1. Tại hội nghị cử tri nơi công tác và hội nghị cử tri nơi cư trú, cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân để nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người ứng cử.

2. Biên bản hội nghị cử tri phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị; trong đó, phải ghi rõ tổng số cử tri được triệu tập, số lượng cử tri có mặt, ý kiến phát biểu và sự tín nhiệm của cử tri đối với từng người ứng cử.

3. Việc gửi biên bản hội nghị thực hiện như sau:

a) Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi cùng biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức;

b) Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi cùng biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức;

c) Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác lấy ý kiến về người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi cùng biên bản hội

nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác nhận xét về người được giới thiệu ứng cử đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức;

Biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận xét về người được giới thiệu ứng cử nêu tại các điểm a, b, c khoản này được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết liên tịch hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

d) Biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương giới thiệu phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri;

đ) Biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến về người tự ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri;

e) Biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến về người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

Điều 4. Trình tự tổ chức hội nghị cử tri

1. Người chủ trì hội nghị tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu dự hội nghị. Người chủ trì có trách nhiệm sau đây:

a) Giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị;

b) Giới thiệu Thư ký hội nghị để hội nghị quyết định;

c) Báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt;

d) Giới thiệu danh sách người ứng cử;

đ) Đọc tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội (đối với hội nghị cử tri lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội), tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 5 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (đối với hội nghị cử tri lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân) và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Thư ký hội nghị đọc tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử.

3. Cử tri phát biểu ý kiến đối với từng người ứng cử.

4. Người ứng cử phát biểu.

5. Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử phát biểu ý kiến.

6. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 thành viên.

7. Hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người ứng cử.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu lấy ý kiến của cử tri nơi công tác phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc Ban chấp hành công đoàn (nếu có); phiếu lấy ý kiến của cử tri nơi cư trú phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu lấy ý kiến ghi rõ họ và tên người ứng cử (theo Mẫu số 07/PLYK kèm theo Nghị quyết này).

8. Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu (theo Mẫu số 06/BBKP kèm theo Nghị quyết này). Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết.

9. Hội nghị thông qua biên bản hội nghị cử tri (hội nghị cử tri nơi công tác theo Mẫu số 01/HNCT, hội nghị cử tri nơi cư trú theo Mẫu số 02/HNCT, hội nghị cử tri bằng hình thức trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến theo Mẫu số 05/HNCT kèm theo Nghị quyết này).

Chương II
GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 5. Nội dung, trình tự dự kiến người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

1. Trưởng Ban công tác Mặt trận phối hợp với Chi hội trưởng các đoàn thể họp với Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố để dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã theo thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần.

2. Trưởng Ban công tác Mặt trận triệu tập và chủ trì hội nghị gồm toàn bộ thành viên của Ban công tác Mặt trận để thảo luận, dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

3. Trình tự tổ chức hội nghị được thực hiện như sau:

a) Trưởng Ban công tác Mặt trận giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị, cử Thư ký hội nghị và đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 5 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Trưởng Ban công tác Mặt trận nêu dự kiến người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã;

c) Hội nghị thảo luận và nhận xét về người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

d) Trưởng Ban công tác Mặt trận tổng hợp ý kiến và kết luận hội nghị;

đ) Hội nghị thông qua biên bản hội nghị (theo Mẫu số 03/HNMT kèm theo Nghị quyết này).

Điều 6. Hội nghị cử tri giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

1. Trưởng Ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố gửi giấy mời tham dự hội nghị cử tri giới thiệu người của

thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Thành phần mời dự hội nghị gồm:

a) Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là 50% tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là 55 cử tri tham dự hội nghị;

b) Toàn thể thành viên Ban công tác Mặt trận;

c) Trưởng thôn, Phó trưởng thôn hoặc Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố;

d) Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

2. Trình tự tổ chức hội nghị cử tri được thực hiện như sau:

a) Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban công tác Mặt trận chủ trì hội nghị cử tri, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu dự hội nghị; giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị; giới thiệu Thư ký hội nghị để hội nghị quyết định; báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt;

b) Người chủ trì hội nghị đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử; đọc tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 5 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

c) Đại diện Ban công tác Mặt trận đọc danh sách do Ban công tác Mặt trận dự kiến những người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Cử tri có thể giới thiệu thêm người ứng cử để hội nghị xem xét;

d) Hội nghị thảo luận về những người được giới thiệu ứng cử;

đ) Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 thành viên;

e) Hội nghị quyết định biểu quyết danh sách chính thức những người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người được giới thiệu ứng cử.

Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thi phiếu lấy ý kiến của cử tri phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc dấu của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu lấy ý kiến ghi rõ họ và tên người ứng cử (theo Mẫu số 08/PLYK kèm theo Nghị quyết này).

Người được giới thiệu ứng cử là người được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm. Trường hợp có nhiều người cùng được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm thì người được giới thiệu ứng cử được xác định theo kết quả biểu quyết tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng được phân bổ; trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì người chủ trì hội nghị lập danh sách những người đó để hội nghị biểu quyết lại và lấy người có kết quả biểu quyết cao hơn mà không cần phải đạt trên 50% tổng số cử tri có mặt. Trường hợp biểu quyết lại mà kết quả biểu quyết vẫn ngang nhau thì việc có biểu quyết tiếp hay không do hội nghị quyết định;

g) Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu (theo Mẫu số 06/BBKP kèm theo Nghị quyết này). Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết;

h) Hội nghị thông qua biên bản hội nghị (theo Mẫu số 04/HNCT kèm theo Nghị quyết này).

3. Trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai mà không thể tổ chức hội nghị trực tiếp thì tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Việc tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến được thực hiện như sau:

Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định việc tổ chức hội nghị trực tuyến, tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đối với người ứng cử đến cử tri tại nơi cư trú khi mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai trong phạm vi toàn quốc; Ủy ban bầu cử cấp tỉnh quyết định việc tổ chức hội nghị trực tuyến, tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đối với người ứng cử đến cử tri tại nơi cư trú khi mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai trong phạm vi địa phương mình (toàn tỉnh, thành phố hoặc ở từng xã, phường, thôn, tổ dân phố).

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền và điều kiện, tình hình thực tế ở địa phương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

báo cáo cấp ủy cùng cấp, trao đổi, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương lựa chọn hình thức tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc phát phiếu lấy ý kiến và tổ chức thực hiện.

Thành phần, số lượng cử tri được mời tham dự hội nghị trực tuyến hoặc phát phiếu lấy ý kiến phải bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều này.

Việc tổ chức hội nghị trực tuyến và thủ tục phát phiếu lấy ý kiến được thực hiện theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết này.

Chương III
HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TRONG BẦU CỬ BỔ SUNG

Điều 7. Công tác hiệp thương, giới thiệu người ứng cử trong bầu cử bổ sung

Việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử trong bầu cử bổ sung đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức và thực hiện theo quy định tại Mục 2 và Mục 3 Chương V của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn có liên quan. Thời gian tiến hành hiệp thương, giới thiệu người ứng cử trong bầu cử bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này.

Điều 8. Thời gian tiến hành hiệp thương, giới thiệu người ứng cử trong bầu cử bổ sung

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức chậm nhất là 20 ngày trước ngày bầu cử bổ sung.

2. Sau hội nghị hiệp thương lần thứ nhất, cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố được phân bổ số lượng người giới thiệu ứng cử tiến hành lựa chọn, giới thiệu người ứng cử chậm nhất là 19 ngày trước ngày bầu cử bổ sung.

3. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai để thỏa thuận lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức chậm nhất là 16 ngày trước ngày bầu cử bổ sung.

4. Việc tổ chức hội nghị cử tri lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú và nơi công tác (nếu có) về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại

biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện chậm nhất là 14 ngày trước ngày bầu cử bổ sung.

5. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba để lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức chậm nhất là 12 ngày trước ngày bầu cử bổ sung.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

2. Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết này, nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Ủy ban Thường vụ Quốc hội để kịp thời hướng dẫn.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Phiên họp thứ 49 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2025.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
Chủ tịch

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung)

Mẫu số 01/HNCT

(1)……..……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỬ TRI NƠI CÔNG TÁC (NƠI LÀM VIỆC) LẤY Ý KIẾN NHẬN XÉT ĐỐI VỚI NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Hồi…. giờ…… ngày…. tháng…… năm……., tại (2) ……, đã tiến hành hội nghị cử tri tại (1)…….. để nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người của cơ quan, tổ chức, đơn vị (3)……

- Họ và tên người chủ trì hội nghị:……Chức vụ ……

- Họ và tên thư ký hội nghị: …….. Chức vụ ……

1. Thành phần hội nghị gồm:

+ ……

+ ……

+ ……

- Tổng số cử tri (trong cơ quan/tổ chức/đơn vị) được mời: ……

- Tổng số cử tri có mặt tại hội nghị: ……..

2. Họ và tên người của cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử/người tự ứng cử:

1 ……

2 ……

3 ……

3. Ý kiến nhận xét của cử tri đối với từng người được giới thiệu ứng cử/người tự ứng cử:

1 ……

2 ……

3 ……

4. Hội nghị đã quyết định biểu quyết thể hiện sự tín nhiệm đối với người được giới thiệu ứng cử/người tự ứng cử bằng hình thức …… (4)

Kết quả tín nhiệm của cử tri đối với từng người được giới thiệu ứng cử/người tự ứng cử như sau:

1 ……

2 ……

3 ……

Những vụ việc do cử tri nêu đối với từng người được giới thiệu ứng cử/người tự ứng cử cần phải xác minh (nếu có) (5) ……

Hội nghị kết thúc hồi:…… giờ …… cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ	CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ
(ký tên)	*(ký tên, đóng dấu)*
(ghi rõ họ tên)	*(ghi rõ chức vụ và họ tên)*

Ghi chú:

Mẫu số 01/HNCT áp dụng đối với hội nghị cử tri nơi công tác để lấy ý kiến nhận xét về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử hoặc người tự ứng cử.

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(3) Ghi rõ "người được giới thiệu ứng cử hoặc người tự ứng cử đại biểu Quốc hội khóa…." hoặc "đại biểu Hội đồng nhân dân cấp….. nhiệm kỳ…….. " tùy theo từng trường hợp.

(4) Bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

(5) Ghi rõ các vụ việc đối với từng người được giới thiệu ứng cử hoặc người tự ứng cử.

(*) Biên bản này phải được gửi kèm theo biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương trước khi hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức.

Mẫu số 02/HNCT

(1)……..……. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỬ TRI LẤY Ý KIẾN CỬ TRI NƠI CƯ TRÚ

Hồi.... giờ... ngày.... tháng..... năm……., tại (2) ……..……, đã tiến hành hội nghị cử tri nơi cư trú để nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội/đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Họ và tên người chủ trì hội nghị:…… ... Chức vụ ……

- Họ và tên thư ký hội nghị:…… Chức vụ ……

1. Thành phần hội nghị gồm:

+ ……

+ ……

+ ……

- Tổng số cử tri (trong thôn/tổ dân phố) được mời: ……

- Tổng số cử tri có mặt tại hội nghị: …….

2. Họ và tên người ứng cử:

1 ……

2 ……

3 ……

3. Ý kiến nhận xét của cử tri đối với từng người ứng cử:

1 ……

2 ……

3 ……

4. Hội nghị đã quyết định biểu quyết bày tỏ sự tín nhiệm đối với người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức ……(3)

Kết quả tín nhiệm của cử tri đối với từng người ứng cử như sau:

1 ……

2 ……

3 ……

Những vụ việc do cử tri nêu đối với từng người ứng cử cần phải xác minh (nếu có) (4) ……

Hội nghị kết thúc hồi:……. giờ……. cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ	CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ
(ký tên)	*(ký tên, đóng dấu)*
(ghi rõ họ tên)	*(ghi rõ chức vụ và họ tên)*

Ghi chú:

Mẫu số 02/HNCT được áp dụng đối với hội nghị cử tri nơi cư trú để lấy ý kiến đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (theo quy định tại Điều 45 và Điều 54 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, bao gồm cả người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử).

(1) Tên xã/phường/đặc khu nơi người ứng cử cư trú.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị (ghi rõ tên thôn, tổ dân phố đối với hội nghị cử tri nơi cư trú).

(3) Bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

(4) Ghi rõ các vụ việc đối với từng người được giới thiệu ứng cử hoặc người tự ứng cử.

(*) Biên bản này phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

Mẫu số 03/HNMT

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ/ PHƯỜNG/ ĐẶC KHU (1)…… **BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN THÔN/TỔ DÂN PHỐ** (2)…….	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày…… tháng…… năm……*

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN DỰ KIẾN GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ

Hồi…. giờ…. ngày…. tháng…… năm……, tại (3) …… Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố (2)…….. tiến hành hội nghị Ban công tác Mặt trận để thảo luận việc dự kiến giới thiệu người để đưa ra hội nghị cử tri của thôn, tổ dân phố giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/đặc khu (1) …….

1. Tổng số người được triệu tập:…… người.

Số người có mặt:…… người, vắng…….. người có lý do.

2. Hội nghị nghe Thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã/phường/đặc khu (1)…… phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần người của thôn/tổ dân phố (2)…… được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Nghe ông (bà)……, Trưởng ban công tác Mặt trận nêu dự kiến giới thiệu người để đưa ra hội nghị cử tri của thôn, tổ dân phố giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Căn cứ tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 5 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, hội nghị thảo luận, nhận xét và biểu thị sự tín nhiệm đối với những người được giới thiệu ứng cử như sau:

1 …… 2 …… 3 ……	*(Ghi họ tên và ý kiến nhận xét đối với từng người tại hội nghị)*

Hội nghị nhất trí dự kiến danh sách các ông (bà) có tên sau đây để đưa ra hội nghị cử tri của thôn, tổ dân phố giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/đặc khu (1) …… nhiệm kỳ (4) ……

1 ……

2 ……

3 ……

Hội nghị kết thúc hồi……. giờ…. cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ	TM. BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN
(Ký tên)	**Trưởng ban**
(Ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	(Đóng dấu xác nhận của UBMTTQVN cấp xã)

Ghi chú:

(1) Tên gọi của đơn vị hành chính cấp xã.

(2) Tên gọi của thôn, tổ dân phố hoặc tương đương.

(3) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(4) Ghi rõ nhiệm kỳ của HĐND cấp xã.

(*) Biên bản này gửi cùng với biên bản hội nghị cử tri giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Mẫu số 04/HNCT

THÔN/TỔ DÂN PHỐ
(1)……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỬ TRI GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU (2)..... NHIỆM KỲ (3).....

Hồi…. giờ…. ngày…… tháng năm……, thôn/tổ dân phố (1)……. đã tiến hành hội nghị giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ (3)……. theo Thông báo số ……TB/MTTQ ngày…. tháng ….. năm…… của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã/phường/đặc khu (2)……. về việc phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Họ và tên người chủ trì hội nghị:……. Chức vụ.……

- Họ và tên thư ký hội nghị:…… Chức vụ……

1. Thành phần hội nghị gồm:

+ ……..

+ ……..

- Tổng số cử tri được mời: ……..

- Tổng số cử tri có mặt tại hội nghị: ……..

2. Hội nghị đã giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/đặc khu (2)……., nhiệm kỳ (3)……. :

1 ……..

2 ……..

3 ……..

3. Nhận xét của hội nghị đối với từng người như sau: (ghi tóm tắt ưu, khuyết điểm theo tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân)

1 ……

2 ……..……..……..……..

3 ……..……..……..……..

4. Hội nghị đã quyết định biểu quyết về danh sách người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân bằng hình thức ……..(4)

5. Hội nghị nhất trí giới thiệu những người có tên sau đây để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã/phường/đặc khu (2)……. hiệp thương lựa chọn, giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp (kèm theo danh sách trích ngang):

1 ……..……..……..……..

2 ……..……..……..……..

3 ……..……..……..……..

Hội nghị kết thúc hồi……. giờ…… cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ	CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ
(ký tên)	*(ký tên)*
(ghi rõ họ tên)	*(ghi rõ chức vụ và họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên thôn, tổ dân phố và tương đương.

(2) Tên đơn vị hành chính cấp xã.

(3) Ghi rõ nhiệm kỳ của HĐND cấp xã.

(4) Bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.

(*) Biên bản này được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ngay sau khi kết thúc hội nghị.

Mẫu số 05/HNCT

(1)……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỬ TRI LẤY Ý KIẾN CỬ TRI (2)..... BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN HOẶC TỔ CHỨC PHÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Hồi.... giờ... ngày..... tháng..... năm……., tại (3)……, đã tiến hành hội nghị cử tri (2)…… bằng hình thức trực tuyến hoặc phát phiếu lấy ý kiến để nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội/đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Họ và tên người chủ trì hội nghị:……. Chức vụ ……

- Họ và tên thư ký hội nghị:…….. Chức vụ ……

1. Thành phần hội nghị gồm:

+ ……

+ ……

+ ……

- Tổng số cử tri (trong cơ quan/tổ chức/đơn vị hoặc thôn/tổ dân phố) được mời tham dự hội nghị trực tuyến/phát phiếu lấy ý kiến: ……

- Tổng số cử tri có mặt tại hội nghị trực tuyến/tổng số phiếu thu về ……

2. Họ và tên người ứng cử:

1 ……

2 ……

3 ……

3. Ý kiến nhận xét của cử tri đối với từng người ứng cử:

1 ……

2 ……

3 ……

4. Kết quả tín nhiệm của cử tri đối với từng người được giới thiệu ứng cử:

1 ……

2 ……

3 ……

Những vụ việc do cử tri nêu đối với từng người ứng cử cần phải xác minh (nếu có) (4) ……

Hội nghị kết thúc hồi:……. giờ……. cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ (5)	CHỦ TRÌ HỘI NGHỊ (6)
(ký tên)	*(ký tên, đóng dấu)*
(ghi rõ họ tên)	*(ghi rõ chức vụ và họ tên)*

Ghi chú:

Mẫu số 05/HNCT áp dụng đối với hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi cư trú được tổ chức bằng hình thức trực tuyến hoặc phát phiếu để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (theo quy định tại Điều 45 và Điều 54 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân).

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử đang công tác (nếu có) hoặc tên xã/phường/đặc khu nơi người ứng cử cư trú.

(2) Ghi rõ "NƠI CƯ TRÚ" hoặc "NƠI CÔNG TÁC".

(3) Địa điểm tổ chức hội nghị (ghi rõ nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị đặt trụ sở đối với hội nghị cử tri nơi công tác hoặc tên thôn, tổ dân phố đối với hội nghị cử tri nơi cư trú) hoặc nơi phát phiếu lấy ý kiến.

(4) Ghi rõ các vụ việc đối với từng người ứng cử.

(5) Thư ký hội nghị hoặc thư ký tổ phát phiếu.

(6) Chủ trì Hội nghị hoặc Trưởng Ban công tác mặt trận khu dân cư, tổ dân phố.

(*) Biên bản này phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri hoặc kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến.

Mẫu số 06/BBKP

……(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
VỀ VIỆC .....

Hôm nay, vào hồi.... giờ ..... phút,.... ngày.... tháng.... năm..., tại (2)…….. tổ chức hội nghị cử tri để (3)……. đối với ông/bà (4)……

Tổ kiểm phiếu gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông (bà) …… Tổ trưởng.

2. Ông (bà) …… Thành viên.

3. Ông (bà) …… Thành viên.

……..

Đại diện cử tri chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông (bà) ……

2. Ông (bà) ……..

- Thời gian phát phiếu: ……

- Thời hạn thu phiếu: ……..

Kết quả kiểm phiếu như sau:

- Tổng số cử tri trong cơ quan/tổ chức/đơn vị hoặc xã/phường/đặc khu: ……

- Số phiếu phát ra: …… phiếu, chiếm tỷ lệ.....%

- Số phiếu thu về: ……. phiếu, chiếm tỷ lệ.....%

- Số phiếu hợp lệ: …… phiếu, chiếm tỷ lệ.....%

- Số phiếu không hợp lệ: …… phiếu, chiếm tỷ lệ.....%

Kết quả cụ thể:

(1) ……

(2) ……

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ kiểm phiếu và 02 người chứng kiến việc kiểm phiếu.

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU	CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

ĐẠI DIỆN CỬ TRI CHỨNG KIẾN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Mẫu số 06/BBKP được áp dụng chung cho các hội nghị.

(1) Tên gọi của cơ quan/tổ chức/đơn vị hoặc xã/phường/đặc khu (Đóng dấu treo).

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị/hình thức tổ chức hội nghị.

(3) Mục đích tổ chức hội nghị (để lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc hoặc để giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã...).

(4) Ghi rõ "đại biểu Quốc hội khóa " hoặc "đại biểu Hội đồng nhân dân cấp.... nhiệm kỳ....." tùy theo từng trường hợp.

Mẫu số 07/PLYK

(1)……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

…, ngày… tháng…. năm ….

PHIẾU LẤY Ý KIẾN (2)

Căn cứ Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung,

Đề nghị ông/bà thể hiện sự tín nhiệm của mình đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa …, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ….. có tên dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô tương ứng và gửi lại Tổ phát phiếu, kiểm phiếu tại hội nghị (trường hợp tổ chức hội nghị) hoặc *trước…. giờ ngày…tháng….năm…..* (trường hợp phát phiếu lấy ý kiến):

Stt	Họ và tên (3)	Chức vụ công tác	Tín nhiệm	Không tín nhiệm
1				
2				
3				

*** Ý kiến khác:**

……

……

Ghi chú:

(1) Tên gọi của cơ quan/tổ chức/đơn vị hoặc xã/phường/đặc khu (Đóng dấu treo).

(2) Phiếu lấy ý kiến được sử dụng tại hội nghị cử tri nơi công tác, hội nghị cử tri nơi cư trú và trong trường hợp phát phiếu lấy ý kiến.

(3) Nếu có nhiều người ứng cử thì ghi rõ họ và tên của những người ứng cử, xếp theo vần chữ cái A, B, C…

Mẫu số 08/PLYK

(1)……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

…, ngày… tháng…. năm ….

PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Căn cứ Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung.

Đề nghị ông/bà thể hiện sự tín nhiệm của mình đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ…. có tên dưới đây bằng cách gạch tên người được giới thiệu ứng cử mà mình không tín nhiệm.

Stt	Họ và tên	Chức vụ công tác
1		
2		
3		
…		

Ghi chú:

(1) Tên gọi của cơ quan/tổ chức/đơn vị hoặc xã/phường/đặc khu (Đóng dấu treo).

6. NGHỊ QUYẾT SỐ 106/2025/UBTVQH15 NGÀY 16/10/2025 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Quy định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban, Ủy viên hoạt động chuyên trách của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là cấp tỉnh); số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu nơi tổ chức cấp chính quyền địa phương (sau đây gọi là cấp xã); việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này áp dụng đối với Hội đồng nhân dân tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã.

2. Các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã hình thành sau sắp xếp quy định tại Nghị quyết này bao gồm:

a) Các đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp quy định tại Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

b) Các đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp quy định tại các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của các tỉnh, thành phố năm 2025.

3. Các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã không thực hiện sắp xếp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương II
SỐ LƯỢNG PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, PHÓ TRƯỞNG BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP XÃ

Điều 3. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như sau:

1. Thành phố hình thành do sắp xếp 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 04 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

2. Thành phố hình thành do sắp xếp 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 03 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

3. Tỉnh hình thành sau sắp xếp có không quá 03 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

4. Đơn vị hành chính cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp có không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Điều 4. Số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Số lượng Phó Trưởng Ban của Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được quy định như sau:

a) Tỉnh, thành phố hình thành do sắp xếp 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 04 Phó Trưởng Ban;

b) Tỉnh, thành phố hình thành do sắp xếp 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh có không quá 03 Phó Trưởng Ban.

2. Số lượng Phó Trưởng Ban của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp được quy định như sau:

a) Trường hợp Ban Dân tộc được thành lập trên cơ sở Ban Dân tộc đã có của 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp thì có không quá 04 Phó Trưởng Ban;

b) Trường hợp Ban Dân tộc được thành lập trên cơ sở Ban Dân tộc đã có của 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp thì có không quá 03 Phó Trưởng Ban;

c) Trường hợp Ban Dân tộc được thành lập trên cơ sở Ban Dân tộc đã có của 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh trước sắp xếp thì có không quá 02 Phó Trưởng Ban.

3. Ban Đô thị của Hội đồng nhân dân thành phố hình thành sau sắp xếp có không quá 02 Phó Trưởng Ban.

4. Ở đơn vị hành chính cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp, mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có không quá 02 Phó Trưởng Ban.

Điều 5. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã

Hội đồng nhân dân cấp xã có 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Điều 6. Số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã

1. Mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã được tính bình quân 02 Phó Trưởng Ban.

2. Căn cứ quy mô diện tích tự nhiên, dân số, phân loại đơn vị hành chính, phân loại đô thị, quy mô kinh tế, tình hình thực tiễn của địa phương và định hướng của Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân ở từng đơn vị hành chính cấp xã, bảo đảm tổng số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã của tỉnh, thành phố không vượt quá tổng số lượng tính theo khung bình quân quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III
VIỆC BỐ TRÍ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP XÃ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN TRÁCH

Điều 7. Nguyên tắc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách đối với các chức danh sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

c) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân;

d) Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân;

đ) Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân cấp xã có thể bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách đối với các chức danh sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

c) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân;

d) Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân.

3. Việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định của Nghị quyết này và quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Trường hợp bố trí Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này giảm tương ứng 01 người.

5. Trường hợp bố trí Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã quy định tại Điều 4 và Điều 6 của Nghị quyết này giảm tương ứng 01 người.

Điều 8. Việc bố trí Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách

1. Mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được tính bình quân 01 Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

2. Mỗi Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã được tính bình quân 01 Phó Trưởng Ban là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của từng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, số lượng Phó Trưởng Ban là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân cấp xã của các đơn vị hành chính trực thuộc, bảo đảm không vượt quá tổng số lượng Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và tổng số lượng Phó Trưởng Ban là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã hoạt động chuyên trách tính theo mức bình quân trong toàn tỉnh, thành phố.

4. Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc thực hiện phụ cấp và chế độ, chính sách khác đối với chức danh Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp trong năm 2025 theo Nghị quyết của Quốc hội mà có số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cuối nhiệm kỳ 2021-2026 nhiều hơn số lượng quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết này thì đầu nhiệm kỳ 2026-2031 được giữ nguyên số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội

đồng nhân dân cấp tỉnh như cuối nhiệm kỳ 2021-2026. Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố phải có lộ trình để giảm dần số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để đến tháng 7 năm 2030 thì số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện đúng quy định tại Nghị quyết này, trừ trường hợp cấp có thẩm quyền có quy định khác.

2. Việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, số lượng Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội hoạt động chuyên trách thực hiện theo quy định của Luật Thủ đô.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ 50 thông qua ngày 16 tháng 10 năm 2025.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
Chủ tịch

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn

7. NGHỊ QUYẾT SỐ 107/2025/UBTVQH15 NGÀY 16/10/2025 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

1. Việc xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở mỗi đơn vị hành chính căn cứ vào quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các cơ sở sau đây:

a) Dân số của từng đơn vị hành chính để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu được xác định theo số liệu thống kê dân số tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2025;

b) Việc xác định xã ở miền núi, hải đảo để làm căn cứ xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân xã được bầu căn cứ vào văn bản, quyết định của

cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chịu trách nhiệm xác định xã ở miền núi; Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm xác định xã ở hải đảo để phục vụ cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nội vụ công bố việc xác định xã ở miền núi, hải đảo trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là ngày 01 tháng 11 năm 2025.

2. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách nhiệm kỳ 2026-2031 thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 106/2025/UBTVQH15 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách.

Điều 2. Cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

1. Căn cứ vào số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu, nguyên tắc về việc bảo đảm số dư khi lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cùng cấp, dự kiến cụ thể cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình, các đơn vị hành chính cấp dưới và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

2. Căn cứ vào số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu, nguyên tắc về việc bảo đảm số dư khi lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã sau khi thống nhất ý kiến với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cùng cấp, dự kiến cụ thể cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và thôn, làng,

ấp, bản buôn, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khóm (sau đây gọi chung là tổ dân phố) và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

3. Việc dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị hành chính phải bảo đảm dân chủ, công tâm, khách quan, minh bạch; chú trọng tới chất lượng, lựa chọn đại biểu là những người tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức, uy tín, trí tuệ; đồng thời bảo đảm cơ cấu hợp lý về số đại biểu là người đang công tác trong tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới (đối với cấp tỉnh), các thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) và các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn; tăng số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách; có tỷ lệ hợp lý đại biểu đại diện các tôn giáo, dân tộc, giới tính, độ tuổi, các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân và các hiệp hội, nghiệp đoàn trong sản xuất, kinh doanh và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Bảo đảm tỷ lệ hợp lý người ứng cử đại biểu là người dân tộc thiểu số trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và tình hình cụ thể của từng địa phương và phấn đấu đạt tỷ lệ trúng cử theo dự kiến;

b) Người ứng cử đại biểu là phụ nữ, bảo đảm đạt tỷ lệ ít nhất 35% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp; phấn đấu đạt tỷ lệ trúng cử khoảng 30% tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

c) Người ứng cử đại biểu là người ngoài Đảng, phấn đấu đạt tỷ lệ không dưới 10% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

d) Người ứng cử là người trẻ tuổi (dưới 40 tuổi), phấn đấu đạt tỷ lệ không dưới 15% trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp;

đ) Đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 tái cử, phấn đấu đạt tỷ lệ không dưới 30% ở từng cấp.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

2. Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

3. Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố và các đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Phiên họp thứ 50 thông qua ngày 16 tháng 10 năm 2025.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
Chủ tịch

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn

8. NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH SỐ 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN NGÀY 26/9/2025 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI - CHÍNH PHỦ - ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15;

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Nghị quyết liên tịch hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Chương I
TỔ CHỨC HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG LẦN THỨ NHẤT ĐỂ THỎA THUẬN VỀ CƠ CẤU, THÀNH PHẦN, SỐ LƯỢNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Mục 1
VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điều 1. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025.

2. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 2. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

1. Hội nghị cử chủ tọa trong Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đối với hội nghị hiệp thương ở trung ương) hoặc trong Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với hội nghị hiệp thương ở địa phương) và Thư ký hội nghị.

2. Đối với hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương, đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình bày dự kiến về cơ cấu, thành phần, số lượng người của tổ chức chính trị, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân ở trung ương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Đối với hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở địa phương, đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình bày dự kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần, số lượng người của tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân ở địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; chỉ tiêu phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đối với địa phương.

3. Hội nghị thảo luận để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương, ở địa phương; tỷ lệ người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

4. Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở trung ương được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; ở cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 3. Điều chỉnh và hướng dẫn việc giới thiệu người ứng cử

1. Căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất, chậm nhất là ngày 15 tháng 12 năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiến hành điều chỉnh lần thứ nhất về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Văn bản điều chỉnh được gửi ngay đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

2. Trên cơ sở điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ cấu, thành phần, số lượng người của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương có trách nhiệm thông báo đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và hướng dẫn về nội dung, trình tự, thủ tục việc giới thiệu người ứng cử, làm hồ sơ ứng cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi là Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15) và Chương II của Nghị quyết này.

Mục 2
VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 4. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất ở mỗi cấp được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025 do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 50 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 5. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

1. Hội nghị cử chủ tọa trong Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thư ký hội nghị.

2. Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã trình bày dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước cùng cấp và của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp dưới hoặc thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã).

3. Hội nghị thảo luận để thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người giới thiệu ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã); bảo đảm số lượng người ứng cử, tỷ lệ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ, người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

4. Hội nghị thông qua biên bản (theo Mẫu số 01/BCDBHĐND-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương ở cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 6. Điều chỉnh và hướng dẫn việc giới thiệu người ứng cử

1. Căn cứ vào kết quả hiệp thương lần thứ nhất, chậm nhất là ngày 15 tháng 12 năm 2025, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã tiến hành điều chỉnh lần thứ nhất về cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo quy định tại Điều 51 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Văn bản điều chỉnh được gửi ngay đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

2. Trên cơ sở điều chỉnh của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm thông báo đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố được phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn về nội dung, trình tự, thủ tục giới thiệu người ứng cử, làm hồ sơ ứng cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 và Chương II của Nghị quyết này.

Chương II
CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Mục 1
VIỆC GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điều 7. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội

1. Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành trong khoảng thời gian từ ngày 17 tháng 12 năm 2025 đến ngày 25 tháng 01 năm 2026.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội thực hiện việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội theo trình tự sau đây:

a) Tổ chức họp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến người giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội;

b) Tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc (sau đây gọi chung là nơi công tác) đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

c) Trên cơ sở ý kiến nhận xét và tín nhiệm của hội nghị cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử, ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Điều 8. Họp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến người giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội

1. Thành phần dự họp:

a) Ban lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội;

b) Ban lãnh đạo cơ quan đối với cơ quan nhà nước;

c) Ban lãnh đạo tổ chức, đơn vị đối với đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế và Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức, đơn vị (nếu có);

d) Chỉ huy đơn vị đối với đơn vị vũ trang nhân dân;

đ) Thành phần ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác định theo quy chế, điều lệ về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trường hợp quy chế, điều lệ không xác định thành phần ban lãnh đạo thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào quy định về cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị để xác định thành phần ban lãnh đạo.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp:

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân giới thiệu mục đích, yêu cầu của cuộc họp, dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được phân bổ giới thiệu ứng cử, tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội và các bước tiến hành để lập danh sách giới thiệu người ứng cử;

b) Những người dự họp thảo luận về dự kiến giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội để lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi công tác;

c) Thông qua biên bản cuộc họp (theo Mẫu số 02/BCĐBQH-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 9. Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội

1. Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội được tiến hành theo quy định tại các điều 1, 3 và 4 của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15.

2. Biên bản hội nghị được lập theo Mẫu số 01/HNCT (đối với hội nghị tổ chức theo hình thức trực tiếp) hoặc Mẫu số 05/HNCT (đối với hội nghị tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến) ban hành kèm theo Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15.

3. Trường hợp người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị cử tri nơi công tác thì ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức việc giới thiệu người khác.

Trình tự, thủ tục giới thiệu lại người được dự kiến giới thiệu ứng cử được thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

Điều 10. Hội nghị ban lãnh đạo mở rộng của cơ quan, tổ chức, đơn vị để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội

1. Thành phần dự hội nghị:

a) Đối với tổ chức chính trị, thành phần dự hội nghị gồm ban lãnh đạo và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

b) Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, thành phần dự hội nghị gồm Đoàn Chủ tịch, người đứng đầu của tổ chức thành viên (trường hợp không có tổ chức thành viên thì mở rộng tới đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc) hoặc Ban Thường vụ, Ban Thường trực (đối với tổ chức không có Đoàn Chủ tịch) và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc của tổ chức giới thiệu;

c) Đối với cơ quan nhà nước, thành phần dự hội nghị gồm ban lãnh đạo và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

d) Đối với đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, thành phần dự hội nghị gồm ban lãnh đạo, đại diện Ban Chấp hành Công đoàn (nếu có) và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

đ) Đối với đơn vị vũ trang nhân dân, thành phần dự hội nghị gồm chỉ huy đơn vị, đại diện Ban Chấp hành Công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy các đơn vị cấp dưới trực tiếp;

e) Đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị cấp dưới trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này được xác định theo quy chế, điều lệ hoặc quy định về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị:

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân báo cáo tình hình và kết quả hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với từng người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

b) Những người dự hội nghị thảo luận và biểu thị sự tán thành của mình đối với từng người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu giới thiệu phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản (theo Mẫu số 06/BBKPHN ban hành kèm theo Nghị quyết này);

c) Hội nghị thông qua biên bản và danh sách người được giới thiệu ứng cử (theo Mẫu số 03/BCĐBQH-MT và Mẫu số 04/BCĐBQH-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 11. Việc nộp hồ sơ ứng cử của người ứng cử đại biểu Quốc hội và biên bản hội nghị

1. Căn cứ vào kết quả của hội nghị ban lãnh đạo mở rộng, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được lựa chọn, giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội làm hồ sơ ứng cử theo quy định tại Điều 35 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 01 tháng 02 năm 2026, người ứng cử phải hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội.

Việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

3. Việc gửi biên bản hội nghị cử tri nơi công tác và biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 41 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; ở cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thành chậm nhất là ngày 01 tháng 02 năm 2026.

4. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có kết nối với trục liên thông văn bản quốc gia thì biên bản hội nghị cử tri nơi công tác và biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương được gửi qua hệ thống này.

Mục 2
VIỆC GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 12. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã

1. Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành trong khoảng thời gian từ ngày 17 tháng 12 năm 2025 đến ngày 25 tháng 01 năm 2026.

2. Người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở đơn vị hành chính đó.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được dự kiến phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử thực hiện việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo trình tự sau đây:

a) Tổ chức họp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến người giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

c) Trên cơ sở ý kiến nhận xét và tín nhiệm của hội nghị cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử, ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Việc giới thiệu người của thôn, tổ dân phố để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện theo quy định tại Chương II của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15.

Điều 13. Họp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Thành phần dự họp:

a) Ban lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội;

b) Ban lãnh đạo cơ quan đối với cơ quan nhà nước;

c) Ban lãnh đạo tổ chức, đơn vị đối với đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế và Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức, đơn vị (nếu có);

d) Chỉ huy đơn vị đối với đơn vị vũ trang nhân dân;

đ) Thành phần ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác định theo quy chế, điều lệ về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trường hợp quy chế, điều lệ không xác định thành phần ban lãnh đạo thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào quy định về cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị để xác định thành phần ban lãnh đạo.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp:

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân giới thiệu mục đích, yêu cầu của cuộc họp, dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được phân bổ giới thiệu ứng cử, tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân và các bước tiến hành để lập danh sách giới thiệu người ứng cử;

b) Những người dự họp thảo luận về dự kiến giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân để lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri nơi công tác;

c) Thông qua biên bản cuộc họp (theo Mẫu số 02/BCĐBHĐND-MT kèm theo Nghị quyết này).

Điều 14. Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo quy định tại các điều 1, 3 và 4 của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15.

2. Biên bản hội nghị được lập theo Mẫu số 01/HNCT (đối với hội nghị tổ chức theo hình thức trực tiếp) hoặc Mẫu số 05/HNCT (đối với hội nghị tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến) ban hành kèm theo Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15.

3. Trường hợp người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị cử tri nơi công tác thì ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức việc giới thiệu người khác.

Trình tự, thủ tục giới thiệu lại người được dự kiến giới thiệu ứng cử được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này.

Điều 15. Hội nghị ban lãnh đạo mở rộng của cơ quan, tổ chức, đơn vị để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Thành phần dự hội nghị:

a) Đối với tổ chức chính trị, thành phần dự hội nghị gồm ban lãnh đạo và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

b) Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, thành phần dự hội nghị gồm Đoàn Chủ tịch, người đứng đầu của tổ chức thành viên (trường hợp không có tổ chức thành viên thì mở rộng tới đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc) hoặc Ban Thường vụ, Ban Thường trực (đối với tổ chức không có Đoàn Chủ tịch) và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc của tổ chức giới thiệu;

c) Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phần dự hội nghị gồm Thường trực Hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân;

d) Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phần dự hội nghị gồm ban lãnh đạo Ủy ban nhân dân và đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân;

đ) Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã, thành phần dự hội nghị gồm Thường trực Hội đồng nhân dân và đại diện lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, thành phần dự hội nghị gồm ban lãnh đạo Ủy ban nhân dân và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân;

e) Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan khác của Nhà nước, thành phần dự hội nghị gồm ban lãnh đạo và đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có);

g) Đối với các đơn vị sự nghiệp, thành phần dự hội nghị gồm ban lãnh đạo, đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc (nếu có) và đại diện Ban Chấp hành Công đoàn (nếu có);

h) Đối với tổ chức kinh tế, thành phần dự hội nghị gồm ban lãnh đạo, người đứng đầu các phòng, ban, phân xưởng, trạm, trại và đại diện Ban Chấp hành Công đoàn (nếu có);

i) Đối với đơn vị vũ trang nhân dân, thành phần dự hội nghị gồm chỉ huy đơn vị, đại diện Ban Chấp hành Công đoàn (nếu có), đại diện quân nhân và chỉ huy các đơn vị cấp dưới trực tiếp;

k) Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị;

l) Đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị cấp dưới trực tiếp của cơ quan, tổ chức đơn vị quy định tại các điểm a, b, d, e, g và i khoản này được xác định theo quy chế, điều lệ hoặc quy định về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị:

a) Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân báo cáo tình hình và kết quả hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với từng người được dự kiến giới thiệu ứng cử;

b) Những người dự hội nghị thảo luận và biểu thị sự tán thành của mình đối với từng người được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu giới thiệu phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó. Tổ kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản (theo Mẫu số 06/BBKPHN ban hành kèm theo Nghị quyết này);

c) Hội nghị thông qua biên bản và danh sách người được giới thiệu ứng cử (theo Mẫu số 03/BCĐBHĐND-MT và Mẫu số 04/BCĐBHĐND-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 16. Việc nộp hồ sơ ứng cử của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và biên bản hội nghị

1. Căn cứ vào kết quả của hội nghị ban lãnh đạo mở rộng, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được lựa chọn, giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân làm hồ sơ ứng cử theo quy định tại Điều 35 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 01 tháng 02 năm 2026, người ứng cử phải hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 36 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

3. Việc gửi biên bản hội nghị cử tri nơi công tác, biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị và biên bản hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 52 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thành chậm nhất là ngày 01 tháng 02 năm 2026.

4. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có kết nối với trục liên thông văn bản quốc gia thì biên bản hội nghị cử tri nơi công tác, biên bản hội nghị ban lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, đơn vị và biên bản hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố được gửi qua hệ thống này.

Chương III
TỔ CHỨC HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG LẦN THỨ HAI ĐỂ THỎA THUẬN LẬP DANH SÁCH SƠ BỘ NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Mục 1
VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điều 17. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 02 tháng 02 năm 2026 đến ngày 03 tháng 02 năm 2026.

2. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 44 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Điều 18. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai

1. Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đối với hội nghị hiệp thương ở trung ương), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với hội nghị hiệp thương ở địa phương) báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tình hình người tự ứng cử ở địa phương (nếu có).

2. Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội căn cứ vào các nội dung sau đây:

a) Tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội;

b) Kết quả điều chỉnh lần thứ nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Kết quả thỏa thuận tại hội nghị hiệp thương lần thứ nhất;

d) Hồ sơ, biên bản giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến;

đ) Ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

3. Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị có Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

4. Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử và kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú, nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử (đối với hội nghị hiệp thương ở địa phương); nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

5. Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

6. Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở trung ương được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 43 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; ở cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Mục 2
VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 19. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ hai ở mỗi cấp được tổ chức trong thời gian từ ngày 02 tháng 02 năm 2026 đến ngày 03 tháng 02 năm 2026 do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 20. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ hai

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương báo cáo về tình hình giới thiệu người ứng cử của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), tình hình người tự ứng cử (nếu có).

2. Hội nghị thảo luận, lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân căn cứ vào các nội dung sau đây:

a) Tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Kết quả điều chỉnh của Thường trực Hội đồng nhân dân về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Kết quả thỏa thuận tại hội nghị hiệp thương lần thứ nhất;

d) Hồ sơ, biên bản giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi đến;

đ) Ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Trường hợp không thỏa thuận được vấn đề nào thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị có Tổ

kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nơi tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

4. Hội nghị bàn kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử; nêu ra các vấn đề cần xác minh, làm rõ đối với những người ứng cử.

5. Hội nghị thông qua biên bản và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT và Mẫu số 05/BCĐBHĐND-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

6. Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương và danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 53 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Chương IV
TỔ CHỨC HỘI NGHỊ LẤY Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ TÍN NHIỆM CỦA CỬ TRI NƠI CƯ TRÚ ĐỐI VỚI NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 21. Tổ chức hội nghị cử tri đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức họp với đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Quốc hội cư trú và đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử để hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri.

2. Việc lấy ý kiến của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử cư trú do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trao đổi với cơ quan, tổ chức, đơn vị có người được giới thiệu ứng cử để tổ chức hội nghị cử tri.

3. Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội và cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 04 tháng 02 năm 2026 đến ngày 08 tháng 02 năm 2026 theo quy định tại Điều 45 và Điều 46 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các điều 2, 3, 4 của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15.

Điều 22. Tổ chức hội nghị cử tri đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Ngay sau hội nghị hiệp thương lần thứ hai, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương chủ trì cuộc họp với thành phần gồm người phụ trách công tác tổ chức, cán bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử; đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trực tiếp, đối với cấp xã mời Trưởng ban công tác Mặt trận tại địa bàn; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện cư trú để hướng dẫn tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú đối với những người ứng cử ở từng cấp tương ứng; hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Việc lấy ý kiến của hội nghị cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử cư trú do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trao đổi với cơ quan, tổ chức, đơn vị có người được giới thiệu ứng cử để tổ chức hội nghị cử tri.

3. Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 04 tháng 02 năm 2026 đến ngày 08 tháng 02 năm 2026 theo quy định tại Điều 54 và Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các điều 2, 3, 4 của Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15.

Điều 23. Xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Trách nhiệm xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo quy định tại Điều 46 và Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất là ngày 08 tháng 02 năm 2026, việc xác minh và trả lời về các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải được tiến hành xong.

Điều 24. Điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội

Chậm nhất là ngày 05 tháng 02 năm 2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiến hành điều chỉnh lần thứ hai về cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử của các tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội theo quy định tại Điều 47 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Chương V
TỔ CHỨC HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG LẦN THỨ BA ĐỂ LỰA CHỌN, LẬP DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐỦ TIÊU CHUẨN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Mục 1
VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điều 25. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 đến ngày 20 tháng 02 năm 2026.

2. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triệu tập và chủ trì được thực hiện theo quy định tại Điều 48 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở địa phương do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh triệu tập và chủ trì được thực hiện theo quy định tại Điều 49 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư quy định tại khoản 6 Điều 57 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 26. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

1. Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đối với hội nghị hiệp thương ở trung ương), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (đối với hội nghị hiệp thương ở địa phương) báo cáo về kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có ý kiến cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

2. Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

Trường hợp không thỏa thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05 đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

3. Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội (theo Mẫu số 01/BCĐBQH-MT và Mẫu số 05/BCĐBQH-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

4. Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở trung ương và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội được thực

hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; ở cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 22 tháng 02 năm 2026.

Mục 2
VIỆC HIỆP THƯƠNG, GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 27. Tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

1. Hội nghị hiệp thương lần thứ ba ở mỗi cấp được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 đến ngày 20 tháng 02 năm 2026 do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập, chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Điều 56 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 28. Nội dung, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ ba

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương báo cáo về tình hình, kết quả tổ chức lấy ý kiến nhận xét và sự tín nhiệm của cử tri nơi công tác, nơi cư trú đối với những người ứng cử, trong đó nêu rõ những trường hợp cần xem xét do có vụ việc cử tri nêu và danh sách người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

2. Hội nghị tiến hành thảo luận, lựa chọn, lập danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp không thỏa thuận được thì hội nghị quyết định biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 05

đến 15 người. Trường hợp quyết định biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu biểu quyết phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương. Chỉ các đại biểu thuộc thành phần hội nghị hiệp thương có mặt tại hội nghị mới được quyền biểu quyết.

3. Hội nghị thông qua biên bản và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT và Mẫu số 05/BCĐBHĐND-MT ban hành kèm theo Nghị quyết này).

4. Việc gửi biên bản hội nghị hiệp thương và danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh, cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 22 tháng 02 năm 2026.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026–2031 theo quy định của Nghị quyết này.

Hội nghị hiệp thương phải tổ chức bằng hình thức trực tiếp. Trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai không thể tổ chức hội nghị hiệp thương bằng hình thức trực tiếp thì Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, quyết định việc tổ chức hội nghị hiệp thương bằng hình thức trực tuyến.

Trường hợp tỉnh, thành phố có địa bàn cấp xã ở miền núi, hải đảo có điều kiện đi lại khó khăn thì Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có thể xem xét, quyết định việc tổ chức hội nghị hiệp thương cấp xã tiến hành theo hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Việc tổ chức hội nghị hiệp thương bằng hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực tuyến phải bảo đảm điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện những nhiệm vụ được quy định trong Nghị quyết này.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH UB TW MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM	TM. CHÍNH PHỦ	TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
Chủ tịch	**Thủ tướng**	**Chủ tịch**
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Đỗ Văn Chiến	**Phạm Minh Chính**	**Trần Thanh Mẫn**

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMNTTQVN ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031)

Mẫu số 01/BCĐQH-MT

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... [1]	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm .....

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG LẦN THỨ.....[2]

(V/v giới thiệu người ứng cử đại biểu quốc hội khóa XVI)

Hồi..... giờ, ngày..... tháng..... năm....., Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam..... [1] tiến hành hội nghị hiệp thương lần thứ.... [2] để:

+.....)

+.....)

+.....)

(Ghi rõ mục đích của hội nghị hiệp thương theo quy định của Luật Bầu cử ĐBQH và ĐB HĐND)

- Chủ trì hội nghị: ông (bà)..... Chức vụ:.....

- Thư ký hội nghị: ông (bà)..... Chức vụ:.....

1. Thành phần hội nghị gồm:

+.....)

+.....)

+.....)

Ở trung ương, thành phần ghi theo khoản 1 Điều 38 của Luật Bầu cử ĐBQH và HĐND; ở cấp tỉnh thành phần ghi theo khoản 1 Điều 39 của Luật Bầu cử ĐBQH và ĐB HĐND (bao gồm tổng số đại biểu được mời, tổng số có mặt, tổng số vắng mặt)

- Khách mời của hội nghị gồm:

+ Ông (bà).....)

+ Ông (bà).....)

+ Ông (bà).....)

(Ghi tên đại biểu các cơ quan đến dự)

2. Hội nghị tiến hành với chương trình nội dung như sau:

1. .....)

2. .....)

3. .....) *(Ghi diễn biến hội nghị với từng nội dung)*

4. .....)

5.....)

3. Hội nghị nhất trí những nội dung như sau:

+.....) *(Ghi nội dung theo chương trình hội nghị hiệp thương)*

+.....)

+.....)

- Hội nghị kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ TM. BAN THƯỜNG TRỰC *(Ký tên)* *(Ghi rõ họ và tên)*	ỦY BAN MTTQ VN TỈNH/THÀNH PHỐ... **Chủ tọa hội nghị** *(Ký tên, đóng dấu)* *(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)*

Ghi chú:

(1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.1

(2) Lần thứ nhất, thứ hai hoặc thứ ba.2

(*) Biên bản hội nghị ở trung ương gửi Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ở cấp tỉnh gửi Hội đồng bầu cử Quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh.

Mẫu số 02/BCĐBQH-MT

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM [(1)].....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm .....

BIÊN BẢN
HỌP BAN LÃNH ĐẠO DỰ KIẾN GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

Hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm....., cơ quan (tổ chức, đơn vị)[(1)]..... đã tiến hành họp ban lãnh đạo để dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI theo Thông báo số...../TB-MTTQ ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam..... [(2)] về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

- Chủ trì cuộc họp: ông (bà)..... Chức vụ:.....

- Thư ký cuộc họp: ông (bà).....Chức vụ:.....

1. Thành phần dự họp: [(3)]

+.....

+.....

+.....

- Tổng số người được mời:.....

- Tổng số người có mặt:.....

2. Cuộc họp đã dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI:

1. .....

2. .....

3. Ý kiến nhận xét của cuộc họp đối với từng người như sau:

.....

.....

.....

4. Cuộc họp nhất trí dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI (kèm theo danh sách trích ngang):

1. .....

2. .....

5. Cuộc họp kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*
(Ghi rõ họ và tên)	*(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tổ chức hội nghị hiệp thương).

(3) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

Mẫu số 03/BCĐBQH-MT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

[(1)].....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm .....

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ
GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

Hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm....., cơ quan (tổ chức, đơn vị)[(1)]..... đã tiến hành hội nghị lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, theo Thông báo số...../TB-MTTQ ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ……[(2)] về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

Chủ trì hội nghị: ông (bà)..... Chức vụ:.....

Thư ký hội nghị: ông (bà)..... Chức vụ:.....

1. Thành phần hội nghị:[(3)]

+.....

+.....

+.....

- Tổng số người được mời:.....

- Tổng số người có mặt:.....

2. Hội nghị đã giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI:

1.....

2.....

3. Ý kiến nhận xét của hội nghị đối với từng người như sau:

.....
.....
.....
.....

4. Hội nghị nhất trí giới thiệu những người sau đây để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương, giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI (kèm theo danh sách trích ngang)[4]:

1.....

2.....

5. Hội nghị kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*
(Ghi rõ họ và tên)	*(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tổ chức hội nghị hiệp thương).

(3) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(4) Danh sách trích ngang theo Mẫu số 04/BCĐBQH-MT.2

(*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

Mẫu số 04/BCĐBQH-MT

..... [1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

DANH SÁCH

NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC GIỚI THIỆU ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

(Do cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử)

STT	Họ và tên[2]	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay[3]	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ[4]	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Đại biểu Quốc hội khoá (nếu có)	Đại biểu HĐND nhiệm kỳ (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ						
1																			
2																			
...																			

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...

(3) Nơi người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.

(4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN/TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Mẫu số 05/BCĐBQH–MT

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
…….. (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày…… tháng…… năm …

DANH SÁCH
NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

(Kèm theo biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ ..... của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.....)

STT	Họ và tên(2)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay(3)	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ(4)	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Đại biểu Quốc hội khoá (nếu có)	Đại biểu HĐND nhiệm kỳ (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ						
1																			
2																			
...																			

Ghi chú:
(1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.
(2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...
(3) Nơi người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.
(4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...).

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM .....
(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Mẫu số 01/BCĐBHĐND-MT

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM …… (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày…… tháng…… năm …..

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ HIỆP THƯƠNG LẦN THỨ……(2)

(V/v giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân)

Hồi…… giờ, ngày…… tháng…… năm……, tại (3)……, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (tỉnh, xã...) (1)…… tiến hành Hội nghị hiệp thương lần thứ…… (2) để:

+……)

+……)

+……)

(Ghi rõ mục đích của hội nghị hiệp thương theo quy định của Luật Bầu cử ĐBQH và ĐB HĐND)

- Chủ trì hội nghị: ông (bà)…… Chức vụ:……

- Thư ký hội nghị: ông (bà)…… Chức vụ:……

1. Thành phần hội nghị gồm:

+……)

+……)

+……)

Thành phần ghi theo khoản 1 Điều 50 của Luật Bầu cử ĐBQH và ĐB HĐND (bao gồm tổng số đại biểu được mời, tổng số có mặt, tổng số vắng mặt)

- Khách mời của hội nghị gồm:

+ Ông (bà)……)

+ Ông (bà)……)

+ Ông (bà)……)

(Ghi tên đại biểu các cơ quan đến dự)

2. Hội nghị tiến hành với chương trình nội dung như sau:

-.....)

-.....)

-.....) *(Ghi diễn biến hội nghị với từng nội dung)*

-.....)

3. Hội nghị nhất trí những nội dung như sau:

+.....)

+.....)

+.....)

(Ghi nội dung theo chương trình hội nghị hiệp thương)

- Hội nghị kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ *(Ký tên)* *(Ghi rõ họ và tên)*	TM. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC **Chủ tọa hội nghị** *(Ký tên, đóng dấu)* *(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)*

Ghi chú:

(1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.

(2) Lần thứ nhất, thứ hai hoặc thứ ba.

(3) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(*) Biên bản hội nghị ở cấp tỉnh gửi Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp; ở cấp xã gửi Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử cùng cấp.

Mẫu số 02/BCĐBHDND-MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

[(1)].....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm .....

BIÊN BẢN
HỌP BAN LÃNH ĐẠO DỰ KIẾN GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN NHIỆM KỲ 2026-2031

Hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm....., tại (2)....., cơ quan (tổ chức, đơn vị)(1)..... đã tiến hành họp ban lãnh đạo để dự kiến giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031, theo Thông báo số...../TB-MTTQ ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (tỉnh, xã)(3) về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Chủ trì cuộc họp: ông (bà)..... Chức vụ:.....

- Thư ký cuộc họp: ông (bà)..... Chức vụ:.....

1. Thành phần họp: (4)

+.....

+.....

- Tổng số người được mời:.....

- Tổng số người có mặt:.....

2. Cuộc họp đã dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân... nhiệm kỳ 2026-2031:

1. .....
2. .....

3. Ý kiến nhận xét của cuộc họp đối với từng người như sau:

+.....

+.....

4. Cuộc họp nhất trí dự kiến giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (kèm theo danh sách trích ngang) ${}^{(5)}$

1. .....
2. .....

- Hội nghị kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*
(Ghi rõ họ và tên)	*(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(3) Tên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(4) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 52 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(5) Danh sách trích ngang theo Mẫu số 04/BCĐBHDND-MT.

(*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

Mẫu số 03/BCĐBHDND-MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

[(1)].....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm .....

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ GIỚI THIỆU NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN NHIỆM KỲ 2026-2031

Hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm....., tại [(2)]....., cơ quan, tổ chức, đơn vị[(1)]..... đã tiến hành hội nghị giới thiệu những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031, theo Thông báo số..... /TB-MTTQ ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (tỉnh, xã)[(3)] về việc phân bổ cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Chủ trì cuộc họp: ông (bà)..... Chức vụ:.....

- Thư ký cuộc họp: ông (bà)..... Chức vụ:.....

1. Thành phần họp: (4)

+.....

+.....

- Tổng số người được mời:.....

- Tổng số người có mặt:.....

2. Hội nghị đã giới thiệu những người sau đây ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031:

1.....

2.....

3. Ý kiến nhận xét của hội nghị đối với từng người như sau:

+.....

+.....

4. Hội nghị nhất trí giới thiệu những người sau đây để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương, giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (kèm theo danh sách trích ngang) (5):

1. .....

2. .....

- Hội nghị kết thúc hồi..... giờ..... cùng ngày.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*
(Ghi rõ họ và tên)	*(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.

(2) Địa điểm tổ chức hội nghị.

(3) Tên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

(4) Thành phần đại biểu được mời tham dự theo quy định tại Điều 52 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

(5) Danh sách trích ngang theo Mẫu số 04/BCĐBHDND-MT.

(*) Biên bản này gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương đã có thông báo gửi đến.

Mẫu số 04/BCĐBHĐND-MT

……..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày……tháng… …năm …

DANH SÁCH
NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC GIỚI THIỆU ỨNG CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN …….. NHIỆM KỲ 2026 - 2031

STT	Họ và tên(2)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay(3)	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ(4)	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ					
1																		
2																		
…																		

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị.
(2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...
(3) Nơi người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.
(4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN/TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Mẫu số 05/BCĐBHĐND-MT

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
…….. (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……, ngày……tháng… …năm …

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN ……. NHIỆM KỲ 2026 - 2031

(Kèm theo biên bản hội nghị hiệp thương lần thứ…… ngày…… tháng …. năm ...)

STT	Họ và tên(2)	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay(3)	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ(4)	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ					
1																		
2																		
…																		

Ghi chú:
(1) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương.
(2) Tên xếp theo vần chữ cái A, B, C...
(3) Nơi người được giới thiệu ứng cử đang cư trú thường xuyên.
(4) Ghi rõ nghề nghiệp đang làm, chức vụ đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể đang đảm nhận, hàm cấp (quân đội, công an, ngoại giao...).

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM .....
(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Mẫu số 06/BBKPHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... (1)

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm .....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
VỀ VIỆC.....

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm..... tại (1)..... tổ chức hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để giới thiệu ông/bà..... ứng cử (2).....

Tổ kiểm phiếu gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông (bà)..... Tổ trưởng.
2. Ông (bà)..... Thành viên.
3. Ông (bà)..... Thành viên.

.....

Đại diện cử tri chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông (bà).....
2. Ông (bà).....

- Thời gian phát phiếu: .....
- Thời gian thu phiếu: .....

Kết quả kiểm phiếu như sau:

- Tổng số cử tri trong cơ quan/tổ chức/đơn vị: .....
- Số phiếu phát ra:..... phiếu, chiếm tỷ lệ.....%
- Số phiếu thu về:..... phiếu, chiếm tỷ lệ.....%
- Số phiếu hợp lệ:..... phiếu, chiếm tỷ lệ.....%
- Số phiếu không hợp lệ:..... phiếu, chiếm tỷ lệ.....%

Kết quả cụ thể:

(1).....

(2).....

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ kiểm phiếu và 02 người chứng kiến việc kiểm phiếu.

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU	CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

ĐẠI DIỆN CỬ TRI CHỨNG KIẾN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: *Mẫu số 06/BBKPHN được áp dụng chung cho các hội nghị.*

(1) Tên gọi của cơ quan/tổ chức/đơn vị (Đóng dấu treo).

(2) Ghi rõ "đại biểu Quốc hội khóa..." hoặc "đại biểu Hội đồng nhân dân cấp.... nhiệm kỳ....." tùy theo từng trường hợp.

9. NGHỊ QUYẾT SỐ 40/NQ-HĐBCQG NGÀY 29/9/2025 CỦA HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Quy định mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử; nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15;

Xét đề nghị của Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu tại Tờ trình số 867/TTr-UBCTĐB15 ngày 12 tháng 9 năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mẫu văn bản hồ sơ ứng cử

Ban hành kèm theo Nghị quyết này các mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

1. Từ mẫu số 01 đến mẫu số 04: Hồ sơ ứng cử và Giấy biên nhận việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI;

2. Từ mẫu số 05 đến mẫu số 08: Hồ sơ ứng cử và Giấy biên nhận việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031;

3. Mẫu số 09: Bản kê khai tài sản, thu nhập;

4. Từ mẫu số 10 đến mẫu số 12: Thẻ cử tri và Giấy chứng nhận tham gia bỏ phiếu ở nơi khác;

5. Mẫu số 13: Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội;

6. Mẫu số 14 và mẫu số 15: Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân mỗi cấp;

7. Từ mẫu số 16 đến mẫu số 21: Báo cáo về dự kiến phân bổ những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI theo đơn vị bầu cử; Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở đơn vị bầu cử; Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử; Biên bản xác nhận kết quả bầu cử và các loại mẫu khác phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội;

8. Từ mẫu số 22 đến mẫu số 26: Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân; Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; biên bản xác định kết quả bầu cử; Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; Danh sách chính thức những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

9. Từ mẫu số 27 đến mẫu số 39: Văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử.

(File điện tử các mẫu văn bản trong công tác bầu cử có thể tải về từ Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia http://hoidongbaucu.quochoi.vn).

Điều 2. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm:

a) Đơn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI (theo mẫu số 01/HĐBC-QH); đơn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031 (theo mẫu số 05/HĐBC-HĐND);

b) Sơ yếu lý lịch đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo mẫu số 02/HĐBC-QH); đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo mẫu số 06/HĐBC-HĐND), có đóng dấu giáp lai và xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử thường trú;

c) Tiểu sử tóm tắt đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội (theo mẫu số 03/HĐBC-QH); đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (theo mẫu 07/HĐBC-HĐND);

d) Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (theo mẫu số 09/HĐBC);

đ) Mỗi bộ Hồ sơ ứng cử của người ứng cử có 02 ảnh chân dung màu, nền trắng cỡ 4cm x 6cm (không kể ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch và Tiểu sử tóm tắt).

2. Người ứng cử thực hiện việc kê khai đầy đủ, chính xác các nội dung theo hướng dẫn đối với các mẫu văn bản sử dụng trong hồ sơ ứng cử ban hành kèm theo Nghị quyết này. Việc kê khai có thể thực hiện bằng cách viết tay hoặc đánh máy nhưng phải bảo đảm đúng theo các mẫu văn bản trong hồ sơ ứng cử do Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành. Người ứng cử ký vào từng trang văn bản của hồ sơ ứng cử.

3. Ảnh của người ứng cử là ảnh được chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ. Trong Sơ yếu lý lịch, Tiểu sử tóm tắt, ảnh của người ứng cử phải được dán đúng vị trí quy định và được đóng dấu giáp lai của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử cư trú.

Điều 3. Nộp hồ sơ ứng cử

1. Việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như sau:

a) Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở Trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia (qua Tiểu ban nhân sự, Hội đồng bầu cử quốc gia, địa chỉ: Nhà Quốc hội, số 01 đường Độc Lập, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội);

b) Người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố;

c) Người ứng cử được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì nộp 01 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính cấp đó;

d) Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi nộp hồ sơ ứng cử theo các điểm a, b, c khoản 1 Điều này cần khai đơn ứng cử và tiểu sử tóm tắt trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Thời gian nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được thực hiện trong giờ hành chính các ngày trong tuần, bắt đầu từ ngày 15 tháng 12 năm 2025 và kết thúc vào 17 giờ 00 ngày 01 tháng 02 năm 2026.

Riêng thứ Bảy, ngày 31 tháng 01 năm 2026 và Chủ nhật, ngày 01 tháng 02 năm 2026, Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban bầu cử các cấp cử người trực để nhận hồ sơ ứng cử.

3. Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm thông báo công khai địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ ứng cử trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

Điều 4. Nội quy phòng bỏ phiếu

Tổ bầu cử có trách nhiệm niêm yết Nội quy phòng bỏ phiếu. Nội quy phòng bỏ phiếu gồm các nội dung sau đây:

1. Phải chấp hành đúng nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu;

2. Cử tri phải xếp hàng lần lượt để thực hiện việc bỏ phiếu, ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật và phụ nữ có thai;

3. Phải giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn tại khu vực bỏ phiếu; nghiêm cấm mọi hành vi phá hoại cơ sở vật chất, tài sản, gây rối tại khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu;

4. Không được vận động bầu cử tại nơi bỏ phiếu bằng bất kỳ hình thức nào;

5. Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy, tài liệu, băng rôn khẩu hiệu có nội dung xấu, độc, tuyên truyền quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu;

6. Những người không có nhiệm vụ thì không được vào phòng bỏ phiếu;

7. Thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, những người có nhiệm vụ phục vụ bầu cử phải đeo phù hiệu theo mẫu do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố quy định; thành viên Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và giải đáp thắc mắc của cử tri;

8. Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép, cản trở việc bầu cử của công dân, vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có

trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
Chủ tịch

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC

(Các mẫu văn bản Ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29/9/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia)

Mẫu số 01/HĐBC-QH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

Kính gửi:.....

1. Họ và tên thường dùng: .....

2. Họ và tên khai sinh:.....

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):.....

3. Ngày, tháng, năm sinh:..... 4. Giới tính: .....

5. Quốc tịch: .....

6. Nơi đăng ký khai sinh: .....

7. Quê quán: .....

8. Nơi đăng ký thường trú: .....

Nơi ở hiện nay: .....

9. Số Căn cước: .....

Ngày cấp:..... Cơ quan cấp:.....

10. Dân tộc:.....11. Tôn giáo: .....

12. Trình độ:.....

- Giáo dục phổ thông: .....

- Chuyên môn, nghiệp vụ: .....

- Học vị:..... Học hàm:..... .....

- Lý luận chính trị:.....

- Ngoại ngữ: .....

13. Nghề nghiệp hiện nay: .....

14. Chức vụ: .....

- Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: .....

- Chức vụ trong Đảng, đoàn thể: .....

15. Nơi công tác: .....

16. Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại cơ quan/nơi làm việc:.....Số điện thoại nhà riêng:..... Số điện thoại di động:.....

E-mail:.....

Căn cứ vào các điều 2, 3, 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội, tôi nhận thấy mình có đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội. Vậy tôi làm đơn này để ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, nhiệm kỳ 2026-2031.

....., ngày..... tháng.... năm ……

Ký tên

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 02/HĐBC-QH

Ảnh *4cm x 6cm*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

1. Họ và tên thường dùng: .....

2. Họ và tên khai sinh:.....

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):.....

3. Ngày, tháng, năm sinh:..... 4. Giới tính: .....

5. Quốc tịch:.....

6. Nơi đăng ký khai sinh: .....

7. Quê quán: .....

8. Nơi đăng ký thường trú: .....

Nơi ở hiện nay: .....

9. Số Căn cước: .....

Ngày cấp:.....Cơ quan cấp:.....

10. Dân tộc: (10)..... 11. Tôn giáo: .....

12. Trình độ:.....

- Giáo dục phổ thông: .....

- Chuyên môn, nghiệp vụ: .....

- Học vị: (14)..... Học hàm:.....

- Lý luận chính trị: .....

- Ngoại ngữ: .....

13. Nghề nghiệp hiện nay: .....

Trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, thì ghi rõ:.....

- Ngạch:..... Mã ngạch .....

- Bậc lương (nếu có):..... Hệ số lương:..... Ngày hưởng

- Phụ cấp chức vụ (nếu có):.....

14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: .....

15. Nơi công tác: .....

16. Trường hợp là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, thì ghi rõ:.....

- Ngày vào Đảng:...../...../.....

- Ngày chính thức:...../...../.....; Số thẻ đảng viên: .....

- Chức vụ trong Đảng: .....

- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có): .....

- Lý do ra khỏi Đảng:.....

17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể khác: .....

- Tên tổ chức đoàn thể: .....

- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:.....

18. Tình trạng sức khoẻ: .....

19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: .....

20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): .....

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có): .....

22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):.....nhiệm kỳ

23. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	**Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)**
Từ tháng.....năm.....	.....
đến tháng.....năm.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

QUAN HỆ GIA ĐÌNH (26)

24. Họ và tên cha:.....Sinh ngày.....tháng.....năm

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

+ Thái độ chính trị

25. Họ và tên mẹ:.....Sinh ngày.....tháng.....năm.....

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

+ Thái độ chính trị

26. Họ và tên vợ (chồng):..... Sinh ngày.....tháng.....năm

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

+ Thái độ chính trị

27. Họ và tên con thứ nhất:..... Sinh ngày.....tháng.....năm

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ (nếu có):

+ Nơi công tác/học tập:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

+ Thái độ chính trị

28. Con thứ hai (trở lên): khai như con thứ nhất.

29. Anh/Chị/Em ruột: (nếu có)..... Sinh ngày.....tháng.....năm

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ (nếu có):

+ Nơi công tác/học tập:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

+ Thái độ chính trị

Tôi cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú	*....., ngày..... tháng..... năm ……* **Ký tên** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Mẫu số 03/HĐBC-QH

Ảnh
4cm x 6cm

TIỂU SỬ TÓM TẮT
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KHÓA XVI

1. Họ và tên thường dùng: .....

2. Họ và tên khai sinh: .....

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):.....

3. Ngày, tháng, năm sinh:..... 4. Giới tính:. .....

5. Quốc tịch: .....

6. Nơi đăng ký khai sinh: .....

7. Quê quán: .....

8. Nơi đăng ký thường trú: .....

Nơi ở hiện nay: .....

9. Số Căn cước: .....

Ngày cấp:.....Cơ quan cấp:.....

10. Dân tộc:..... 11. Tôn giáo:.....

12. Trình độ:.....

- Giáo dục phổ thông:.....

- Chuyên môn, nghiệp vụ: .....

- Học vị:..... Học hàm:.....

- Lý luận chính trị: .....

- Ngoại ngữ: .....

13. Nghề nghiệp hiện nay: .....

14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: .....

15. Nơi công tác: .....

16. Ngày vào Đảng:...../...../.....

- Ngày chính thức:...../...../.....; Số thẻ đảng viên:

- Chức vụ trong Đảng: .....

- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có): .....

Lý do ra khỏi Đảng: .....

17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể: .....

- Tên tổ chức đoàn thể: .....

- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:.....

18. Tình trạng sức khoẻ: (.....

19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: .....

20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): .....

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có): .....

22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):.....nhiệm kỳ....

23. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	**Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)**
Từ tháng.....năm..... đến tháng.....năm.....	

....., ngày..... tháng..... năm

Ký tên

(Ký, ghi rõ họ và tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI HỒ SƠ
ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

(Kèm theo các mẫu số 01, 02, 03/HĐBC-QH)

(1) Nơi nhận: Ghi Hội đồng bầu cử quốc gia (nếu là người được cơ quan, tổ chức ở Trung ương giới thiệu ứng cử); ghi tên Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi mình ứng cử (nếu là người do cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử hoặc người tự ứng cử).

(2) Họ và tên thường dùng: Ghi họ, chữ đệm (nếu có) và tên thường dùng bằng chữ in hoa, đối với người hoạt động tôn giáo thì ghi theo chức danh tôn giáo (ví dụ: HÒA THƯỢNG THÍCH THANH A...).

(3) Họ và tên khai sinh: Ghi đúng họ, chữ đệm và tên ghi trong Giấy khai sinh, bằng chữ in hoa (Ví dụ: NGUYỄN THỊ A).

(4) Quốc tịch: Ghi rõ "Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác"; trường hợp đang có cả quốc tịch nước khác hoặc đang làm thủ tục xin gia nhập quốc tịch nước khác thì ghi rõ thông tin về các quốc tịch đang có hoặc đang xin gia nhập.

(5) Nơi đăng ký khai sinh: Ghi chính xác tên đơn vị hành chính đã cấp giấy được ghi trong giấy khai sinh (bao gồm cả cấp tỉnh, huyện, xã trước đây) hoặc nơi mình được sinh ra trong trường hợp không có Giấy khai sinh.

(6) Quê quán: Ghi nơi sinh trưởng của cha đẻ hoặc ông nội của người ứng cử. Trường hợp đặc biệt có thể ghi theo quê quán của mẹ đẻ hoặc người nuôi dưỡng mình từ nhỏ (nếu không biết rõ cha, mẹ đẻ). Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu, tỉnh/ thành phố.

(7) Nơi đăng ký thường trú: Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú ghi trên ứng dụng VneID.

(8) Nơi ở hiện nay: Ghi nơi cư trú thường xuyên, nếu trùng với nơi đăng ký thường trú thì ghi "Như trên". Ghi rõ số nhà, đường phố, tòa chung cư, tổ dân phố (làng, xóm, thôn, bản, ấp...), xã (phường, đặc khu), tỉnh, thành phố.

(9) Số Căn cước: Ghi số căn cước của người ứng cử.

(10) Dân tộc: Ghi tên dân tộc gốc của bản thân theo Giấy khai sinh như: Kinh, Thái, Tày, Mường, Khmer...

(11) Tôn giáo: Ghi rõ tên tôn giáo (như Công giáo, Phật giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa hảo, Hồi giáo...) và chức sắc, chức việc trong tôn giáo nếu có (như Giám mục, Linh mục, Mục sư, Hòa thượng, Đại đức, Ni sư...). Trường hợp không theo tôn giáo nào thì ghi "Không".

(12) Trình độ giáo dục phổ thông: Ghi rõ lớp cao nhất đã học xong trong hệ đào tạo 10 năm hay 12 năm, học phổ thông hay bổ túc hoặc cấp học đã tốt nghiệp (Ví dụ: đã học hết lớp 9 phổ thông hệ 10 năm thì ghi là "9/10 phổ thông", đã học xong lớp 12 phổ thông hệ 12 năm thì dù đã tốt nghiệp hoặc chưa tốt nghiệp trung học phổ thông thì đều ghi là "12/12 phổ thông",...).

(13) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Ghi rõ đại học, cao đẳng hoặc trung cấp..., chuyên ngành gì thì viết theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp.

(14) Học vị: Ghi rõ học vị (nếu có) là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc tương đương và chuyên ngành đào tạo.

(15) Học hàm: Ghi rõ danh hiệu được Nhà nước phong tặng như: Giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ...

(16) Lý luận chính trị: Ghi rõ trình độ cao nhất theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp như: sơ cấp, trung cấp, cao cấp, cử nhân.

(17) Ngoại ngữ: Ghi rõ biết tiếng nước nào và khả năng sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ: Nếu tốt nghiệp đại học ngoại ngữ thì ghi đại học tiếng Anh, tiếng Pháp...; nếu học theo hệ bồi dưỡng thì viết là: Anh, Pháp... trình độ A, B, C, D theo văn bằng hoặc chứng nhận đã được cấp. Trường hợp có chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức quốc tế cấp còn thời hạn như: IELTS; TOEFL... hoặc khung B1, B2 châu Âu thì khai theo chứng chỉ được cấp. Trường hợp đã học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài thì khai theo văn bằng được cấp và ngôn ngữ theo học (Ví dụ: Thạc sĩ Luật - tiếng Anh...). Nói được tiếng dân tộc thiểu số thì viết rõ tên của dân tộc đó.

(18) Nghề nghiệp hiện nay: Ghi rõ nghề nghiệp đang làm.

(19) Chức vụ: Ghi rõ chức vụ chính quyền, hàm cấp lực lượng vũ trang, ngoại giao...; chức vụ trong Đảng, đoàn thể đang đảm nhiệm.

(20) Nơi công tác: Ghi rõ nơi đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì ghi nơi công tác hoặc làm việc thường xuyên (nơi làm việc chính).

(21) Nếu là Đảng viên thì ghi rõ ngày, tháng, năm được kết nạp vào Đảng, ngày chính thức (như trong lý lịch Đảng viên). Nếu đã ra khỏi Đảng thì ghi rõ tháng, năm và lý do ra khỏi Đảng.

(22) Ghi rõ là thành viên của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nào; đang giữ chức vụ gì trong tổ chức (nếu có).

(23) Ghi tình hình sức khỏe bản thân hiện nay: Tốt, trung bình, kém.

(24) Các hình thức khen thưởng nhà nước: Khai từ Bằng khen trở lên và số lượng (Ví dụ: 03 Bằng khen cấp bộ, tỉnh; 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 Huân chương lao động hạng ba)... hoặc danh hiệu được phong tặng: Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú...).

(25) Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể), gồm có:

- Kỷ luật về Đảng: Khai trừ, cách chức, cảnh cáo, khiển trách theo quy định của Đảng.

- Kỷ luật hành chính: Các biện pháp xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

- Xử lý vi phạm hành chính: Các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Xử lý hình sự: Hình phạt chính và hình phạt bổ sung theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp đã bị kỷ luật về Đảng, kỷ luật hành chính, xử lý hành chính trong thời gian 01 năm tính đến ngày làm hồ sơ ứng cử thì ghi rõ tên cơ quan ra quyết định, thời gian ra quyết định, lý do bị kỷ luật, xử lý và hình thức, thời hạn xử lý.

Trường hợp bị kết án hình sự mà chưa được xóa án tích thì ghi rõ số bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, thời gian ra bản án, quyết định, tội danh, hình phạt bị áp dụng.

Nếu không có hoặc đã bị xử lý nhưng không thuộc các trường hợp kể trên thì ghi "Không bị kỷ luật, không có án tích".

(26) Ghi đầy đủ thông tin về những người thân thích (gồm cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, vợ/chồng, con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật). Trường hợp những người thân thích đã nghỉ hưu hoặc không còn công tác, làm việc thì ghi rõ nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc cuối cùng trước khi nghỉ hưu hoặc thôi công tác, làm việc; trường hợp đã mất thì ghi rõ mất năm nào, nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc, nơi ở cuối cùng trước khi mất. Trường hợp những người thân thích đã từng là đảng viên nhưng bị khai trừ, bỏ sinh hoạt hoặc xin ra khỏi Đảng thì phải ghi rõ trong Sơ yếu lý lịch.

Mẫu số 04/HĐBC-QH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

V/v nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI

Vào hồi.... giờ... ngày.... tháng..... năm ...., [(1)].....

..... đã nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI của ông/bà.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Hồ sơ gồm có:

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1.	Đơn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI		
2.	Sơ yếu lý lịch		
3.	Tiểu sử tóm tắt		
4.	Bản kê khai tài sản, thu nhập		
5.	Ảnh 4cm x 6cm		

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Ghi Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc ghi tên Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố.

Người nhận hồ sơ ứng cử có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra kỹ hồ sơ; nếu các tài liệu trong hồ sơ đã đầy đủ, ghi đủ thông tin theo đúng yêu cầu trong mẫu và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia thì điền thông tin vào Sổ tiếp nhận và Giấy biên nhận; ký và giao Giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ ứng cử.

Người nộp hồ sơ ứng cử trước khi nộp hồ sơ bản giấy, cần tích hợp trước các thông tin trong đơn ứng cử, tiểu sử tóm tắt trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Mẫu số 05/HĐBC-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (1)..... NHIỆM KỲ 2026-2031

Kính gửi: Ủy ban bầu cử [1].....

1. Họ và tên thường dùng: [2] .....

2. Họ và tên khai sinh: [3] .....

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):.....

3. Ngày, tháng, năm sinh:..... 4. Giới tính: .....

5. Quốc tịch: [4] .....

6. Nơi đăng ký khai sinh: [5] .....

7. Quê quán: [6].....

8. Nơi đăng ký thường trú: [7] .....

Nơi ở hiện nay: [8].....

9. Số Căn cước: [9].....

Ngày cấp:..... Cơ quan cấp:.....

10. Dân tộc: [10]..... 11. Tôn giáo: [11] .....

12. Trình độ:.....

- Giáo dục phổ thông: [12] .....

- Chuyên môn, nghiệp vụ: [13] .....

- Học vị: [14]..... Học hàm: [15] .....

- Lý luận chính trị: [16] .....

- Ngoại ngữ: [17] .....

13. Nghề nghiệp hiện nay: [18] .....

14. Chức vụ: [19] .....

- Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: .....

- Chức vụ trong Đảng, đoàn thể: .....

15. Nơi công tác: [20] .....

16. Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại cơ quan/nơi làm việc:..... Số điện thoại nhà riêng:.....

Số điện thoại di động:.....E-mail: .....

Căn cứ vào các điều 2, 3, 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Điều 5 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, tôi nhận thấy mình có đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Vậy tôi làm đơn này để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (1)..... nhiệm kỳ 2026-2031.

……., ngày… tháng …năm ……

Ký tên

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 06/HĐBC-HĐND

Ảnh *4cm x 6cm*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN.....(1)
NHIỆM KỲ 2026-2031

1. Họ và tên thường dùng: (2) .....

2. Họ và tên khai sinh: (3) .....

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):.....

3. Ngày, tháng, năm sinh:..... 4. Giới tính: .....

5. Quốc tịch: (4) .....

6. Nơi đăng ký khai sinh: (5) .....

7. Quê quán: (6).....

8. Nơi đăng ký thường trú: (7).....

Nơi ở hiện nay: (8).....

9. Số Căn cước: (9).....

Ngày cấp:..... Cơ quan cấp:.....

10. Dân tộc: (10)..... 11. Tôn giáo: (11) .....

12. Trình độ:.....

- Giáo dục phổ thông: (12) .....
- Chuyên môn, nghiệp vụ: (13) .....
- Chuyên môn, nghiệp vụ: .....
- Học vị: (14)..... Học hàm: (15) .....
- Lý luận chính trị: (16) .....

- Ngoại ngữ: [17] .....

13. Nghề nghiệp hiện nay: [18] .....

Trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, thì ghi rõ:

- Ngạch:..... Mã ngạch .....

- Bậc lương (nếu có):..... Hệ số lương:..... Ngày hưởng:

- Phụ cấp chức vụ (nếu có):.....

14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: [19].....

15. Nơi công tác: [20] .....

16. Trường hợp là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, thì ghi rõ: [21] ....

- Ngày vào Đảng:...../...../.....

- Ngày chính thức:...../...../.....; Số thẻ đảng viên: .....

- Chức vụ trong Đảng: .....

- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có): .....

Lý do ra khỏi Đảng: .....

17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể khác: [22].....

- Tên tổ chức đoàn thể: .....

- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:.....

18. Tình trạng sức khỏe: [23] .....

19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: [24].....

20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): [25] .....

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có): .....

22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):.....nhiệm kỳ

23. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)
Từ tháng.....năm..... đến tháng.....năm.....	....

QUAN HỆ GIA ĐÌNH (26)

24. Họ và tên cha:..... Sinh ngày..... tháng..... năm

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

+ Thái độ chính trị

25. Họ và tên mẹ:..... Sinh ngày.....tháng..... năm

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

+ Thái độ chính trị

26. Họ và tên vợ (chồng):.....Sinh ngày..... tháng.....năm

+ Quê quán:

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ:

+ Nơi công tác:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

+ Thái độ chính trị

27. Họ và tên con thứ nhất:..... Sinh ngày..... tháng.....năm

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ (nếu có):

+ Nơi công tác/học tập:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

+ Thái độ chính trị

28. Con thứ hai (trở lên): khai như con thứ nhất.

29. Anh/Chị/Em ruột: (nếu có)..... Sinh ngày.....tháng.....năm

+ Nơi ở hiện nay:

+ Nghề nghiệp, chức vụ (nếu có):

+ Nơi công tác/học tập:

+ Là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (nếu có):

+ Thái độ chính trị

Tôi cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú	*....., ngày..... tháng..... năm* **Ký tên** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Mẫu số 07/HĐBC-HĐND

Ảnh *4cm x 6cm*

TIỂU SỬ TÓM TẮT
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN[1].....
NHIỆM KỲ 2026-2031

1. Họ và tên thường dùng: [2] .....

2. Họ và tên khai sinh: [3] .....

Các bí danh/tên gọi khác (nếu có):.....

3. Ngày, tháng, năm sinh:..... 4. Giới tính: .....

5. Quốc tịch: [4] .....

6. Nơi đăng ký khai sinh: [5] .....

7. Quê quán: [6].....

8. Nơi đăng ký thường trú: [7] .....

Nơi ở hiện nay: [8].....

9. Số Căn cước: [9].....

Ngày cấp:..... Cơ quan cấp:.....

10. Dân tộc: [10]..... 11. Tôn giáo: [11] .....

12. Trình độ:.....

- Giáo dục phổ thông: [12] .....
- Chuyên môn, nghiệp vụ: [13] .....
- Chuyên môn, nghiệp vụ: .....
- Học vị: [14]..... Học hàm: [15] .....
- Lý luận chính trị: [16] .....
- Ngoại ngữ: [17] .....

13. Nghề nghiệp hiện nay: [18] .....

14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: [19] .....

15. Nơi công tác: [20] .....

16. Ngày vào Đảng: [21]...../...../

- Ngày chính thức:...../...../.....; Số thẻ đảng viên

- Chức vụ trong Đảng: .....

- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có) .....

Lý do ra khỏi Đảng: .....

17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể: [22].....

- Tên tổ chức đoàn thể: .....

- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể:.....

18. Tình trạng sức khỏe: [23] .....

19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: [24].....

20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): [25] .....

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có): .....

22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có):.....nhiệm kỳ

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	**Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)**
Từ tháng.....năm..... đến tháng..... năm.....	

....., ngày..... tháng..... năm

Ký tên

(Ký, ghi rõ họ và tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI HỒ SƠ ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN NHIỆM KỲ 2026-2031

(Kèm theo các mẫu số 05, 06, 07/HĐBC-HĐND)

(1) Ghi tên đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã nơi mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(2) Họ và tên thường dùng: Ghi họ, chữ đệm (nếu có) và tên thường dùng bằng chữ in hoa, đối với người hoạt động tôn giáo thì ghi theo chức danh tôn giáo (ví dụ: HÒA THƯỢNG THÍCH THANH A...).

(3) Họ và tên khai sinh: Ghi đúng họ, chữ đệm và tên ghi trong Giấy khai sinh, bằng chữ in hoa (Ví dụ: NGUYỄN THỊ A).

(4) Quốc tịch: Ghi rõ "Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác"; trường hợp đang có cả quốc tịch nước khác hoặc đang làm thủ tục xin gia nhập quốc tịch nước khác thì ghi rõ thông tin về các quốc tịch đang có hoặc đang xin gia nhập.

(5) Nơi đăng ký khai sinh: Trường hợp không xác định được đơn vị hành chính cấp xã do đã thực hiện sắp xếp thì chỉ ghi tên tỉnh, thành phố hoặc nơi mình được sinh ra trong trường hợp không có Giấy khai sinh.

(6) Quê quán: Ghi nơi sinh trưởng của cha đẻ hoặc ông nội của người ứng cử. Trường hợp đặc biệt có thể ghi theo quê quán của mẹ đẻ hoặc người nuôi dưỡng mình từ nhỏ (nếu không biết rõ cha, mẹ đẻ). Ghi rõ tên xã/phường/đặc khu, tỉnh/ thành phố.

(7) Nơi đăng ký thường trú: Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú ghi trên ứng dụng VneID.

(8) Nơi ở hiện nay: Ghi nơi cư trú thường xuyên, nếu trùng với nơi đăng ký thường trú thì ghi "Như trên". Ghi rõ số nhà, đường phố, tòa chung cư, tổ dân phố (làng, xóm, thôn, bản, ấp...), xã (phường, đặc khu), tỉnh, thành phố.

(9) Số Căn cước: Ghi số căn cước của người ứng cử.

(10) Dân tộc: Ghi tên dân tộc gốc của bản thân theo Giấy khai sinh như: Kinh, Thái, Tày, Mường, Khmer...

(11) Tôn giáo: Ghi rõ tên tôn giáo (như Công giáo, Phật giáo, Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa hảo, Hồi giáo...) và chức sắc, chức việc trong tôn giáo (nếu có) (như Giám mục, Linh mục, Mục sư, Hòa thượng, Đại đức, Ni sư...). Trường hợp không theo tôn giáo nào thì ghi "Không".

(12) Trình độ giáo dục phổ thông: Ghi rõ lớp cao nhất đã học xong trong hệ đào tạo 10 năm hay 12 năm, học phổ thông hay bổ túc hoặc cấp học đã tốt nghiệp (Ví dụ: đã học hết lớp 9 phổ thông hệ 10 năm thì ghi là "9/10 phổ thông", đã học xong lớp 12 phổ thông hệ 12 năm thì dù đã tốt nghiệp hoặc chưa tốt nghiệp trung học phổ thông thì đều ghi là "12/12/phổ thông",...).

(13) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Ghi rõ đại học, cao đẳng hoặc trung cấp..., chuyên ngành gì thì viết theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp.

(14) Học vị: Ghi rõ học vị (nếu có) là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc tương đương và chuyên ngành đào tạo.

(15) Học hàm: Ghi rõ danh hiệu được Nhà nước phong tặng như: Giáo sư, phó giáo sư, viện sĩ...

(16) Lý luận chính trị: Ghi rõ trình độ cao nhất theo chứng chỉ, văn bằng đã được cấp như: sơ cấp, trung cấp, cao cấp, cử nhân.

(17) Ngoại ngữ: Ghi rõ biết tiếng nước nào và khả năng sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ: nếu tốt nghiệp đại học ngoại ngữ thì ghi đại học tiếng Anh, tiếng Pháp...; nếu học theo hệ bồi dưỡng thì viết là: Anh, Pháp... trình độ A, B, C, D theo văn bằng hoặc chứng nhận đã được cấp. Trường hợp có chứng chỉ ngoại ngữ do các tổ chức quốc tế cấp còn thời hạn như: IELTS; TOEFL... hoặc khung B1, B2 châu Âu thì khai theo chứng chỉ được cấp. Trường hợp đã học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài thì khai theo văn bằng được cấp và ngôn ngữ theo học (Ví dụ: Thạc sĩ Luật - tiếng Anh...). Nói được tiếng dân tộc thiểu số nào thì ghi rõ tên dân tộc đó.

(18) Nghề nghiệp hiện nay: Ghi rõ nghề nghiệp đang làm.

(19) Chức vụ: Ghi rõ chức vụ chính quyền, hàm cấp lực lượng vũ trang, ngoại giao...; chức vụ trong Đảng, đoàn thể đang đảm nhiệm.

(20) Nơi công tác: Ghi rõ nơi đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì ghi nơi công tác hoặc làm việc thường xuyên (nơi làm việc chính).

(21) Nếu là Đảng viên thì ghi rõ ngày, tháng, năm được kết nạp vào Đảng, ngày chính thức (như trong lý lịch Đảng viên). Nếu đã ra khỏi Đảng thì ghi rõ tháng, năm nào và lý do ra khỏi Đảng.

(22) Ghi rõ là thành viên của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nào; đang giữ chức vụ gì trong tổ chức (nếu có).

(23) Ghi tình hình sức khỏe bản thân hiện nay: tốt, trung bình, kém.

(24) Các hình thức khen thưởng nhà nước: Khai từ Bằng khen trở lên và số lượng (Ví dụ: 03 Bằng khen cấp bộ, tỉnh; 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 Huân chương lao động hạng Ba)... hoặc danh hiệu được phong tặng: Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú...).

(25) Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể) gồm có:

- Kỷ luật về Đảng: Khai trừ, cách chức, cảnh cáo, khiển trách theo quy định của Đảng.

- Kỷ luật hành chính: Các biện pháp xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

- Xử lý vi phạm hành chính: Các biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Xử lý hình sự: Hình phạt chính và hình phạt bổ sung theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp đã bị kỷ luật về Đảng, kỷ luật hành chính, xử lý hành chính trong thời gian 01 năm tính đến ngày làm hồ sơ ứng cử thì ghi rõ tên cơ quan ra quyết định, thời gian ra quyết định, lý do bị kỷ luật, xử lý và hình thức, thời hạn xử lý.

Trường hợp bị kết án về hình sự mà chưa được xóa án tích thì ghi rõ số bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, thời gian ra bản án, quyết định, tội danh, hình phạt bị áp dụng.

Nếu không có hoặc đã bị xử lý nhưng không thuộc các trường hợp kể trên thì ghi "Không bị kỷ luật, không có án tích".

(26) Ghi đầy đủ thông tin về những người thân thích (gồm cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, vợ/chồng, con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật). Trường hợp những người thân thích đã nghỉ hưu hoặc không còn công tác, làm việc thì ghi rõ nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc cuối cùng trước khi nghỉ hưu hoặc thôi công tác, làm việc; trường hợp đã mất thì ghi rõ mất năm nào, nghề nghiệp, chức vụ, nơi công tác, làm việc, nơi ở cuối cùng trước khi mất. Trường hợp những người thân thích đã từng là đảng viên nhưng bị khai trừ, bỏ sinh hoạt hoặc xin ra khỏi Đảng thì phải ghi rõ trong Sơ yếu lý lịch.

Mẫu số 08/HĐBC-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY BIÊN NHẬN

V/v nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân [(1)].....

Nhiệm kỳ 2026-2031

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm....., Ủy ban bầu cử [(1)].....đã nhận Hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân [(1)]..... nhiệm kỳ 2026-2031 của ông/bà.....

Địa chỉ:

Số điện thoại liên hệ:

Hồ sơ gồm có:

STT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1.	Đơn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân		
2.	Sơ yếu lý lịch		
3.	Tiểu sử tóm tắt		
4.	Bản kê khai tài sản, thu nhập		
5.	Ảnh 4cm x 6cm		

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

(1) Ghi tên đơn vị hành chính nơi tiếp nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Người nhận hồ sơ ứng cử có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra kỹ hồ sơ; nếu các tài liệu trong hồ sơ đã đầy đủ, ghi đủ thông tin theo đúng yêu cầu trong mẫu và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia thì điền thông tin vào Sổ tiếp nhận và Giấy biên nhận; ký và giao Giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ ứng cử.

Người nộp hồ sơ ứng cử trước khi nộp hồ sơ bản giấy, cần tích hợp trước các thông tin trong đơn ứng cử và tiểu sử tóm tắt trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Mẫu số 09/HĐBC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP...[1]

(Ngày..... tháng..... năm.....)[2]

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Chức vụ/chức danh công tác: .....
- Cơ quan/đơn vị công tác: .....
- Nơi đăng ký hộ khẩu: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước: [3].....ngày cấp..... nơi cấp .....

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nghề nghiệp: .....
- Nơi làm việc: .....
- Nơi đăng ký hộ khẩu: .....
- Nơi thường trú: .....
- Số căn cước:..... ngày cấp..... nơi cấp.....

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: .....

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: .....
- Nơi đăng ký hộ khẩu: .....
- Nơi thường trú: .....

- Số căn cước:..... ngày cấp..... nơi cấp.....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN[5]

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất: [6]

1.1. Đất ở: [7] .....

1.1.1. Thửa thứ nhất: .....

- Địa chỉ: [8] .....
- Diện tích: [9] .....
- Giá trị: [10] .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: [11] .....
- Thông tin khác (nếu có): [12] .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác: [13] .....

1.2.1. Thửa thứ nhất: .....

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị: [10] .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở: .....

2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ: .....
- Loại nhà: [14] .....
- Diện tích sử dụng: [15].....
- Giá trị: [10] .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác: [16] .....

2.2.1. Công trình thứ nhất: .....

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....

- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị: [10] .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: [17]

3.1. Cây lâu năm: [18]

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:[10].....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị: [10].....

3.2. Rừng sản xuất: [19]

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:[10].....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:[10].....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:[10].....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:[10].....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên[20].

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên[21].

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:.....

6.3. Vốn góp[22]:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác[23]:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi loại tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)[24]:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:.....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:.....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)[25]:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:.....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:.....

8. Tài sản ở nước ngoài[26]

9. Tài khoản ở nước ngoài: [27]

- Tên chủ tài khoản:....., số tài khoản:.....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[28]:

- Tổng thu nhập của người kê khai:.....

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):.....

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:.....

- Tổng các khoản thu nhập chung:.....

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM[29] *(nếu người ứng cử kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):.....*

Loại tài sản, thu nhập	**Tăng[30]/giảm[31]**		**Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập**
	Số lượng tài sản	**Giá trị tài sản, thu nhập**	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu			

6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai[32].			

Tôi cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……, ngày….tháng….năm….	……, ngày….tháng….năm….
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI	NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP TRONG HỒ SƠ CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

I. GHI CHÚ CHUNG

(1) Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ: Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI/ Bản kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã nơi mình ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(2) Ghi ngày hoàn thành việc kê khai.

II. THÔNG TIN CHUNG

(3) Ghi số căn cước của người ứng cử và ghi rõ ngày cấp, nơi cấp.

(4) Nếu vợ hoặc chồng của người kê khai làm việc thường xuyên trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì ghi rõ tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp đó; nếu làm việc tự do, nghỉ hưu hoặc làm việc nội trợ thì ghi rõ.

III. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

(5) Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

(6) Quyền sử dụng thực tế đối với đất là trên thực tế người kê khai có quyền sử dụng đối với thửa đất bao gồm đất đã được cấp hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(7) Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích để ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp thửa đất được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai vào mục đất ở.

(8) Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, khu phố, tòa chung cư, thôn, xóm, bản; xã, phường, đặc khu; tỉnh, thành phố.

(9) Ghi diện tích đất (m^2) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(10) Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi "giá trị ước tính"; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi "không xác định được giá trị" và ghi rõ lý do.

(11) Nếu thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung của nhiều người); nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi "chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

(12) Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn,...

(13) Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

(14) Ghi "căn hộ" nếu là căn hộ trong nhà tập thể, chung cư; ghi "nhà ở riêng lẻ" nếu là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt.

(15) Ghi tổng diện tích (m^2) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum. Nếu là căn hộ thì diện tích được ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, hợp đồng thuê của nhà nước.

(16) Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

(17) Kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.

(18) Cây lâu năm là cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm gồm: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát. Cây mà thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này.

(19) Rừng sản xuất là rừng trồng.

(20) Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

(21) Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Nếu ngoại tệ thì ghi số lượng và số tiền quy đổi ra tiền Việt Nam.

(22) Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư kinh doanh, cả trực tiếp và gián tiếp.

(23) Các loại giấy tờ có giá khác như chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc,...

(24) Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tầu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(25) Các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

(26) Kê khai tài sản ở nước ngoài phải kê khai tất cả loại tài sản nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam, tương tự mục 1 đến mục 7 của Phần II và nêu rõ tài sản đang ở nước nào.

(27) Kê khai các tài khoản mở tại ngân hàng ở nước ngoài; các tài khoản khác mở ở nước ngoài không phải là tài khoản ngân hàng nhưng có thể thực hiện các giao dịch bằng tiền, tài sản (như tài khoản mở ở các công ty chứng khoán nước ngoài, sàn giao dịch vàng nước ngoài, ví điện tử ở nước ngoài...).

(28) Kê khai riêng tổng thu nhập của người kê khai, vợ hoặc chồng, con chưa thành niên. Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thì ghi tổng thu nhập chung vào phần các khoản thu nhập chung; nếu có thu nhập bằng ngoại tệ, tài sản khác thì quy đổi thành

tiền Việt Nam (gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, được cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai. Đối với lần kê khai thứ hai trở đi được xác định từ ngày kê khai liền kề trước đó đến ngày trước ngày kê khai.

(29) Đối với trường hợp người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trước đó thì kê khai biến động tài sản (tăng hoặc giảm) tại thời điểm kê khai so với tài sản đã kê khai trước đó và giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm, nguồn hình thành thu nhập trong kỳ so với lần kê khai liền trước đó. Nếu không có tăng, giảm tài sản thì ghi rõ là "Không có biến động" ngay sau tên của Mục III.

Trường hợp người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không kê khai phần biến động tài sản, thu nhập.

(30) Nếu tài sản tăng thì ghi dấu cộng (+) và số lượng tài sản tăng vào cột "số lượng tài sản", ghi giá trị tài sản tăng vào cột "giá trị tài sản, thu nhập" và giải thích nguyên nhân tăng vào cột "nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập".

(31) Nếu tài sản giảm thì ghi dấu trừ (-) vào cột "số lượng tài sản", ghi giá trị tài sản giảm vào cột "giá trị tài sản, thu nhập" và giải thích nguyên nhân giảm tài sản vào cột "Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập".

(32) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột "giá trị tài sản, thu nhập" và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Ví dụ: Trong thời kỳ từ 16/12/2019 đến 15/12/2020, ông A bán một thửa đất ở 100 m^2 ở địa chỉ B, giá trị của thửa đất lúc mua là 500 triệu, thu được 4 tỷ đồng; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 100 m^2 tại chung cư C giá mua 3,5 tỷ đồng và mua một ô-tô Toyota với giá 1 tỷ đồng, đăng ký biển kiểm soát 18E-033.55. Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của gia đình ông A là 600 triệu, thu nhập từ các khoản đầu tư là 1 tỷ đồng, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 500 triệu.

Ông A sẽ ghi như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1. Đất ở - Bán thửa đất B	- 100m^2	500 triệu	Giảm do bán
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Mua căn hộ tại chung cư C	+ 100 m^2	3.500 triệu	Mua nhà từ tiền bán thửa đất B
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. - Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D	+ 01 Sổ tiết kiệm	500 triệu	Tiết kiệm từ thu nhập
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký - Mua ô tô, số ĐK: 18E-033.55	+ 01	1.000 triệu	Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.		+ 5.600 triệu	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 600 triệu; - Thu nhập từ các khoản đầu tư 1.000 triệu; - Tiền bán thửa đất B được 4.000 triệu

Mẫu số 10/HĐBC

ỦY BAN NHÂN DÂN .....[1]..... -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THẺ CỬ TRI
BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI
VÀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
NHIỆM KỲ 2026-2031

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: [2] .....

Giới tính:.....

Nơi cư trú: [3] .....

Số Căn cước: .....

SỐ THẺ CỬ TRI: [4].....

KHU VỰC BỎ PHIẾU SỐ:.....

Xã/phường/đặc khu:.....

.....

Tỉnh/thành phố:.....

Ngày..... tháng..... năm 2026
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Chủ tịch[5]
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của UBND)

Ghi chú:

Kích thước Thẻ cử tri bằng một trang giấy A6 (10,5cm x 14,8cm) theo chiều ngang khổ giấy.

(1) Ghi tên xã, phường, đặc khu;

(2) Ghi theo ngày, tháng, năm sinh trong danh sách cử tri.

(3) Ghi địa chỉ nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú mà cử tri lựa chọn để tham gia bỏ phiếu bầu cử (như đã ghi trong danh sách cử tri).

Đối với cử tri là quân nhân tham gia bỏ phiếu tại đơn vị vũ trang nhân dân thì ghi tên đơn vị hành chính cấp xã nơi đơn vị vũ trang đóng quân;

Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì ghi tên trại tạm giam, cơ quan công an đang thực hiện việc tạm giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(4) Số thẻ cử tri được ghi theo số thứ tự tương ứng trong danh sách cử tri.

(5) Trường hợp phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký thay chủ tịch thì trình bày như sau:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
Phó Chủ tịch

Lưu ý:

- Trong trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức việc lập danh sách cử tri, ghi Thẻ cử tri đối với các cử tri là quân nhân trong đơn vị và chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã để chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký, đóng dấu vào danh sách cử tri và thẻ cử tri.

- Khi cử tri bầu cử xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu "Đã bỏ phiếu" vào mặt trước thẻ cử tri.

Mẫu số 11/HĐBC

ỦY BAN NHÂN DÂN .....[1]..... -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỂ CỬ TRI THAM GIA BỎ PHIẾU Ở NƠI KHÁC

Họ và tên cử tri: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số Căn cước: .....

Nơi cư trú đã ghi trên Thẻ cử tri: [2].....

Nơi ở hiện nay: [3].....

Đã được ghi tên vào danh sách cử tri (số Thẻ cử tri [4]..... thuộc khu vực bỏ phiếu số: [5] ……..xã/phường/đặc khu: [6]....., tỉnh/thành phố:[7].....). Nay đăng ký bỏ phiếu tại xã/phường/đặc khu:[8]....., tỉnh/thành phố [9] .....

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu:[10].....bổ sung tên cử tri vào danh sách cử tri để tham gia bỏ phiếu tại địa phương.

Ngày..... tháng..... năm ...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Chủ tịch[11]
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của UBND)

Ghi chú:

Kích thước Giấy chứng nhận để cử tri tham gia bỏ phiếu ở nơi khác bằng một trang giấy A5 (14,8cm x 21cm) theo chiều ngang khổ giấy.

(1) Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã cấp Thẻ cử tri;

(2) Ghi địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi tạm trú mà cử tri đã đăng ký tham gia bỏ phiếu trước đó như đã ghi trên Thẻ cử tri.

(3) Ghi nơi mới chuyển đến cư trú nếu khác với địa chỉ ở trên.

(4) Ghi số Thẻ cử tri đã được cấp.

(5) Ghi số khu vực bỏ phiếu đã được ghi trong Thẻ cử tri đã được cấp.

(6), (7) Ghi tên đơn vị hành chính đã được xác định trong Thẻ cử tri đã được cấp.

(8), (9), (10) Ghi tên đơn vị hành chính cử tri đăng ký chuyển đến bỏ phiếu.

(11) Trường hợp phó chủ tịch Ủy ban nhân dân ký thay chủ tịch thì trình bày như sau:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
Phó Chủ tịch

Lưu ý: *Khi cấp Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào mục "Ghi chú" trong Danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình cụm từ "Bỏ phiếu ở nơi khác" tương ứng với dòng có họ tên của cử tri được cấp Giấy chứng nhận.*

Mẫu số 12/HĐBC

.....[1].....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN

CỬ TRI LÀ QUÂN NHÂN THAM GIA BỎ PHIẾU Ở NƠI CƯ TRÚ

Họ và tên cử tri: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số Căn cước: .....

Là quân nhân tại đơn vị: [1] .....

Nơi cư trú: [2] .....

Đã được ghi tên vào danh sách cử tri (số Thẻ cử tri[3].....) thuộc khu vực bỏ phiếu số: [4].....xã/phường/đặc khu:[5]....., tỉnh/thành phố:[6]..... là nơi đơn vị đóng quân. Nay đăng ký bỏ phiếu tại xã/phường/đặc khu:[7]…… tỉnh/thành phố [8]..... là nơi cử tri cư trú.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu: [9]..... bổ sung tên cử tri vào danh sách cử tri để tham gia bỏ phiếu tại địa phương.

Ngày..... tháng..... năm…….

CHỈ HUY TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của đơn vị)

Ghi chú:

Kích thước Giấy chứng nhận cử tri là quân nhân tham gia bỏ phiếu ở nơi cư trú bằng một trang giấy A5 (14,8cm x 21cm) theo chiều ngang khổ giấy.

(1) Ghi tên đơn vị vũ trang nhân dân.

(2) Ghi nơi quân nhân đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú ngoài phạm vi đơn vị vũ trang nhân dân.

(3) Ghi số Thẻ cử tri đã được cấp (nếu có).

(4) Ghi số khu vực bỏ phiếu đã được ghi trong Danh sách cử tri hoặc Thẻ cử tri đã được cấp.

(5), (6) Ghi tên đơn vị hành chính được xác định trong Danh sách cử tri hoặc Thẻ cử tri đã được cấp.

(7), (8), (9) Ghi tên đơn vị hành chính mà cử tri đăng ký cư trú.

Lưu ý:

Khi cấp Giấy chứng nhận, đơn vị vũ trang nhân dân nơi có cử tri là quân nhân phải ghi ngay vào mục "Ghi chú" trong Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân cụm từ "Bỏ phiếu ở nơi cư trú" tương ứng với dòng có họ tên của cử tri được cấp Giấy chứng nhận.

Mẫu số 13/HĐBC-QH

Đơn vị bầu cử số:...
Tỉnh/Thành phố.....

Vị trí đóng dấu của Tổ bầu cử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

Được bầu(1)..... đại biểu

(2).....

.....

.....

.....

Ghi chú:

Kích thước Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội bằng một trang giấy A5 (21cm x 14,8cm) theo chiều dọc khổ giấy.

Màu sắc Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố lựa chọn nhưng không được trùng với màu Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trên cùng địa bàn.

Phiếu bầu cử hợp lệ phải có dấu của Tổ bầu cử ở góc phía trên bên trái.

(1) Ghi số lượng đại biểu Quốc hội được bầu do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định cho đơn vị bầu cử đó.

(2) Phần ghi họ tên những người ứng cử đại biểu Quốc hội tại đơn vị bầu cử xếp tên theo vần chữ cái A, B, C... như trên Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội. Họ tên mỗi người ứng cử ghi ở một dòng riêng. Đằng trước họ tên có từ "Ông" hoặc "Bà" tương ứng với giới tính của từng người ứng cử. Trường hợp người ứng cử có tên khai sinh, tên thường gọi khác nhau hoặc có tên gọi khác thì ghi tên khai sinh trước; tên thường gọi, tên gọi khác hoặc pháp danh kèm theo pháp hiệu được ghi và đặt trong dấu ngoặc

đơn ở phía sau. Có thể viết trong cùng 01 dòng hoặc tách thành 02 dòng liền nhau nhưng có cùng kiểu chữ, cỡ chữ.

Trường hợp họ tên của những người ứng cử có phần tên giống nhau thì căn cứ vào phần họ để xác định thứ tự; trường hợp phần họ cũng giống nhau thì căn cứ vào phần tên đệm. Trường hợp trùng hoàn toàn cả họ, tên và tên đệm thì xếp theo ngày tháng năm sinh; người nào có ngày tháng năm sinh sớm hơn thì được xếp trước; trên Phiếu bầu cử sẽ ghi thêm ngày tháng năm sinh trong dấu ngoặc đơn ngay cạnh phần họ tên của những người ứng cử có họ tên giống nhau.

Mẫu số 14/HĐBC-HĐND

Tỉnh/Thành phố.....
Đơn vị bầu cử số:...

Vị trí đóng dấu của Tổ bầu cử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU BẦU CỬ

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ(1).....

KHÓA(2)..... NHIỆM KỲ 2026-2031

Được bầu(3)..... đại biểu

(4) .....

.....

.....

.....

.....

Ghi chú:

Kích thước Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bằng một trang giấy A5 (21cm x 14,8cm) theo chiều dọc khổ giấy.

Màu sắc Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố lựa chọn nhưng không được trùng với màu Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trên cùng địa bàn.

Phiếu bầu cử hợp lệ phải có dấu của Tổ bầu cử ở góc phía trên bên trái.

(1) Ghi rõ tên tỉnh hoặc thành phố.

(2) Ghi rõ khóa của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố.

(3) Ghi số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố được bầu do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố ấn định cho đơn vị bầu cử đó.

(4) Phần ghi họ tên những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố tại đơn vị bầu cử xếp tên theo vần chữ cái A, B, C... như trên Danh

sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Họ tên mỗi người ứng cử ghi ở một dòng riêng. Đằng trước họ tên có từ "Ông" hoặc "Bà" tương ứng với giới tính của từng người ứng cử. Trường hợp người ứng cử có tên khai sinh, tên thường gọi khác nhau hoặc có tên gọi khác thì ghi tên khai sinh trước; tên thường gọi, tên gọi khác hoặc pháp danh kèm theo pháp hiệu được ghi và đặt trong dấu ngoặc đơn ở phía sau. Có thể viết trong cùng 01 dòng hoặc tách thành 02 dòng liền nhau nhưng có cùng kiểu chữ, cỡ chữ.

Trường hợp họ tên của những người ứng cử có phần tên giống nhau thì căn cứ vào phần họ để xác định thứ tự; trường hợp phần họ cũng giống nhau thì căn cứ vào phần tên đệm. Trường hợp trùng hoàn toàn cả họ, tên và tên đệm thì xếp theo ngày tháng năm sinh; người nào có ngày tháng năm sinh sớm hơn thì được xếp trước; trên Phiếu bầu cử sẽ ghi thêm ngày tháng năm sinh trong dấu ngoặc đơn ngay cạnh phần họ tên của những người ứng cử có họ tên giống nhau.

Mẫu số 15/HĐBC-HĐND

Xã/Phường/Đặc khu:.....
Đơn vị bầu cử số:…….

Vị trí đóng dấu của Tổ bầu cử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU(1).....

KHÓA(2)..... NHIỆM KỲ 2026-2031

Được bầu(3)..... đại biểu

(4) .....

.....

.....

.....

.....

.....

Ghi chú:

Kích thước Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bằng một trang giấy A5 (21cm x 14,8cm) theo chiều dọc khổ giấy.

Màu sắc Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố lựa chọn nhưng không được trùng với màu Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, Phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trên cùng địa bàn.

Phiếu bầu cử hợp lệ phải có dấu của Tổ bầu cử ở góc phía trên bên trái.

(1) Ghi rõ tên xã, phường, đặc khu.

(2) Ghi rõ khóa của Hội đồng nhân dân cấp xã.

(3) Ghi số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu do Ủy ban bầu cử ở cấp xã ấn định cho đơn vị bầu cử đó.

(4) Phần ghi họ tên những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại đơn vị bầu cử xếp tên theo vần chữ cái A, B, C... như trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Họ tên mỗi người ứng cử ghi ở một dòng riêng. Đằng trước họ tên có từ "Ông" hoặc "Bà" tương ứng với giới tính của từng người ứng cử. Trường hợp người ứng cử có tên khai sinh, tên thường gọi khác nhau hoặc có tên gọi khác thì ghi tên khai sinh trước; tên thường gọi, tên gọi khác hoặc pháp danh kèm theo pháp hiệu được ghi và đặt trong dấu ngoặc đơn ở phía sau. Có thể viết trong cùng 01 dòng hoặc tách thành 02 dòng liền nhau nhưng có cùng kiểu chữ, cỡ chữ.

Trường hợp họ tên của những người ứng cử có phần tên giống nhau thì căn cứ vào phần họ để xác định thứ tự; trường hợp phần họ cũng giống nhau thì căn cứ vào phần tên đệm. Trường hợp trùng hoàn toàn cả họ, tên và tên đệm thì xếp theo ngày tháng năm sinh; người nào có ngày tháng năm sinh sớm hơn thì được xếp trước; trên Phiếu bầu cử sẽ ghi thêm ngày tháng năm sinh trong dấu ngoặc đơn ngay cạnh phần họ tên của những người ứng cử có họ tên giống nhau.

Mẫu số 16/HĐBC-QH

ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH/THÀNH PHỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2026

BÁO CÁO VỀ DỰ KIẾN PHÂN BỔ NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI THEO ĐƠN VỊ BẦU CỬ

1. Đơn vị bầu cử số 1 (gồm[1].....)

STT	Họ và tên[2]	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu QH (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ						
1																			
2																			
...																			

2. Đơn vị bầu cử số 2 (gồm[1].....) [3]

TM. ỦY BAN BẦU CỬ
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

(1) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp xã thuộc đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội tương ứng.

(2) Danh sách những người ứng cử ĐBQH xếp theo vần chữ cái A, B, C,.....

(3) Từ đơn vị bầu cử số 2 trở lên thể hiện như đơn vị bầu cử thứ nhất.

Mẫu số 17/HĐBC-QH

ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH/THÀNH PHỐ
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHÍNH THỨC
NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI Ở ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ[1].....
GỒM[2].....

(Theo Nghị quyết số..... ngày..... tháng..... năm ..... của Hội đồng bầu cử quốc gia)

STT	Họ và tên[3]	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu QH (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ						
1																			
2																			
...																			

- Tổng số người ứng cử đại biểu Quốc hội trong danh sách này là:.....người;

- Số đại biểu Quốc hội được bầu:.... người.

TM. ỦY BAN BẦU CỬ

Chủ tịch

(Ký, ghi rõ họ và tên,

đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

(1) Ghi số của đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội.

(2) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp xã thuộc đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội.

(3) Danh sách những người ứng cử ĐBQH xếp theo vần chữ cái A, B, C,.....

Mẫu số 18/HĐBC-QH

Tỉnh /Thành phố:.....
Xã/Phường/ Đặc khu :.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI
CỦA TỔ BẦU CỬ

Khu vực bỏ phiếu số:..... xã/phường/đặc khu:

Đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội số:

Gồm: (1)

Ngày..... tháng.....năm 2026, Tổ bầu cử gồm có:

1. Ông/Bà....., Tổ trưởng

2. Ông/Bà....., Thư ký

3. Ông/Bà....., Ủy viên

4. Ông/Bà....., Ủy viên

5.....

Đã họp tại phòng bỏ phiếu của khu vực bỏ phiếu số..... xã/phường/đặc khu:..... thuộc đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội số.....để tiến hành việc kiểm phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI.

Đúng..... giờ..... phút, (2) ngày.....tháng..... năm 2026, trước khi thực hiện việc bỏ phiếu, đại diện Tổ bầu cử đã kiểm tra hòm phiếu với sự chứng kiến của hai cử tri là:

1. Ông/Bà:.....Nơi ở hiện nay:.....

2. Ông/Bà:..... Nơi ở hiện nay:.....

Sau đó, Tổ bầu cử đã khóa và niêm phong hòm phiếu lại, mời cử tri bắt đầu bỏ phiếu.

Đúng..... giờ..... phút,(3) ngày..... tháng..... năm 2026, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc cuộc bầu cử và tiến hành kiểm phiếu ngay tại phòng bỏ phiếu.

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử đã mời hai cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông/Bà:.....Nơi ở hiện nay:.....

2. Ông/Bà:..... Nơi ở hiện nay:.....

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử đã tiến hành kiểm kê và lập biên bản về việc sử dụng phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội.

Kết quả cuộc bầu cử như sau:

- Số đại biểu Quốc hội được ấn định cho đơn vị bầu cử..... người

- Số người ứng cử:..... người

- Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu:..... người(4)

- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu:..... người

- Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri:..... %

- Số phiếu phát ra:..... phiếu

- Số phiếu thu vào:.....phiếu

- Số phiếu hợp lệ:..... phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:.....%

- Số phiếu không hợp lệ:..... phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:.....%

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử như sau(5):

1. Ông/Bà..... được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

2. Ông/Bà..... được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

3. Ông/Bà..... được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

4. Ông/Bà.....được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

5. Ông/Bà.....được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

.....

Trong ngày bầu cử và thời gian kiểm phiếu, đã xảy ra sự việc hoặc khiếu nại, tố cáo sau đây(6): .....

Những vấn đề hoặc khiếu nại, tố cáo mà Tổ bầu cử chưa giải quyết được và kiến nghị(7): .....

.....

.....

Biên bản này được hoàn thành vào hồi..... giờ.....phút[8], ngày... tháng..... năm 2026, được lập thành 03 bản và được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã[9].

CỬ TRI THỨ NHẤT CHỨNG KIẾN VIỆC KIỂM PHIẾU *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	TM. TỔ BẦU CỬ **Tổ trưởng** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của Tổ bầu cử)*	THƯ KÝ **Tổ bầu cử** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

CỬ TRI THỨ HAI
CHỨNG KIẾN
VIỆC KIỂM PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: *Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.*

(1) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp xã trong phạm vi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội.

(2) Ghi thời điểm bắt đầu việc bỏ phiếu.

(3) Ghi thời điểm kết thúc việc bỏ phiếu.

(4) Số cử tri trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu (cập nhật đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu).

(5) Ghi theo danh sách trên phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội.

(6) Tóm tắt những sự việc xảy ra hoặc khiếu nại, tố cáo và cách giải quyết của Tổ bầu cử.

(7) Ghi rõ vấn đề, khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết và kiến nghị.

(8) Ghi thời điểm kết thúc việc kiểm phiếu.

(9) Biên bản phải được gửi đến các cơ quan được nêu tên chậm nhất là 03 ngày sau ngày bầu cử.

Số phiếu bầu sau khi đã được kiểm được tiến hành niêm phong và quản lý theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Mẫu số 19/HĐBC-QH

BAN BẦU CỬ **ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI** ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ..... -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI Ở ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ.....

Gồm[1].....

Vào hồi..... giờ.... phút, ngày..... tháng..... năm 2026, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội gồm có:

1. Ông/Bà....., Trưởng ban

2. Ông/Bà....., Phó Trưởng ban

3. Ông/Bà....., Phó Trưởng ban

4. Ông/Bà....., Ủy viên

5.....

Đã họp tại.....để lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI tại các khu vực bỏ phiếu của đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội số:.....gồm[1].....thuộc tỉnh/thành phố.....

Theo Nghị quyết số:...../NQ-HĐBCQG ngày..... tháng..... năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia, thì đơn vị bầu cử số:..... được bầu[2].....đại biểu Quốc hội.

Theo Nghị quyết số..... /NQ-HĐBCQG ngày.... tháng..... năm 2026 của Hội đồng bầu cử quốc gia, thì đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội số..... có[3]..... người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Sau khi kiểm tra và tổng hợp kết quả từ Biên bản kết quả kiểm phiếu do các Tổ bầu cử chuyển đến, kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở đơn vị bầu cử số..... như sau:

- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử:..... người.

- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu:..... người.

- Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử:.....%

- Số phiếu phát ra:.....phiếu.

- Số phiếu thu vào:.....phiếu.

- Số phiếu hợp lệ:..... phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:....%

- Số phiếu không hợp lệ:..... phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:.....%

SỐ PHIẾU BẦU CHO MỖI NGƯỜI ỨNG CỬ(4)

Tên xã, phường, đặc khu trong phạm vi đơn vị bầu cử	**Số khu vực bỏ phiếu**	**Số phiếu bầu cho Ông (Bà).....**	**Số phiếu bầu cho Ông (Bà).....**	**Số phiếu bầu cho Ông (Bà).....**	**Số phiếu bầu cho Ông (Bà).....**	**Số phiếu bầu cho Ông (Bà).....**	**Ghi chú**
Tổng cộng:							
Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ		..... %	..... %	..... %	..... %	..... %	

Căn cứ vào kết quả ghi trên đây, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội kết luận:

a) Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu đạt..... % so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử.

(5).....

b) Các Ông/Bà có tên sau đây nhận được quá nửa tổng số phiếu hợp lệ và có nhiều phiếu hơn, đã trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI(6):

1. Ông/Bà..... số phiếu:..... đạt:..... % so với tổng số phiếu hợp lệ.

2. Ông/Bà..... số phiếu:..... đạt:..... % so với tổng số phiếu hợp lệ.

3. Ông/Bà..... số phiếu:..... đạt:..... % so với tổng số phiếu hợp lệ.

c) Theo ấn định của Hội đồng bầu cử quốc gia thì số đại biểu Quốc hội được bầu ở đơn vị bầu cử số... là....đại biểu, nay đã bầu được...đại biểu, còn thiếu...đại biểu.

(7).....

d) Tóm tắt những việc xảy ra(8):

.....

đ) Những khiếu nại, tố cáo trong quá trình bầu cử do các Tổ bầu cử đã giải quyết(9):

.....

e) Những khiếu nại, tố cáo trong quá trình bầu cử do Ban bầu cử đã giải quyết, cách giải quyết(10):

.....

g) Những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh/thành phố, Hội đồng bầu cử quốc gia(11):

.....

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở đơn vị bầu cử số... được lập thành 03 bản và được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố (12).

Các tài liệu kèm theo gồm(13):

1.....

2.....

TM. BAN BẦU CỬ **Trưởng ban** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của Ban bầu cử)*	CÁC PHÓ TRƯỞNG BAN BẦU CỬ *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Ghi chú: *Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.*

(1) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp xã trong phạm vi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội.

(2) Ghi rõ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu tại đơn vị bầu cử theo Nghị quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia.

(3) Ghi rõ số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội tại đơn vị bầu cử theo Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội do Hội đồng bầu cử quốc gia công bố.

(4) Xếp các cột và số phiếu bầu cho từng người ứng cử bắt đầu từ trái sang phải theo thứ tự trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội đã công bố.

(5) Trường hợp số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử thì viết thêm như sau: "Vì số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử, nên cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội tại đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội số... không có giá trị. Đề nghị Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố..... báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định việc bầu cử lại tại đơn vị bầu cử".

(6) Xếp tên người trúng cử theo thứ tự từ người nhiều phiếu nhất đến người ít phiếu nhất.

(7) Trường hợp đã bầu được đủ số lượng đại biểu thì ghi tổng số đại biểu đã trúng cử và ghi "0" vào số đại biểu còn thiếu. Trường hợp không có người ứng cử nào được quá nửa tổng số phiếu hợp lệ hoặc số người trúng cử ít hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử thì ghi rõ số lượng còn thiếu và viết thêm như sau: "Vì số người trúng cử đại biểu Quốc hội chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử nên đề nghị Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố.....báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia để xem xét, quyết định việc bầu cử thêm tại đơn vị bầu cử".

(8) Ghi rõ những việc bất thường đã xảy ra; nếu không có việc gì xảy ra thì ghi "Không có".

(9), (10), (11) Ghi rõ các đơn thư, nội dung khiếu nại, tố cáo do Tổ bầu cử chuyển đến; nếu không có thì ghi "Không có".

(12) Biên bản phải được gửi đến các cơ quan được nêu tên chậm nhất là 05 ngày sau ngày bầu cử.

(13) Ví dụ như các đơn khiếu nại, tố cáo hay tờ trình, báo cáo của Tổ bầu cử.

Việc xác định kết quả trong bầu cử lại, bầu cử thêm được Ban bầu cử đại biểu Quốc hội lập thành biên bản riêng.

Mẫu số 20/HĐBC-QH

ỦY BAN BẦU CỬ TỈNH/THÀNH PHỐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI Ở TỈNH/THÀNH PHỐ.....

Vào hồi..... giờ... phút, ngày..... tháng..... năm 2026, Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố....., gồm có:

1. Ông/Bà....., Chủ tịch

2. Ông/Bà....., Phó Chủ tịch

3. Ông/Bà....., Phó Chủ tịch

4. Ông/Bà....., Ủy viên

5. Đã họp tại..... để lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI ở tỉnh/thành phố ……..

Theo Nghị quyết số...../NQ-HĐBCQG ngày..... tháng..... năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia, thì tỉnh/thành phố..... được bầu[(1)]..... đại biểu Quốc hội.

Theo Nghị quyết số...../NQ-HĐBCQG ngày.... tháng..... năm 2026 của Hội đồng bầu cử quốc gia, thì tỉnh/thành phố.....có[(2)]..... người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Sau khi kiểm tra Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ủy ban bầu cử xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh/thành phố....., như sau:

1. Các đơn vị bầu cử

STT	Tên đơn vị bầu cử	Xã, phường, đặc khu
1		Ghi tên các xã, phường, đặc khu thuộc đơn vị bầu cử
2		

2. Số lượng đơn vị bầu cử, tổng số cử tri, số cử tri đã tham gia bỏ phiếu tại địa phương như sau:

STT	Các đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số....								
2.	Đơn vị bầu cử số....								
Tổng cộng:									

3. Các đơn vị bầu cử có số cử tri đã tham gia bỏ phiếu chưa đạt quá nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử hoặc có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, phải tổ chức bầu cử lại gồm[(3)]:

.....

Kết quả cử tri tham gia bỏ phiếu bầu cử lại như sau:

STT	Các đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú (ngày tổ chức bầu cử lại)
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số....								
2.	Đơn vị bầu cử số....								
Tổng cộng:									

4. Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử đại biểu Quốc hội như sau[4]:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử ĐBQH[5]	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số....	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số....	1.			
		2.			
		3.			

5. Danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người trúng cử ĐBQH[6]	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số....	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số....	1.			
		2.			
		3.			

6. Các đơn vị bầu cử có số người trúng cử ít hơn số đại biểu Quốc hội được bầu do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định, phải tổ chức bầu cử thêm, gồm[7]

Kết quả cử tri tham gia bỏ phiếu bầu cử thêm như sau:

STT	Các đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú (ngày tổ chức bầu cử lại)
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số....								
2.	Đơn vị bầu cử số....								
Tổng cộng:									

Kết quả bầu cử thêm như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử ĐBQH[5]	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số....	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số....				

Danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội sau khi bầu cử thêm như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người trúng cử ĐBQH[6]	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số....	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số....	1.			
		2.			
		3.			

7. Những khiếu nại, tố cáo do Tổ bầu cử, Ban bầu cử đã giải quyết:

.....

8. Những việc quan trọng đã xảy ra và cách giải quyết:

.....

10. Những khiếu nại, tố cáo do Ủy ban bầu cử đã giải quyết:

.....

10. Những khiếu nại, tố cáo và kiến nghị chuyển đến Hội đồng bầu cử quốc gia:

.....

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh/thành phố..... được lập thành 04 bản và được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp(8).

Các tài liệu kèm theo gồm(9):

1.....

2.....

TM. ỦY BAN BẦU CỬ	CÁC PHÓ CHỦ TỊCH
Chủ tịch	**Ủy ban bầu cử**
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của Ủy ban bầu cử)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Ghi chú: *Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.*

(1) Ghi rõ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu tại tỉnh, thành phố theo Nghị quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia.

(2) Ghi rõ số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội tại các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội ở tỉnh, thành phố theo Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội do Hội đồng bầu cử quốc gia công bố.

(3) Nếu không có đơn vị nào phải tổ chức bầu cử lại thì ghi "Không có" và không điền nội dung trong bảng tổng hợp kết quả kèm theo mục này.

(4) Ghi kết quả phiếu bầu cho mỗi người ứng cử đại biểu Quốc hội theo bảng kèm theo. Trường hợp đơn vị bầu cử phải tổ chức bầu cử lại thì ghi kết quả bầu cử lại.

(5) Ghi theo danh sách trên phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội.

(6) Xếp theo thứ tự từ người nhiều phiếu nhất đến người ít phiếu nhất.

(7) Nếu không có đơn vị nào phải tổ chức bầu cử thêm thì ghi "Không có" và không điền nội dung trong bản tổng hợp kết quả kèm theo mục này.

(8) Biên bản phải được gửi đến các cơ quan được nêu tên chậm nhất là 07 ngày sau ngày bầu cử.

(9) Ví dụ như các đơn khiếu nại, tố cáo hay tờ trình, báo cáo của Tổ bầu cử, Ban bầu cử.

Mẫu số 21/HĐBC-QH

Tỉnh/Thành phố.....
Đơn vị bầu cử số.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO VỀ DANH SÁCH
NHỮNG NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

(Bầu cử ngày... tháng.... năm 2026)

STT	Họ và tên(*)	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu QH (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ						
1																			
2																			
...																			

....., ngày..... tháng..... năm 2026
TRƯỞNG BAN BẦU CỬ
(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ban bầu cử)

(*) Ghi đầy đủ họ và tên người trúng cử tại đơn vị bầu cử, xếp tên theo vần chữ cái A, B, C.

Mẫu số 22/HĐBC-HĐND

ỦY BAN BẦU CỬ
[1].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CHÍNH THỨC
NHỮNG NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN[1].....
KHÓA..... NHIỆM KỲ 2026-2031

Đơn vị bầu cử số:.....

Gồm[2].....

STT	Họ và tên[3]	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
									Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ					
1																		
2																		
...																		

Tổng số người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp[4].....trong danh sách này là:..... người

Số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp[4].....được bầu tại đơn vị bầu cử số..... là:.....người

[1]..... ngày..... tháng..... năm 2026

TM. ỦY BAN BẦU CỬ

Chủ tịch

(Ký, ghi rõ họ và tên

đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

(1) Ghi tên đơn vị hành chính nơi thành lập Ủy ban bầu cử (Ví dụ tỉnh A, xã D, phường B, đặc khu X...).

(2) Ghi tên các đơn vị hành chính hoặc thôn, tổ dân phố hợp thành đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp tỉnh.

(3) Danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được xếp theo vần chữ cái A, B, C.

(4) Cấp tổ chức bầu cử (cấp tỉnh, thành phố, cấp xã).

Mẫu số 23/HĐBC-HĐND

Tỉnh /Thành phố:.....
Xã/Phường/Đặc khu:....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN[1]..... KHÓA..... NHIỆM KỲ 2026-2031 CỦA TỔ BẦU CỬ

Khu vực bỏ phiếu số:..... xã/phường/đặc khu:

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân[1]..... số:.....

Gồm [2]

Ngày..... tháng.....năm 2026, Tổ bầu cử gồm có:

1. Ông/Bà....., Tổ trưởng

2. Ông/Bà....., Thư ký

3. Ông/Bà....., Ủy viên

4. Ông/Bà....., Ủy viên

5

Đã họp tại phòng bỏ phiếu của khu vực bỏ phiếu số..... xã/phường/đặc khu..... thuộc đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân[1]..... số..... để tiến hành việc kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân[1]..... khóa..... nhiệm kỳ 2026-2031.

Đúng..... giờ..... phút[3], ngày... tháng... năm 2026, trước khi thực hiện việc bỏ phiếu, đại diện Tổ bầu cử đã kiểm tra hòm phiếu với sự chứng kiến của hai cử tri là:

1. Ông/Bà..... Nơi ở hiện nay: .....

2. Ông/Bà..... Nơi ở hiện nay:. .....

Sau đó, Tổ bầu cử đã khóa và niêm phong hòm phiếu, mời cử tri bắt đầu bỏ phiếu.

Đúng..... giờ..... phút[4], ngày..... tháng..... năm 2026, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc cuộc bầu cử và tiến hành kiểm phiếu ngay tại phòng bỏ phiếu.

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử đã mời hai cử tri không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông/Bà..... Nơi ở hiện nay: .....

2. Ông/Bà..... Nơi ở hiện nay: .....

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử đã tiến hành kiểm kê và lập biên bản về việc sử dụng phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Kết quả cuộc bầu cử như sau:

- Số đại biểu Hội đồng nhân dân được ấn định cho đơn vị bầu cử:…… người

- Số người ứng cử:..... người

- Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu:..... người[5]

- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu:..... người

- Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri..... %

- Số phiếu phát ra:..... phiếu

- Số phiếu thu vào:..... phiếu

- Số phiếu hợp lệ:..... phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:.... %

- Số phiếu không hợp lệ:.....phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:..... %

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử như sau[6]:

1. Ông/Bà..... được..... phiếu/.....phiếu hợp lệ

2. Ông/Bà..... được..... phiếu/.....phiếu hợp lệ

3. Ông/Bà..... được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

.....

Trong ngày bầu cử và thời gian kiểm phiếu, đã xảy ra sự việc hoặc khiếu nại, tố cáo sau đây[7]:

Những vấn đề hoặc khiếu nại, tố cáo mà Tổ bầu cử chưa giải quyết được và kiến nghị[8]:

....

Biên bản này được hoàn thành vào hồi... giờ... phút[9], ngày.... tháng... năm 2026, được lập thành 03 bản và gửi đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân[1]....., Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã[10].

CỬ TRI THỨ NHẤT CHỨNG KIẾN VIỆC KIỂM PHIẾU *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	TM. TỔ BẦU CỬ **Tổ trưởng** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của Tổ bầu cử)*	THƯ KÝ **Tổ bầu cử** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

CỬ TRI THỨ HAI
CHỨNG KIẾN
VIỆC KIỂM PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: *Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.*

(1) Ghi tên đơn vị hành chính cấp tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (Ví dụ tỉnh A, xã D, phường B, đặc khu X...).

(2) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp xã hoặc thôn, tổ dân phố trong phạm vi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng ở cấp xã, cấp tỉnh.

(3) Ghi thời điểm bắt đầu việc bỏ phiếu.

(4) Ghi thời điểm kết thúc việc bỏ phiếu.

(5) Số cử tri trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu (cập nhật đến thời điểm bắt bầu bỏ phiếu).

(6) Ghi theo danh sách trên phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tương ứng.

(7) Tóm tắt những sự việc xảy ra hoặc khiếu nại, tố cáo và cách giải quyết của Tổ bầu cử.

(8) Ghi rõ vấn đề, khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết và kiến nghị.

(9) Ghi thời điểm kết thúc việc kiểm phiếu.

(10) Tổ bầu cử lập 03 loại biên bản theo mẫu này để thể hiện kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở từng cấp, cụ thể như sau:

- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có Tổ bầu cử;

- Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã xã/phường/đặc khu được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có Tổ bầu cử.

Các biên bản phải được gửi đến các cơ quan được nêu tên chậm nhất là 03 ngày sau ngày bầu cử.

Số phiếu bầu sau khi đã được kiểm được tiến hành niêm phong và quản lý theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Mẫu số 24/HĐBC-HĐND

BAN BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....[(1)].....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ.....	

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN[(1)]..... Ở ĐƠN VỊ BẦU CỬ SỐ.....

Gồm[(2)].....

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày..... tháng..... năm 2026, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân [(1)]..... gồm có:

1. Ông/Bà....., Trưởng Ban
2. Ông/Bà....., Phó Trưởng ban
3. Ông/Bà....., Phó Trưởng ban
4. Ông/Bà....., Ủy viên
5.

Đã họp tại..... để lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân[(1)]..... khóa....., nhiệm kỳ 2026-2031 tại các khu vực bỏ phiếu của đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân số.....gồm[(2)].....

Theo Nghị quyết số...../NQ-UBBC ngày..... tháng..... năm .... của Ủy ban bầu cử[(1)]..... thì đơn vị bầu cử số..... được bầu[(3)]..... đại biểu Hội đồng nhân dân.

Theo Nghị quyết số...../NQ-UBBC ngày.....tháng..... năm 2026 của Ủy ban bầu cử[(1)]..... thì đơn vị bầu cử số..... có[(4)]..... người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Sau khi kiểm tra và tổng hợp kết quả từ Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử do các Tổ bầu cử chuyển đến, kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân[(1)]..... ở đơn vị bầu cử số.....như sau:

- Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử:..... người

- Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu:..... người

- Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử:.....%

- Số phiếu phát ra:.....phiếu

- Số phiếu thu vào:..... phiếu

- Số phiếu hợp lệ:..... phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:.....%

- Số phiếu không hợp lệ:..... phiếu. Tỷ lệ so với tổng số phiếu thu vào:.....%

- Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử như sau:

1. Ông/Bà..... được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

2. Ông/Bà..... được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

3. Ông/Bà..... được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

4. Ông/Bà..... được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

5. Ông/Bà..... được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

6. Ông/Bà..... được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

7. Ông/Bà..... được..... phiếu/..... phiếu hợp lệ

...

Căn cứ vào kết quả ghi trên đây, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân [(1)]..... kết luận:

a) Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu đạt.....% so với tổng số cử tri của đơn vị bầu cử[(5)].

b) Các ông/bà có tên sau đây nhận được quá nửa tổng số phiếu hợp lệ và có nhiều phiếu hơn, đã trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân[(1)]..... khóa....., nhiệm kỳ 2026-2031[(6)]:

1. Ông/Bà..... số phiếu:..... đạt:..... % so với tổng số phiếu hợp lệ.

2. Ông/Bà..... số phiếu:..... đạt:..... % so với tổng số phiếu hợp lệ.

3. Ông/Bà..... số phiếu:..... đạt:..... % so với tổng số phiếu hợp lệ.

4. Ông/Bà..... số phiếu:..... đạt:..... % so với tổng số phiếu hợp lệ.

.....

c) Theo ấn định của Ủy ban bầu cử[1]....., thì số đại biểu Hội đồng nhân dân[1]..... được bầu ở đơn vị bầu cử số.....là..... đại biểu, nay đã bầu được..... đại biểu, còn thiếu..... đại biểu.

[7] .....

d) Tóm tắt những việc xảy ra[8]:.....

đ) Những khiếu nại, tố cáo trong quá trình bầu cử do các Tổ bầu cử đã giải quyết[9]:

.....

e) Những khiếu nại, tố cáo trong quá trình bầu cử do Ban bầu cử đã giải quyết, cách giải quyết[10]:.....

g) Những khiếu nại, tố cáo chuyển đến Ủy ban bầu cử[11]:.....

Biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân[1]..... ở đơn vị bầu cử số.....được lập thành 04 bản và được gửi đến Ủy ban bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam[1]..... [12]

Các tài liệu kèm theo[13]:

1 .....

2 .....

TM. BAN BẦU CỬ **Trưởng ban** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của Ban bầu cử)*	CÁC PHÓ TRƯỞNG BAN *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Ghi chú: *Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.*

(1) Ghi tên đơn vị hành chính cấp tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(2) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp xã hoặc thôn, tổ dân phố trong phạm vi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng ở cấp xã, cấp tỉnh.

(3) Ghi rõ số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu tại đơn vị bầu cử theo Nghị quyết của Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó.

(4) Ghi rõ số lượng người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân do Ủy ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó đã công bố.

(5) Trường hợp số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử thì viết thêm như sau: "Vì số cử tri đi bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử, nên cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân[(1)]..... tại đơn vị bầu cử số... không có giá trị. Đề nghị Ủy ban bầu cử[(1)]..... xem xét, quyết định việc bầu cử lại tại đơn vị bầu cử".

(6) Xếp tên người trúng cử theo thứ tự từ người nhiều phiếu nhất đến người ít phiếu nhất.

(7) Trường hợp đã bầu được đủ số lượng đại biểu thì ghi tổng số đại biểu đã trúng cử và ghi "0" vào số đại biểu còn thiếu. Trường hợp không có người ứng cử nào được quá nửa số phiếu hợp lệ hoặc số người trúng cử ít hơn số đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử thì ghi rõ số lượng còn thiếu và viết thêm như sau: "Vì số người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chưa đủ số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử nên đề nghị Ủy ban bầu cử[(1)]..... xem xét, quyết định việc bầu cử thêm tại đơn vị bầu cử".

(8) Ghi rõ những việc bất thường đã xảy ra; nếu không có việc gì xảy ra thì ghi "Không có".

(9), (10), (11) Ghi rõ các đơn thư, nội dung khiếu nại, tố cáo do Tổ bầu cử chuyển đến; nếu không có thì ghi "Không có".

(12) Biên bản phải được gửi đến các cơ quan được nêu tên chậm nhất là 05 ngày sau ngày bầu cử.

(13) Ví dụ như các đơn khiếu nại, tố cáo hay tờ trình, báo cáo của Tổ bầu cử.

Việc xác định kết quả trong bầu cử lại, bầu cử thêm được Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân lập thành biên bản riêng với các nội dung theo Mẫu số 23/HĐBC-HĐND.

Mẫu số 25/HĐBC-HĐND

ỦY BAN BẦU CỬ [(1)]..... -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN TỔNG KẾT CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN[(1)]..... KHÓA....., NHIỆM KỲ 2026-2031

Vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng.... năm 2026, Ủy ban bầu cử[(1).]..... gồm có:

1. Ông/Bà....., Chủ tịch

2. Ông/Bà....., Phó Chủ tịch

3. Ông/Bà....., Phó Chủ tịch

4. Ông/Bà....., Ủy viên

5.....

Đã họp tại..... để lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân[(1)]..... khóa....., nhiệm kỳ 2026-2031.

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì [(1)]..... được bầu [(2)]..... đại biểu Hội đồng nhân dân. Theo Nghị quyết số...../NQ-UBBC ngày.... tháng....năm 2026 của Ủy ban bầu cử [(1)]....., có tổng cộng[(3)]..... người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân[(1)]..... khóa....., nhiệm kỳ 2026-2031.

Sau khi kiểm tra Biên bản xác định kết quả bầu cử của các Ban bầu cử và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có), Ủy ban bầu cử xác nhận kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân [(1)]..... khóa....., nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

1. Các đơn vị bầu cử

STT	Tên đơn vị bầu cử	Xã, phường, đặc khu
1		Ghi tên các xã, phường, đặc khu thuộc đơn vị bầu cử đại biểu HĐND
2		

2. Số lượng đơn vị bầu cử, tổng số cử tri, số cử tri tham gia bỏ phiếu tại địa phương như sau[4]:

STT	Các đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số...								
2.	Đơn vị bầu cử số...								
Tổng cộng:									

3. Các đơn vị bầu cử có số cử tri đã tham gia bỏ phiếu chưa đạt quá một nửa tổng số cử tri của đơn vị bầu cử hoặc có vi phạm pháp luật nghiêm trọng, phải tổ chức bầu cử lại gồm[5]:

.....

Kết quả cử tri tham gia bỏ phiếu bầu cử lại như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú (ngày tổ chức bầu cử lại)
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số...								
2.	Đơn vị bầu cử số...								

4. Số phiếu bầu cho mỗi người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân như sau[6]:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử đại biểu HĐND[7]	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số.....	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số.....	1.			
		2.			
		3.			

5. Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân [1]..... khóa....., nhiệm kỳ 2026-2031 theo từng đơn vị bầu cử như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người trúng cử đại biểu HĐND[8]	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số.....	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số.....	1.			
		2.			
		3.			

6. Các đơn vị bầu cử có số người trúng cử ít hơn số đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu do Ủy ban bầu cử ấn định, phải tổ chức bầu cử thêm gồm[9]:

Kết quả cử tri tham gia bỏ phiếu bầu cử thêm như sau:

STT	Các đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri của đơn vị bầu cử	Tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu so với tổng số cử tri	Phiếu hợp lệ		Phiếu không hợp lệ		Ghi chú (ngày tổ chức bầu cử thêm)
					Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	Số phiếu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu thu vào	
1.	Đơn vị bầu cử số..								
2....	Đơn vị bầu cử số..								
Tổng cộng:									

Kết quả bầu cử thêm như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người ứng cử đại biểu HĐND[7]	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số.....	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số.....				

Danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân [1]..... khóa....., nhiệm kỳ 2026-2031 sau khi bầu cử thêm như sau:

STT	Đơn vị bầu cử	Họ và tên người trúng cử đại biểu HĐND[8]	Số phiếu bầu	Tỷ lệ % so với tổng số phiếu hợp lệ	Ghi chú
1.	Đơn vị bầu cử số.....	1.			
		2.			
		3.			
2.	Đơn vị bầu cử số.....	1.			
		2.			
		3.			

7. Những việc quan trọng đã xảy ra và kết quả giải quyết:

8. Những khiếu nại, tố cáo do Ủy ban bầu cử đã giải quyết:

Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân [(1)]..... khóa....., nhiệm kỳ 2026-2031 được lập thành 06 bản và được gửi đến.....[(10)]

TM. ỦY BAN BẦU CỬ **Chủ tịch** *(Ký, ghi rõ họ và tên,* *đóng dấu của Ủy ban bầu cử)*	CÁC PHÓ CHỦ TỊCH *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Ghi chú:

Nhất thiết không được tẩy xóa trên biên bản.

(1) Ghi tên đơn vị hành chính cấp tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(2) Ghi rõ số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu tại đơn vị bầu cử theo Nghị quyết của Ủy ban bầu cử ở cấp đó.

(3) Ghi rõ số lượng người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp tổ chức bầu cử theo Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân do Ủy ban bầu cử đã công bố.

(4) Ghi tên các đơn vị hành chính cấp xã hoặc thôn, tổ dân phố trong phạm vi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng ở cấp xã, cấp tỉnh.

(5) Nếu không có đơn vị nào phải tổ chức bầu cử lại thì ghi "Không có" và không điền nội dung trong bảng thống kê kết quả kèm theo mục này.

(6) Ghi kết quả phiếu bầu cho mỗi người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo bảng kèm theo. Trường hợp đơn vị bầu cử phải tổ chức bầu cử lại thì ghi kết quả bầu cử lại.

(7) Ghi theo danh sách trên phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

(8) Xếp theo thứ tự từ người nhiều phiếu nhất đến người ít phiếu nhất.

(9) Nếu không có đơn vị nào phải tổ chức bầu cử thêm thì ghi "Không có".

(10) Đối với Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã thì ghi gửi đến "Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và tỉnh, thành phố".

Đối với Biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thì ghi gửi đến "Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam".

Mẫu số 26/HĐBC-HĐND

ỦY BAN BẦU CỬ
[1].....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN[1]..... KHÓA..... NHIỆM KỲ 2026-2031

STT	Họ và tên[2]	Đơn vị bầu cử[3]	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Tôn giáo	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ					Nghề nghiệp, chức vụ	Nơi công tác	Ngày vào Đảng (nếu có)	Là đại biểu HĐND (nếu có)	Ghi chú
										Giáo dục phổ thông	Chuyên môn, nghiệp vụ	Học hàm, học vị	Lý luận chính trị	Ngoại ngữ					
1																			
2																			
...																			

Số đại biểu được bầu của HĐND: [(1)].....đại biểu.

Tổng số người trúng cử trong danh sách này là:..... người.

.....ngày.....tháng.....năm 2026

TM. ỦY BAN BẦU CỬ

Chủ tịch

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

(1) Ghi tên đơn vị hành chính tổ chức bầu cử.

(2) Ghi đầy đủ họ và tên người trúng cử, xếp tên theo vần chữ cái A, B, C.

(3) Ghi số đơn vị bầu cử mà người trúng cử đã ứng cử.

Mẫu số 27/HĐBC

ỦY BAN BẦU CỬ **TỈNH/ THÀNH PHỐ**..... -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-UBBC	*....., ngày.... tháng... năm 2026*

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả sơ bộ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi: Hội đồng bầu cử quốc gia

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRONG NGÀY BẦU CỬ

1. Việc tổ chức khai mạc bầu cử.

2. Diễn biến cuộc bầu cử; tiến độ cử tri tham gia bỏ phiếu.

3. Không khí ngày bầu cử, dư luận trong Nhân dân về cuộc bầu cử và những người ứng cử.

4. Những thuận lợi, khó khăn về giao thông, thông tin liên lạc, thời tiết ảnh hưởng đến việc bầu cử.

5. Tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong quá trình diễn ra cuộc bầu cử.

6. Các điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ cho cuộc bầu cử.

7. Những tình huống phát sinh cần xin ý kiến chỉ đạo giải quyết (nếu có).

II. KẾT QUẢ SƠ BỘ CUỘC BẦU CỬ

1. Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội về số lượng, cơ cấu, thành phần, trình độ của người trúng cử.

2. Kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp về số lượng, cơ cấu, thành phần, trình độ của người trúng cử.

3. Số đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu phải tổ chức bầu cử lại do có dưới 50% tổng số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu; số đơn vị bầu cử, khu

vực bỏ phiếu phải tổ chức bầu cử thêm do bầu không đủ số lượng đại biểu được ấn định.

4. Số đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu bị hủy kết quả bầu cử do vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Trên đây là Báo cáo tình hình và kết quả sơ bộ của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 *(có kèm theo Biểu thống kê sơ bộ kết quả bầu cử theo Mẫu số 26/HĐBC)*, Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố..... trân trọng báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia.

TM. ỦY BAN BẦU CỬ
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Nơi nhận
- *Như trên;*
- *Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia;*
- *Bộ Nội vụ;*
- *……;*
- *Lưu VT.*

Mẫu số 28/HĐBC

ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH/THÀNH PHỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2026

BIỂU THỐNG KÊ SƠ BỘ KẾT QUẢ CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

I. KẾT QUẢ CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

STT	Cấp bầu cử	Cử tri			Đơn vị bầu cử						Khu vực bỏ phiếu					Phiếu bầu cử				
		Tổng số cử tri (trong danh sách)	Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu (%)	Tổng số đơn vị bầu cử	Số đơn vị chỉ có 01 khu vực bỏ phiếu	Số đơn vị có dưới 50% tổng số cử tri tham gia bỏ phiếu	Số đơn vị bị hủy kết quả bầu cử	Số đơn vị phải bầu cử lại	Số đơn vị phải bầu cử thêm	Tổng số khu vực bỏ phiếu	Số khu vực có dưới 50% tổng số cử tri tham gia bỏ phiếu	Số khu vực bị hủy kết quả bầu cử	Số khu vực phải bầu cử lại	Số khu vực phải bầu cử thêm	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu vào	Tỷ lệ phiếu thu vào/ phát ra (%)	Số phiếu hợp lệ	Tỷ lệ phiếu hợp lệ/thu vào (%)
I	ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI																			
II	ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN																			
1	Cấp tỉnh																			
2	Cấp xã																			
	Tổng cộng																			

II. CƠ CẤU, THÀNH PHẦN NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Số đại biểu được ấn định	Số đại biểu trúng cử	Nữ	Dân tộc thiểu số	Trẻ tuổi (dưới 40 tuổi)	Ngoài Đảng	Tái cử	Tôn giáo	Tự ứng cử	Trình độ chuyên môn			Trình độ lý luận chính trị			Cơ quan đảng	Chính quyền	UBMTTQVN và tổ chức thành viên	Tòa án nhân dân	Viện kiểm sát nhân dân	Quân đội, Công an	Cơ quan, đơn vị khác
									Dưới đại học	Đại học	Sau đại học	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân							

III. CƠ CẤU NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

STT	Cấp bầu cử	Số đại biểu được bầu	Số đại biểu trúng cử	Nữ		Dân tộc thiểu số		Trẻ tuổi (dưới 40 tuổi)		Ngoài Đảng		Tái cử (tỷ lệ so với số người trúng cử)		Tôn giáo		Tự ứng cử		Trình độ chuyên môn (tỷ lệ %)			Trình độ lý luận chính trị (tỷ lệ %)		
				Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Dưới đại học	Đại học	Sau đại học	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân
1	Cấp tỉnh																						
2	Cấp xã																						

IV. THÀNH PHẦN NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

STT	Cấp bầu cử	Số đại biểu trúng cử	Cơ quan Đảng		Chính quyền		UBMTQVN và tổ chức thành viên		Tòa án nhân dân		Viện kiểm sát nhân dân		Quân đội, Công an		Cơ quan, đơn vị khác	
			Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Cấp tỉnh															
2	Cấp xã															

TM. ỦY BAN BẦU CỬ

Chủ tịch

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Mẫu số 29/HĐBC

ỦY BAN BẦU CỬ **TỈNH/THÀNH PHỐ....** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BC-UBBC	*....., ngày.... tháng.... năm 2026*

BÁO CÁO

Tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Kính gửi: Hội đồng bầu cử quốc gia

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn.

2. Việc thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử, xác định và ấn định số đơn vị bầu cử, số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

3. Việc tuyên truyền, vận động trong Nhân dân về cuộc bầu cử; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đối với cuộc bầu cử; công tác hiệp thương; việc tập huấn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử cho các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử.

4. Việc lập và niêm yết danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, tổ chức tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử của những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

5. Công tác giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến cuộc bầu cử.

6. Công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

7. Về kinh phí và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho cuộc bầu cử.

8. Những việc quan trọng xảy ra và kết quả giải quyết.

II. KẾT QUẢ CUỘC BẦU CỬ

1. Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội về số lượng, cơ cấu, thành phần, trình độ của người trúng cử.

2. Kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp về số lượng, cơ cấu, thành phần, trình độ của người trúng cử.

3. Số đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu phải tổ chức bầu cử lại do có dưới 50% tổng số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu; số đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu phải tổ chức bầu cử thêm do bầu không đủ số lượng đại biểu được ấn định.

4. Số đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu bị hủy kết quả bầu cử do vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm và kết quả đạt được.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất.

2. Kiến nghị.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 *(có kèm theo Biểu thống kê chính thức kết quả bầu cử theo Mẫu số 31/HĐBC),* Ủy ban bầu cử tỉnh/thành phố..... trân trọng báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia.

TM. ỦY BAN BẦU CỬ
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Nơi nhận
- *Như trên;*
- *Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia;*
- *Bộ Nội vụ;*
- *……;*
- *Lưu VT.*

Mẫu số 30/HĐBC

ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH/THÀNH PHỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU THỐNG KÊ
CHÍNH THỨC KẾT

....., ngày..... tháng..... năm 2026

QUẢ CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

I. KẾT QUẢ CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

STT	Cấp bầu cử	Cử tri			Đơn vị bầu cử							Khu vực bỏ phiếu					Phiếu bầu cử				
		Tổng số cử tri (trong danh sách)	Số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Tỷ lệ cử tri đã tham gia bỏ phiếu (%)	Tổng số đơn vị bầu cử	Số đơn vị chỉ có 01 khu vực bỏ phiếu	Số đơn vị có dưới 50% tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu	Số đơn vị bị hủy kết quả bầu cử	Số đơn vị phải bầu cử lại	Số đơn vị phải bầu cử thêm	Số đơn vị bầu thiếu đại biểu (*)	Tổng số khu vực bỏ phiếu	Số khu vực có dưới 50% tổng số cử tri đi bỏ phiếu	Số khu vực bị hủy kết quả bầu cử	Số khu vực phải bầu cử lại	Số khu vực phải bầu cử thêm	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu vào	Tỷ lệ phiếu thu vào/ phát ra (%)	Số phiếu hợp lệ	Tỷ lệ phiếu hợp lệ/ thu vào (%)
I	ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI																				

II	ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN																				
1	Cấp tỉnh																				
2	Cấp xã																				
	Tổng cộng																				

II. CƠ CẤU, THÀNH PHẦN NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Số đại biểu được ấn định	Số đại biểu trúng cử	Nữ	Dân tộc thiểu số	Trẻ tuổi (dưới 40 tuổi)	Ngoài Đảng	Tái cử	Tôn giáo	Tự ứng cử	Trình độ chuyên môn			Trình độ lý luận chính trị			Cơ quan đảng	Chính quyền	UBMTTQVN và tổ chức thành viên	Tòa án nhân dân	Viện kiểm sát nhân dân	Quân đội, Công an	Cơ quan, đơn vị khác
									Dưới đại học	Đại học	Sau đại học	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân							

III. CƠ CẤU NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

STT	Cấp bầu cử	Số đại biểu được bầu	Số đại biểu trúng cử	Nữ		Dân tộc thiểu số		Trẻ tuổi (dưới 40 tuổi)		Ngoài Đảng		Tái cử (tỷ lệ so với số người trúng cử)		Tôn giáo		Tự ứng cử		Trình độ chuyên môn (tỷ lệ %)			Trình độ lý luận chính trị (tỷ lệ %)		
				Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Dưới đại học	Đại học	Sau đại học	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân
1	Cấp tỉnh																						
2	Cấp xã																						

IV. THÀNH PHẦN NGƯỜI TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

STT	Cấp bầu cử	Số ĐB trúng cử	Cơ quan đảng		Chính quyền		UBMTTQVN và tổ chức thành viên		Tòa án nhân dân		Viện kiểm sát nhân dân		Quân đội, Công an		Cơ quan, đơn vị khác	
			Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Cấp tỉnh															
2	Cấp xã															

TM. ỦY BAN BẦU CỬ

Chủ tịch

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

(*) Đơn vị bầu thiếu là đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội có số người trúng cử chưa đủ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ấn định cho đơn vị bầu cử đó hoặc đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân có số người trúng cử chưa đủ 2/3 số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ấn định cho đơn vị bầu cử đó.

Mẫu số 31/HĐBC

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU(*).....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm 2026

DANH SÁCH CỬ TRI
BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

Khu vực bỏ phiếu số (*).....thuộc xã/phường/đặc khu..... tỉnh/thành phố.....

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Số Căn cước	Dân tộc	Nơi cư trú			Bầu cử ĐBQH	Bầu cử đại biểu HĐND		Ghi chú
							Thường trú	Tạm trú	Nơi ở hiện tại		Tỉnh, thành phố	Xã/phường, đặc khu	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7a)	(7b)	(7c)	(8)	(9)	(10)	(11)
1													
2													
Tổng số													

Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu là:..... người; trong đó có:..... Nam;..... Nữ.

Cử tri tham gia bầu cử ĐBQH:..... người;

Cử tri tham gia bầu cử đại biểu HĐND tỉnh, thành phố..... người;

Cử tri tham gia bầu cử đại biểu HĐND xã, phường, đặc khu..... người;

Danh sách này được lập tại..... ngày..... tháng.... năm 2026.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN (***)

Chủ tịch

(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban nhân dân)

Ghi chú:

(*) Ghi số thứ tự của khu vực bỏ phiếu.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cử tri ở địa phương về việc lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu. Các cử tri đang đăng ký thường trú tại địa bàn được ghi tên vào danh sách cử tri tại nơi mình thường trú; trường hợp cử tri có nguyện vọng bỏ phiếu ở nơi khác thì cần thông báo lại để Ủy ban nhân dân cấp xã không ghi tên vào danh sách cử tri ở địa phương. Trong quá trình lập danh sách cử tri, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ ghi vào danh sách những cử tri đang đăng ký tạm trú ở địa phương mình nếu cử tri đó thể hiện rõ nguyện vọng được tham gia bỏ phiếu tại nơi mình tạm trú (có thể bằng văn bản hoặc trực tiếp bằng lời nói với người có trách nhiệm, ví dụ như trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc cán bộ phụ trách công tác lập danh sách cử tri của Ủy ban nhân dân cấp xã...).

Việc điền thông tin ở các nội dung trong bảng danh sách được thực hiện như sau:

- Cột (1) ghi họ và tên cử tri xếp theo hộ gia đình hoặc theo tổ chức, đơn vị nơi cử tri đăng ký tham gia bỏ phiếu (ví dụ bệnh viện, nhà an dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, đơn vị vũ trang nhân dân,...). Trường hợp danh sách lập theo hộ gia đình thì tên chủ hộ xếp lên đầu; các hộ xếp theo thứ tự từ đầu xóm đến cuối xóm (ở nông thôn), từ đầu phố đến cuối phố (ở thành thị) hoặc theo một thứ tự thích hợp với đặc điểm của địa phương.

- Cột (2) cần ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh. Đối với cử tri sinh từ năm 2007 trở về trước, nếu không xác định được chính xác ngày sinh, tháng sinh thì chỉ cần ghi năm sinh.

- Các cột (3), (4) đánh dấu (X) theo giới tính của cử tri.

- Cột (5) ghi đầy đủ Số căn cước.

- Cột (6) ghi rõ: Kinh, Tày, Nùng,...

- Cột (7a), (7b) chỉ ghi địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của cử tri vào cột tương ứng tùy theo nơi cử tri có nguyện vọng đăng ký tham gia bỏ phiếu.

+ Trường hợp cử tri đăng ký bỏ phiếu ở nơi tạm trú thì ghi chú vào cột (11) thời gian bắt đầu đăng ký tạm trú.

+ Trường hợp cử tri là quân nhân đăng ký bỏ phiếu tại đơn vị vũ trang nhân dân thì ghi tên đơn vị hành chính cấp xã nơi đơn vị đóng quân.

+ Trường hợp cử tri là đối tượng quy định tại Điều 34 của Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND, cử tri đăng ký bỏ phiếu theo tổ chức, đơn vị (bệnh viện,

nhà an dưỡng, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, cơ sở cách ly phòng chống dịch bệnh...) thì ghi tên và địa chỉ của tổ chức, đơn vị nơi tổ chức đăng ký lập danh sách cử tri.

- Cột (7c) ghi trường hợp các cử tri không đủ điều kiện hoặc chưa đăng ký thường trú, tạm trú.

- Các cột (7), (8), (9), (10) thực hiện đánh dấu như sau:

+ Cử tri đăng ký bỏ phiếu ở nơi thường trú hoặc nơi tạm trú có thời gian đăng ký tạm trú từ 12 tháng trở lên tính đến ngày bầu cử thì đánh dấu (X) vào các cột (7a, 7b), (8), (9), (10)

+ Cử tri đăng ký bỏ phiếu tại nơi tạm trú mà thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng tính đến ngày bầu cử, cử tri là quân nhân (lực lượng vũ trang) bỏ phiếu tại đơn vị vũ trang nhân dân thì đánh dấu (X) vào cột (8), (9)

+ Các cử tri còn lại đánh dấu (X) vào cột (8) và (9).

+ Đánh dấu (0) vào các ô còn lại.

- Cột (11) ghi chú cụ thể về các nội dung sau đây:

+ Đối với cử tri là người tạm trú đăng ký bỏ phiếu tại địa phương thì ghi thời gian bắt đầu đăng ký tạm trú tại địa phương (bắt đầu tạm trú từ năm 2024 trở về trước thì chỉ cần ghi năm; từ năm 2024 đến nay thì ghi rõ tháng và năm) để làm cơ sở xác định số cấp Hội đồng nhân dân mà cử tri được tham gia bầu cử.

+ Cử tri thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND thì ghi "Người đang bị tạm giam", "Người đang bị tạm giữ" "Người đang chấp hành biện pháp...".

+ Cử tri đã được cấp Giấy chứng nhận để đi bỏ phiếu ở nơi khác thì ghi "Bỏ phiếu ở nơi khác"; cử tri là quân nhân đã xin cấp giấy chứng nhận để tham gia bỏ phiếu ở nơi cư trú thì ghi "Bỏ phiếu ở nơi cư trú".

+ Cử tri được bổ sung vào danh sách cử tri theo quy định tại Điều 34 của Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND thì ghi "Cử tri không cư trú ở địa phương".

+ Việc xóa tên trong danh sách cử tri theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 30 của Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND

– Trường hợp Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký thay Chủ tịch thì trình bày như sau:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
Phó Chủ tịch

Mẫu số 32/HĐBC

TỔ BẦU CỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VIỆC SỬ DỤNG PHIẾU BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031

Khu vực bỏ phiếu số: .....

Thuộc xã/phường/đặc khu:.....

Tỉnh/thành phố: .....

Vào hồi..... giờ....., ngày..... tháng..... năm 2026, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử đã tiến hành kiểm kê và lập biên bản về việc sử dụng phiếu bầu dưới sự chứng kiến của hai cử tri không phải là người ứng cử gồm:

1. Ông/Bà..... Nơi ở hiện nay:.....

2. Ông/Bà..... Nơi ở hiện nay:.....

Kết quả kiểm kê việc sử dụng phiếu bầu cử như sau:

1. Số phiếu Tổ bầu cử đã nhận về là:..... phiếu

Trong đó: Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội là:..... phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh là:..... phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp xã là:.....phiếu

2. Số phiếu phát ra là:..... phiếu

Trong đó: Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội là:..... phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh là:..... phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp xã là:..... phiếu

3. Số phiếu cử tri đổi do gạch hỏng là:..... phiếu

Trong đó: Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội là:..... phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh là:..... phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp xã là:..... phiếu

4. Số phiếu còn lại không sử dụng đến là:.....phiếu

Trong đó: Phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội là:..... phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp tỉnh là:..... phiếu

Phiếu bầu cử đại biểu HĐND cấp xã là:..... phiếu

Sau khi kiểm kê, Tổ bầu cử đã niêm phong toàn bộ số phiếu chưa sử dụng và số phiếu cử tri đổi do gạch hỏng.

Biên bản kiểm kê việc sử dụng phiếu bầu được lập thành **05** bản và được gửi đến:

- Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử số..... (kèm theo số phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội đã được niêm phong);

- Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố....., đơn vị bầu cử số..... (kèm theo số phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã được niêm phong);

- Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/đặc khu....., đơn vị bầu cử số..... (kèm theo số phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã đã được niêm phong);

- Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

...., ngày... tháng.... năm 2026

CỬ TRI THỨ NHẤT CHỨNG KIẾN VIỆC KIỂM PHIẾU *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	TM. TỔ BẦU CỬ **Tổ trưởng** (Ký, ghi rõ họ và tên, *đóng dấu của Tổ bầu cử)*	THƯ KÝ **Tổ bầu cử** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Lưu ý:

- Số phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân từng cấp chưa sử dụng hoặc cử tri đổi do gạch hỏng được xếp thành từng loại và niêm phong vào các bì riêng, bên ngoài ghi rõ thông tin về Tổ bầu cử, đơn vị hành chính cấp xã nơi có Tổ bầu cử và dòng chữ:

- Phiếu bầu đại biểu Quốc hội chưa sử dụng hoặc gạch hỏng.

- Phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố... chưa sử dụng hoặc gạch hỏng.

- Phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân xã/phường/đặc khu..... chưa sử dụng hoặc gạch hỏng.

Tổ bầu cử gửi bì niêm phong từng loại phiếu bầu kèm theo Biên bản này đến từng Ban bầu cử tương ứng.

Mẫu số 33/HĐBC-QH

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../NQ-HĐBCQG	*Hà Nội, ngày..... tháng... năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội khóa XVI

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

- Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

- Căn cứ kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Quốc hội và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Xác nhận [(1)]..... ông, bà (có danh sách kèm theo)[(2)] đã trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, nhiệm kỳ 2026-2031 có đủ tư cách để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của Hội đồng bầu cử quốc gia)

Nơi nhận
- *Các ông, bà có tên trong danh sách;*
- *Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*
- *Chính phủ;*
- *UBTWMTTQVN;*
- *Lưu HC,...*

Ghi chú:

(1) Ghi tổng số người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Quốc hội.

(2) Danh sách những người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Quốc hội được lập theo Mẫu số 34/HĐBC-QH.

Mẫu số 34/HĐBC-QH

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH
NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC XÁC NHẬN ĐỦ TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số.... ngày... tháng.... năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc xác nhận tư cách Đại biểu Quốc hội khóa XVI)

I. TỈNH/THÀNH PHỐ[2]

Đơn vị bầu cử số 1 (Gồm.....)[3]

.....

1. Bà Nguyễn Thị A[4] .....

2. Ông Nguyễn Văn B .....

.....

II. TỈNH/THÀNH PHỐ

Đơn vị bầu cử số 1 (Gồm.....).....

.....

Ghi chú:

(1) Đóng dấu treo của Hội đồng bầu cử quốc gia và dấu giáp lai giữa các trang của danh sách.

(2) Tên tỉnh, thành phố được xếp theo vần chữ cái A, B, C.

(3) Đơn vị bầu cử được xếp theo số thứ tự.

(4) Tên người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Quốc hội được xếp theo vần chữ cái A, B, C.

Mẫu số 35/HĐBC-HĐND

ỦY BAN BẦU CỬ [(1)].....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../NQ-UBBC	*[(1)]....., ngày..... tháng.....năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031

ỦY BAN BẦU CỬ[(1)].....

- Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Căn cứ kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

QUYẾT NGHỊ:

Xác nhận[(2)].....ông, bà (có danh sách kèm theo)[(3)] đã trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân[(1)]..... khóa[(4)]....., nhiệm kỳ 2026-2031 có đủ tư cách để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

TM. ỦY BAN BẦU CỬ
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Nơi nhận
- *Các ông, bà có tên trong danh sách;*
- *Thường trực HĐND[(1)]...;*
- *Ủy ban nhân dân[(1)]....;*
- *UBTWMTTQVN[(1)]...;*
- *Lưu VT,...*

Ghi chú:

(1) Ghi tên đơn vị hành chính nơi tổ chức Ủy ban bầu cử.

(2) Ghi tổng số người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân.

(3) Danh sách những người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân được lập theo Mẫu số 34/HĐBC-HĐND.

(4) Ghi khóa của Hội đồng nhân dân.

Mẫu số 36/HĐBC-HĐND

ỦY BAN BẦU CỬ[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
[2].....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC XÁC NHẬN ĐỦ TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN[2]..... KHÓA[3).....,
NHIỆM KỲ 2026-2031

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...../NQ-HĐBCQG ngày... tháng..... năm 2026 của Ủy ban bầu cử[2]..... về việc xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031)

Đơn vị bầu cử số 1[4] (Gồm[5]....).....

1. Bà Nguyễn Thị A[6]... .....

2. Ông Nguyễn Văn B.... .....

Đơn vị bầu cử số 2 (Gồm....).....

1 .....

2 .....

Ghi chú:

(1) Đóng dấu treo của Ủy ban bầu cử và dấu giáp lai giữa các trang của danh sách.

(2) Ghi tên đơn vị hành chính nơi tổ chức Ủy ban bầu cử.

(3) Ghi khóa của Hội đồng nhân dân.

(4) Đơn vị bầu cử được xếp theo số thứ tự.

(5) Tên các đơn vị hành chính cấp dưới hoặc thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi đơn vị bầu cử.

(6) Tên người được xác nhận đủ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân được xếp theo vần chữ cái A, B, C.

Mẫu số 37/HĐBC-QH

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../HĐBCQG	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2026*

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đại biểu Quốc hội khóa XVI

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số.....-NQ-HĐBCQG ngày... tháng... năm 2026 của Hội đồng bầu cử quốc gia về việc xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội khóa XVI;

CHỨNG NHẬN:

Ông/Bà .....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

Là đại biểu Quốc hội khóa XVI, nhiệm kỳ 2026-2031, trúng cử tại đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội số.... thuộc.....(tên tỉnh/thành phố nơi đại biểu ứng cử).

TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Hội đồng bầu cử quốc gia)

Ghi chú:

Kích thước mẫu Giấy chứng nhận đại biểu Quốc hội khóa XVI bằng một trang giấy A4 (29,7cm x 21cm) theo chiều dọc khổ giấy.

Mẫu số 38/HĐBC-HĐND

ỦY BAN BẦU CỬ [1]..... -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../UBBC	*[1]....., ngày..... tháng... năm 2026*

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đại biểu Hội đồng nhân dân.....

Khóa[2]....., nhiệm kỳ 2026-2031

ỦY BAN BẦU CỬ[1].....

- Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số...../NQ-UBBC ngày... tháng... năm... của Ủy ban bầu cử[1]..... về việc xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031;

CHỨNG NHẬN:

Ông (Bà):.....

Sinh ngày.....tháng.....năm……..…..

Là đại biểu Hội đồng nhân dân[1].....khóa[2]....., nhiệm kỳ 2026-2031, trúng cử tại đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân số[3]..... thuộc.....

TM. ỦY BAN BẦU CỬ
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ và tên,
đóng dấu của Ủy ban bầu cử)

Ghi chú:

Kích thước mẫu Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân bằng một trang giấy A4 (29,7cm x 21cm) theo chiều dọc khổ giấy.

(1) Ghi tên đơn vị hành chính nơi tổ chức Ủy ban bầu cử.

(2) Ghi khóa của Hội đồng nhân dân.

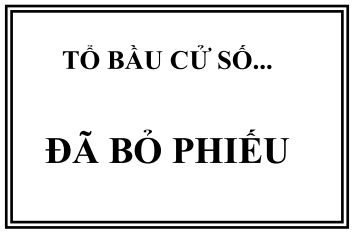
(3) Ghi số thứ tự của đơn vị bầu cử.

Mẫu số 39/HĐBC

MẪU DẤU
ĐÃ BỎ PHIẾU CỦA TỔ BẦU CỬ

1. Dấu bằng gỗ hoặc cao su do địa phương quyết định, hình chữ nhật, dài 04 cm rộng 2,5 cm, có hai viền chỉ.

2. Trên mặt dấu có chữ: "Đã bỏ phiếu"; trên là tên "Tổ bầu cử số...". Theo hình sau:



3. Sau khi kết thúc cuộc bầu cử, việc quản lý con dấu "Đã bỏ phiếu" đề nghị Tổ bầu cử bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để lưu giữ và quản lý; có biên bản giao nhận.

10. NGHỊ QUYẾT SỐ 1891/NQ-UBTVQH15 NGÀY 10/11/2025 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15;

Xét đề nghị của Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu tại Tờ trình số 1121/TTr-UBCTĐB15 ngày 05 tháng 11 năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XVI

Tổng số đại biểu Quốc hội khoá XVI là 500 người.

Điều 2. Số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở trung ương và địa phương

Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội ở trung ương và địa phương như sau:

1. Số lượng đại biểu ở các cơ quan trung ương là 217 đại biểu (43,4%)

Số lượng đại biểu ở các cơ quan trung ương được phân bổ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau:

- Các cơ quan Đảng: 10 đại biểu (2,0%).

- Cơ quan Chủ tịch nước: 03 đại biểu (0,6%).

- Các cơ quan của Quốc hội (đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương) 145 đại biểu (29%).

- Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ: 15 đại biểu (3,0%).

- Bộ Quốc phòng (bao gồm Bộ trưởng, cơ quan Bộ, các quân khu, quân chủng): 13 đại biểu (2,6%);

- Bộ Công an (bao gồm Bộ trưởng): 3 đại biểu (0,6%).

- Tòa án nhân dân tối cao: 01 đại biểu (0,2%).

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao: 01 đại biểu (0,2%).

- Kiểm toán Nhà nước: 01 đại biểu (0,2%).

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 25 đại biểu (5%).

2. Số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương là 283 đại biểu (56,6%)

Số lượng đại biểu Quốc hội ở địa phương được phân bổ như sau:

a) Cơ cấu định hướng: 179 đại biểu (35,8%)

Cơ cấu định hướng là cơ cấu khung để các tỉnh, thành phố làm căn cứ để giới thiệu người ứng cử, gồm:

- Lãnh đạo chủ chốt ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiêm Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội: 34 đại biểu (6,8%).

- Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội 55 đại biểu (11%). Trong đó: 17 tỉnh, thành phố bố trí 1 đại biểu chuyên trách; 13 tỉnh, thành phố bố trí 2 đại biểu chuyên trách; 4 tỉnh, thành phố bố trí 3 đại biểu chuyên trách.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 28 đại biểu (5,6%).

- Đại biểu tôn giáo: 06 đại biểu (1,2%).

- Quân đội (bao gồm Bộ Chỉ huy quân sự và Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng cấp tỉnh): 14 đại biểu (2,8%).

- Công an: 9 đại biểu (1,8%).

- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Sở Tư pháp: 13 đại biểu (2,6%), trong đó: Tòa án nhân dân 5 đại biểu; Viện kiểm sát nhân dân 4 đại biểu; Sở Tư pháp 4 đại biểu.

- Viện nghiên cứu, trường đại học, học viện: 10 đại biểu (2%).

- Doanh nghiệp, hiệp hội, nghiệp đoàn về lĩnh vực sản xuất kinh doanh: 10 đại biểu (2%).

b) Cơ cấu hướng dẫn do các địa phương giới thiệu 104 đại biểu (20,8%)

Cơ cấu hướng dẫn là cơ cấu linh hoạt để các tỉnh, thành phố làm căn cứ để giới thiệu người ứng cử, gồm đại diện các ngành: khoa học - công nghệ, tài chính, giáo dục, y tế, văn hóa - nghệ thuật, đại diện chính quyền cơ sở, nội chính, nhân sĩ, trí thức... Trong cơ cấu này, cần quan tâm phân bổ hợp lý số người là phụ nữ, người ngoài Đảng, dân tộc, trẻ tuổi và tự ứng cử.

3. Cơ cấu kết hợp

Cơ cấu kết hợp là các cơ cấu theo chỉ tiêu kết hợp. Một người ứng cử đại biểu Quốc hội có thể có nhiều hơn một cơ cấu kết hợp, gồm:

- Đại biểu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoảng 80-90 đồng chí (16%-18%), trong đó có 12-14 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư.

- Đại biểu là người ngoài Đảng: Từ 25-50 đại biểu (5%-10%).

- Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi): Khoảng 50 đại biểu (10%).

- Đại biểu tái cử: Khoảng 160 đại biểu (32%).

- Đại biểu là người dân tộc thiểu số bảo đảm tỷ lệ ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số. Chú ý đến các dân tộc ít người chưa tham gia đại biểu Quốc hội.

- Đại biểu là phụ nữ bảo đảm tỷ lệ ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

4. Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm bầu đủ số lượng 500 đại biểu, đáp ứng tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, có cơ cấu phù hợp, là người tiêu biểu đại diện các ngành, các giới và các tầng lớp Nhân dân; không nên kết hợp nhiều cơ cấu đối với một đại biểu.

Điều 3. Dự kiến phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội khoá XVI được bầu tại các tỉnh, thành phố

1. Dự kiến phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố theo nguyên tắc:

- Mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất là 04 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương;

- Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương, bảo đảm tổng số đại biểu Quốc hội dự kiến được bầu là 500 đại biểu;

- Bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất là 07 đại biểu.

2. Dự kiến phân bổ số đại biểu trung ương về ứng cử ở địa phương theo nguyên tắc:

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 7 đến 10 đại biểu thì có 3-4 đại biểu trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 11 đến 15 đại biểu thì có 5-6 đại biểu trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 16 đến 17 đại biểu thì có 7-8 đại biểu trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 18 đến 19 đại biểu thì có 8-9 đại biểu trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 21 đại biểu thì có 9-10 đại biểu trung ương;

- Đoàn đại biểu Quốc hội có 32 đến 38 đại biểu thì có 15-17 đại biểu trung ương.

3. Số lượng đại biểu Quốc hội khóa XVI dự kiến được bầu ở các tỉnh, thành phố được phân bổ chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Dự kiến cơ cấu, thành phần và những người được giới thiệu ứng cử

Căn cứ quy định tại các điều 1, 2 và 3 của Nghị quyết này và Điều 8 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội dự kiến cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội; số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội để bảo đảm tỷ lệ đại diện hợp lý của các tầng lớp Nhân dân trong Quốc hội khóa XVI.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Hội đồng bầu cử quốc gia, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Chủ tịch

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC

DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU, THÀNH PHẦN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI Ở CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

(Ban hành Kèm theo Nghị quyết số 1891/NQ-UBTVQH15 ngày 10/11/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

STT	Tỉnh/Thành phố	Dự kiến Đại biểu Quốc hội khóa XVI		
		Tổng số	Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở trung ương giới thiệu	Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở địa phương giới thiệu
1	Tỉnh Lai Châu	7	3	4
2	Tỉnh Cao Bằng	7	3	4
3	Tỉnh Điện Biên	7	3	4
4	Tỉnh Lạng Sơn	7	3	4
5	Tỉnh Sơn La	9	3	6
6	Thành phố Huế	9	3	6
7	Tỉnh Quảng Ninh	9	3	6
8	Tỉnh Hà Tĩnh	9	3	6
9	Tỉnh Thái Nguyên	10	4	6
10	Tỉnh Lào Cai	10	4	6
11	Tỉnh Quảng Trị	10	4	6
12	Tỉnh Tuyên Quang	10	4	6
13	Tỉnh Quảng Ngãi	11	5	6
14	Tỉnh Khánh Hòa	12	5	7
15	Tỉnh Cà Mau	13	5	8
16	Thành phố Đà Nẵng	14	6	8
17	Tỉnh Tây Ninh	15	6	9
18	Tỉnh Đắk Lắk	15	6	9
19	Tỉnh Bắc Ninh	16	7	9
20	Tỉnh Hưng Yên	16	7	9
21	Tỉnh Gia Lai	16	7	9

STT	Tỉnh/Thành phố	Dự kiến Đại biểu Quốc hội khóa XVI		
		Tổng số	Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở trung ương giới thiệu	Đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở địa phương giới thiệu
22	Tỉnh Nghệ An	16	7	9
23	Tỉnh Lâm Đồng	17	8	9
24	Tỉnh Phú Thọ	17	8	9
25	Tỉnh Thanh Hóa	17	8	9
26	Thành phố Cần Thơ	18	8	10
27	Tỉnh Đồng Tháp	18	8	10
28	Tỉnh Vĩnh Long	18	8	10
29	Tỉnh Đồng Nai	18	8	10
30	Tỉnh Ninh Bình	19	9	10
31	Thành phố Hải Phòng	19	9	10
32	Tỉnh An Giang	21	10	11
33	Thành phố Hà Nội	32	15	17
34	TP Hồ Chí Minh	38	17	21
	Tổng số	**500**	**217**	**283**

11. NGHỊ QUYẾT SỐ 5/NQ-HĐBCQG NGÀY 10/7/2025 CỦA HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Về ban hành quy chế làm việc của Hội đồng bầu cử quốc gia

NGHỊ QUYẾT

BAN HÀNH QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 211/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia; Nghị quyết số 212/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia; Nghị quyết số 215/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội phê chuẩn danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy viên Hội đồng bầu quốc gia;

Xét đề nghị của Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu tại Tờ trình số 533/TTr-UBCTĐB15 ngày 02/7/2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này "Quy chế làm việc của Hội đồng bầu cử quốc gia".

Điều 2. Thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban giúp việc Hội đồng bầu cử quốc gia, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, các cơ quan,

tổ chức và cá nhân có liên quan theo trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo Quy chế kèm theo.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
Chủ tịch

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 5/NQ-HĐBCQG ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc làm việc; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia; hình thức làm việc, chế độ báo cáo của Hội đồng bầu cử quốc gia; hoạt động của các Tiểu ban và Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.

Điều 2. Nguyên tắc và hình thức làm việc của Hội đồng bầu cử quốc gia

1. Hội đồng bầu cử quốc gia làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Các hình thức làm việc của Hội đồng bầu cử quốc gia bao gồm: phiên họp toàn thể, cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia.

1. Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia lãnh đạo, điều hành toàn bộ hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia, triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng bầu cử quốc gia; phân công nhiệm vụ cho các Phó Chủ tịch, các thành viên và chỉ đạo hoạt động của các Tiểu ban, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; ký các văn bản, quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, thay mặt Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia giải quyết công việc khi được phân công, ủy quyền.

3. Các thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia, thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

Điều 3. Chế độ họp

1. Hội đồng bầu cử quốc gia họp theo chương trình làm việc để đánh giá tiến độ, lãnh đạo, chỉ đạo công tác bầu cử.

Phiên họp toàn thể của Hội đồng bầu cử quốc gia được tổ chức công khai và phải bảo đảm ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự. Trường hợp thành viên Hội đồng không tham dự được phải báo cáo và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Phiên họp bất thường được tổ chức khi có yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số thành viên hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia. Hội đồng bầu cử quốc gia có thể họp nội bộ do Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định.

3. Căn cứ nội dung phiên họp, Hội đồng bầu cử quốc gia mời đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan dự họp và phát biểu ý kiến khi được yêu cầu.

4. Tài liệu phục vụ phiên họp phải được gửi đến thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là hai ngày trước ngày họp, trừ phiên họp bất thường.

5. Nội dung phiên họp được ghi biên bản, có thông báo kết luận hoặc ban hành nghị quyết khi cần thiết.

6. Nghị quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên tán thành. Hình thức biểu quyết do Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định.

7. Sau mỗi phiên họp, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm dự thảo thông báo kết luận và hoàn thiện các văn bản của Hội đồng bầu cử quốc gia; giúp Tiểu ban văn bản pháp luật và thông tin, tuyên truyền làm thông cáo báo chí về nội dung phiên họp. Thông cáo báo chí được đăng trên trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 4. Các cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia

1. Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia tổ chức cuộc họp với các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, các Ủy viên được phân công phụ trách nội dung liên quan để xử lý các công việc đột xuất trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Tùy nội dung công việc, các Phó Chủ tịch, các Trưởng Tiểu ban, các Ủy viên của Hội đồng bầu cử quốc gia tổ chức cuộc họp với các cơ quan, tổ chức hữu quan để triển khai nhiệm vụ được giao. Nội dung và kết quả cuộc họp được báo cáo với Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

Điều 5. Xin ý kiến bằng văn bản

1. Tùy nội dung, yêu cầu và tính chất công việc, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định việc xin ý kiến của các thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia bằng hình thức gửi văn bản.

2. Các thành viên khi nhận được văn bản xin ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu, trả lời và gửi lại ngay theo thời gian yêu cầu.

Điều 6. Chế độ báo cáo

1. Hội đồng bầu cử quốc gia báo cáo về hoạt động trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Hội đồng bầu cử quốc gia báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Hội đồng bầu cử quốc gia thường xuyên báo cáo với Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình, kết quả tổ chức bầu cử.

4. Tại kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa XV, Hội đồng bầu cử quốc gia báo cáo Quốc hội về kết quả hoạt động từ khi thành lập và công tác chuẩn bị bầu cử trong cả nước.

5. Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI, Hội đồng bầu cử quốc gia trình Quốc hội Báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và Báo cáo xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội.

Điều 7. Chỉ đạo, điều hòa hoạt động của các Tiểu ban, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia

1. Hội đồng bầu cử quốc gia thành lập Tiểu ban Nhân sự; Tiểu ban Văn bản pháp luật và Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Tiểu ban Thông tin, tuyên truyền; Tiểu ban bảo đảm An ninh, trật tự và an toàn xã hội, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia để giúp Hội đồng bầu cử quốc gia thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong tổ chức bầu cừ đại biểu Quốc hội và chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo, điều hòa hoạt động của các Tiểu ban, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.

3. Các Tiểu ban và Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia xây dựng Quy chế hoạt động, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 2 tuần một lần với Hội đồng bầu cử quốc gia và báo cáo đột xuất hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Các thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban và Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo về Hội đồng bầu cử quốc gia để xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được áp dụng trong toàn bộ quá trình chuẩn bị, tổ chức, tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
Chủ tịch

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn

12. NGHỊ QUYẾT SỐ 06/NQ-HĐBCQG NGÀY 11/7/2025 CỦA HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 211/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia;

Nghị quyết số 212/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia;

Nghị quyết số 215/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội phê chuẩn danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia;

Theo đề nghị của Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu tại Tờ trình số 533/TTr-UBCTĐBQH15 ngày 02 tháng 7 năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân công nhiệm vụ đối với thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia như sau:

1. Ông Trần Thanh Mẫn, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia: Chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia; Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia; Chỉ đạo chung về công tác bầu cử và trực tiếp chỉ đạo công tác bầu cử tại Thành phố Cần Thơ và tỉnh Khánh Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng bầu cử quốc gia, Trưởng Tiểu Ban Nhân sự: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc điều hành công việc thường xuyên của Hội đồng bầu cử quốc gia, các nội dung liên quan về công tác nhân sự và hoạt động của Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; Chỉ đạo công tác bầu cử tại thành phố Hải Phòng và tỉnh Tây Ninh.

3. **Ông Nguyễn Hòa Bình**, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia: Giúp Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc phối hợp công tác với Chính phủ, chỉ đạo công tác nhân sự khối Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh Lâm Đồng, Quảng Ngãi.

4. Ông Đỗ Văn Chiến, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia: Giúp Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong công tác nhân sự khối Mặt trận tổ quốc; Hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội; Hướng dẫn công tác hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và công tác tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định; Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử liên quan đến hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh Quảng Trị, Tuyên Quang.

5. Bà Võ Thị Ánh Xuân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia: Giúp Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc chỉ đạo, hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong quá trình triển khai công tác bầu cử; Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh Đồng Nai, Vĩnh Long.

6. Ông Lê Minh Hưng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia:

Giúp Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc phối hợp chỉ đạo về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân diện

Trung ương quản lý; Chỉ đạo công tác bầu cử tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Ninh Bình.

7. Ông Nguyễn Duy Ngọc, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia: Giúp Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc phối hợp chỉ đạo hướng dẫn, thẩm tra, xác minh, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, xem xét tư cách đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên.

8. Ông Nguyễn Trọng Nghĩa, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia: Giúp Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, vận động bầu cử; Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh Đồng Tháp, Gia Lai.

9. Ông Phan Văn Giang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia: Giúp Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc phối hợp chỉ đạo bảo đảm quốc phòng, an ninh trong công tác bầu cử; Chỉ đạo cán bộ, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng, lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, tham gia các hoạt động phục vụ công tác bầu cử; Chỉ đạo công tác bầu cử trong Quân đội nhân dân và các tỉnh Thái Nguyên, An Giang.

10. Ông Lương Tam Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia: Giúp Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc phối hợp chỉ đạo bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong công tác bầu cử; Chỉ đạo cán bộ, chiến sỹ công an nhân dân, công nhân công an tham gia các hoạt động phục vụ công tác bầu cử; Chỉ đạo công tác bầu cử trong Công an nhân dân và tỉnh Cao Bằng, Thành phố Huế.

11. Ông Nguyễn Khắc Định, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia, Trưởng Tiểu ban Văn bản pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc hướng dẫn thực hiện quy định của pháp luật về bầu cử, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Chỉ đạo công tác bầu cử tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh.

12. Ông Trần Quang Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia, Trưởng Tiểu ban bảo đảm

an ninh, trật tự và an toàn xã hội: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc chỉ đạo, phối hợp công tác bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội; Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An.

13. Ông Nguyễn Đức Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia, Trưởng Tiểu ban Thông tin tuyên truyền: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền về bầu cử; Chỉ đạo công tác bầu cử tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Hà Tĩnh.

14. Bà Nguyễn Thanh Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Công tác đại biểu, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu; Xác định cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; Tiếp nhận, xem xét hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội; Chỉ đạo công tác bầu cử tại các tỉnh Phú Thọ, Lào Cai.

15. Ông Lê Quang Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia, Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: Tham mưu, phục vụ toàn bộ hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia trong công tác bầu cử; Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc phối hợp với các cơ quan có liên quan dự toán, phân bổ và thực hiện kinh phí bầu cử; Bảo đảm cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia và các Tiểu ban; Chỉ đạo công tác bầu cử các tỉnh Điện Biên, Lai Châu.

16. Ông Lâm Văn Mẫn, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo chỉ đạo việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự ứng cử là người dân tộc thiểu số tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; Phối hợp chỉ đạo công tác

vận động đồng bào các dân tộc tích cực tham gia hoạt động bầu cử; Chỉ đạo công tác bầu cử tại tỉnh Cà Mau.

17. Bà Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc phối hợp với Chính phủ và các cơ quan, tổ chức hữu quan chỉ đạo, hướng dẫn bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Chỉ đạo công tác bầu cử tại tỉnh Lạng Sơn.

18. Ông Bùi Quang Huy, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia, tình nguyện các hoạt động phục vụ công tác bầu cử, nhất là tại các xã, phường, đặc khu thuộc vùng sâu, xa, khó khăn; Chỉ đạo công tác bầu cử tại tỉnh Đắk Lắk.

19. Bà Nguyễn Thị Tuyến, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia: Giúp Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam chỉ đạo lựa chọn, giới thiệu người ứng cử là phụ nữ tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; Phối hợp chỉ đạo công tác vận động phụ nữ tích cực tham gia các hoạt động phục vụ công tác bầu cử; Chỉ đạo công tác bầu cử tại tỉnh Sơn La.

Điều 2. Các ông, bà có tên tại Điều 1 theo trách nhiệm triển khai nhiệm vụ được phân công nhằm góp phần tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 đảm bảo đạt kết quả tốt.

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

TM HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA
Chủ tịch

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn

13. THÔNG TRI SỐ 04/TT-MTTW-BTT NGÀY 04/11/2025 CỦA BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Căn cứ Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13; Luật số 97/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Luật số 85/2015/QH13 về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là Luật Bầu cử năm 2015); Luật số 83/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là Luật Bầu cử sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 199/2025/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 21/5/2025 về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri;

việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 -2031, cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Đối tượng kiểm tra

- *Ở trung ương:* Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam kiểm tra công tác bầu cử đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, thành phố (gọi chung là cấp tỉnh); Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã) và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư.

- *Ở địa phương*:

+ Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh kiểm tra công tác bầu cử đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư.

+ Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã kiểm tra công tác bầu cử đối với Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư.

2. Đối tượng giám sát

- *Ở trung ương:* Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam giám sát công tác bầu cử đối với Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- *Ở địa phương:*

+ Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp tỉnh giám sát công tác bầu cử đối với các tổ chức phụ trách bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp; các tổ chức phụ trách bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

+ Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã giám sát công tác bầu cử đối với các tổ chức phụ trách bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Giám sát việc thành lập và hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia và các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam giám sát việc thành lập và hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia, các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương; Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp giám sát việc thành lập và hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử địa phương theo quy định từ Điều 12 đến Điều 28 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Trong đó, tập trung vào một số nội dung:

- Cơ cấu, thành phần, số lượng thành viên Tổ bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia (quy định tại Điều 12, 22, 24, 25 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Việc ban hành các văn bản liên quan đến công tác bầu cử.

- Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương. Những khó khăn, vướng mắc và biện pháp tháo gỡ theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

** Thời gian thực hiện: Từ ngày 25/6/2025 đến khi kết thúc nhiệm vụ của Hội đồng bầu cử quốc gia và các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương.*

2. Kiểm tra việc hiệp thương thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp kiểm tra việc hiệp thương thỏa thuận về cơ cấu, thành phần, số lượng người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định tại Điều 38,

Điều 39, Điều 43, Điều 44, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 53, Điều 56 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong đó, tập trung vào một số nội dung:

- Việc đảm bảo về tiêu chuẩn, cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, đơn vị ở trung ương, địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định.

- Việc bảo đảm quy định về tỷ lệ người ứng cử là người dân tộc thiểu số, phụ nữ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Đảm bảo thời gian, quy trình, nội dung, thủ tục tổ chức hội nghị hiệp thương theo quy định.

** Thời gian thực hiện:*

+ Đợt 1: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/12/2025 đến ngày 14/12/2025

+ Đợt 2: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/02/2026 đến ngày 08/02/2026

+ Đợt 3: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/02/2026 đến ngày 20/02/2026

3. Kiểm tra, giám sát việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và việc nộp hồ sơ ứng cử của người ứng cử, người được giới thiệu ứng cử

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp kiểm tra, giám sát việc ứng cử và giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định tại Điều 3, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 41, Điều 42, Điều 52 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia. Trong đó, tập trung vào một số nội dung:

- Tiêu chuẩn của người ứng cử theo quy định tại Điều 3 Luật Bầu cử năm 2015.

- Việc ban lãnh đạo, chỉ huy đơn vị dự kiến người để giới thiệu ứng cử trên cơ sở số lượng người được giới thiệu ứng cử đã được phân bổ của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 52 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Về hình thức tổ chức lấy ý kiến nhận xét của cử tri nơi công tác của người được cơ quan, tổ chức, đơn vị và thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã) giới thiệu ứng cử:

+ Tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét của cử tri nơi công tác của người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử theo quy định tại Điều 45, Điều 54 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

+ Tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đối với người ứng cử đến cử tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai mà không thể tổ chức hội nghị trực tiếp (quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung).

+ Tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trong trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai không thể tổ chức hội nghị trực tiếp (theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung).

- Số lượng người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử so với số lượng đại biểu được bầu.

- Việc hướng dẫn thủ tục hoàn tất danh mục hồ sơ theo quy định, thời hạn nộp hồ sơ đối với người tự ứng cử (theo quy định tại Điều 35 của Luật Bầu cử năm 2015 và các văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia).

- Việc chuyển hồ sơ của người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 36 của Luật bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

** Thời gian thực hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/12/2025 đến 17 giờ 00 ngày 01/02/2026.*

4. Kiểm tra, giám sát việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp kiểm tra việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử theo quy định tại Điều 45, Điều 46, Điều 54, Điều 55 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung. Trong đó, tập trung vào một số nội dung:

- Thành phần, số lượng cử tri, chương trình hội nghị cử tri.

- Những trường hợp đặc biệt không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định đối với người ứng cử.

- Việc lập biên bản hội nghị cử tri phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị (quy định tại khoản 4 Điều 45, khoản 5 Điều 54 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc xác minh và trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử (quy định tại Điều 46, Điều 55 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đối với người ứng cử đến cử tri tại nơi cư trú trong trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai không thể tổ chức hội nghị trực tiếp (theo

quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung).

- Bảo đảm cử tri tham gia thực chất, dân chủ, bình đẳng.

** Thời gian thực hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/02/2026 đến ngày 08/02/2026*

5. Giám sát việc lập, niêm yết danh sách cử tri

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp giám sát việc lập danh sách cử tri theo quy định từ Điều 29 đến Điều 34 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Trong đó, tập trung vào một số nội dung:

- Cách tính tuổi (quy định tại Điều 2 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Tư cách cử tri và ghi tên cử tri vào danh sách (quy định tại Điều 29 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Người không được ghi tên, xóa tên hoặc bổ sung tên vào danh sách cử tri (quy định tại Điều 30 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc niêm yết, nơi niêm yết danh sách cử tri (quy định tại Điều 32 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc giải quyết khiếu nại về danh sách cử tri (quy định tại Điều 33 của Luật Bầu cử năm 2015).

** Thời gian thực hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/02/2026 đến ngày 15/03/2026*

6. Giám sát việc lập, niêm yết danh sách những người ứng cử

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp giám sát việc lập, niêm yết danh sách những người ứng cử theo quy định từ Điều 57 đến Điều 61 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Trong đó, tập trung vào một số nội dung:

- Về thời gian công bố, lập danh sách, niêm yết danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp (quy định tại Điều 57, Điều 58, Điều 59 của Luật Bầu cử năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Đảm bảo danh sách chính thức những người ứng cử được niêm yết là danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử sau Hội nghị hiệp thương lần thứ ba do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chuyển đến.

- Đảm bảo về số dư người ứng cử (quy định tại khoản 6 Điều 57, khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Đảm bảo trong thời gian Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban bầu cử các cấp chưa công bố danh sách chính thức mà người ứng cử bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì phải có đề nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về việc xóa tên người đó trong danh sách chính thức.

- Đảm bảo đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu, người có tên trong danh sách chính thức những người ứng cử đã được công bố mà bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử phải bị xóa tên trong danh sách những người ứng cử (quy định tại Điều 60 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, lập danh sách người ứng cử của cơ quan có thẩm quyền (quy định tại Điều 61 của Luật Bầu cử năm 2015).

** Thời gian thực hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 22/02/2026 đến ngày 15/3/2026*

7. Kiểm tra, giám sát việc tuyên truyền, vận động bầu cử

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp kiểm tra, giám sát việc tuyên truyền, vận động bầu cử theo quy định từ Điều 62 đến Điều 68 của Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Trong đó, tập trung vào một số nội dung:

- Trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng nơi diễn ra vận động bầu cử; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử đang vận động bầu cử (quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 62 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Bảo đảm đúng nguyên tắc, thời gian, hình thức vận động bầu cử cho người ứng cử (quy định tại Điều 63, Điều 64, Điều 65 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Trách nhiệm của người ứng cử; những hành vi bị cấm trong vận động bầu cử (quy định tại Điều 68 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc tuyên truyền công tác bầu cử ở trung ương và địa phương.

- Việc bảo đảm công bằng, bình đẳng, dân chủ, khách quan trong vận động bầu cử.

7.1. Kiểm tra việc vận động bầu cử thông qua hội nghị tiếp xúc cử tri theo quy định tại Điều 66 Luật Bầu cử năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm năm 2025)

- Cơ quan chủ trì, thành phần, số lượng cử tri tham dự hội nghị.

- Cách bố trí, sắp xếp địa điểm tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri.

- Đảm bảo các nội dung của chương trình hội nghị tiếp xúc cử tri.

- Đảm bảo công bằng về số lượng các hội nghị tiếp xúc cử tri giữa những người ứng cử.

7.2. Giám sát việc vận động bầu cử thông qua phương tiện thông tin đại chúng (quy định tại Điều 64, Điều 65, Điều 67 của Luật Bầu cử năm 2015)

- Trách nhiệm của các cơ quan trong việc đăng tải nội dung vận động bầu cử, chương trình hành động của người ứng cử.

- Đảm bảo công bằng về số lượng các lần trả lời phỏng vấn, đăng tải chương trình hành động giữa những người ứng cử.

** Thời gian thực hiện:*

- Công tác tuyên truyền bầu cử: Từ khi triển khai, tổ chức bầu cử đến khi kết thúc cuộc bầu cử.

- Công tác vận động bầu cử: Trong khoảng thời gian từ ngày 26/02/2026 đến 05 giờ ngày 14/3/2026.

8. Giám sát trình tự bỏ phiếu, việc kiểm phiếu

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp giám sát trình tự bỏ phiếu; thể thức bỏ phiếu trong ngày bầu cử; việc kiểm phiếu theo

quy định từ Điều 69 đến Điều 76 của Luật Bầu cử năm 2015 và văn bản hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia. Trong đó, tập trung vào một số nội dung:

- Thẻ cử tri (theo mẫu quy định).

- Việc bố trí khu vực bỏ phiếu, vị trí, khoảng cách giữa nơi nhận phiếu, buồng gạch phiếu, hòm phiếu.

- Thời điểm bắt đầu và kết thúc bỏ phiếu (quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc chấp hành nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín (quy định tại Điều 1 của Luật Bầu cử năm 2015); đảm bảo không có trường hợp bỏ phiếu hộ người khác (quy định tại khoản 2 Điều 69 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc đóng dấu "Đã bỏ phiếu" của Tổ bầu cử vào thẻ cử tri đối với cử tri đã bỏ phiếu (quy định tại khoản 7 Điều 69 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc niêm phong hòm phiếu (quy định tại khoản 3 Điều 71 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc kiểm phiếu; bảo đảm quy định về chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu (quy định tại Điều 73 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc ghi biên bản kết quả kiểm phiếu (quy định tại Điều 76 của Luật Bầu cử năm 2015).

- Việc đảm bảo an ninh trật tự khu vực bầu cử.

** Thời gian thực hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 05/3/2026 đến ngày 20/3/2026*

9. Kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác bầu cử

- Giám sát việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia và các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương, liên quan đến người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử, người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 đối với Hội

đồng bầu cử quốc gia, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các tổ chức phụ trách bầu cử các cấp.

- Kiểm tra việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 đối với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

** Thời gian thực hiện: Từ ngày thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia (25/6/2025) đến ngày kết thúc cuộc bầu cử.*

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Giám sát trực tiếp

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp giám sát trực tiếp thông qua:

- Việc tham gia các tổ chức bầu cử các cấp.

- Việc tổ chức các hội nghị hiệp thương giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

- Việc tổ chức các hội nghị cử tri nơi công tác, nơi cư trú của người ứng cử.

- Việc tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân để vận động bầu cử.

- Thông qua tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân và phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Phối hợp kiểm tra, giám sát

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cử đại diện tham gia phối hợp kiểm tra, giám sát công tác bầu cử khi các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát.

3. Tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát công tác bầu cử trên địa bàn. Quy trình thực hiện giám sát theo đoàn được thực hiện theo Nghị quyết liên tịch số 403; Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT ngày 21/7/2017 của Ban Thường trực Ủy

ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong đó, chú ý một số nội dung:

- Ban hành quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát bao gồm:

+ Trưởng đoàn: Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

+ Thành viên đoàn: Đại diện Ban Dân chủ, Giám sát và Phản biện xã hội; đại diện các ban, đơn vị chuyên môn; đại diện lãnh đạo một số tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức thành viên của Mặt trận; có thể mời Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia.

+ Lựa chọn địa điểm kiểm tra, giám sát: Cần tập trung kiểm tra, giám sát ở những nơi có dấu hiệu tình hình phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; có dấu hiệu mất đoàn kết nội bộ; những nơi tiềm ẩn bất ổn định về an ninh trật tự; nơi xảy ra vi phạm của cán bộ, gây bức xúc trong nhân dân, hoặc những nơi công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan liên quan chưa được chặt chẽ hoặc trong khâu tổ chức thực hiện còn yếu kém.

+ Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành lập đoàn kiểm tra, giám sát công tác bầu cử ở 100% các địa phương tổ chức bầu cử lại, bầu cử bổ sung (nếu có).

- Đoàn kiểm tra, giám sát làm việc với đối tượng giám sát bằng hình thức trực tiếp. Trong trường hợp không thể bố trí làm việc trực tiếp, tổ chức làm việc bằng hình thức trực tuyến.

IV. MỘT SỐ LƯU Ý TRONG QUÁ TRÌNH KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Việc lập danh sách cử tri đối với công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ (quy định tại khoản 4, Điều 29 của Luật Bầu cử năm 2015);

2. Việc lập danh sách cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (quy định tại khoản 5, Điều 29 của Luật Bầu cử năm 2015); đối tượng được tha tù trước thời hạn có điều kiện (quy định tại Điều 66 và Điều

106 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017).

3. Việc thực hiện các quy định về tiếp công dân, quy trình, thời hạn tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư liên quan đến công tác bầu cử.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát hiện những việc làm chưa đúng quy định, hành vi vi phạm pháp luật, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phải thông tin, phản ánh, kiến nghị kịp thời đến các cơ quan có thẩm quyền để xem xét giải quyết, khắc phục ngay. Không tự ý xử lý những vấn đề không thuộc thẩm quyền và chức năng của cơ quan MTTQ Việt Nam các cấp.

5. Tránh tình trạng trùng lặp, chồng chéo về địa điểm trong hoạt động kiểm tra, giám sát giữa các cấp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và với các cơ quan, tổ chức khác gây khó khăn cho địa phương, đơn vị được giám sát.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát; tổ chức chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức thành viên của Mặt trận kiểm tra, giám sát công tác bầu cử theo quy định; tổ chức các đoàn giám sát việc thực hiện công tác bầu cử tại một số địa phương (theo kế hoạch cụ thể gửi các địa phương); tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát công tác bầu cử do Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng bầu cử quốc gia chủ trì.

2. Căn cứ Thông tri này, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia kiểm tra, giám sát công tác bầu cử theo phân công của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

4. Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử

dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 và các quy định khác có liên quan.

5. Kết thúc cuộc bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 (theo mục II của Thông tri) của các cấp tại địa phương gửi về Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam *(trước ngày 20/3/2026 qua Ban Dân chủ, Giám sát và Phản biện xã hội, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam để tổng hợp).*

Trong quá trình triển khai Thông tri có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo về Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam để hướng dẫn.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
Phó Chủ tịch

(Đã ký)

Hoàng Công Thủy

14. THÔNG TRI SỐ 05/TT-MTTW-BTT NGÀY 04/11/2025 CỦA BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Căn cứ Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân); Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 97/2025/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam);

Căn cứ Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21/5/2025 về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội);

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 26/9/2025 giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 (sau đây viết tắt là Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN).

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, cụ thể như sau:

I. YÊU CẦU

1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, đúng quy định Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan đến công tác bầu cử.

2. Công tác hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử thực sự dân chủ, khách quan, đúng luật, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, cơ cấu, thành phần, số lượng, chất lượng người được giới thiệu.

3. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp xây dựng kế hoạch cụ thể, đồng bộ về tiến độ thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức thành viên để hoàn thành tốt công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia công tác bầu cử.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC MẶT TRẬN TRONG BẦU CỬ

1. Tham gia thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp để thành

lập Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và Tổ bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Căn cứ vào cơ cấu, thành phần, số lượng của các tổ chức phụ trách bầu cử được quy định tại Mục 2 Chương III của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cử đại diện lãnh đạo tham gia các tổ chức phụ trách bầu cử; bảo đảm đủ cơ cấu, thành phần của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia các Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Tổ chức các hội nghị hiệp thương

a. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ động phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Uỷ ban bầu cử cùng cấp thực hiện các bước hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo đúng quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN và các văn bản hướng dẫn về bầu cử có liên quan. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp lựa chọn thời gian tổ chức hiệp thương phù hợp; phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân chuẩn bị tài liệu, rà soát kỹ cơ cấu, thành phần, số lượng, kết quả lấy ý kiến cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc (sau đây gọi chung là nơi công tác) và nơi cư trú của người được giới thiệu ứng cử bảo đảm đúng theo quy định.

b. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ động đề nghị và thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp dự kiến phân bổ giới thiệu người ứng cử để danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ hai phải bảo đảm số dư cần thiết để hội nghị xem xét, lựa chọn lập danh sách sơ bộ những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Danh sách giới thiệu người ứng cử trình hội nghị hiệp thương lần thứ ba phải bảo đảm có số dư lớn hơn số dư quy định tại khoản 6 Điều 57, khoản 3 Điều 58 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

c. Trường hợp người ứng cử không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự tại hội nghị cử tri nơi cư trú thì không đưa vào danh sách giới thiệu tại hội nghị hiệp thương lần thứ ba, trừ trường hợp đặc biệt cần báo cáo rõ để hội nghị hiệp thương xem xét, quyết định.

Trường hợp đặc biệt là những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng do điều kiện công tác đặc thù ít tiếp xúc với cử tri và nhân dân nơi cư trú nên không đạt được trên 50% tổng số phiếu tín nhiệm của cử tri tham dự hội nghị.

3. Tổ chức hội nghị cử tri

Việc tổ chức hội nghị cử tri thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN và cần bảo đảm một số nội dung sau:

3.1. Việc tổ chức hội nghị cử tri nơi công tác

Người ứng cử đang công tác chuyên trách tại cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác thì việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức triệu tập và chủ trì hội nghị.

Trường hợp người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không đạt sự tín nhiệm của trên 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị thì ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức việc giới thiệu người khác.

Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị không có người đủ điều kiện để dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời báo cáo Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh cơ cấu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai mà không thể tổ chức hội nghị trực tiếp thì tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đối với người ứng cử đến cử tri ở cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3.2. Việc tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì hội nghị cử tri nơi cư trú để lấy ý kiến nhận xét và bày tỏ sự tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử thường trú hoặc tạm trú. Trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì tổ chức hội nghị cử tri tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử đang sinh sống.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với các đoàn thể nhân dân thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của hội nghị cử tri, quyền và nghĩa vụ của cử tri trong việc tham gia hội nghị cử tri; bảo đảm cơ sở vật chất, chỗ ngồi cho cử tri; thông báo đầy đủ, sớm trước 05 ngày về tóm tắt tiểu sử của người ứng cử, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị cử tri, trên các phương tiện thông tin đại chúng để cử tri được biết; bảo đảm cử tri đến tham dự đúng thành phần, đủ số lượng theo quy định tại Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trường hợp bất khả kháng do tình hình dịch bệnh, thiên tai mà không thể tổ chức hội nghị trực tiếp thì tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến đối với người ứng cử đến cử tri tại nơi cư trú.

Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền và điều kiện, tình hình thực tế ở địa phương, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã báo cáo cấp ủy cùng cấp, trao đổi, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương lựa chọn hình thức tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc phát phiếu lấy ý kiến và tổ chức thực hiện.

4. Tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri để vận động bầu cử

4.1. Hình thức, nguyên tắc vận động bầu cử; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong vận động bầu cử, nội dung việc tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri vận động bầu cử; việc vận động bầu cử trên các phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện theo các quy định tại Chương VI của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

4.2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc

cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Trường hợp đặc biệt do điều kiện khách quan mà Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh không thể trực tiếp chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri ở đơn vị bầu cử thì phải có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh phải cử cán bộ của mình tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri nhằm chủ động nắm tình hình và bảo đảm cho hội nghị tiếp xúc cử tri được thực hiện an toàn, đúng luật.

4.3. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tại đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình.

4.4. Hội nghị tiếp xúc cử tri được tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc căn cứ điều kiện thực tế có thể tổ chức theo hình thức trực tuyến, trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Việc tiếp xúc cử tri trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến chỉ được thực hiện khi bảo đảm các điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan bố trí hệ thống họp trực tuyến bảo đảm điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; thông báo nội dung, thời gian, cách thức tổ chức hội nghị trực tuyến tới cử tri; tuyên truyền, vận động cử tri tham dự hội nghị.

4.5. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện các nội dung sau:

a. Xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri.

b. Thông báo kịp thời bằng văn bản ít nhất trước 07 ngày cho những người ứng cử về thành phần, thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị để người ứng cử chủ động sắp xếp thời gian, liên hệ với địa phương tổ chức hội nghị về việc tham dự.

c. Tổ chức hội nghị để đại diện Ủy ban nhân dân cùng cấp thông báo với những người ứng cử những nội dung cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương để người ứng cử xây dựng, dự kiến chương trình hành động của mình trước khi tổ chức các hội nghị tiếp xúc cử tri.

d. Chuẩn bị chu đáo về địa điểm, thành phần mời và giấy mời; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng ở khu vực tổ chức hội nghị để đông đảo cử tri có điều kiện đến dự; phối hợp đảm bảo tốt về an ninh trật tự tại các địa điểm tiếp xúc.

e. Tổ chức tuyên truyền bằng hình thức phù hợp, bảo đảm công bằng giữa những người ứng cử để cử tri và nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có điều kiện hiểu rõ hơn về người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Tóm tắt tiểu sử người ứng cử gửi đến các gia đình, phát thanh trên hệ thống loa công cộng. Người ứng cử có thể gửi Chương trình hành động của mình cho các cử tri dự hội nghị tiếp xúc.

4.6. Trong quá trình chủ trì điều hành hội nghị, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức Hội nghị tiếp xúc cử tri tạo không khí dân chủ, cởi mở; tránh gò ép nhưng cũng không trao đổi vượt ra ngoài mục đích, yêu cầu của hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc.

4.7. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận cấp tổ chức Hội nghị tiếp xúc cử tri cần có sự thống nhất với Ủy ban bầu cử cùng cấp về số cuộc tiếp xúc cử tri, trên cơ sở đó thông báo cho người ứng cử để người ứng cử chủ động trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội ít nhất là 12 cuộc. Đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ít nhất là 7 cuộc. Đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ít nhất là 5 cuộc.

4.8. Thời gian tổ chức các hội nghị tiếp xúc cử tri để người ứng cử vận động bầu cử được tiến hành từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử (ngày 22 tháng 02 năm 2026) và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24h (trước 7h00 ngày 14/3/2026).

4.9. Sau hội nghị tiếp xúc cử tri, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri

của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương, ý kiến của cử tri về từng người ứng cử đại biểu Quốc hội gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã lập báo cáo tình hình tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương mình gửi đến Ủy ban bầu cử cùng cấp và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

5. Công tác tuyên truyền

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các tổ chức thành viên, các cơ quan tuyên truyền, báo chí tổ chức thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031 để mọi cử tri hiểu rõ vai trò, vị trí của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; về tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân; về quyền, nghĩa vụ của công dân, của cử tri, tự mình đi bỏ phiếu để lựa chọn người xứng đáng bầu vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân để ngày bầu cử thực sự là ngày hội của toàn dân. Tổ chức nắm bắt tình hình tâm tư, nguyện vọng, ý kiến, kiến nghị của nhân dân để báo cáo cấp ủy, chính quyền và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên. Kịp thời đấu tranh, phê phán bác bỏ các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, kích động, gây mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031 thành công. Nội dung, hình thức, thời gian, tổ chức tuyên truyền theo hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia; Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương và Hướng dẫn số 13/HD-MTTW-BTT ngày 26/9/2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Công tác tuyên truyền cần được triển khai thường xuyên, liên tục trước, trong và sau bầu cử, với nhiều hình thức linh hoạt, sáng tạo, phù hợp. Việc tuyên truyền được thực hiện rộng rãi qua các nền tảng công nghệ số, ứng dụng Mặt trận số, phương tiện thông tin đại chúng; hệ thống thông tin cơ sở; fanpage của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp; mạng xã hội chính thống...Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh tuyên truyền trực tiếp

tại cộng đồng dân cư thông qua các hội nghị, sinh hoạt chi bộ, họp tổ dân phố, hoạt động của các tổ chức đoàn thể; đồng thời sử dụng các hình thức trực quan như treo pano, áp phích, băng rôn, phát tờ rơi... nhằm tạo sự lan tỏa và nâng cao nhận thức trong nhân dân.

6. Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư về bầu cử

6.1. Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã phối hợp với Uỷ ban bầu cử, Ban bầu cử các cấp, các cơ quan có liên quan trong việc tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân.

6.2. Trong quá trình tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phải thực hiện đúng quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Hướng dẫn số 19-HD/UBKTTW ngày 25/8/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp.

6.3. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết các loại đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác bầu cử theo quy trình cụ thể sau đây:

Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về việc thành lập các tổ chức bầu cử ở địa phương thì chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp ra quyết định thành lập các tổ chức bầu cử đó giải quyết.

Khiếu nại, kiến nghị về việc lập danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc chỉ huy trong đơn vị vũ trang nhân dân lập thì chuyển đến cơ quan, đơn vị lập danh sách cử tri giải quyết. Nếu công dân không đồng ý với kết quả giải quyết thì hướng dẫn công dân đến Tòa án nhân dân để khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội thì chuyển đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội. Nếu công dân không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, tiếp tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị

thì chuyển đến Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội ở cấp tỉnh (nếu người ứng cử do cấp tỉnh giới thiệu) hoặc chuyển đến Hội đồng bầu cử Quốc gia (nếu người ứng cử do Trung ương giới thiệu) để giải quyết (đây là kết quả giải quyết cuối cùng).

Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì chuyển đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó giải quyết. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì chuyển đến Ủy ban bầu cử cấp tương ứng để giải quyết (đây là kết quả giải quyết cuối cùng).

Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến việc tổ chức hội nghị cử tri, hội nghị hiệp thương thì chuyển đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị giải quyết.

Đối với việc cử tri nêu, người ứng cử không đủ tiêu chuẩn ứng cử mà tiếp nhận được từ trước ngày kết thúc thời gian xác minh vụ việc theo khoản 4 Điều 55 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân thì chuyển cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người ứng cử xác minh, trả lời bằng văn bản gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương; trường hợp người ứng cử là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thì chuyển đến cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp; nếu không có cấp trên trực tiếp quản lý thì chuyển đến cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập cơ quan, tổ chức, đơn vị đó để xác minh; trường hợp xác minh người ứng cử là đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, đảng viên thuộc diện cấp ủy ở địa phương quản lý theo Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng thì ngoài việc chuyển đến địa chỉ cơ quan có thẩm quyền giải quyết nêu trên, đồng thời chuyển đến Ủy ban Kiểm tra, cấp ủy các cấp tương ứng có trách nhiệm quản lý đảng viên.

- Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội thì chuyển đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì chuyển đến Ủy ban bầu cử cấp đó giải quyết.

- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử nào thì chuyển đến Tổ bầu cử đó giải quyết. Nếu công dân không đồng ý với kết quả giải quyết của Tổ bầu cử, tiếp tục khiếu nại, tố cáo thì chuyển đến Ban bầu cử cấp xã để được giải quyết (đây là kết quả giải quyết cuối cùng).

6.4. Đối với những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nhận được sau khi các tổ chức phụ trách bầu cử các cấp đã kết thúc nhiệm vụ theo quy định tại Điều 20, Điều 28 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thì xử lý vụ việc đã tiếp nhận như sau:

- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia thì chuyển đến Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XVI giải quyết;

- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban bầu cử các cấp thì chuyển đến Thường trực Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031 ở cấp tương ứng giải quyết.

6.5. Đối với những nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tổ chức bầu cử ở xã thì chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức bầu cử tương ứng ở cấp tỉnh giải quyết.

7. Công tác kiểm tra, giám sát

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát; phối hợp với các tổ chức thành viên và Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp giám sát và vận động nhân dân giám sát quá trình tổ chức cuộc bầu cử, góp phần bảo đảm để cuộc bầu cử diễn ra thật sự dân chủ và đúng pháp luật theo hướng dẫn tại Thông tri số 04/TT-MTTW-BTT ngày 04/11/2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

8. Công tác thi đua, khen thưởng

8.1. Về nội dung thi đua

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức phát động đợt thi đua thực hiện tốt các nội dung Mặt trận tham gia bầu cử gắn với nội dung

thi đua thực hiện Chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2026.

- Chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền theo kế hoạch của Tiểu ban Văn bản pháp luật và Thông tin, tuyên truyền của Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác nhân sự, bảo đảm phát huy dân chủ và sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng trong công tác cán bộ.

- Phối hợp thực hiện các bước của quy trình hiệp thương, các cuộc tiếp xúc cử tri trong vận động bầu cử đảm bảo dân chủ, đúng luật, không vi phạm về Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Thực hiện tốt công tác giám sát theo Thông tri số 04/TT-MTTW-BTT ngày 04/11/2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, có những hình thức tổ chức thích hợp, sáng tạo trong hoạt động giám sát.

8.2. Công tác khen thưởng

a) Đối tượng và tiêu chuẩn:

- Đối tượng: là các tập thể, cá nhân thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có thành tích xuất sắc trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

- Tiêu chuẩn: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp căn cứ vào các nội dung thi đua nêu tại mục 8.1 của Thông tri này và đặc điểm, tình hình, chức năng, nhiệm vụ được phân công để bình xét, đề nghị khen thưởng.

b) Hình thức khen thưởng và số lượng:

- Giấy khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu (gọi tắt là cấp xã):

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xem xét, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư. Số lượng do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quy định.

- Bằng khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố (gọi tắt là cấp tỉnh):

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh xem xét, khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư. Số lượng do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh quy định.

- Bằng khen của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có thành tích tiêu biểu, xuất sắc toàn diện trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Đối với Trung ương: Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, quyết định khen thưởng đối với các đồng chí trong Ban Thường trực và các tập thể. Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo công tác bầu cử lựa chọn trong khoảng từ 15-25 cá nhân tiêu biểu trực tiếp tham gia phục vụ công tác bầu cử đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, trình Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khen thưởng.

Đối với địa phương: Mỗi tỉnh, thành phố lựa chọn 01 tập thể (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh hoặc ban, đơn vị chuyên môn thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh) và 01 cá nhân thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và 01 cá nhân thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khen thưởng.

- Giấy khen của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, khen thưởng từ 20 - 25 cá nhân thuộc cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trực tiếp tham gia phục vụ công tác bầu cử trên cơ sở đề xuất của Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo công tác bầu cử.

- Các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước, của Thủ tướng Chính phủ sẽ thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

8.3. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

- Kết thúc cuộc bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiến hành tổ chức họp bình xét, khen thưởng và lựa chọn các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc để đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp khen thưởng. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lựa chọn các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc toàn diện theo số lượng hướng dẫn tại mục 8.2 để đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khen thưởng.

- Hồ sơ đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khen thưởng thực hiện theo quy định tại Quy chế thi đua, khen thưởng của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 307/QĐ-MTTW-UB ngày 30/9/2025 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và về qua Ban Tổ chức - Kiểm tra, cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước ngày 02/4/2026.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Ban Tổ chức - Kiểm tra, cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để tổng hợp, giải quyết theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ các nội dung công tác Mặt trận trong bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể ở cấp mình, đồng thời phối hợp với các tổ chức thành viên để thực hiện. Khi thấy cần thiết, có thể mời một số thành viên Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội cử một số cán bộ chuyên trách tham gia thực hiện những công việc cụ thể.

2. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh thực hiện chế độ báo cáo với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bằng văn bản và thư điện tử (qua địa chỉ hòm thư: banchidaobaucumttq@gmail.com) như sau:

a. Các biên bản Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba, trong đó chú ý nêu tình hình người tự ứng cử.

Thời gian gửi sau từng Hội nghị hiệp thương 01 (một) ngày.

b. Báo cáo về tình hình thực hiện việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất ngày 03/02/2026. Báo cáo về tình hình tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và nơi công tác (nếu có) về người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp chậm nhất ngày 09/02/2026.

c. Báo cáo tình hình và kết quả tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa người ứng cử với cử tri để thực hiện vận động bầu cử kèm theo bản tổng hợp kiến nghị của cử tri với Đảng, Nhà nước và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Thời gian phải gửi báo cáo chậm nhất là 17h00 ngày 14/3/2026.

d. Báo cáo nhanh tình hình và kết quả ngày bầu cử tại địa phương: Có thể báo cáo bằng điện thoại, Fax, qua thư hộp điện tử: banchidaobaucumttq@gmail.com vào ngày 15/3/2026.

đ. Báo cáo hoạt động giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Thời gian chậm nhất phải gửi báo cáo là ngày 18/3/2026.

e. Báo cáo tổng kết công tác Mặt trận tham gia cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân với các nội dung nêu trên kèm theo danh sách trích ngang những người trúng cử đại biểu Quốc hội là cán bộ Mặt trận, đoàn thể, dân tộc thiểu số, tôn giáo của địa phương mình. Thời gian chậm nhất phải gửi báo cáo là ngày 23/3/2026.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh căn cứ vào mục này để hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thực hiện chế độ báo cáo.

3. Đề nghị các tổ chức thành viên Mặt trận phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia công tác bầu cử, giám sát công tác bầu cử bảo đảm dân chủ, đúng luật; phản ánh ý kiến, kiến nghị của các đoàn viên, hội viên, dư luận xã hội về bầu cử với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 tiến hành chung một thời điểm, nhiều việc phải

tiến hành đồng thời, việc triển khai rất khẩn trương. Do đó, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phải bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử địa phương để thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia cuộc bầu cử./.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
Phó Chủ tịch

(Đã ký)

Hoàng Công Thủy

15. KẾ HOẠCH SỐ 62 /KH-HĐBCQG CỦA HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA NGÀY 11/11/2025

Triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15; Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21/5/2025 của Quốc hội về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, Hội đồng bầu cử quốc gia xây dựng Kế hoạch triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được tổ chức vào Chủ nhật, ngày 15/3/2026. Cuộc bầu cử sẽ diễn ra sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, khi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Cuộc bầu cử là dịp để tiếp tục xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 phải đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, thực sự là ngày hội của toàn dân; bầu đủ số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật; đại biểu được bầu bảo đảm đủ tiêu chuẩn, chất lượng, với cơ cấu hợp lý, trong đó lấy tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu làm trọng tâm, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn. Đảm bảo sự đồng bộ

trong việc bố trí, sắp xếp cán bộ trong hệ thống chính trị, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước ở Trung ương và địa phương.

II. NHỮNG NỘI DUNG CÔNG VIỆC CỤ THỂ

1. Tổ chức các Hội nghị triển khai công tác bầu cử

- *Ở Trung ương:* Hội đồng bầu cử quốc gia tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

- *Ở địa phương:* Tỉnh ủy, thành ủy chủ trì tổ chức Hội nghị triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 ở địa phương mình.

(Thời gian: tổ chức ngay sau Hội nghị toàn quốc triển khai công tác bầu cử).

2. Thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử

2.1. Ở Trung ương: Tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 211/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia gồm đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện một số cơ quan, tổ chức do đồng chí Trần Thanh Mẫn, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội làm Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

***2.2. Ở địa phương*:** Việc thành lập Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử được tiến hành theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, cụ thể như sau:

a) Về thành lập Ủy ban bầu cử:

- ***Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố*** (gọi chung là Ủy ban bầu cử ở tỉnh): Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở tỉnh để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại tỉnh, thành phố.

Ủy ban bầu cử ở tỉnh **có từ 23 - 37 thành viên**, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên là đại diện Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường

trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Thời hạn quyết định thành lập: **Chậm nhất là ngày 30/11/2025 (105 ngày trước ngày bầu cử).**

- ***Ủy ban bầu cử ở xã, phường, đặc khu*** (gọi chung là Ủy ban bầu cử ở xã): Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở xã để tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Ủy ban bầu cử ở xã **có từ 9 - 17 thành viên**, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Thời hạn quyết định thành lập: **Chậm nhất là ngày 30/11/2025 (105 ngày trước ngày bầu cử).**

b) Về thành lập Ban bầu cử:

- Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội một Ban bầu cử đại biểu Quốc hội **có từ 9 - 17 thành viên**, gồm: Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, Thư ký và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Thời hạn quyết định thành lập: **Chậm nhất là ngày 04/01/2026 (70 ngày trước ngày bầu cử).**

- Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình một Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân gồm đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội. Thành phần Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có thêm đại diện cử tri ở địa phương.

+ Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân **cấp tỉnh có từ 11 - 15 thành viên**;

+ Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân **cấp xã có từ 9 - 15 thành viên;**

Ban bầu cử gồm: Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, Thư ký và các Ủy viên.

Thời hạn quyết định thành lập: **Chậm nhất là ngày 04/01/2026 (70 ngày trước ngày bầu cử).**

c) Về thành lập Tổ bầu cử

Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Tổ bầu cử **có từ 11 - 21 thành viên**, gồm: Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

Đơn vị vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng được thành lập một Tổ bầu cử **có từ 5 - 9 thành viên**, gồm: Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

Trong trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung một khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân quyết định thành lập Tổ bầu cử **có từ 11 - 21 thành viên**, gồm: Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương, đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

Thời hạn quyết định thành lập: **Chậm nhất là ngày 31/01/2026 (43 ngày trước ngày bầu cử).**

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia, các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương và việc kết thúc hoạt động của các tổ chức này được quy định trong Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Việc tổ chức và hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa

phương được quy định trong Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

3. Về số lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và việc phân bổ đại biểu Quốc hội theo đơn vị tỉnh, thành phố

- Về số lượng đại biểu Quốc hội: Luật Tổ chức Quốc hội quy định tổng số đại biểu Quốc hội không quá 500 người. Điều 7 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến và phân bổ số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố trên cơ sở sau đây:

+ Mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất 03 đại biểu cư trú và làm việc tại địa phương;

+ Số lượng đại biểu tiếp theo được tính theo số dân và đặc điểm của mỗi địa phương.

Đồng thời Điều 8 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định việc bảo đảm cơ cấu sau đây:

+ Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.

+ Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Ban Thường vụ Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

Trên cơ sở số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi tỉnh, thành phố do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến[1], số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử được tính căn cứ theo số dân, do Hội đồng bầu cử quốc gia ấn định theo đề nghị của Ủy ban bầu cử ở tỉnh và được công bố **chậm nhất là ngày 25/12/2025 (80 ngày trước ngày bầu cử).**

[1] Tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến và phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI.

Các địa phương gửi dự kiến danh sách đơn vị bầu cử ở địa phương mình về Hội đồng bầu cử quốc gia 85 - 90 ngày trước ngày bầu cử (khoảng ngày 15 - 20/12/2025).

- Về số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân

Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 106/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách và Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Số đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử do Ủy ban bầu cử ở cấp đó ấn định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp và được công bố **chậm nhất là ngày 25/12/2025 (80 ngày trước ngày bầu cử)**.

4. Về hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử

Việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định tại Mục 2 và Mục 3, Chương V của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN

ngày 26/9/2025 hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

- Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất

Chậm nhất là ngày 10/12/2025 (95 ngày trước ngày bầu cử). Sau Hội nghị hiệp thương, Biên bản phải được gửi về Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ nhất *cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.*

Chậm nhất là ngày 15/12/2025 (90 ngày trước ngày bầu cử).

- Thường trực Hội đồng nhân dân điều chỉnh *cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.*

Chậm nhất là ngày 15/12/2025 (90 ngày trước ngày bầu cử).

- Hội nghị hiệp thương lần thứ hai

Chậm nhất là ngày 03/02/2026 (40 ngày trước ngày bầu cử). Sau Hội nghị hiệp thương, Biên bản phải được gửi về Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh lần thứ hai *cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội.*

Chậm nhất là ngày 05/02/2026 (38 ngày trước ngày bầu cử).

- Hội nghị hiệp thương lần thứ ba

Chậm nhất là ngày 20/02/2026 (23 ngày trước ngày bầu cử). Sau Hội nghị hiệp thương, Biên bản phải được gửi về Hội đồng bầu cử quốc gia.

Các địa phương thực hiện đảm bảo an ninh, an toàn công tác bảo vệ chính trị nội bộ liên quan đến cuộc bầu cử, đặc biệt là công tác rà soát, xét duyệt nhân sự theo đúng quy định.

5. Tiếp nhận, xem xét hồ sơ người ứng cử

Hội đồng bầu cử quốc gia đã ban hành Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29/9/2025 quy định mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử;

nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở Trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 2 bộ hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia (qua Tiểu ban nhân sự, Hội đồng bầu cử quốc gia, địa chỉ: Nhà Quốc hội, số 01 đường Độc Lập, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội).

- Người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh.

- Người ứng cử được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào thì nộp 01 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính cấp đó.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi nộp hồ sơ ứng cử cần khai đơn ứng cử và tiểu sử tóm tắt trên Trang thông tin điện tử của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Thời gian nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được thực hiện trong giờ hành chính các ngày trong tuần, **bắt đầu từ ngày 15/12/2025 và kết thúc vào 17 giờ 00 ngày 01/02/2026 (chậm nhất 42 ngày trước ngày bầu cử)**.

Riêng **thứ Bảy, ngày 31/01/2026 và Chủ nhật, ngày 01/02/2026**, Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban bầu cử các cấp cử người trực để nhận hồ sơ ứng cử.

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Ủy ban bầu cử ở xã có trách nhiệm thông báo công khai địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ ứng cử trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

Ủy ban bầu cử ở tỉnh sau khi nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, chuyển hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương đến Hội đồng bầu cử quốc gia; đồng thời, chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để đưa vào danh sách hiệp thương.

Ủy ban bầu cử ở các cấp sau khi nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, chuyển danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử, người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để đưa vào danh sách hiệp thương.

Cần lưu ý: Công dân được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân tối đa ở hai cấp trong cùng một nhiệm kỳ; nếu nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội thì chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân ở một cấp.

6. Về việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân

Hội đồng bầu cử quốc gia lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước theo danh sách do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở tỉnh gửi đến **chậm nhất là ngày 26/02/2026 (17 ngày trước ngày bầu cử)**.

Ủy ban bầu cử phải lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo từng đơn vị bầu cử **chậm nhất là ngày 26/02/2026 (17 ngày trước ngày bầu cử)**.

7. Việc lập, niêm yết danh sách cử tri và giải quyết khiếu nại về danh sách cử tri

Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo từng khu vực bỏ phiếu. Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do chỉ huy đơn vị lập theo đơn vị vũ trang nhân dân để đưa vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đơn vị đóng quân. Danh sách cử tri phải được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu **chậm nhất là 03/02/2026 (40 ngày trước ngày bầu cử)**, đồng thời thông báo rộng rãi danh sách cử tri và việc niêm yết để Nhân dân kiểm tra.

Việc lập và niêm yết danh sách cử tri được thực hiện theo quy định tại Chương IV (từ Điều 29 đến Điều 34) của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội

khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 và Quyết định số 8202/QĐ-BCA-C06 ngày 07/10/2025 của Bộ Công an ban hành Hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) trong quá trình lập danh sách cử tri, in thẻ cử tri phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh sách cử tri. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết.

8. Về vận động bầu cử

Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó. Thời gian vận động bầu cử được bắt đầu từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử và kết thúc trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ.

Việc vận động bầu cử được thực hiện theo quy định tại Chương VI (từ Điều 62 đến Điều 68) của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

9. Về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử thực hiện quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và Hướng dẫn số 19-HD/UBKTTW ngày 25/8/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp.

Đối với việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Hội đồng bầu cử quốc gia. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết

quả giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia là quyết định cuối cùng.

Đối với việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng. Quyết định của Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử.

10. Về tổ chức bầu cử

Các vấn đề liên quan đến tổ chức bầu cử như: Thẻ cử tri, khu vực bỏ phiếu, địa điểm bỏ phiếu, xác định phiếu hợp lệ và phiếu không hợp lệ; báo cáo tình hình trong ngày bầu cử; biên bản xác định kết quả bầu cử; công bố kết quả bầu cử và tổng kết cuộc bầu cử... thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các nghị quyết hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Các vấn đề liên quan đến mẫu văn bản hồ sơ ứng cử, nội quy phòng bỏ phiếu, mẫu thẻ cử tri và phiếu bầu, các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử thực hiện theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29/9/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử; nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

11. Về công bố kết quả bầu cử

- Hội đồng bầu cử quốc gia căn cứ vào Biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội **chậm nhất ngày 25/3/2026 (10 ngày sau ngày bầu cử)**.

- Căn cứ vào Biên bản tổng kết cuộc bầu cử, Ủy ban bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình **chậm nhất ngày 25/3/2026 (10 ngày sau ngày bầu cử)**.

12. Xác nhận tư cách người trúng cử

- Hội đồng bầu cử quốc gia xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội, cấp giấy chứng nhận đại biểu Quốc hội khóa mới cho người trúng cử và báo cáo Quốc hội khóa XVI về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội tại kỳ họp đầu tiên.

- Ủy ban bầu cử xác nhận tư cách người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mà mình chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử, cấp giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân khóa mới cho người trúng cử và báo cáo Hội đồng nhân dân khóa mới về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp đầu tiên.

13. Tổng kết cuộc bầu cử

- Sau khi kết thúc cuộc bầu cử, Ủy ban bầu cử ở tỉnh tổng kết và gửi báo cáo tổng kết bầu cử tại địa phương đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ủy ban bầu cử ở xã gửi báo cáo tổng kết cuộc bầu cử tại địa phương đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và cấp tỉnh. Các địa phương tiến hành tổng kết từ sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia công bố kết quả bầu cử cho đến **trước ngày 01/4/2026**.

- Ủy ban bầu cử ở tỉnh gửi báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 ở địa phương về Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI, Hội đồng bầu cử quốc gia trình Quốc hội khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội được bầu.

- Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân khóa mới, Ủy ban bầu cử trình Hội đồng nhân dân khóa mới báo cáo kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng

nhân dân và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp được bầu.

III. VỀ CÔNG TÁC THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN

Hội đồng bầu cử quốc gia đã ban hành Nghị quyết số 07/NQ-HĐBCQG ngày 18/7/2025 về việc thành lập Tiểu ban Thông tin tuyên truyền để giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo, hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương đã ban hành Hướng dẫn số 27-HD/BTGDVTW ngày 11/9/2025 về tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Kế hoạch số 5271/KH-BVHTTDL ngày 06/10/2025 thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động thông tin, tuyên truyền, cổ động trực quan trên pano, áp phích, tranh cổ động, bảng điện tử và triển lãm, các hoạt động văn hóa, thể thao chào mừng, đặc biệt coi trọng các khu vực bầu cử, khu hành chính, trung tâm, vùng miền núi, biên giới, hải đảo. Quản lý chặt chẽ các hoạt động tuyên truyền của báo chí, xuất bản, nhất là trên không gian mạng, tránh để sai sót; xử lý nghiêm hành vi đưa tin, viết bài thiếu khách quan, trung thực; tăng cường hệ thống thông tin cơ sở, tập trung phát thanh các bản tin về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn các tổ chức chính trị - xã hội, tuyên truyền sâu rộng tới cán bộ, hội viên, đoàn viên và các cấp hội, đoàn và các tầng lớp nhân dân về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 bằng các hình thức tuyên truyền phù hợp để thu hút, gắn kết các tầng lớp nhân dân hướng về ngày bầu cử; vận động cán bộ, hội viên, đoàn viên và các cấp hội, đoàn hưởng ứng các phòng trào thi đua yêu nước, tham gia các hoạt động xã hội xóa đói, giảm nghèo,... lập thành tích chào mừng bầu cử. Chủ động phối

hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Bộ Công an chỉ đạo thông tin, tuyên truyền các hội nghị hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội ở Trung ương và hướng dẫn công tác hiệp thương ở các địa phương; kịp thời phát hiện những vấn đề mới nảy sinh để có biện pháp giải quyết phù hợp theo quy định của pháp luật.

IV. VỀ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN NINH, TRẬT TỰ VÀ AN TOÀN XÃ HỘI TRONG CÔNG TÁC BẦU CỬ

Hội đồng bầu cử quốc gia đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HĐBCQG ngày 18/7/2025 về việc thành lập Tiểu ban Đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội để giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Cụ thể là:

- Tiểu ban đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Thanh tra Chính phủ và các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc nghiên cứu, tham mưu, kiến nghị Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội trong cuộc bầu cử.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội trong cuộc bầu cử.

V. VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT BẦU CỬ

Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát, kiểm tra công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân. Các thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, giám sát công tác bầu cử theo phân công tại văn bản số 06/NQ-HĐBCQG ngày 11/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia và Kế hoạch giám sát, kiểm tra công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát, kiểm tra công tác bầu cử; Ủy ban bầu cử kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, đề nghị các cơ quan, tổ chức và cá nhân chủ động triển khai thực hiện đầy đủ, trách nhiệm các quy định của pháp luật về bầu cử, trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Hội đồng bầu cử quốc gia để xem xét, giải quyết.

Xin gửi kèm theo Lịch trình thời gian triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

TM. HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA

Ủy viên

(Đã ký)

Lê Quang Mạnh

LỊCH TRÌNH THỜI GIAN TRIỂN KHAI CÔNG TÁC BẦU CỬ

TT	Số ngày trước/ sau ngày bầu cử	Ngày	Thứ	Nội dung, hoạt động	Cơ quan, tổ chức thực hiện	Quy định trong Luật
1	105	30/11/2025 *11/10/2025 (ÂL)*	Chủ nhật	- Hạn cuối UBTVQH *dự kiến cơ cấu, thành phần* ĐBQH, *số lượng* người của cơ quan, tổ chức ở Trung ương và địa phương được giới thiệu ứng cử ĐBQH; TTHĐND các cấp dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giới thiệu ứng cử ĐBHĐND	UBTVQH và TT HĐND các cấp	Điều 8 khoản 1, Điều 9
2				- Hạn cuối UBND các cấp *thành lập UB bầu cử các cấp*	UBND các cấp	Điều 22
3	**95**	**10/12/2025** *21/10/2025 (ÂL)*	**Thứ tư**	Hạn cuối tổ chức **hiệp thương 1: Thỏa thuận cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị** (ĐCT UBTWMTTQVN tổ chức hội nghị ở Trung ương, BTT UBMTTQVN tỉnh tổ chức hội nghị ở tỉnh để thực hiện đối với bầu cử ĐBQH. BTT UBMTTQVN các cấp tổ chức hội nghị ở mỗi cấp để thực hiện đối với bầu cử ĐBHĐND)	Đoàn CT UBTWMTTQ, BTT UBMTTQ tỉnh	Điều 38 khoản 1, Điều 39 khoản 1, Điều 50 khoản 1
4	90	15/12/2025 *26/10/2025 (ÂL)*	Thứ hai	Hạn cuối UBTVQH *điều chỉnh lần 1 cơ cấu, thành phần, số lượng* người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở TW và ĐP được giới thiệu ứng cử ĐBQH; TT HĐND các cấp điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương được giới thiệu ứng cử ĐBHĐND cấp mình	UBTVQH, TT HĐND các cấp	Điều 40, Điều 51
5				Giới thiệu người ứng cử (hội nghị cử tri)	Các cơ quan, tổ chức	Điều 41, Điều 42, Điều 52
6	80	25/12/2025 *06/11/2025 (ÂL)*	Thứ năm	Hạn cuối HĐBCQG *công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các ĐVBC và số lượng ĐBQH được bầu ở mỗi ĐVBC*; UBBC các cấp công bố số ĐVBC ĐBHĐND cấp mình, danh sách các ĐVBC và số lượng ĐBHĐND được bầu ở mỗi ĐVBC	HĐBCQG, UBBC các cấp	Điều 10 khoản 2, khoản 3
7	70	04/01/2026 *16/11/2025 (ÂL)*	Chủ nhật	Hạn cuối UBND tỉnh *thành lập Ban bầu cử* ĐBQH; UBND các cấp thành lập Ban bầu cử ĐBHĐND cấp mình	UBND các cấp	Điều 24 khoản 1, khoản 2
8		**25/01/2026** *07/12/2025 (ÂL)*	**Chủ nhật**	**Ngày Đại hội Đảng kết thúc**		
9	**43**	31/01/2026 *13/12/2025 (ÂL)*	Thứ bảy	Hạn cuối UBND xã *thành lập các Tổ bầu cử*	UBND cấp xã	Điều 25 khoản 1

TT	Số ngày trước/ sau ngày bầu cử	Ngày	Thứ	Nội dung, hoạt động	Cơ quan, tổ chức thực hiện	Quy định trong Luật
10	**42**	**01/02/2026** *14/12/2025 (ÂL)*	**Chủ nhật**	**Hạn cuối nộp hồ sơ ứng cử (sau ngày Đại hội Đảng kết thúc)**	Công dân ứng cử	Điều 35, Điều 36
11	**40**	**03/02/2026** *16/12/2025 (ÂL)*	**Thứ ba**	**-** Hạn cuối tổ chức **hiệp thương 2: Lập danh sách sơ bộ người ứng cử và gửi lấy ý kiến cử tri nơi cư trú (**ĐCT UBTWMTTQVN tổ chức hội nghị ở Trung ương, BTT UBMTTQVN tỉnh tổ chức hội nghị ở tỉnh để thực hiện đối với bầu cử ĐBQH. BTT UBMTTQVN các cấp tổ chức hội nghị ở mỗi cấp để thực hiện đối với bầu cử ĐBHĐND**)**	Đoàn CT UBTWMTTQ, BTT UBMTTQ	Điều 43 khoản 1, Điều 44 khoản 1, Điều 53 khoản 1
12				- Thời hạn cơ quan lập danh sách *niêm yết danh sách cử tri*	Cơ quan lập danh sách cử tri	Điều 32
13				Công dân khiếu nại về danh sách cử tri (trong 30 ngày từ ngày niêm yết); cơ quan lập danh sách cử tri giải quyết khiếu nại (trong 05 ngày từ khi nhận khiếu nại)	Công dân; cơ quan lập danh sách cử tri	Điều 33
14	38	05/02/2026 *18/12/2025 (ÂL)*	Thứ năm	Hạn cuối UBTVQH *điều chỉnh lần 2 cơ cấu, thành phần, số lượng* người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở TW và ĐP được giới thiệu ứng cử *ĐBQH*	UBTVQH	Điều 47
15	35	08/02/2026 *21/12/2025 (ÂL)*	Chủ nhật	Tiến hành xong việc xác minh, trả lời các vụ việc cử tri nêu về người ứng cử ĐBQH, ĐBHĐND	Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý/giới thiệu người ứng cử/UBBC	Điều 46 khoản 4, Điều 55 khoản 4
				(Nghỉ Tết âm lịch)		
16	**23**	**20/02/2026** *04/01/2026 (ÂL)*	**Thứ sáu**	Hạn cuối tổ chức **hiệp thương 3: Lựa chọn, lập danh sách người đủ tiêu chuẩn ứng cử** (ĐCT UBTWMTTQVN tổ chức hội nghị ở Trung ương, BTT UBMTTQVN tỉnh tổ chức hội nghị ở tỉnh để thực hiện đối với bầu cử ĐBQH. BTT UBMTTQVN các cấp tổ chức hội nghị ở mỗi cấp để thực hiện đối với bầu cử ĐBHĐND)	Đoàn CT UBTWMTTQ, BTT UBMTTQ	Điều 48 khoản 1, Điều 49 khoản 1, Điều 56 khoản 1
17	21	22/02/2026 *06/01/2026 (ÂL)*	Chủ nhật	Hạn cuối BTT UBTWMTTQ và BTT UBMTTQ các cấp *gửi biên bản hiệp thương lần 3 và danh sách người đủ tiêu chuẩn ứng cử*đến HĐBCQG và các cơ quan, tổ chức theo quy định	BTT UBMTTQ các cấp	Điều 57 khoản 1, khoản 2, Điều 58 khoản 1

TT	Số ngày trước/ sau ngày bầu cử	Ngày	Thứ	Nội dung, hoạt động	Cơ quan, tổ chức thực hiện	Quy định trong Luật
18				Căn cứ danh sách người đủ tiêu chuẩn ứng cử ĐBQH, HĐBCQG gửi UBBC ở tỉnh danh sách và hồ sơ người được giới thiệu về ứng cử tại địa phương	HĐBCQG	Điều 57 khoản 3
19	17	26/02/2026 *10/01/2026 (ÂL)*	Thứ năm	- Hạn cuối HĐBCQG, UBBC *lập và công bố danh sách chính thức người ứng cử* ĐBQH, ĐBHĐND theo từng đơn vị bầu cử	HĐBCQG, UBBC	Điều 57 khoản 4, Điều 58 khoản 2
20				- Hạn cuối UBBC *nhận tài liệu, phiếu bầu cử ĐBQH từ UBND tỉnh và phân phối cho các Ban BC* ĐBQH; UBBC nhận tài liệu, phiếu bầu cử ĐBHĐND từ UBND cùng cấp và phân phối cho các Ban BC	UBBC	Điều 23 khoản 1 điểm g, khoản 2 điểm h
21	**16**	**27/02/2026** *11/01/2026 (ÂL)*	**Thứ sáu**	**- Hạn cuối UBBC tỉnh công bố danh sách người ứng cử ĐBQH ở địa phương**	UBBC ở tỉnh	Điều 57 khoản 7
22				**- Hạn cuối Tổ bầu cử niêm yết danh sách chính thức người ứng cử ĐBQH, ĐBHĐND ở khu vực bỏ phiếu**	Tổ BC	Điều 59
23				Vận động bầu cử **(trong 15 ngày)**		Điều 64 - Điều 68
24	13	02/03/2026 *14/01/2026 (ÂL)*	Thứ hai	Hạn cuối *Ban bầu cử nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử*	Ban BC	Điều 24 khoản 3 điểm d
25	10	05/03/2026 *17/01/2026 (ÂL)*	Thứ năm	- Tổ bầu cử bắt đầu thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu	Tổ BC	Điều 25 khoản 2 điểm d, Điều 70
26				- Hạn cuối HĐBCQG, UBBC, BBC ngừng xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và danh sách người ứng cử	HĐBCQG, UBBC, BBC	Điều 61 khoản 2
27	**0**	**15/03/2026** *27/01/2026 (ÂL)*	**Chủ nhật**	**Ngày bầu cử**		
28	3	18/03/2026 *30/01/2026 (ÂL)*	Thứ tư	Hạn cuối Tổ BC gửi biên bản kết quả kiểm phiếu đến BBC tương ứng và UBND, BTT UBMTTQ cấp xã	Tổ BC	Điều 76
29	5	20/03/2026 *02/02/2026 (ÂL)*	Thứ sáu	Hạn cuối Ban BC gửi biên bản xác định kết quả bầu cử ĐBQH đến HĐBCQG, UBBC tỉnh, UBMTTQ tỉnh; gửi biên bản xác định kết quả bầu cử ĐBHĐND đến UBBC cùng cấp, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQ cùng cấp	Ban BC	Điều 77 khoản 3, khoản 4

TT	Số ngày trước/ sau ngày bầu cử	Ngày	Thứ	Nội dung, hoạt động	Cơ quan, tổ chức thực hiện	Quy định trong Luật
30	7	22/03/2026 *04/02/2026 (ÂL)*	Chủ nhật	Hạn cuối UBBC tỉnh gửi biên bản xác định kết quả bầu cử ĐBQH ở tỉnh/tp đến HĐBCQG, UBTVQH, UBTWMTTQ, UBMTTQ tỉnh	UBBC ở tỉnh	Điều 83 khoản 3
31				Hạn cuối bầu cử thêm (nếu có)		Điều 79 khoản 3
32				Hạn cuối bầu cử lại (nếu có)		Điều 80 khoản 4, Điều 81 khoản 2
33	10	25/03/2026 *07/02/2026 (ÂL)*	Thứ tư	- Hạn cuối HĐBCQG *công bố kết quả bầu cử, danh sách trúng cử ĐBQH*	HĐBCQG	Điều 86 khoản 1
34				- Hạn cuối UBBC *công bố kết quả bầu cử, danh sách trúng cử ĐBHĐND* cấp mình	UBBC các cấp	Điều 86 khoản 2
35				- Khiếu nại kết quả bầu cử ĐBQH gửi đến HĐBCQG (trong ***03 ngày*** từ khi công bố). HĐBCQG xem xét giải quyết (trong ***07 ngày*** từ khi nhận khiếu nại)	HĐBCQG	Điều 87 khoản 1, khoản 2
36				- Khiếu nại kết quả bầu cử ĐBHĐND gửi đến UBBC (trong ***03 ngày*** từ khi công bố). UBBC xem xét, giải quyết (trong ***07 ngày*** từ khi nhận khiếu nại)	UBBC các cấp	
37	**22**	**06/04/2026** *19/02/2026 (ÂL)*	**Thứ hai**	**Có thể khai mạc kỳ họp thứ nhất, QH khóa mới/họp HĐND nhiệm kỳ mới**		Điều 92 khoản 2 Luật TCQH

* Dự kiến nghỉ Tết nguyên đán từ ngày 15-22/02/2026.

** Các mốc thời gian trên quy định số ngày chậm nhất trước hoặc sau ngày bầu cử phải thực hiện.

16. HƯỚNG DẪN SỐ 36-HD/BTCTW NGÀY 09/9/2025 CỦA BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG

Về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị *về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031*; Kết luận số 153-KL/TW, ngày 16/5/2025, Kết luận số 184-KL/TW, ngày 15/8/2025 của Bộ Chính trị *về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031* và các quy định của Bộ Chính trị; Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ *quy định về tuổi nghỉ hưu khi thực hiện lộ trình tăng tuổi nghỉ hưu theo Bộ luật Lao động năm 2019* và các văn bản liên quan, Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn một số nội dung về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

1. Lãnh đạo thực hiện Chỉ thị và Kết luận của Bộ Chính trị

Các tỉnh ủy, thành ủy thành lập ban chỉ đạo để lãnh đạo công tác bầu cử; chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ở địa phương. Thành phần ban chỉ đạo gồm: Ban thường vụ cấp ủy; đại diện lãnh đạo đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố. Trưởng ban chỉ đạo là đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy.

Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; các ban và cơ quan Đảng ở Trung ương; đảng ủy bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, đảng ủy đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước ở Trung ương tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt của địa phương, cơ quan, đơn vị để quán triệt thực hiện Chỉ thị, Kết luận của Bộ Chính trị và các quy định, hướng dẫn của Trung ương về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và

bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Thành phần tham dự hội nghị do ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, đảng ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị ở Trung ương xem xét, quyết định.

2. Tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

2.1. Tiêu chuẩn chung

Người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 phải bảo đảm các tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đang công tác tại cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước phải bảo đảm các tiêu chuẩn chung theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau: *(1)* Là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiêu biểu. *(2)* Có uy tín, năng lực trong thực hiện và tuyên truyền, vận động có hiệu quả quần chúng nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. *(3)* Có tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. *(4)* Có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; thực hiện nghiêm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giữ gìn đoàn kết nội bộ; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; kê khai tài sản, thu nhập trung thực, minh bạch, không cơ hội, tham vọng quyền lực, cục bộ, bè phái, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, *"lợi ích nhóm"*... Không để vợ, chồng, con, người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi. *(5)* Có năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tư duy đổi mới, tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học; có khả năng tư duy, phân tích, tổng hợp, đề xuất xây dựng chính sách pháp luật khả thi, hiệu quả; giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật tại địa phương, đơn vị, nơi ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân; nói đi đôi với làm, năng động, sáng tạo, dám

nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thách thức, dám hy sinh vì lợi ích chung, vì nước, vì dân; có thành tích, kết quả công tác và *"sản phẩm"* cụ thể trong địa bàn, lĩnh vực công tác được giao. *(6)* Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; có trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

Không giới thiệu, đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực; có tư tưởng cục bộ, bảo thủ, trì trệ; đang bị điều tra, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mất đoàn kết. Cán bộ có vi phạm khuyết điểm hoặc bị thi hành kỷ luật trong nhiệm kỳ 2021-2026; cán bộ có người thân vi phạm pháp luật thực hiện theo Kết luận số 165-KL/TW, ngày 07/6/2025 của Bộ Chính trị *về định hướng thực hiện công tác cán bộ đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị thi hành kỷ luật; cán bộ có người thân vi phạm pháp luật.*

Đối với những trường hợp vi phạm tiêu chuẩn chính trị, thực hiện theo Quy định của Bộ Chính trị *về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.* Kiên quyết không để lọt những người không xứng đáng, những người chạy chức, chạy quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

Quan tâm, giới thiệu chuyên gia đầu ngành về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ cao; luật gia giỏi có uy tín, am hiểu sâu về pháp luật quốc tế; doanh nhân xuất sắc, tâm huyết với sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện của người ứng cử đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách

Ngoài các tiêu chuẩn chung, người ứng cử đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Có trình độ đào tạo đại học trở lên; có năng lực phân tích, hoạch định chính sách và khả năng tổ chức công việc, có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn phù hợp. Có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, có ý thức trách nhiệm cao trong hoạt động của Quốc hội. Quan tâm người được đào tạo cơ bản về pháp luật, có trình độ chuyên môn cao về khoa học, công nghệ, tài chính - ngân hàng, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng,

chuyển đổi số... theo Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 *về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới* và Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị *về phát triển kinh tế tư nhân*.

- Người ứng cử làm đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở Trung ương thì cần phải đáp ứng một trong các trường hợp sau:

+ Đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ ở chức vụ từ vụ trưởng và tương đương, chức vụ giám đốc sở, ngành và tương đương trở lên và đã được quy hoạch đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách; nếu chưa được quy hoạch vào đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách thì phải được quy hoạch giữ chức vụ từ thứ trưởng và tương đương trở lên.

+ Nếu thuộc đơn vị vũ trang nhân dân thì phải kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ của chức danh cục trưởng và tương đương, chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự tỉnh, giám đốc công an tỉnh và tương đương trở lên hoặc có quân hàm đại tá trở lên.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở địa phương phải giữ chức vụ giám đốc sở hoặc tương đương trở lên, là ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp tỉnh, có quy hoạch một trong các chức danh sau: Ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc tương đương trở lên; có khả năng đóng góp vào hoạt động của Quốc hội.

- Đối với một số lĩnh vực cần thiết phải cơ cấu đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách nhưng không có nhân sự cấp vụ trưởng và tương đương đáp ứng yêu cầu thì có thể xem xét đối với một số trường hợp phó vụ trưởng và tương đương nhưng phải đảm bảo yêu cầu đã kinh qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ từ 03 năm trở lên, có chuyên môn sâu về một hoặc một số ngành, lĩnh vực, có triển vọng phát triển và đã được quy hoạch đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách. Đảng ủy Quốc hội lựa chọn và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định, giới thiệu ứng cử làm đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách bảo đảm đúng quy định.

2.3. Tiêu chuẩn, điều kiện người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách

Ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn chung theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách cấp tỉnh, cấp xã phải có trình độ đào tạo đại học trở lên và các tiêu chuẩn cụ thể sau:

a) Ở cấp tỉnh: Người ứng cử phó chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách phải là tỉnh ủy viên trở lên *(trong đó phải có 01 đồng chí là ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy)*, đang giữ chức từ trưởng ban của Hội đồng nhân dân hoặc giám đốc sở và tương đương trở lên, được quy hoạch chức danh phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên. Người ứng cử trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân phải giữ chức vụ từ phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân hoặc phó giám đốc sở và tương đương trở lên, được quy hoạch chức danh trưởng ban của Hội đồng nhân dân hoặc giám đốc sở và tương đương trở lên; người ứng cử phó trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân phải giữ chức vụ từ trưởng phòng cấp sở hoặc tương đương trở lên và được quy hoạch chức danh phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân hoặc phó giám đốc sở và tương đương trở lên.

b) Ở cấp xã: Người ứng cử phó chủ tịch Hội đồng nhân dân chuyên trách phải là cấp ủy viên, giữ chức vụ từ trưởng phòng hoặc tương đương trở lên và được quy hoạch phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (xã cũ) hoặc tương đương trở lên; người ứng cử trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân phải giữ chức vụ từ phó trưởng phòng hoặc tương đương trở lên ở cấp xã; người ứng cử phó trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân phải có thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương từ 5 năm trở lên.

- Trước mắt, cho phép vận dụng, bố trí cán bộ có năng lực, kinh nghiệm, khả năng đáp ứng công việc nhưng còn thiếu tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý nhà nước, chức danh quy hoạch để tham gia ứng cử phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, trưởng ban, phó trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân cấp xã bảo đảm đúng số lượng được phê duyệt; đồng thời, khẩn trương tiến hành đào tạo, hoàn thiện tiêu chuẩn trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý nhà nước và quy hoạch chức danh theo quy định.

- Đối với nhân sự dự kiến bố trí làm trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm cần có năng lực, trình độ, sức khỏe và thời gian để đáp ứng yêu cầu công việc, do cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ xem xét, quyết định.

2.4. Về độ tuổi, sức khỏe đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách

a) Về độ tuổi

Thực hiện tính tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019; Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị *về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Nghị định số 135/2020/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

- Thời điểm tính độ tuổi tham gia đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách nhiệm kỳ 2026-2031 là tháng 3/2026.

- Đối với người lần đầu ứng cử phải đủ tuổi tham gia hai khóa Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân trở lên, ít nhất trọn một khóa; nam sinh từ tháng 3/1969, nữ sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây; trường hợp đại biểu nữ giữ chức vụ được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn theo Nghị định số 83/2022/NĐ-CP, ngày 18/10/2022 của Chính phủ thì sinh từ tháng 3/1971 trở lại đây.

- Đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở Trung ương và địa phương tái cử; đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách tái cử *(trừ các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng)* phải còn thời gian công tác ít nhất từ 36 tháng trở lên *(nam sinh từ tháng 3/1967; nữ sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây);* trường hợp đại biểu nữ giữ chức vụ được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn theo Nghị định số 83/2022/NĐ-CP, ngày 18/10/2022 của Chính phủ, nữ đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách là Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, phó chủ nhiệm ủy ban của Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội *(giữ chức vụ thứ trưởng và tương đương)* thì sinh từ tháng 3/1969 trở lại đây.

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách là cán bộ Quân đội, Công an thực hiện độ tuổi theo quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân. Đối với lãnh đạo hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ ứng cử, thực hiện

độ tuổi theo Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư và do cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ xem xét, quyết định.

- Các đồng chí không còn đủ tuổi tái cử nhưng chưa đến tuổi nghỉ hưu, cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ chủ động làm tốt công tác tư tưởng, động viên nghỉ công tác, nghỉ hưu trước tuổi, hưởng chế độ, chính sách theo quy định; xem xét, bố trí công tác phù hợp hoặc giữ nguyên một số chế độ, chờ đủ tuổi nghỉ hưu; những đồng chí có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi thì giải quyết chế độ, chính sách theo Thông báo số 75-TB/TW, ngày 07/3/2025 của Bộ Chính trị và các quy định liên quan. Trường hợp là người có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm thực tiễn, năng lực nổi trội và có nhiều sản phẩm trong xây dựng thể chế, pháp luật thì có thể báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, áp dụng chế độ, chính sách chuyên gia cao cấp theo Nghị định số 92/2025/NĐ-CP, ngày 25/4/2025 của Chính phủ.

- Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở Trung ương và địa phương, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách khi đến tuổi nghỉ hưu thì thôi giữ chức vụ và tiếp tục làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đến hết nhiệm kỳ.

b) Về sức khỏe

Người ứng cử đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách nhiệm kỳ 2026-2031 phải được cơ quan y tế có thẩm quyền kết luận đủ sức khỏe trong thời gian không quá 06 tháng tính đến tháng 3/2026. Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn, xác định cơ sở y tế khám sức khỏe đối với cán bộ ở các cơ quan Trung ương. Ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy hướng dẫn, xác định cơ sở y tế khám sức khỏe đối với cán bộ ở địa phương.

3. Về số lượng cấp phó các cơ quan của Quốc hội; trưởng đoàn, phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội khóa XVI và nhân sự lãnh đạo chủ chốt Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

3.1. Đối với các cơ quan của Quốc hội thực hiện sắp xếp trong nhiệm kỳ khóa XV được giữ nguyên số lượng cấp phó theo quy định. Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI thực hiện bố trí số lượng cấp phó theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3.2. Các đồng chí là lãnh đạo chủ chốt tỉnh, thành phố được cấp ủy đề xuất và được Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, nếu trúng cử thì đảm nhiệm chức danh trưởng đoàn đại biểu Quốc hội của tỉnh, thành phố theo nguyên tắc mỗi đồng chí nhìn chung không giữ quá 02 chức danh lãnh đạo *(bí thư, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân, trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc)*; trường hợp khác do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng được phân công làm trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố thì không giữ quá 03 chức danh lãnh đạo. Các đồng chí đảm nhiệm chức danh phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố phải là cấp ủy viên cấp tỉnh, đã giữ chức vụ giám đốc sở hoặc tương đương trở lên, có quy hoạch một trong các chức danh sau: Ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc tương đương trở lên.

Việc giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh lãnh đạo chủ chốt Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp phải căn cứ vào phương án nhân sự do cấp ủy chuẩn bị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt *(gắn với công tác nhân sự đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030);* trường hợp cần thiết nếu phải thay đổi thì báo cáo cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3.4. Người được giới thiệu ứng cử làm trưởng đoàn đại biểu Quốc hội khóa XVI, ứng cử giữ chức chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nhiệm kỳ 2026-2031 theo đề án nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã được Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII thông qua thì không phải báo cáo lại Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIV; trường hợp cần thiết phải bố trí lại trưởng đoàn đại biểu Quốc hội theo đề án tổng thể thì phải báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

3.5. Cấp ủy các cấp lãnh đạo việc bố trí nhân sự ứng cử chức danh lãnh đạo chủ chốt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân về các đơn vị bầu cử, đảm bảo sự hài hòa, tương quan chung trong việc bố trí nhân sự ứng cử tại các đơn vị bầu cử ở địa phương.

3.6. Số lượng phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại đoàn đại biểu Quốc hội khóa XVI, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân,

phó trưởng ban của Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2026-2031 thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3.7. Trường hợp khi trưởng đoàn đại biểu Quốc hội có sự thay đổi công tác thì ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí nhân sự phù hợp; trường hợp đặc biệt nếu tại địa phương không có nhân sự đáp ứng yêu cầu thì có thể xem xét, phân công đồng chí đại biểu Quốc hội ứng cử tại địa bàn là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý kiêm nhiệm trưởng đoàn.

4. Phát huy dân chủ, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong giới thiệu nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách

4.1. Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thực hiện theo quy định Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; quy trình, thủ tục, hồ sơ cụ thể thực hiện theo quy định của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đối với nhân sự là đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước, việc giới thiệu ứng cử phải thực hiện theo đúng các quy định của Đảng và Nhà nước.

Đối với người ngoài Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan xem xét, báo cáo ban thường vụ cấp ủy có thẩm quyền (nơi nhân sự cư trú, làm việc hoặc ứng cử) kết luận về tiêu chuẩn chính trị và chịu trách nhiệm về kết luận của mình.

4.2. Đối với mỗi chức danh lãnh đạo các cơ quan của Quốc hội, lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp thì cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền chỉ giới thiệu một đại biểu ứng cử theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

4.3. Đảng viên tự ứng cử đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Hướng dẫn này; đồng thời, phải được cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền quản lý đảng viên đồng ý, cụ thể như sau:

- Đối với đảng viên không giữ chức vụ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, nếu tự ứng cử đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì phải báo cáo và phải được chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt đồng ý.

- Đối với đảng viên đang giữ chức vụ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước hoặc đã nghỉ hưu, nếu tự ứng cử đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì phải báo cáo và được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ và cấp ủy cấp trên trực tiếp của chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt đồng ý.

5. Tổ chức thực hiện

Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các ban, cơ quan Đảng ở Trung ương và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương căn cứ Chỉ thị, Kết luận của Bộ Chính trị, Hướng dẫn này và các văn bản của Trung ương có liên quan để lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; bảo đảm tiêu chuẩn, số lượng, cơ cấu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định; chú ý thực hiện việc rà soát hồ sơ người ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo đúng quy định. Các tỉnh ủy, thành ủy nếu thấy cần thiết, có thể ban hành hướng dẫn việc thực hiện cụ thể ở địa phương mình bảo đảm thực hiện theo đúng các quy định của Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị trao đổi với Ban Tổ chức Trung ương để được hướng dẫn hoặc tổng hợp báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, chỉ đạo./.

K/T TRƯỞNG BAN
Phó Trưởng ban Thường trực

(Đã ký)

Hoàng Đăng Quang

17. HƯỚNG DẪN SỐ 19-HD/UBKTTW NGÀY 25/8/2025 CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp

Căn cứ Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Quy định số 296-QĐ/TW, ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII,

Thực hiện Công văn số 03/HĐBCQG-CTĐB, ngày 09/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

I. YÊU CẦU

1. Việc giải quyết tố cáo, khiếu nại liên quan đến bầu cử hoặc nhân sự giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 phải kịp thời, chính xác, khách quan, đúng nguyên tắc, quy trình, thủ tục, trách nhiệm, thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Khi nhận được đơn thư tố cáo, khiếu nại phải phân loại, xử lý kịp thời, chính xác và kịp thời giải quyết theo đúng quy định; đối với những đơn thư tố cáo, khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển đến các

cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người tố cáo, khiếu nại biết theo quy định.

3. Qua giải quyết tố cáo, khiếu nại phải kết luận rõ đúng, sai, khuyết điểm, vi phạm (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp vi phạm.

4. Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, ngừng việc xem xét, giải quyết mọi tố cáo, khiếu nại liên quan đến người ứng cử và việc lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp cho đến khi bầu cử xong.

- Trường hợp tố cáo, khiếu nại rõ ràng, kết luận người ứng cử không đáp ứng tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì báo cáo ban thường vụ cấp ủy cùng cấp để báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với đại biểu Quốc hội) hoặc thông báo với Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với đại biểu Hội đồng nhân dân) xem xét, quyết định theo thẩm quyền về việc xóa tên người đó trong danh sách chính thức những người ứng cử, đồng thời báo cấp ủy cấp trên trực tiếp.

- Trường hợp tố cáo, khiếu nại thuộc thẩm quyền nhưng chưa xem xét, giải quyết được hoặc đang giải quyết nhưng không thể kết thúc trước 10 ngày tính đến ngày bầu cử thì kịp thời báo cáo ban thường vụ cấp ủy cùng cấp để báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với đại biểu Quốc hội) hoặc thông báo với Ủy ban bầu cử cấp tương ứng (đối với đại biểu Hội đồng nhân dân) xem xét, quyết định theo quy định.

5. Những trường hợp tố cáo, khiếu nại không giải quyết:

- Những trường hợp tố cáo không giải quyết:

▪ Tố cáo nặc danh, giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, không rõ nội dung.

▪ Đơn tố cáo đã được cấp có thẩm quyền (do Điều lệ Đảng, Quy định của Đảng và Luật Tố cáo quy định) xem xét, kết luận hoặc đã có thông báo không xem xét, giải quyết.

▪ Đơn tố cáo do người tố cáo đã tự nguyện rút đơn nay tiếp tục tố cáo lại nhưng không có thêm nội dung, tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất sự việc.

▪ Đơn tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có căn cứ để thẩm tra, xác minh.

▪ Đơn tố cáo có tên nhưng nội dung của đơn không chứa đựng, phản ánh nội dung tố cáo đối với người ứng cử.

▪ Đơn tố cáo không phải do người tố cáo trực tiếp ký tên.

▪ Đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên.

▪ Đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự.

- Những trường hợp khiếu nại không giải quyết:

▪ Quá thời hạn khiếu nại theo quy định.

▪ Đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết.

▪ Đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, quyết định.

6. Xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và Nhà nước đối với hành vi lợi dụng tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống nhằm gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ, phá hoại bầu cử.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG, ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP, CÁC CƠ QUAN THAM MƯU, GIÚP VIỆC CỦA CẤP ỦY

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện việc giải quyết tố cáo, khiếu nại liên quan công tác bầu cử và nhân sự giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trong đảng bộ, địa phương, cơ quan, đơn vị mình; Chỉ đạo làm rõ và giải quyết dứt điểm các vụ việc tố cáo, khiếu nại của đảng viên, công dân ngay từ cơ sở, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người trước, trong và sau ngày bầu cử.

1.2. Chủ trì giải quyết theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo giải quyết những tố cáo, khiếu nại theo quy định.

1.3. Chỉ đạo giải quyết tố cáo liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành và thuộc trách nhiệm giải quyết của nhiều cơ quan, tổ chức, bảo đảm việc giải quyết tố cáo chặt chẽ, đúng quy định.

2. Trách nhiệm của ủy ban kiểm tra các cấp

2.1. Tiếp nhận, phân loại, xử lý đầy đủ, chính xác, kịp thời đơn thư tố cáo, khiếu nại liên quan đến nhân sự giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội

khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 và tiến hành giải quyết đơn thư thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết; thực hiện chuyển đơn thư không thuộc thẩm quyền đến cơ quan có trách nhiệm giải quyết và thông báo cho người tố cáo, khiếu nại biết.

2.2. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố cáo, khiếu nại; Báo cáo, đề xuất cấp ủy cùng cấp xem xét, chỉ đạo giải quyết những tố cáo phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; Tổng hợp kết quả giải quyết tố cáo, khiếu nại và báo cáo kịp thời cho cấp ủy cùng cấp để báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với đại biểu Quốc hội) hoặc thông báo cho Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với đại biểu Hội đồng nhân dân); đồng thời báo cáo ủy ban kiểm tra cấp trên.

2.3. Trường hợp tố cáo có nhiều nội dung, liên quan đến trách nhiệm giải quyết của nhiều cơ quan, tổ chức thì ủy ban kiểm tra chủ trì giải quyết; các cơ quan, tổ chức liên quan phối hợp cử cán bộ tham gia đoàn giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, ủy ban kiểm tra và các tổ chức đảng có liên quan báo cáo ban thường vụ cấp ủy giải quyết tố cáo theo quy định.

2.4. Cùng với việc giải quyết tố cáo khiếu nại, ủy ban kiểm tra các cấp phải tăng cường giám sát, nhất là giám sát thường xuyên, chủ động nắm chắc tình hình nhân sự giới thiệu ứng cử. Kịp thời phát hiện tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm để kiểm tra, kết luận, xử lý.

Qua giám sát, nếu phát hiện những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giới thiệu ứng cử thì chủ động phối hợp với ban tổ chức hoặc ban xây dựng đảng của cấp ủy báo cáo ban thường vụ cấp ủy cùng cấp để báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với đại biểu Quốc hội) hoặc thông báo cho Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với đại biểu Hội đồng nhân dân) xem xét, quyết định; đồng thời báo cáo ủy ban kiểm tra cấp trên.

2.5. Ủy ban kiểm tra của cấp ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp cấp ủy tổng hợp những tố cáo, khiếu nại liên quan đến cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý là nhân sự giới thiệu ứng cử và gửi về Ủy ban Kiểm tra Trung ương để xem xét, giải quyết theo quy định.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy

3.1. Tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư tố cáo, khiếu nại liên quan đến nhân sự giới thiệu ứng cử theo đúng quy định; Chuyển đơn, thư không thuộc thẩm quyền đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết và thông báo cho người tố cáo, khiếu nại biết.

3.2. Chủ trì xem xét, giải quyết những tố cáo, khiếu nại thuộc phạm vi, trách nhiệm, thẩm quyền.

3.3. Phối hợp với ủy ban kiểm tra cùng cấp và các tổ chức đảng, cơ quan có liên quan giải quyết những nội dung tố cáo, khiếu nại đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý hoặc cấp ủy cùng cấp quản lý theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc Hướng dẫn này.

2. Cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra, cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, ở các xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố và tương đương **chủ động tổ chức thực hiện công tác giải quyết tố cáo, khiếu nại** phục vụ bầu cử theo chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, thẩm quyền.

3. Ủy ban kiểm tra các cấp tham mưu, giúp cấp ủy cùng cấp tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hướng dẫn này.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp kịp thời phản ánh về Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

TM. ỦY BAN KIỂM TRA
Phó Chủ nhiệm Thường trực

(Đã ký)

Trần Văn Rón

18. HƯỚNG DẪN SỐ 27-HD/BTGDVTW NGÀY 11/9/2025 CỦA BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG Tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Thực hiện Chỉ thị số 46 - CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, Kết luận số 184-KL/TW ngày 15/8/2025 của Bộ Chính trị về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương hướng dẫn công tác tuyên truyền như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tuyên truyền sâu rộng, tạo sự thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng chính trị và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội để tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 bảo đảm dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm và thực sự là Ngày hội của toàn dân; góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước và sự nghiệp đổi mới đất nước.

- Thông qua công tác tuyên truyền phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, nâng cao ý thức trách nhiệm chính trị tham gia xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; góp phần tích cực xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vượt qua khó khăn, thách thức, đẩy mạnh thi đua yêu nước, học tập, lao động, sản xuất, kinh doanh, tạo ra nhiều của cải, vật chất cho xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIII

của Đảng và đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới phồn vinh, thịnh vượng.

2. Yêu cầu

Công tác tuyên truyền bám sát hướng dẫn, định hướng chính trị, tư tưởng của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Hội đồng bầu cử quốc gia; bảo đảm xuyên suốt, đồng bộ, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, hiệu quả; thông tin chính xác, kịp thời, hình thức tuyên truyền linh hoạt, sáng tạo, phong phú; tạo bầu không khí phấn khởi, lạc quan, tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước; gắn với triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, tổ chức đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030 tiến tới Đại hội XIV của Đảng.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

1. Tuyên truyền ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; phân tích làm rõ cuộc bầu cử diễn ra trong thời điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vừa kết thúc thành công tốt đẹp, thực hiện thành công cuộc cách mạng sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo hướng "tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả" và những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên mọi mặt của đất nước sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng; toàn Đảng, toàn dân và toàn quân nỗ lực phấn đấu, đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng, tận dụng mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

2. Tuyên truyền quán triệt đầy đủ, sâu sắc chủ trương, quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cuộc bầu cử, đặc biệt các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng bầu cử quốc gia và các cơ quan chức năng[1]; chú trọng thông tin về đổi mới tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp bảo đảm phù hợp với nguyên tắc cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, với quy định của Hiến pháp 2013[2]; bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hội nhập quốc tế. Nhấn mạnh làm rõ

trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác nhân sự, bảo đảm phát huy dân chủ gắn với sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng về công tác cán bộ; gắn kết quả nhân sự đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, Đại hội XIV của Đảng và quy hoạch cán bộ với công tác chuẩn bị giới thiệu nhân sự đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Phân tích làm rõ việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải bảo đảm đúng quy trình của pháp luật, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương có thẩm quyền.

3. Tuyên truyền tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, cụ thể:

- Về tiêu chuẩn: Lựa chọn, giới thiệu những người tiêu biểu, có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, đủ tiêu chuẩn, có năng lực và điều kiện thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; không đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lợi, bảo thủ, tư tưởng bè phái, cục bộ địa phương; các đối tượng đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm, đã bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận không trung thực; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra những vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mất đoàn kết nghiêm trọng.

- Về cơ cấu số lượng đại biểu bảo đảm hợp lý về số đại biểu là người đang công tác ở cơ quan đảng, nhà nước, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc; tăng số lượng đại biểu chuyên trách, bảo đảm tỷ lệ người ứng cử là phụ nữ và người dân tộc thiểu số theo đúng quy định của Luật bầu cử; có tỷ lệ hợp lý đại biểu các tôn giáo, đại biểu tái cử, đại biểu trẻ tuổi, các nhà khoa học, trí thức, văn nghệ sĩ, đại biểu xuất thân từ công nhân, nông dân, doanh nhân và các hiệp hội, nghiệp đoàn trong sản xuất, kinh doanh; bảo đảm nguyên tắc xử lý tốt mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, giữa kế thừa, ổn định, đổi mới và phát triển.

- Đề cao tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, để bảo đảm Quốc hội thực sự cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

4. Tuyên truyền quá trình triển khai cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, kịp

thời biểu dương những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác chuẩn bị, tổ chức tốt bầu cử, nhất là những địa bàn bầu cử ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo,... đồng thời phát hiện những bất cập, hạn chế, kịp thời đề xuất biện pháp giải quyết những vấn đề mới nảy sinh. Đề cao tinh thần trách nhiệm, công tác phối hợp của các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị chức năng, cử tri cả nước góp phần vào sự thành công của cuộc bầu cử. Tập trung tuyên truyền kết quả bầu cử và không khí dân chủ, đúng pháp luật trong bầu cử, đặc biệt ý thức tự giác, trách nhiệm của cử tri đi bầu cử.

5. Tiếp tục tuyên truyền những thành tựu, kết quả to lớn mà Quốc hội đã đạt được trong 80 năm qua; vai trò, đóng góp của các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp qua các nhiệm kỳ; khẳng định, làm rõ những bước tiến trong đổi mới và tổ chức hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, nhất là trong công tác lập pháp, giám sát tối cao, giải quyết những vấn đề bức xúc của người dân, quyết định những vấn đề lớn của đất nước, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế trong 40 năm qua.

6. Tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động chào mừng hướng đến Ngày bầu cử, không khí phấn khởi, dân chủ của Ngày bầu cử. Chủ động đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, xuyên tạc phá hoại cuộc bầu cử của thế lực thù địch, lợi dụng bầu cử để kích động, gây rối, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Đảng, Nhà nước ta.

III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN TUYÊN TRUYỀN

- Đợt 1: Từ tháng 10 đến tháng 12/2025

+ Tuyên truyền Chỉ thị số số 46 - CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 và những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 sau sửa đổi, bổ sung một số điều và Luật tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan, đơn vị chức năng, Hội đồng bầu cử quốc gia; cơ cấu, thành phần, số lượng người ứng cử, tự ứng cử, tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ 1.

+ Tuyên truyền những hoạt động đổi mới của Quốc hội trong các hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; những thành tựu quan trọng của Quốc hội qua 80 năm và Hội đồng nhân dân các cấp, góp phần xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Đợt 2: Từ tháng 1 đến ngày bầu cử 15/3/2026

+ Tập trung tuyên truyền đậm nét, tạo cao điểm về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; hội nghị hiệp thương lần thứ 2, thứ 3; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; các nguyên tắc bầu cử, quy trình bầu cử và quyền công dân đi bầu cử.

+ Tuyên truyền bầu không khí phấn khởi, tin tưởng, lạc quan của cử tri cả nước tự giác tham gia đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Tiếp tục khẳng định cuộc bầu cử tiến hành dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, là Ngày hội của toàn dân (ngày 15/3/2026).

- Đợt 3: Sau ngày bầu cử 15/3/2026

Tuyên truyền kết quả thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, khẳng định tinh thần đoàn kết, thống nhất, sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; các hoạt động chào mừng thành công cuộc bầu cử; Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI, Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân.

IV. HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

1. Tuyên truyền, quán triệt, phổ biến tại hội nghị nội bộ của Đảng như: họp cấp ủy, sinh hoạt đảng định kỳ, sinh hoạt chuyên đề; hội nghị báo cáo viên, sinh hoạt của các đoàn thể và tổ chức hội thảo, tọa đàm.

2. Tuyên truyền thông qua bản tin thông báo nội bộ, các tài liệu, ấn phẩm sách, tờ gấp; tổ chức các cuộc thi trắc nghiệm, tương tác trực tuyến với nội dung phong phú, dễ hiểu, phù hợp với nhiều đối tượng.

3. Tuyên truyền phổ biến rộng rãi trên báo chí, cổng/trang thông tin điện tử các ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức và trên nền tảng số, internet, mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube...).

4. Tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh cơ sở, đội truyền thông lưu động, phát huy vai trò của đội ngũ tuyên truyền viên; qua hoạt động văn hóa - văn nghệ; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, lồng ghép vào các cuộc vận động lớn trong Đảng và xã hội.

5. Tuyên truyền, cổ động trực quan; xây dựng các khẩu hiệu, panô, áp phích, bảo đảm ấn tượng, hấp dẫn, thuyết phục, thu hút Nhân dân tại các khu hành chính, trung tâm văn hóa, thể thao, khu đô thị, bệnh viện, trường học, siêu thị, trên các trục đường chính, cửa ngõ các tỉnh, thành phố,...

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh ủy, thành ủy và Đảng ủy trực thuộc Trung ương

- Chỉ đạo tổ chức tốt công tác tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, bảo đảm xuyên suốt, đồng bộ, chặt chẽ, liên tục, sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân bằng các hình thức phù hợp như Mục II, III của Hướng dẫn.

- Bám sát tình hình thực tiễn, dự báo, định hướng tư tưởng kịp thời đối với những vấn đề mới phát sinh, tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận của các tầng Nhân dân hưởng ứng tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

- Chỉ đạo tổ chức phát động các phong trào thi đua yêu nước, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030 và Đại hội XIV của Đảng và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 thực sự là Ngày hội của toàn dân.

2. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương

- Xây dựng và ban hành Hướng dẫn tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, tạo sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận của các tầng lớp nhân dân. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác tuyên truyền ở Trung ương và địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Văn phòng Quốc hội và các cơ quan liên quan nghiên cứu triển khai công tác tuyên truyền trên nền tảng VNeID.

3. Văn phòng Quốc hội: Chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để chỉ đạo, định hướng công tác thông tin, tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; chủ động cung cấp thông tin, tài liệu chính thống cho cơ quan thông tấn báo chí để tuyên truyền.

4. Bộ Công an: Phối hợp với Văn phòng Quốc hội, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, tổ chức triển khai công tác tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên nền tảng VNeID.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; chỉ đạo tổ chức tốt các hoạt động thông tin, tuyên truyền, cổ động trực quan trên pano, áp phích, tranh cổ động, bảng điện tử và triển lãm, các hoạt động văn hóa, thể thao chào mừng, đặc biệt coi trọng các khu vực bầu cử, khu hành chính, trung tâm, vùng miền núi, biên giới, hải đảo.

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động tuyên truyền của báo chí, xuất bản, nhất là trên không gian mạng, tránh để sai sót; xử lý nghiêm hành vi đưa tin, viết bài thiếu khách quan, trung thực; tăng cường hệ thống thông tin cơ sở, tập trung phát thanh các bản tin về cuộc bầu đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

6. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Trung ương

- Hướng dẫn các tổ chức chính trị - xã hội, tuyên truyền sâu rộng tới cán bộ, hội viên, đoàn viên và các cấp hội, đoàn và các tầng lớp nhân dân về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 bằng các hình thức tuyên truyền phù hợp để thu hút, gắn kết các tầng lớp nhân dân hướng về ngày bầu cử; vận động cán bộ, hội viên, đoàn viên và các cấp hội, đoàn hưởng ứng các phong trào thi đua

yêu nước, tham gia các hoạt động xã hội xóa đói, giảm nghèo,... lập thành tích chào mừng bầu cử.

- Chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Bộ Công an chỉ đạo thông tin, tuyên truyền các hội nghị hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội ở Trung ương và hướng dẫn công tác hiệp thương ở các địa phương; kịp thời phát hiện những vấn đề mới nảy sinh để có biện pháp giải quyết phù hợp theo quy định của pháp luật.

7. Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam: Chỉ đạo các hội văn học nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương và địa phương, vận động văn nghệ sĩ tích cực sáng tác, quảng bá những tác phẩm có nội dung hấp dẫn, truyền tải được ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, cổ vũ các tầng lớp nhân dân nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự giác tham gia đi bầu cử.

8. Ban Tuyên giáo và Dân vận các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương

- Tham mưu kịp thời cấp ủy chỉ đạo triển khai nghiêm túc công tác tuyên truyền cuộc bầu đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 bảo đảm thiết thực, phù hợp với các đối tượng, tạo sự lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội; chú trọng công tác tuyên truyền trên báo chí, tuyên truyền miệng, các bản tin sinh hoạt Chi bộ,... và các hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, định hướng việc đăng tải thông tin, tuyên truyền trên báo chí, Internet, mạng xã hội. Chủ động nắm chắc, dự báo tình hình tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn để đề xuất, tham mưu cấp ủy đưa ra các giải pháp hiệu quả, định hướng dư luận xã hội (nếu có).

- Cổ vũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ tuyên giáo và dân vận, tuyên truyền viên các cấp, đội ngũ báo cáo viên, phóng viên đăng tải thông tin chính thống về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp 2026-2031 trên mạng xã hội, lan tỏa sâu rộng niềm tin, khí thế mới, tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước.

9. Các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương

- Bám sát nội dung hướng dẫn, định hướng tuyên truyền của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, xây dựng kế hoạch tuyên truyền bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời; chủ động định hướng tư tưởng, chính trị; phát huy vai trò nòng cốt trong định hướng, dẫn dắt thông tin, tuyên truyền ở các cấp, các ngành.

- Các cơ quan báo chí chủ lực, báo địa phương, mở các chuyên trang, chuyên mục, các buổi tọa đàm, thảo luận chuyên đề, diễn đàn tạo đợt cao điểm tuyên truyền; chú trọng làm rõ những thành tựu của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; vị trí, vai trò và trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cũng như ý thức, trách nhiệm của cử tri tham gia xây dựng bộ máy nhà nước, chính quyền các cấp.

- Tăng các tuyến tin, bài đấu tranh phản bác thông tin sai trái, thù địch chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp 2026-2031.

VI. KHẨU HIỆU TUYÊN TRUYỀN

1. Nhiệt liệt chào mừng Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031!

2. Ngày 15-3-2026, cử tri cả nước đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031!

3. Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 là Ngày hội của toàn dân!

4. Ngày bầu cử là Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc!

5. Ngày bầu cử - Ngày hội của niềm tin, đoàn kết và khát vọng Việt Nam!

6. Bầu cử góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh!

7. Bầu cử để chọn người có tâm, có tầm, tận tụy phục vụ Nhân dân!

8. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân thông qua bầu cử dân chủ, công khai, minh bạch!

9. Tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 là quyền lợi, nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân!

10. Sáng suốt lựa chọn người xứng đáng đại diện cho Nhân dân!

11. Cử tri cả nước tích cực tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031!

12. Mỗi lá phiếu là một niềm tin, một trách nhiệm đối với Tổ quốc!

13. Sáng suốt lựa chọn những người đủ đức, đủ tài vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân!

14. Cử tri cả nước đồng lòng bầu cử, chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh!

15. Toàn dân tham gia bầu cử để góp phần xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh!

16. Mỗi lá phiếu góp phần đưa đất nước phát triển hùng cường, thịnh vượng!

17. Quốc hội Việt Nam - Cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam!

18. Quốc hội là biểu tượng sức mạnh tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam!

19. Quốc hội khóa XVI - hiện thân của trí tuệ, ý chí và nguyện vọng của Nhân dân!

20. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thi đua lập thành tích chào mừng cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031!

21. Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

22. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

23. Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

K/T TRƯỞNG BAN
Phó Trưởng ban

(Đã ký)

Đinh Thị Mai

---

[1] *Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW, ngày 9/9/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; Hướng dẫn số 19-HD/UBKTTW ngày 25/8/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về hướng dẫn việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 của cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban kiểm tra các cấp; Kế hoạch số 249-KH/UBKTTW, ngày 24/7/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về tăng cường nắm tình hình, giám sát thường xuyên việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức vận hành chính quyền địa phương 02 cấp gắn với công tác tổ chức đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.*

[2] *Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.*

19. KẾ HOẠCH SỐ 5271/KH-BVHTTDL NGÀY 06/10/2025 CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Căn cứ Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Kết luận số 184-KL/TW ngày 15/8/2025 của Bộ Chính trị về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Hướng dẫn số 27-HD/BTGDVTW ngày 11/9/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vân Trung ương hướng dẫn tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, như sau:

I. MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các hoạt động thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

b) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

c) Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí và các hình thức truyền thông khác trong việc tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Yêu cầu

Xây dựng kế hoạch, chương trình tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp, đảm bảo trang trọng, thiết thực, hiệu quả, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

II. NỘI DUNG, KHẨU HIỆU, LỘ TRÌNH VÀ HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

1. Nội dung, khẩu hiệu

Các nội dung tuyên theo Hướng dẫn số 27-HD/BTGDVTW ngày 11/9/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vân Trung ương hướng dẫn tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Lộ trình

a) Đợt 1: Từ tháng 10/2025 đến tháng 12/2025

- Tập trung tuyên truyền Chỉ thị số số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 và những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 sau sửa đổi, bổ sung một số điều và Luật tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan, đơn vị chức năng, Hội đồng bầu cử quốc gia; cơ cấu, thành phần, số lượng người ứng cử, tự ứng cử, tổ chức hội nghị hiệp thương lần thứ 1.

- Tuyên truyền những hoạt động đổi mới của Quốc hội trong các hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; những thành tựu quan trọng của Quốc hội qua 80 năm và Hội đồng nhân dân các cấp, góp phần xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Đợt 2: Từ tháng 01/2026 đến ngày bầu cử 15/3/2026

- Tập trung tuyên truyền đậm nét, tạo cao điểm về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; hội nghị hiệp thương lần thứ 2, thứ 3; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; các nguyên tắc bầu cử, quy trình bầu cử và quyền công dân đi bầu cử.

- Tuyên truyền bầu không khí phấn khởi, tin tưởng, lạc quan của cử tri cả nước tự giác tham gia đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu

Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Tiếp tục khẳng định cuộc bầu cử tiến hành dân chủ, bình đẳng, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, là Ngày hội của toàn dân (ngày 15/3/2026).

c) Đợt 3: Sau ngày bầu cử 15/3/2026

Tuyên truyền kết quả thành công của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, khẳng định tinh thần đoàn kết, thống nhất, sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; các hoạt động chào mừng thành công cuộc bầu cử; Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI, Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân.

3. Hình thức tuyên truyền

a) Tuyên truyền trên báo chí

- Các cơ quan báo chí từ trung ương và địa phương: Sử dụng tất cả các phương tiện truyền thông hiện có để thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề đăng tải, giới thiệu điểm mới của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; phân tích về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; đăng tải danh sách các ứng viên, tiểu sử những người ứng cử...; sử dụng hình thức phỏng vấn, toạ đàm, phóng sự, đăng tải ý kiến cử tri, ý kiến của người ứng cử. Thông cáo báo chí về diễn biến và kết quả bầu cử.

- Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, đơn vị hoạt động truyền hình, Báo và phát thanh truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Xây dựng chuyên mục, chương trình, dành thời lượng phù hợp để tổ chức phát sóng tuyên truyền; Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về cuộc bầu cử trên sóng phát thanh/truyền hình.

- Các báo điện tử, báo in, tạp chí: Xây dựng và duy trì thường xuyên các chuyên trang, chuyên mục; xuất bản các chuyên đề tuyên truyền; xuất bản phụ trương, đặc san về cuộc bầu cử.

- Các cơ quan báo chí đối ngoại: Tăng cường thông tin, tuyên truyền bằng nhiều thứ tiếng về quy trình, nguyên tắc, ý nghĩa của cuộc bầu cử; giới thiệu hình ảnh một đất nước Việt Nam dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; đưa tin về sự quan tâm, đánh giá tích cực của bạn bè, giới nghiên cứu và báo chí quốc tế đối với cuộc bầu cử; kịp thời phản bác các thông tin sai lệch, xuyên tạc của các thế lực thù địch, chống phá.

b) Tuyên truyền qua hệ thống thông tin cơ sở

- Phát hành bản tin bầu cử: Bản tin bầu cử được phát hành 01 số/tháng (có thể tăng 02 số/tháng vào những tháng cao điểm của tiến trình bầu cử) nhằm cập nhật thông tin về hoạt động bầu cử; các hoạt động động bầu cử nổi bật; công tác triển khai bầu cử tại địa phương...

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử trên hệ thống truyền thanh cấp xã; tuyên truyền viên cơ sở; bảng tin điện tử công cộng; trang thông tin điện tử; trang Zalo OA của các xã, phường, đặc khu...

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử dưới hình thức tranh cổ động, khẩu hiệu, panô, áp phích; các Đội thông tin lưu động, các trạm truyền thanh ở các điểm bầu cử để tuyên truyền về các hoạt động của bầu cử.

- Tổ chức thi tìm hiểu về các cuộc bầu cử.

- Tổ chức họp báo ở địa phương trước khi bầu cử và công bố kết quả cuộc bầu cử.

c) Tuyên truyền trên cổng/trang thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội

Thông tin, tuyên truyền trên cổng/trang thông tin điện tử các ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức và trên nền tảng số, internet, mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube...).

d) Tuyên truyền qua các hoạt động khác

- Tổ chức triển lãm: Tổ chức triển lãm, trưng bày hình ảnh, tư liệu, hiện vật về Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác bầu cử đại biểu Quốc hội, HĐND và các cuộc triển lãm khác tuỳ đặc điểm tình hình của địa phương.

- Tuyên truyền trực quan: pa-nô, băng-rôn, cờ phướn, bảng điện tử, các hoạt văn hóa, văn nghệ...

- Tuyên truyền trên xuất bản phẩm: qua các poster, tờ gấp, tờ rơi...

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Báo chí

a) Giao Cục Báo chí đơn vị Thường trực trong công tác tham mưu, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch tuyên truyền.

b) Thành lập/tham gia đoàn công tác kiểm tra một số địa phương, cơ quan báo chí về công tác thông tin, tuyên truyền.

c) Tổ chức tập huấn cho phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí ở Trung ương và địa phương đưa tin về cuộc bầu cử.

d) Tổ chức họp báo về cuộc bầu cử.

e) Cung cấp tư liệu cho các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển lãm, trưng bày hình ảnh, tư liệu, hiện vật về Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND.

g) Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan thông tấn báo chí thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử tại các buổi giao ban báo chí hàng tuần và đột xuất.

h) Thành lập Trung tâm báo chí cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 *(có Kế hoạch riêng).*

2. Cục Phát thanh, truyền hình và Thông tin điện tử

a) Phối hợp tham mưu, chỉ đạo công tác thông tin tuyên truyền về bầu cử quốc hội.

b) Chỉ đạo, định hướng các tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội tích cực tổng hợp, lan tỏa thông tin, tuyên truyền về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

c) Theo dõi công tác thông tin, tuyên truyền trên báo nói, báo hình, trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội trong nước về công tác thông tin tuyên truyền bầu cử.

d) Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền trên nền tảng số, internet, mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube...).

e) Tham gia thành viên Trung tâm Báo chí.

3. Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại

a) Phối hợp tham mưu, chỉ đạo công tác thông tin tuyên truyền về bầu cử quốc hội.

b) Theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại trên báo chí, Cổng thông tin điện tử đối ngoại Vietnam.vn và hệ thống thông tin cơ sở.

c) Tham gia thành viên Trung tâm Báo chí.

4. Các đơn vị khác thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên tuyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền, chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền phù hợp với tình hình tực tế tại địa phương.

6. Các cơ quan thông tấn báo chí:

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền cụ thể về cuộc bầu cử.

b) Tuân thủ yêu cầu và nội dung tuyên truyền, thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo, định hướng, cung cấp thông tin.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử của các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được cân đối, bố trí trong dự toán ngân sách được giao năm 2025 và 2026 và nguồn kinh phí xã hội hóa (nếu có).

Trên đây là Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ

2026-2031, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được phân công, nghiêm túc triển khai thực hiện cụ thể; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Báo chí) để tổng hợp, tham mưu Lãnh đạo Bộ xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
Thứ trưởng Thường trực

(Đã ký)

Lê Hải Bình

20. QUYẾT ĐỊNH SỐ 8202/QĐ-BCA-C06 NGÀY 7/10/2025 CỦA BỘ CÔNG AN

Ban hành hướng dẫn việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) trong quá trình lập danh sách cử tri, in thẻ cử tri phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Luật Căn cước số 26/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 169/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước;

Thực hiện phân công soạn thảo, ban hành văn bản phục vụ công tác bầu cử tại Công văn số 03/HĐBCQG-CTĐB ngày 09/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia;

Theo đề nghị của đồng chí Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội tại Tờ trình số 6858/TTr-C06-TTDLDC ngày 30 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) trong quá trình lập danh sách cử tri, in thẻ cử tri phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031"

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Điều 3. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các đơn vị, địa phương, các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đại tướng Lương Tam Quang

HƯỚNG DẪN

Việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) trong quá trình lập danh sách cử tri, in thẻ cử tri phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

(Ban hành kèm theo Quyết định số 8202/QĐ-BCA-C06 của Bộ trưởng Bộ Công an ngày 07 tháng 10 năm 2025)

1. Lập danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân, cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (60 ngày trước ngày bầu cử)

Bước 1: Các đơn vị vũ trang nhân dân, cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc lập danh sách cử tri do mình quản lý gửi về Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã nơi đặt trụ sở.

Bước 2: UBND cấp xã tiếp nhận, chỉ đạo Công an cấp xã cập nhật trên phần mềm Lập danh sách cử tri (sau đây gọi là phần mềm) đối với danh sách cử tri thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân, cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc đăng ký tại địa bàn.

2. Xác định khu vực bỏ phiếu (50 ngày trước ngày bầu cử)

Bước 1: Công an cấp xã kết xuất số lượng cử tri dự kiến tại địa bàn từ phần mềm.

Bước 2: UBND cấp xã xác định khu vực bỏ phiếu theo tiêu chí bảo đảm số lượng cử tri phù hợp theo quy định và thuận tiện cho cử tri tham gia bầu cử.

3. Lập và niêm yết danh sách cử tri (chậm nhất 40 ngày trước ngày bầu cử)

Bước 1: Công an cấp xã phối hợp với UBND cấp xã phân chia cử tri tại địa bàn về các khu vực bỏ phiếu đã được UBND cấp xã quyết định theo nguyên tắc tạo thuận lợi cho công dân ở gần khu vực bỏ phiếu và bảo đảm đúng phạm vi tham gia bầu cử, cụ thể như sau:

- Các trường hợp đưa vào danh sách cử tri bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại địa bàn: cử tri có nơi tạm trú từ 12 tháng trở lên hoặc thường trú tại địa bàn.

- Các trường hợp chỉ đưa vào danh sách cử tri bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Các trường hợp còn lại.

- Lưu ý:

+ Đối với các cử tri được đăng ký theo lực lượng vũ trang, cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được xác định phạm vi tham gia bầu cử dựa theo nơi cư trú của cử tri so với địa bàn đóng quân, cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc của cử tri.

+ Cử tri có thời gian tạm trú liên tục từ 12 tháng trở lên trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã được xác định là đủ điều kiện để bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tại nơi tạm trú.

+ Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

Bước 2: Công an cấp xã thực hiện kết xuất danh sách trên phần mềm gửi UBND cấp xã phê duyệt danh sách cử tri theo quy định và thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và những địa điểm công cộng của khu vực bỏ phiếu chậm nhất 40 ngày trước ngày bầu cử; đồng thời thông báo việc niêm yết danh sách cho công dân trên các phương tiện thông tin đại chúng, loa phát thanh. Thông tin về khu vực bầu cử, phạm vi bầu cử sẽ được tự động gửi đến cử tri trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID dựa theo danh sách đã được phê duyệt (đối với cử tri đã có tài khoản định danh điện tử mức 2).

4. Cập nhật danh sách cử tri (từ khi niêm yết đến trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ)

Bước 1: Trong thời gian niêm yết danh sách cử tri, cơ quan, tổ chức và công dân kiểm tra thông tin tại trụ sở UBND cấp xã, khu vực bỏ phiếu hoặc qua ứng dụng VNeID (trong đó, bao gồm thông tin liên hệ hướng dẫn trong

trường hợp thay đổi nơi bỏ phiếu) và phản ánh trực tiếp về UBND cấp xã nơi cư trú của cử tri hoặc trên ứng dụng VNeID nếu có sai sót hoặc muốn thay đổi nơi bỏ phiếu.

Bước 2: UBND cấp xã tiếp nhận yêu cầu của các cơ quan, tổ chức và công dân, trường hợp cần cập nhật lại danh sách cử tri thì gửi danh sách cho Công an cấp xã tiếp nhận và cập nhật lại thông tin về danh sách cử tri trên phần mềm, trường hợp từ chối cập nhật bổ sung thì trả lời, nêu rõ lý do.

(1) Các trường hợp được thay đổi nơi bỏ phiếu:

- Cử tri đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu tại nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của UBND cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri và mang giấy chứng nhận tới UBND cấp xã nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại địa bàn đó. Sau khi cấp giấy chứng nhận, Công an cấp xã loại cử tri ra khỏi danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương trên phần mềm, với lý do: "Bỏ phiếu ở nơi khác".

- Cử tri là quân nhân có nơi thường trú tại địa phương gần khu vực đóng quân có thể được chỉ huy đơn vị cấp giấy chứng nhận để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Cử tri mang giấy chứng nhận tới UBND cấp xã nơi thường trú để bổ sung tên vào danh sách cử tri. Công an cấp xã nơi thường trú đưa cử tri vào danh sách cử tri tại địa bàn trên phần mềm. Hệ thống tự động loại cử tri ra khỏi danh sách cũ và thông báo cho Công an cấp xã tại địa bàn đóng quân.

- Đối với các trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân có thay đổi về danh sách cử tri của đơn vị: UBND cấp xã tiếp nhận thông tin và phối hợp Công an cấp xã nơi đơn vị đóng quân thực hiện cập nhật trên phần mềm.

- Đối với cử tri thay đổi nơi cư trú ra ngoài đơn vị hành chính cấp xã nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri trong thời gian niêm yết danh sách cử tri đến trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ: Hệ thống tự động xóa tên cử tri khỏi danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và thông báo tới Công an cấp xã tại nơi đăng ký cư trú mới của cử tri để phối hợp với UBND cấp xã bổ sung vào danh sách cử tri trên phần mềm.

- Đối với cử tri có nguyện vọng thay đổi nơi bỏ phiếu từ nơi thường trú sang nơi tạm trú và ngược lại: UBND cấp xã phối hợp Công an cấp xã nơi

tiếp nhận nguyện vọng của cử tri thực hiện cập nhật trên phần mềm, hệ thống tự động xóa tên cử tri khỏi danh sách cử tri trước đó.

- Đối với cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu đến trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ mà các cử tri trên được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc: UBND cấp xã phối hợp Công an cấp xã tại cơ sở giam giữ, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc loại cử tri ra khỏi danh sách cử tri hiện tại trên phần mềm. Hệ thống tự động thông báo tới Công an cấp xã tại nơi cư trú của cử tri để bổ sung vào danh sách cử tri.

(2) Các trường hợp bổ sung danh sách cử tri:

- Đối với công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ: công dân đến UBND cấp xã xuất trình hộ chiếu có ghi quốc tịch Việt Nam. Công an cấp xã xác minh thông tin cư trú về nơi cư trú trước đây và bổ sung vào danh sách cử tri tại địa bàn trên phần mềm.

- Đối với người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án, người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo, người mất năng lực hành vi dân sự, nếu đến trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ được khôi phục lại quyền bầu cử, được trả lại tự do hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không còn trong tình trạng mất năng lực hành vi dân sự: UBND cấp xã phối hợp Công an cấp xã đưa vào danh sách cử tri tại địa bàn trên phần mềm theo quy định.

(3) Trường hợp xóa tên khỏi danh sách cử tri:

- Người đã có tên trong danh sách cử tri mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị Tòa án tước quyền bầu cử, phải chấp hành hình phạt tù hoặc mất năng lực hành vi dân sự: UBND cấp xã phối hợp Công an cấp xã xóa tên người đó khỏi danh sách cử tri trên phần mềm và thu hồi thẻ cử tri.

Lưu ý: UBND cấp xã tổ chức in thẻ cử tri theo danh sách niêm yết và tiếp tục cập nhật, bổ sung danh sách cử tri khi có thay đổi, bảo đảm phát thẻ đến tất cả các cử tri trong địa bàn trước ngày bầu cử theo quy định.

5. Khóa tính năng cập nhật danh sách cử tri (trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ)

Trước thời điểm tiến hành bỏ phiếu 24 giờ, hệ thống tự động khóa các tính năng cập nhật danh sách cử tri, ngoại trừ tính năng bổ sung danh sách cử tri đối với trường hợp cử tri có giấy chứng nhận bỏ phiếu ở nơi khác, giấy chứng nhận bỏ phiếu ở nơi cư trú của quân nhân bỏ phiếu; và tính năng xóa tên cử tri khỏi danh sách sẽ được mở cho tới thời điểm bỏ phiếu.

Tính từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu thì không thực hiện việc cập nhật danh sách cử tri. Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu được xác định là số cử tri trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu cập nhật đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu.

21. THÔNG TƯ SỐ 21/2025/TT-BNV NGÀY 12/10/2025 CỦA BỘ NỘI VỤ

Hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 ở các đơn vị hành chính tỉnh, thành phố (sau đây gọi là cấp tỉnh); xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được thành lập ở cấp tỉnh, cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 (sau đây gọi là bầu cử).

Điều 3. Phân chia đơn vị bầu cử

1. Việc phân chia các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 83/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Bầu cử).

2. Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội và mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bao gồm một hoặc một số đơn vị hành chính cấp xã hợp thành.

Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bao gồm một hoặc một số thôn, tổ dân phố hợp thành. Trường hợp thực sự cần thiết do thôn, tổ dân phố có số dân quá đông thì có thể chia thôn, tổ dân phố thành nhiều đơn vị bầu cử.

3. Căn cứ số dân, số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở địa phương, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh dự kiến số lượng đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội khóa XVI được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử để đề nghị Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

Căn cứ số dân, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được bầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã dự kiến số lượng đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2026-2031 của cấp mình được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử để đề nghị Ủy ban bầu cử cùng cấp xem xét, quyết định.

4. Dân số của từng đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, của từng thôn, tổ dân phố để làm căn cứ xác định số lượng đơn vị bầu cử, số lượng đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được bầu ở mỗi đơn

vị bầu cử được xác định theo số liệu thống kê dân số tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2025 do cơ quan Công an cấp tỉnh, cấp xã cung cấp.

5. Đối với các địa bàn có đặc điểm dân cư đặc thù như khu công nghiệp, khu đô thị mới hình thành, khu vực đô thị đông dân hoặc các xã miền núi có dân cư thưa thớt, việc dự kiến phân chia đơn vị bầu cử phải bảo đảm cân đối hợp lý về số lượng cử tri giữa các đơn vị bầu cử, tránh tình trạng chênh lệch quá lớn giữa các đơn vị bầu cử trên cùng một địa bàn và bảo đảm hợp lý trong phân bổ số lượng đại biểu được bầu, tạo thuận lợi cho cử tri thực hiện quyền bầu cử và cho các tổ chức phụ trách bầu cử trong quá trình triển khai nhiệm vụ.

Điều 4. Phân chia khu vực bỏ phiếu

1. Việc phân chia các khu vực bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Luật Bầu cử.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ số lượng cử tri, đặc điểm địa hình, việc phân bố dân cư trên địa bàn để xác định các khu vực bỏ phiếu cho phù hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó mỗi khu vực bỏ phiếu bao gồm một hoặc một số thôn, tổ dân phố hợp thành. Trường hợp thôn, tổ dân phố có số lượng cử tri quá đông hoặc do địa bàn rộng lớn, bị chia cắt, việc phân bố dân cư không tập trung thì có thể chia thôn, tổ dân phố thành nhiều khu vực bỏ phiếu. Việc phân chia thôn, tổ dân phố thành nhiều khu vực bỏ phiếu phải bảo đảm thuận lợi cho việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của các tổ chức phụ trách bầu cử và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhất là trong thực hiện công tác bầu cử của Tổ bầu cử.

3. Trường hợp sau khi đã thành lập các khu vực bỏ phiếu và lập danh sách cử tri tại các khu vực bỏ phiếu nhưng trên địa bàn xảy ra dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao, phải thực hiện việc cách ly tại cơ sở cách ly tập trung, địa bàn phải phong tỏa hoặc do thiên tai, hỏa hoạn dẫn đến địa hình bị chia cắt mả khu vực cách ly tập trung, địa bàn bị phong tỏa hoặc bị chia cắt có số lượng cử tri quá lớn hoặc có nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh cao thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đó sau khi báo cáo và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định thành lập bổ sung khu vực bỏ phiếu riêng tại cơ sở cách ly tập trung, địa bàn bị phong tỏa, bị chia cắt.

4. Trường hợp khu vực bỏ phiếu có số lượng cử tri giảm nhiều so với thời điểm lập danh sách cử tri đến mức ít hơn số lượng cử tri tối thiểu để thành lập khu vực bỏ phiếu theo quy định thì căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định vẫn tiếp tục duy trì khu vực bỏ phiếu đó để tiến hành việc bỏ phiếu bình thường (dự phòng trường hợp cử tri đã đăng ký trong danh sách cử tri quay trở lại khu vực bỏ phiếu trước ngày bầu cử) hoặc quyết định giải thể khu vực bỏ phiếu và Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu đó để ghép chung vào khu vực bỏ phiếu khác liền kề trong cùng đơn vị bầu cử, bảo đảm thuận tiện cho cử tri và phù hợp với năng lực của tổ chức phụ trách bầu cử trên địa bàn. Quyết định giải thể khu vực bỏ phiếu phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo kịp thời, rộng rãi đến cử tri về việc thay đổi khu vực bỏ phiếu để cử tri biết và thực hiện việc bỏ phiếu theo quy định.

5. Trường hợp cần thiết để bảo đảm thực hiện tốt công tác bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, quyết định điều chỉnh khu vực bỏ phiếu đã được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho cử tri trong việc tham gia bầu cử, bảo đảm công bằng, hợp lý, không làm thay đổi quyền bầu cử của cử tri và tuân thủ quy định của Luật Bầu cử và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Quyết định điều chỉnh khu vực bỏ phiếu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức công bố, niêm yết và thông báo rộng rãi đến cử tri việc điều chỉnh khu vực bỏ phiếu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Trên cơ sở các khu vực bỏ phiếu đã được cơ quan có thẩm quyền xác định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử tại khu vực bỏ phiếu theo quy định.

Điều 5. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ của mình chỉ đạo tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện các nghiệp vụ công tác bầu cử. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nghiệp vụ công tác bầu cử phải vừa bảo đảm phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương, năng lực thực hiện

của các thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử, vừa phải bảo đảm bảo mật các thông tin, kết quả bầu cử theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định của pháp luật về bầu cử.

2. Các nội dung nghiệp vụ công tác bầu cử cần được tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số:

a) Công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử;

b) Cập nhật, báo cáo tình hình, tiến độ bầu cử;

c) Việc lập, niêm yết danh sách cử tri, in thẻ cử tri; cập nhật tiến độ cử tri tham gia bỏ phiếu;

d) Hỗ trợ việc tổ chức kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hỗ trợ việc tổ chức kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu phải bảo đảm chính xác và bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật về bầu cử;

đ) Các nội dung khác trong nghiệp vụ công tác bầu cử phù hợp với quy định của pháp luật về bầu cử.

3. Trước khi áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nghiệp vụ công tác bầu cử, các địa phương phải xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể, phải tuyệt đối bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu về bầu cử, thực hiện cơ chế vận hành thử nghiệm, kiểm tra hệ thống công nghệ thông tin trước khi thực hiện.

Trường hợp áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số liên quan đến cách thức, trình tự bỏ phiếu trong ngày bầu cử, cập nhật kết quả bầu cử, việc kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo xin ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia trước khi thực hiện.

Điều 6. Nội quy phòng bỏ phiếu, thể lệ bầu cử

1. Nội quy phòng bỏ phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các loại mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Thể lệ bầu cử

Để thuận tiện cho cử tri trong quá trình bỏ phiếu, căn cứ quy định của pháp luật về bầu cử (bao gồm các nội dung hướng dẫn về thể lệ bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia tại kỳ bầu cử trước đây) và tình hình cụ thể tại địa phương, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chủ động biên soạn thể lệ bầu cử để gửi các Tổ bầu cử niêm yết tại phòng bỏ phiếu. Thể lệ bầu cử cần trình bày ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ và được niêm yết ở khu vực thuận tiện cho cử tri dễ tiếp cận. Thể lệ bầu cử có thể gồm một số nội dung cơ bản như sau:

a) Nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu:

- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ 07 giờ sáng đến 07 giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước 05 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá 09 giờ tối cùng ngày;

- Khi bầu cử, cử tri phải xuất trình Thẻ cử tri;

- Mỗi cử tri có quyền bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ 01 phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân mà mình được tham gia bầu cử;

- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay. Trường hợp cử tri không thể tự viết phiếu bầu thì nhờ người khác viết phiếu hộ nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Người khuyết tật không thể tự mình bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu;

- Cử tri không bầu cho ai trong phiếu bầu thì gạch giữa cả dòng chữ họ và tên của người mà mình không bầu (gạch đè lên dòng chữ họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử hoặc gạch xóa hết tên những người ứng cử trong phiếu bầu;

- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử. Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác;

- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu "Đã bỏ phiếu" vào mặt trước, phía trên, góc trái của Thẻ cử tri. Thẻ cử tri chỉ có giá trị cho 01 lần bỏ phiếu.

b) Phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;

- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử;

- Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;

- Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;

- Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Việc thành lập, cơ cấu, thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương

1. Việc thành lập, cơ cấu, thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương (sau đây gọi là các tổ chức phụ trách bầu cử) thực hiện theo quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật Bầu cử.

2. Đối với đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã chỉ có một khu vực bỏ phiếu thì vẫn thành lập Ban bầu cử và Tổ bầu cử riêng; thành viên Ban bầu cử có thể tham gia làm thành viên Tổ bầu cử.

3. Tại đặc khu có dân số thường trú dưới 1.000 người mà không tổ chức cấp chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân đặc khu sau khi thống nhất với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập tại mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, số lượng thành viên Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc hoạt động của Tổ bầu cử tại đặc khu quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử.

4. Cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức phụ trách bầu cử lựa chọn những người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, được quần chúng tín

nhiệm, hiểu biết pháp luật, có kinh nghiệm về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và kinh nghiệm thực hiện công tác bầu cử trước đó (nếu có) tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử.

5. Trường hợp thành viên tổ chức phụ trách bầu cử vì các lý do như chết, bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc vì lý do khác dẫn đến khuyết thành viên tổ chức phụ trách bầu cử hoặc do trên địa bàn xảy ra dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao, phải thực hiện việc cách ly tập trung, địa bàn phải phong tỏa thì căn cứ tình hình cụ thể của mỗi địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thay đổi, bổ sung thành viên tổ chức phụ trách bầu cử ở cấp mình trước ngày bầu cử vừa bảo đảm đủ số lượng theo quy định của Luật Bầu cử, vừa đáp ứng yêu cầu thực hiện tốt công tác bầu cử.

Đối với đặc khu có dân số thường trú dưới 1.000 người mà không tổ chức cấp chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân đặc khu sau khi thống nhất với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thay đổi, bổ sung thành viên Tổ bầu cử trước ngày bầu cử.

Điều 8. Xây dựng quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

1. Để bảo đảm hiệu quả hoạt động, các tổ chức phụ trách bầu cử cần xây dựng và ban hành quy chế làm việc. Tùy tính chất, nhiệm vụ của từng tổ chức phụ trách bầu cử mà quy chế làm việc có nội dung phù hợp, trong đó, cần thiết có các nội dung sau đây:

a) Nguyên tắc và hình thức làm việc của tổ chức phụ trách bầu cử;

b) Chế độ, lề lối làm việc, quy trình xử lý công việc của tổ chức phụ trách bầu cử;

c) Các cuộc họp của tổ chức phụ trách bầu cử;

d) Phân công nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử;

đ) Mối quan hệ công tác, chế độ thông tin, báo cáo của tổ chức phụ trách bầu cử.

2. Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, cấp xã, Trưởng ban Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Trưởng ban Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và Tổ trưởng Tổ bầu cử (sau đây gọi chung là người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử) chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình để triển khai công việc ngay từ giai đoạn chuẩn bị, trong ngày bầu cử và sau ngày bầu cử cho đến khi kết thúc cuộc bầu cử theo quy định tại Điều 28 của Luật Bầu cử. Trong đó, phân công thư ký chịu trách nhiệm quản lý tài liệu, con dấu, tổng hợp chung công tác bầu cử của tổ chức phụ trách bầu cử.

3. Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và Tổ bầu cử phân công bộ phận thường trực gồm người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử, thư ký và một số Ủy viên để kịp thời chỉ đạo, theo dõi, nắm bắt tình hình bầu cử ở địa phương. Quy chế làm việc của tổ chức phụ trách bầu cử phải xác định rõ trách nhiệm của bộ phận thường trực.

Điều 9. Hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử và trách nhiệm của các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

1. Hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử

a) Căn cứ điều kiện cụ thể, cơ quan có thẩm quyền thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử có quyền huy động, trưng tập cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở cấp tỉnh, cấp xã, ở thôn, tổ dân phố hoặc mời người có kinh nghiệm tham gia giúp việc, hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức phụ trách bầu cử theo đề nghị của người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử;

b) Các tổ chức phụ trách bầu cử tổ chức quán triệt những nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức phụ trách bầu cử đã được quy định tại Luật Bầu cử; các thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử phải được tập huấn đầy đủ các quy định pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, trong đó đặc biệt chú trọng công tác tập huấn nghiệp vụ đối với các thành viên Tổ bầu cử. Việc tập huấn có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến;

c) Các tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện các công việc theo quy định của Luật Bầu cử; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình

chuẩn bị, triển khai, thực hiện công tác bầu cử theo hướng dẫn, yêu cầu của tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên trực tiếp và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Các quyết định có tính chất quan trọng của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương cần phải đưa ra tập thể thảo luận, thông qua và được thể hiện dưới hình thức nghị quyết tương tự như đối với các cơ quan hoạt động theo chế độ tập thể khác. Đối với các hoạt động mang tính chất chỉ đạo, điều hành hoặc việc báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành công tác bầu cử với cơ quan có thẩm quyền, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử theo quy định của Luật Bầu cử thì các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương có thể ban hành các loại văn bản hành chính (chương trình, kế hoạch, báo cáo, công văn, thông báo và các hình thức văn bản khác);

d) Trong trường hợp tại địa bàn, khu vực bỏ phiếu xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai, hỏa hoạn, bùng phát dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao dẫn đến địa hình bị chia cắt, bị cách ly hoặc xuất hiện tình hình an ninh, trật tự phức tạp thì các tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia, của Thông tư này và của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Đối với các khu vực bỏ phiếu đã được Hội đồng bầu cử quốc gia cho phép thực hiện bầu cử sớm, các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương tổ chức việc bầu cử sớm bảo đảm an toàn, đúng quy định và theo hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Trách nhiệm của thành viên tổ chức phụ trách bầu cử

a) Người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử phân công, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể đối với từng thành viên tổ chức phụ trách bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho tổ chức phụ trách bầu cử trong quá trình thực hiện công tác bầu cử;

b) Thành viên các tổ chức phụ trách bầu cử có trách nhiệm tham gia đầy đủ việc tập huấn các quy định pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ thực hiện công tác bầu cử; nắm vững và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công; công tâm, khách quan, trung thực trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c) Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải trao đổi, hội ý công việc, đánh giá rút kinh nghiệm về những công việc đã thực hiện của mỗi thành viên; người đứng đầu tổ chức phụ trách bầu cử chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các thành viên thực hiện những công việc còn tồn đọng và phân công các thành viên thực hiện các công việc tiếp theo của tổ chức phụ trách bầu cử theo tiến độ thực hiện công tác bầu cử;

d) Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, nhất là trong ngày bầu cử, các thành viên tổ chức phụ trách bầu cử phải đeo phù hiệu của tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình.

Chương III
LẬP, NIÊM YẾT, RÀ SOÁT, CẬP NHẬT DANH SÁCH CỬ TRI VÀ PHÁT THẺ CỬ TRI

Điều 10. Lập, niêm yết danh sách cử tri

1. Về thẩm quyền, nguyên tắc lập và niêm yết danh sách cử tri thực hiện theo quy định tại các điều 29, 30, 31, 32, 33 và 34 của Luật Bầu cử.

2. Đối với đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì việc lập và niêm yết danh sách cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân do Chỉ huy đơn vị quyết định. Chỉ huy đơn vị sau khi lập danh sách cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân thì gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn đơn vị đóng quân để tổng hợp và phát Thẻ cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân. Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện chế độ bảo mật về số lượng, danh sách cử tri ở đơn vị vũ trang nhân dân theo quy định của pháp luật và đề nghị của Chỉ huy đơn vị.

3. Trong trường hợp một đơn vị vũ trang nhân dân đóng quân trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì Chỉ huy đơn vị đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đơn vị đóng quân chỉ định Ủy ban nhân dân của một trong các đơn vị hành chính cấp xã chủ trì, phối hợp với Chỉ huy đơn vị thực hiện việc lập danh sách cử tri, sau đó phát thẻ cử tri cho cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân.

Trường hợp một đơn vị vũ trang nhân dân đóng quân trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì Chỉ huy đơn vị đề nghị Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh nơi đặt sở chỉ huy chỉ định Ủy ban nhân dân của một trong các đơn vị hành chính cấp xã chủ trì, phối hợp với Chỉ huy đơn vị thực hiện việc lập danh sách cử tri, sau đó phát thẻ cử tri cho cử tri tại đơn vị vũ trang nhân dân.

4. Đối với trường hợp các bệnh viện, nhà hộ sinh, nhà an dưỡng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi có từ 50 (năm mươi) cử tri trở lên; cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, trại tạm giam (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ quan, tổ chức, đơn vị đó đặt trụ sở chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm lập và niêm yết danh sách cử tri.

5. Trường hợp công dân đã đăng ký thường trú tại địa phương nhưng đi làm ăn, sinh sống tại địa phương khác hoặc ở nước ngoài, nếu đã làm thủ tục thay đổi thông tin nơi cư trú hoặc khai báo tạm vắng ở địa phương thì được coi là không thường trú tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi công dân đăng ký thường trú không ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri.

Trường hợp cử tri trở về nơi thường trú trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đăng ký thường trú để đề nghị được bổ sung tên vào danh sách cử tri và nhận thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã như đối với các cử tri khác đã đăng ký bỏ phiếu ở nơi thường trú.

6. Trường hợp công dân có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng đã vắng mặt dài ngày ở nơi thường trú (sinh sống tại nơi khác hoặc lao động, học tập ở nước ngoài) mà chưa làm thủ tục thay đổi thông tin nơi cư trú, không khai báo tạm vắng với địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp xã vẫn ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri để họ thực hiện quyền bầu cử ở địa phương, trừ trường hợp cử tri hoặc người thân (bố, mẹ, con, anh chị em ruột) của cử tri đó đã thông báo nguyện vọng của cử tri về việc không tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Việc thông báo được thực hiện bằng văn bản hoặc điện thoại đến trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc cán bộ phụ trách công tác lập danh sách cử tri của Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã cần có biện pháp thông tin phù hợp để cử tri biết về việc lập danh sách cử tri và thực hiện quyền bầu cử của mình.

7. Đối với trường hợp người bị mắc bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác dẫn đến không nhận thức, làm chủ được hành vi, nhưng chưa có điều kiện tổ chức khám và xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền, chưa được Tòa án tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự mà gia đình, người giám hộ có cam kết và có xác nhận của chính quyền địa phương thì những người này cũng bị coi là người mất năng lực hành vi dân sự và không được ghi tên vào danh sách cử tri theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Bầu cử.

Đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự vẫn được ghi tên vào danh sách cử tri để thực hiện quyền bầu cử theo quy định của pháp luật.

8. Việc bảo đảm quyền bầu cử đối với người di dân tự do được thực hiện như sau:

a) Trường hợp người di dân tự do là công dân Việt Nam, thực tế sinh sống trên địa bàn nhưng chưa hoàn thành thủ tục đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp xã cần thông tin cho công dân biết về cách thức thực hiện quyền bầu cử và việc lập danh sách cử tri để họ quyết định nơi mình đăng ký thực hiện quyền bầu cử (có thể trở về nơi họ đang đăng ký thường trú hoặc tạm trú). Trường hợp cử tri có nguyện vọng được thực hiện việc bầu cử tại địa phương nơi họ đang thực tế sinh sống thì địa phương tạo điều kiện để ghi tên những cử tri này vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu tương ứng nơi họ đang thực tế sinh sống và thực hiện quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

b) Trường hợp người di dân tự do thực tế sinh sống trên địa bàn nhưng không có giấy tờ, tài liệu, căn cứ chứng minh về quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam thì không được ghi tên vào danh sách cử tri.

9. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp chặt chẽ với Công an cấp xã trong việc lập, cập nhật, điều chỉnh, niêm yết danh sách cử tri, in thẻ cử tri theo quy định của Luật Bầu cử và Quyết định số 8202/QĐ-BCA-C06 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) trong quá trình lập danh sách cử tri, in thẻ cử tri phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

10. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và các tổ chức phụ trách bầu cử có biện pháp chỉ đạo, theo dõi, kịp thời nắm bắt tình hình biến động của cử tri trong danh sách cử tri trên địa bàn và của địa phương để có phương án chuẩn bị số lượng phù hợp các hòm phiếu phụ, Thẻ cử tri, phiếu bầu dự phòng và các điều kiện bảo đảm cần thiết khác cho công tác tổ chức bỏ phiếu trong ngày bầu cử; bổ sung các con dấu "Đã bỏ phiếu" kèm theo hòm phiếu phụ, bảo đảm thuận tiện cho công tác bầu cử để các cử tri không thể đến được phòng bỏ phiếu thực hiện quyền bầu cử.

Điều 11. Phát Thẻ cử tri và rà soát, cập nhật danh sách cử tri

1. Trong khoảng thời gian từ trước 10 ngày đến trước 03 ngày của ngày bầu cử (từ ngày 05 đến ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với bầu cử đúng Ngày bầu cử), Tổ bầu cử phải tiến hành phát Thẻ cử tri cho các cử tri ở khu vực bỏ phiếu. Tổ bầu cử phối hợp chặt chẽ với Công an cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện việc rà soát danh sách cử tri trong quá trình phát Thẻ cử tri cho cử tri trên địa bàn, trong đó đặc biệt lưu ý các trường hợp cử tri có yêu cầu đặc biệt (như cử tri là người khuyết tật, già yếu, đang ốm đau, cử tri là người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng hoặc cử tri thuộc diện cách ly, khu vực phong tỏa để phòng, chống dịch bệnh, cử tri ở khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, cử tri đang thực hiện nhiệm vụ ở trên biển, hải đảo) để có phương án, kế hoạch cho các cử tri này thực hiện quyền bầu cử.

2. Trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử tiến hành việc xác nhận lại nguyện vọng của cử tri, nhất là cử tri là người tạm trú trên địa bàn về việc sẽ bỏ phiếu bầu cử ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri hay bỏ phiếu ở nơi khác. Trường hợp cử tri xác nhận sẽ bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì Tổ bầu cử phát Thẻ cử tri để cử tri thực hiện quyền bầu cử.

Trường hợp cử tri đề nghị được bỏ phiếu ở nơi khác thì Tổ bầu cử hướng dẫn cử tri thực hiện thủ tục về việc bỏ phiếu ở nơi khác theo quy định tại Điều 34 của Luật Bầu cử. Những cử tri đã đi bỏ phiếu ở nơi khác thì không được tính vào tổng số cử tri trong danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đã lập danh sách cử tri ban đầu.

3. Trường hợp đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu mà Tổ bầu cử vẫn không thể liên hệ được với cử tri để phát Thẻ cử tri do cử tri có tên trong danh sách không có mặt tại nơi đã đăng ký thường trú (hoặc tạm trú) hoặc không thể liên lạc được bằng các phương tiện liên lạc khác thì Tổ bầu cử thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét việc xóa tên người đó trong danh sách cử tri.

4. Trường hợp đến ngày bầu cử mà Thẻ cử tri bị rách, hỏng hoặc bị mất thì cử tri phải kịp thời báo cáo với Tổ bầu cử. Tổ bầu cử phải thu hồi Thẻ cử tri bị rách, hỏng; đối với trường hợp cử tri bị mất Thẻ cử tri thì Tổ bầu cử phải yêu cầu cử tri viết giấy xác nhận đã mất Thẻ cử tri (kèm theo xuất trình căn cước công dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác) và đề nghị được cấp Thẻ cử tri mới.

Tổ bầu cử có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp xã để cấp lại Thẻ cử tri cho cử tri do Thẻ cử tri bị rách, hỏng hoặc bị mất. Riêng đối với trường hợp cấp lại Thẻ cử tri do bị mất thì Tổ bầu cử ghi chú tại danh sách cử tri về việc cấp lại Thẻ cử tri do bị mất để theo dõi khi thực hiện bỏ phiếu trong ngày bầu cử, tránh trường hợp người khác nhặt được Thẻ cử tri bị mất để thực hiện việc bỏ phiếu làm ảnh hưởng đến kết quả bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu.

Điều 12. Điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri trong một số trường hợp

1. Trường hợp có cử tri thuộc danh sách cử tri trên địa bàn cấp xã bị áp dụng biện pháp cách ly tại cơ sở cách ly tập trung hoặc cử tri đang ở khu vực địa bàn bị phong tỏa, bị chia cắt (sau đây gọi là địa bàn bị cách ly) nằm ngoài địa bàn cấp xã của mình thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập danh sách cử tri có trách nhiệm nắm thông tin, chủ động lập danh sách cử tri ở địa bàn bị cách ly và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa bàn bị cách ly để bổ sung những người này vào danh sách cử tri tham gia bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp đến ngày bầu cử mà những người này vẫn đang ở địa bàn bị cách ly. Trường hợp cử tri bị cách ly y tế thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập danh sách cử tri ban đầu có trách nhiệm cập nhật vào danh sách cử tri cùng dòng với họ và tên của cử tri này nội dung ghi chú "bỏ phiếu ở nơi khác do cách ly y tế".

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi địa bàn bị cách ly phải kịp thời nắm bắt thông tin về tình hình, số lượng cử tri đang ở các khu vực này để phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập danh sách cử tri đối với các cử tri đang ở trên địa bàn bị cách ly của địa phương mình để tạo điều kiện thuận lợi cho các cử tri này thực hiện quyền bầu cử theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cử tri không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri, đã xin Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình có tên trong danh sách cử tri để tham gia bỏ phiếu ở nơi khác thì được bổ sung tên vào danh sách cử tri tại địa phương nơi cử tri có thể tham gia bỏ phiếu để thực hiện quyền bầu cử theo quy định tại Điều 34 của Luật Bầu cử. Việc bổ sung tên vào danh sách cử tri trong trường hợp này được tính đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu. Sau thời điểm bắt đầu bỏ phiếu, Ủy ban nhân dân cấp xã không thực hiện việc bổ sung danh sách cử tri.

3. Đối với trường hợp cử tri đã được lập danh sách cử tri tại nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú), nhưng đã được cấp Giấy chứng nhận để tham gia bỏ phiếu ở nơi khác, sau đó cử tri lại có nguyện vọng được tham gia bỏ phiếu tại nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) thì việc lập, điều chỉnh, bổ sung danh sách cử tri được thực hiện như sau:

a) Trường hợp cử tri đã xuất trình Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác và đã được bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi khác, nhưng sau đó lại trở về địa phương nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) và có nguyện vọng thực hiện quyền bầu cử tại nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) thi cử tri phải thông báo và xin Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri mới để đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác. Đồng thời, cử tri cần đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình thường trú (hoặc nơi tạm trú) để đề nghị được bổ sung vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri để thực hiện quyền bầu cử theo quy định ở khu vực bỏ phiếu nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú);

b) Trường hợp cử tri chưa xuất trình Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu ở nơi khác và chưa được bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi khác, nếu sau đó cử tri này trở về địa phương nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú) và có nguyện vọng thực hiện quyền bầu cử tại đây thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi

mình thường trú (hoặc nơi tạm trú) gửi lại Giấy chứng nhận đã được cấp và đề nghị được bổ sung vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri để thực hiện quyền bầu cử theo quy định ở khu vực bỏ phiếu nơi thường trú (hoặc nơi tạm trú).

4. Trường hợp cử tri đã được phát Thẻ cử tri nhưng sau đó di chuyển đến địa bàn bị cách ly khác với địa bàn cấp xã mà mình đã đăng ký danh sách cử tri mà không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã có tên trong danh sách cử tri thì chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu, cử tri mang Thẻ cử tri đã được phát đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu để đề nghị được bổ sung vào danh sách cử tri và thực hiện quyền bầu cử tại địa bàn mới. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận được đề nghị của cử tri có trách nhiệm thu lại Thẻ cử tri mà cử tri đã được cấp trước đó, bổ sung danh sách cử tri và cấp Thẻ cử tri mới để cử tri tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu phù hợp trên địa bàn, đồng thời thông báo ngay đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã phát Thẻ cử tri cũ để cập nhật vào danh sách cử tri thông tin về việc cử tri bỏ phiếu ở nơi khác.

5. Trường hợp cử tri đã có tên trong danh sách cử tri nhưng chưa nhận được Thẻ cử tri mà nay lại có nguyện vọng tham gia bỏ phiếu tại địa bàn cấp xã khác nhưng do điều kiện phòng chống dịch bệnh hoặc địa bàn bị phong tỏa, bị chia cắt nên không thể quay về khu vực bỏ phiếu mà minh đã có tên trong danh sách cử tri để xin cấp giấy chứng nhận để tham gia bỏ phiếu ở nơi khác thì có thể đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình có nguyện vọng tham gia bỏ phiếu để đề nghị được bổ sung vào danh sách cử tri và thực hiện quyển bầu cử trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện thuận lợi để cử tri được bổ sung tên vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu phù hợp trên địa bàn và thông báo ngay đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cử tri đã có tên trong danh sách cử tri trước đó để cập nhật vào danh sách cử tri thông tin về việc cử tri bỏ phiếu ở nơi khác.

6. Trường hợp công dân bị bắt tạm giam, tạm giữ ở địa phương khác với nơi đã được ghi tên trong danh sách cử tri trong khoảng thời gian 24 giờ trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trại tạm giam, tạm giữ không thực hiện việc bổ sung tên của công dân vào danh sách cử tri.

Chương IV
CÁC CÔNG VIỆC CHUẨN BỊ TRƯỚC NGÀY BẦU CỬ CỦA TỔ BẦU CỬ

Điều 13. Bố trí địa điểm bỏ phiếu

1. Tùy theo điều kiện cơ sở vật chất ở địa phương như: nhà văn hóa, hội trường, trường học hoặc các địa điểm thuận lợi khác và căn cứ mật độ phán bố dân cư ở khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử lựa chọn địa điểm bỏ phiếu (phòng bỏ phiếu) cho phù hợp, bảo đảm thuận tiện để cử tri đến bầu cử. Địa điểm bỏ phiếu phải được trang trí trang nghiêm, tiết kiệm; bố trí lối vào cho cử tri bỏ phiếu, khu vực bên trong phòng bỏ phiếu và lối ra cho cử tri sau khi đã bỏ phiếu xong; địa điểm bỏ phiếu phải bảo đảm an ninh, trật tự.

2. Địa điểm bỏ phiếu gồm: cổng ra - vào, khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu và khu vực bên trong phòng bỏ phiếu. Việc bố trí, trang trí địa điểm bỏ phiếu thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và hướng dẫn sau đây:

a) Cổng ra - vào và khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu

- Tổ bầu cử sử dụng vật liệu sẵn có ở địa phương để làm cổng ra - vào khu vực bỏ phiếu;

- Khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu là nơi tiếp đón cử tri đến bỏ phiếu; nơi niêm yết danh sách cử tri, thể lệ bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu; nơi tổ chức lễ khai mạc (nơi nào có hội trường rộng thì có thể tổ chức lễ khai mạc ngay trong phòng bỏ phiếu). Tùy điều kiện cụ thể của từng khu vực bỏ phiếu, Tổ bầu cử có thể niêm yết danh sách, tiểu sử những người ứng cử; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân tại nơi dễ quan sát để cử tri tham khảo trước khi bỏ phiếu.

Khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu có thể bố trí bàn, ghế để cử tri chờ thực hiện việc bỏ phiếu.

(Cổng ra - vào và khu vực bên ngoài phòng bỏ phiếu được trang trí theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu

- Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu phải được bố trí trang trọng, đủ bàn, ghế, bút viết và những điều kiện cần thiết để cử tri đến bỏ phiếu;

- Phòng bỏ phiếu phải có lối đi vào, lối đi ra một chiều và theo trật tự nhất định, có thể tham khảo bố trí theo sơ đồ sau: (1) Bắt đầu lối vào là bàn hướng dẫn, bàn để cử tri xuất trình Thẻ cử tri và nhận phiếu bầu; (2) Vị trí bàn để cử tri viết phiếu bầu; (3) Nơi để hòm phiếu; (4) Bàn đóng dấu "Đã bỏ phiếu" vào Thẻ cử tri để xác nhận cử tri đã bỏ phiếu; (5) Lối ra cho cử tri sau khi đã thực hiện xong việc bỏ phiếu;

- Tại phòng bỏ phiếu, Tổ bầu cử niêm yết danh sách, tiểu sử những người ứng cử; tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân tại nơi dễ quan sát để cử tri tham khảo trước khi viết phiếu bầu;

- Nơi cử tri viết phiếu bầu cần bố trí các bàn có vách ngăn hoặc phòng kín để bảo đảm nguyên tắc cử tri "bỏ phiếu kín" theo quy định của pháp luật về bầu cử.

(Khu vực bên trong phòng bỏ phiếu được trang trí theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Tổ trưởng Tổ bầu cử phải phân công thành viên Tổ bầu cử luân phiên trực bảo vệ địa điểm bỏ phiếu cả ngày và đêm trước, trong ngày bầu cử và cho đến khi kết thúc việc bỏ phiếu; tổng hợp, lập biên bản kiểm phiếu gửi đến Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Điều 14. Hòm phiếu

Việc chuẩn bị hòm phiếu, số lượng, kích cỡ hòm phiếu tùy theo số lượng cử tri ở khu vực bầu cử, đặc điểm, điều kiện của từng địa phương theo hướng dẫn của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh. Hòm phiếu được đóng mới hoặc sử dụng hòm phiếu bầu cử hiện có. Hòm phiếu phải bảo đảm chắc chắn, trang trí sạch đẹp, phía mặt trước của hòm phiếu có dán hình Quốc huy, phía dưới có dòng chữ "HÒM PHIẾU". Ngoài hòm phiếu chính, Tổ bầu cử phải chuẩn bị các hòm phiếu phụ (hòm phiếu lưu động) và băng niêm phong hòm phiếu.

Đối với những khu vực bỏ phiếu có tính chất đặc thù riêng như tại các giàn khoan, công trình biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển hoặc các đặc thù khác, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan và Tổ bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu có tính chất đặc thù chuẩn bị đầy đủ các hòm phiếu phụ, phiếu bầu cử để thực hiện tốt việc bỏ phiếu của cử tri.

Điều 15. Nhận tài liệu liên quan đến công tác bầu cử của Tổ bầu cử

Tổ bầu cử phân công thành viên nhận các loại tài liệu sau đây từ Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban bầu cử:

1. Thẻ cử tri theo danh sách cử tri ở khu vực bỏ phiếu và phát cho cử tri trước ngày bầu cử theo quy định của pháp luật về bầu cử.

2. Nhận đủ số lượng phiếu bầu theo danh sách cử tri và số lượng phiếu bầu dự phòng. Khi nhận phiếu bầu phải có biên bản bàn giao giữa người giao và người nhận về số lượng cụ thể của từng loại phiếu bầu. Tổ bầu cử kiểm tra kỹ phiếu bầu, về số lượng đại biểu được bầu ở đơn vị bầu cử, danh sách họ và tên những ứng cử viên đúng với khu vực bỏ phiếu của tổ mình và phải quản lý chặt chẽ số lượng các loại phiếu bầu.

3. Con dấu của Tổ bầu cử và con dấu "Đã bỏ phiếu".

4. Các loại biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử theo quy định.

5. Danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu.

6. Danh sách và tiểu sử tóm tắt của những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại khu vực bỏ phiếu.

7. Nội quy phòng bỏ phiếu, thể lệ bầu cử, mẫu diễn văn khai mạc, tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội và tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân.

8. Phù hiệu của các thành viên Tổ bầu cử.

9. Văn phòng phẩm (bút, giấy, kéo, thước kẻ, keo dán, hộp mực con dấu,...).

10. Các tài liệu khác liên quan đến bầu cử theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ bầu cử

Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) thực hiện các công việc sau:

1. Tổ trưởng phụ trách chung, trực tiếp chỉ đạo hoạt động trong phòng bỏ phiếu và việc bỏ phiếu, việc kiểm phiếu.

2. Thư ký chịu trách nhiệm quản lý tài liệu, phiếu bầu, con dấu, soạn thảo biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

3. Phân công thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) chịu trách nhiệm về trang trí phòng bỏ phiếu, trực tiếp chỉ đạo hoạt động ngoài phòng bỏ phiếu và bảo đảm các điều kiện vật chất - kỹ thuật cho ngày bầu cử của Tổ bầu cử.

4. Phân công thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra Thẻ cử tri, đối chiếu danh sách cử tri, đánh dấu theo dõi số cử tri đi bầu vào danh sách cử tri, phát phiếu bầu đã được đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri.

5. Phân công thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm hướng dẫn cử tri thực hiện đúng nguyên tắc và trình tự, cách thức bỏ phiếu và viết phiếu bầu.

6. Phân công thành viên Tổ bầu cử chịu trách nhiệm trực tại bàn gần hòm phiếu, đóng dấu "Đã bỏ phiếu" vào mặt trước của Thẻ cử tri khi cử tri đã bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu.

7. Phân công thành viên Tổ bầu cử hướng dẫn cử tri ra, vào phòng bỏ phiếu, nhận phiếu, viết phiếu và bỏ phiếu.

8. Phân công thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) phụ trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa điểm bỏ phiếu.

9. Phân công thành viên Tổ bầu cử và bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Tổ bầu cử (nếu có) đôn đốc, thông báo để các cử tri đi bỏ phiếu.

10. Các công việc khác liên quan đến công tác bầu cử.

Điều 17. Rà soát, kiểm tra các công việc trước ngày bầu cử của Tổ bầu cử

Trước ngày bầu cử 10 ngày, Tổ bầu cử phải thường xuyên thực hiện việc rà soát, kiểm tra lại toàn bộ các loại phương tiện vật chất - kỹ thuật phục vụ bầu cử tại khu vực bỏ phiếu, bao gồm:

1. Phòng bỏ phiếu.

2. Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp kèm theo tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử.

3. Phiếu bầu cử bảo đảm đúng đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu, đúng họ và tên nêu tại danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của đơn vị bầu cử, khu vực bỏ phiếu.

4. Các con dấu của Tổ bầu cử.

5. Hòm phiếu chính, các hòm phiếu phụ (nếu có).

6. Các biên bản, biểu mẫu của Tổ bầu cử.

7. Thành phần dự lễ khai mạc, diễn văn khai mạc và các văn phòng phẩm phục vụ việc bầu cử.

8. Rà soát danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu, trong đó cần xác định rõ số cử tri là người khuyết tật, già yếu, đang ốm đau không thể trực tiếp đi bỏ phiếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly do dịch bệnh (nếu có); những khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn để có kế hoạch chuẩn bị phiếu bầu cử và mang hòm phiếu phụ đến cơ sở, địa điểm nêu trên để cử tri thực hiện quyền bầu cử. Đồng thời, Tổ bầu cử phải có các biện pháp thích hợp như niêm yết, phát thanh, thông báo hoặc gửi thông tin về danh sách chính thức những người ứng cử để các cử tri có đủ thông tin lựa chọn người xứng đáng làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

9. Các phương tiện vật chất - kỹ thuật khác phục vụ cho ngày bầu cử của Tổ bầu cử.

Điều 18. Quản lý tài liệu, phiếu bầu cử của Tổ bầu cử

Sau khi nhận được tải liệu, phiếu bầu cử từ Ban bầu cử, Tổ trưởng Tổ bầu cử phải phân công cụ thể các thành viên quản lý chặt chẽ tài liệu, phiếu bầu cử, đặc biệt là quản lý chặt chẽ phiếu bầu cử. Tổ bầu cử phải lập sổ quản lý phiếu bầu cử, trong đó theo dõi số phiếu nhận, số phiếu phát, số phiếu thu hồi, số phiếu niêm phong, bảo quản theo quy định. Trường hợp phát hiện tài liệu, phiếu bầu cử bị mất thì Tổ bầu cử phải lập biên bản và báo cáo ngay Ban bầu cử để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 19. Thông tin thường xuyên trước ngày bầu cử của Tổ bầu cử

1. Tổ bầu cử phối hợp vơi Ủy ban nhân dân cấp xã có các hình thức thông tin, tuyên truyền rộng rãi để cử tri nắm bắt được các quy định của pháp luật về bầu cử; tạo điều kiện thuận lợi nhất và bảo đảm để tất cả cử tri đều thực hiện được quyền bầu cử của mình.

2. Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri tại khu vực bỏ phiếu biết về ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng các hình thức niêm yết, phát thanh và các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương.

Chương V
CÁC CÔNG VIỆC TRONG NGÀY BẦU CỬ CỦA TỔ BẦU CỬ

Điều 20. Thời gian bỏ phiếu và công việc chuẩn bị trước khi bỏ phiếu

1. Thời gian bỏ phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật Bầu cử.

2. Trước khi tiến hành bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải thực hiện lễ khai mạc. Các thành viên Tổ bầu cử phải đến sớm trước giờ khai mạc để kiểm tra công tác chuẩn bị, bảo đảm thời gian khai mạc đúng giờ quy định.

3. Sau khi đã kiểm tra đầy đủ các điều kiện cần thiết cho ngày bầu cử, Tổ bầu cử mở tổ chức lễ khai mạc và tiến hành việc bỏ phiếu.

Điều 21. Tổ chức lễ khai mạc bầu cử

1. Thành phần tham dự lễ khai mạc:

a) Các thành viên Tổ bầu cử, những người có nhiệm vụ liên quan đến công tác bầu cử;

b) Đại diện cơ quan đảng, chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể ở địa phương;

c) Đại diện cử tri là người có công với cách mạng, chức sắc tôn giáo (nếu có); cử tri là người cao tuổi, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;

d) Cử tri đến dự lễ khai mạc;

đ) Phóng viên báo, đài (nếu có).

2. Trình tự tổ chức lễ khai mạc:

Lễ khai mạc phải được tổ chức trang trọng, thời gian khoảng 15 đến 20 phút, do Tổ trưởng Tổ bầu cử chủ trì theo nội dung và trình tự sau đây:

a) Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu;

b) Đọc diễn văn khai mạc;

c) Đọc thể lệ bầu cử; nội quy phòng bỏ phiếu;

d) Kiểm tra hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ trước sự chứng kiến của cử tri; mời 02 cử tri không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp ứng cử tại khu vực bỏ phiếu chứng kiến việc kiểm tra hòm phiếu, sau đó niêm phong hòm phiếu chính, hòm phiếu phụ theo quy định.

3. Sau khi thực hiện thủ tục niêm phong hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố cuộc bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 bắt đầu.

4. Tổ bầu cử phải bố trí thành viên Tổ bầu cử thường trực bên hòm phiếu làm nhiệm vụ hướng dẫn cử tri bỏ phiếu và bảo vệ hòm phiếu.

Điều 22. Tiến hành bỏ phiếu

1. Khi bắt đầu việc bỏ phiếu, Tổ bầu cử mời những cử tri có tên trong danh sách cử tri là lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người có công với cách mạng, chức sắc tôn giáo (nếu có) và cử tri là người cao tuổi nhất, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có) có mặt tại thời điểm khai mạc bỏ phiếu trước.

2. Việc bỏ phiếu được tiến hành liên tục. Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo, hướng dẫn cử tri thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bầu cử, thể lệ bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu; hướng dẫn cử tri cách thức bỏ phiếu và gạch phiếu bầu; đôn đốc cử tri tích cực thực hiện quyền và nghĩa vụ bầu cử của công dân.

3. Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu hộ, bầu thay, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều 69 của Luật Bầu cử. Khi đến phòng bỏ phiếu, cử tri xuất trình Thẻ cử tri để được nhận phiếu bầu.

4. Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả các thành viên Tổ bầu cử. Nếu cử tri viết phiếu bầu bị nhầm hoặc bị hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác. Cử tri không thể tự viết phiếu bầu thì nhờ người khác viết phiếu hộ nhưng phải tự mình bỏ phiếu. Người viết phiếu hộ phải đọc đầy đủ họ và tên những người ứng cử trên phiếu bầu để cử tri tự mình quyết định. Người viết hộ phiếu bầu phải ghi trung thực ý muốn của cử tri nhờ viết hộ và bảo đảm bí mật phiếu bầu. Khi viết hộ phiếu bầu xong phải giao lại phiếu bầu cho cử tri để cử tri tự mình bỏ phiếu vào hòm phiếu. Người khuyết tật, người già yếu hoặc các trường hợp khác mà không thể bỏ phiếu vào hòm phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

5. Trong khi tiến hành bỏ phiếu, nếu có tình huống bất thường xảy ra làm gián đoạn cuộc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử và các thành viên Tổ bầu cử phải nhanh chóng hội ý để kịp thời xử lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền hoặc không thể tự xử lý được thì phải tạm dừng cuộc bỏ phiếu, Tổ bầu cử phải tiến hành niêm phong và quản lý chặt chẽ hòm phiếu, phiếu bầu và các tài liệu liên quan khác, kịp thời báo cáo Ban bầu cử để có phương án giải quyết, đồng thời phải có biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục tiến hành.

6. Tổ bầu cử phải đóng dấu "Đã bỏ phiếu" vào mặt trước, phía trên, góc trái của Thẻ cử tri của cử tri đã bỏ phiếu bầu xong.

Điều 23. Một số điểm cần lưu ý trong ngày bầu cử

1. Căn cứ vào quy mô, số lượng cử tri ở từng khu vực bỏ phiếu và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã và Tổ bầu cử xây dựng kế hoạch, lịch trình bỏ phiếu để chủ động điều tiết, phân chia thời gian bỏ phiếu của cử tri ở từng thôn, tổ dân phố, cụm dân cư, nhóm hộ gia đình,... và thông báo rộng rãi cho cử tri thuộc khu vực bỏ phiếu biết, bảo đảm tại cùng một thời điểm trong ngày bầu cử không tập trung quá đông người ở phòng bỏ phiếu.

2. Trong quá trình diễn ra cuộc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải ân cần, lịch sự, hướng dẫn tận tình, chu đáo cho cử tri đến tham gia bỏ phiếu. Các thành viên Tổ bầu cử được phân công đảm nhiệm từng công việc

trong ngày bầu cử phải chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công và hỗ trợ thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ chung của Tổ bầu cử.

3. Thành viên Tổ bầu cử hướng dẫn cụ thể cử tri cách thức bỏ phiếu. Nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào (không bầu cho người có tên trong phiếu bầu cử) thì gạch ngang cả họ và tên người ứng cử đó (gạch đè lên cả hàng chữ họ và tên người ứng cử); không được khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không bầu (không để lại) quá số đại biểu được ấn định trong phiếu bầu; không gạch tất cả người ứng cử trong phiếu bầu; không để nguyên phiếu bầu (không gạch bất kỳ tên người ứng cử nào) đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử.

4. Nếu cử tri yêu cầu đổi phiếu bầu khác do viết hỏng, Tổ bầu cử phải thu hồi phiếu viết hỏng của cử tri, sau đó mới được phát phiếu bầu khác.

5. Khi cử tri có Thẻ cử tri và Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc do Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân cấp đề nghị, nếu tên của cử tri này chưa có trong danh sách bổ sung của Ủy ban nhân dân cấp xã tại khu vực bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải hướng dẫn người đó đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để bổ sung vào danh sách cử tri. Việc bổ sung danh sách cử tri phải đúng với địa điểm do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú hoặc do Chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân cấp đề nghị tại Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác.

Danh sách cử tri bổ sung phải xác định rõ những người này được bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Sau khi có danh sách cử tri bổ sung do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, Tổ bầu cử mới được phát phiếu bầu cho những cử tri này; khi những cử tri này đã bỏ phiếu xong thì Tổ bầu cử phải đóng dấu "Đã bỏ phiếu" lên mặt trước của Thẻ cử tri và Giấy chứng nhận đi bỏ phiếu nơi khác. Tổ bầu cử phải ghi danh sách cử tri bổ sung để theo dõi riêng và tổng hợp số liệu sau khi kết thúc việc bỏ phiếu.

6. Trường hợp phải sử dụng hòm phiếu phụ thì Tổ trưởng Tổ bầu cử chịu trách nhiệm kiểm tra số lượng phiếu bầu khi phát ra cho thành viên Tổ bầu cử để mang theo cùng với hòm phiếu phụ đến các cử tri là người khuyết tật, ốm đau, già yếu; người đang bị tạm giam, người đang chấp hành biện

pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc không tổ chức khu vực bỏ phiếu riêng; người đang bị tạm giữ tại nhà tạm giữ; người đang bị cách ly xã hội do dịch bệnh (nếu có) tại cơ sở cách ly hoặc nơi ở, nơi lưu trú của cử tri đang được cách ly; những khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo để thực hiện việc bỏ phiếu do không đến được phòng bỏ phiếu. Sau khi những cử tri này bỏ phiếu xong, thành viên Tổ bầu cử phải mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu.

7. Việc phát phiếu bầu cho cử tri và tổ chức để cử tri bỏ phiếu đối với trường hợp cử tri đang bị cách ly xã hội do dịch bệnh (nếu có) phải được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về bầu cử, đồng thời, bảo đảm đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế và quy định của cơ quan có thẩm quyền. Sau khi hoàn thành việc bỏ phiếu, các thành viên Tổ bầu cử phải thực hiện việc khử khuẩn hòm phiếu phụ và mang ngay hòm phiếu phụ về phòng bỏ phiếu theo quy định.

8. Trường hợp việc sử dụng hòm phiếu phụ đối với các cử tri tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo, sau khi các cử tri bỏ phiếu xong nhưng do các yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn dẫn đến khu vực bị chia cắt nên việc mang hòm phiếu phụ đến phòng bỏ phiếu không thể hoàn thành được trong ngày bầu cử (hoặc ngày bầu cử sớm đã được ấn định) thì các thành viên Tổ bầu cử phụ trách hòm phiếu phụ được phép thực hiện việc kiểm phiếu tại khu vực bị chia cắt do thiên tai, hỏa hoạn, tại các giàn khoan, công trình trên biển, các đơn vị, đội tàu đang làm nhiệm vụ trên biển, hải đảo theo quy định tại Điều 73 của Luật Bầu cử, hướng dẫn tại Thông tư này và báo cáo kết quả kiểm phiếu bằng điện báo, điện thoại, các hình thức phù hợp khác cho Tổ trưởng Tổ bầu cử. Các thành viên Tổ bầu cử phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về kết quả kiểm phiếu; nộp hòm phiếu phụ, phiếu bầu cử cùng kết quả kiểm phiếu bầu cử ở hòm phiếu phụ ngay sau khi về phòng bỏ phiếu.

9. Tổ bầu cử không được để những người không có nhiệm vụ (trừ các cử tri) vào phòng bỏ phiếu. Không được mang vũ khí, chất nổ, vật dễ cháy, tài

liệu, băng rôn, khẩu hiệu có nội dung xấu, độc, tuyên truyền quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương... vào khu vực bỏ phiếu, phòng bỏ phiếu.

10. Cử tri có quyền quay phim, chụp hình ở phía ngoài phòng bỏ phiếu trong quá trình mình tham gia thực hiện quyền bỏ phiếu bầu cử, nhưng phải bảo đảm được thực hiện một cách có thiện chí, không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử, không cản trở việc bỏ phiếu của cử tri và không vi phạm nội quy phòng bỏ phiếu (chỉ được quay phim, chụp hình ở trong phòng bỏ phiếu nếu được Tổ trưởng Tổ bầu cử đồng ý và phải bảo đảm bảo mật thông tin bỏ phiếu của các cử tri khác trong suốt quá trình bỏ phiếu). Trường hợp việc quay phim, chụp hình làm cản trở, ảnh hưởng đến cuộc bầu cử thì Tổ trưởng Tổ bầu cử được quyền yêu cầu dừng việc quay phim, chụp hình tại khu vực bỏ phiếu và phòng bỏ phiếu.

Điều 24. Kết thúc việc bỏ phiếu và tổ chức kiểm phiếu

1. Sau khi đã hết giờ bỏ phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 71 của Luật Bầu cử thì Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố kết thúc việc bỏ phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử mới được mở hòm phiếu để kiểm phiếu.

2. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi cuộc bầu cử kết thúc, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 23 của Thông tư này. Chỉ những thành viên Tổ bầu cử mới được tiến hành việc kiểm phiếu bầu cử. Tổ bầu cử phải hoàn thành việc kiểm phiếu trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi kết thúc việc bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu.

3. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, niêm phong phiếu bầu chưa sử dụng và phiếu bầu do cử tri viết hỏng (nếu có), lập biên bản thống kê việc sử dụng phiếu bầu cử theo biểu mẫu của Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành; toàn bộ phiếu bầu chưa sử dụng, phiếu bầu do cử tri viết hỏng sau khi niêm phong được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

4. Tổ trưởng Tổ bầu cử mở hòm phiếu chính và hòm phiếu phụ (nếu có) để tiến hành việc kiểm phiếu. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ trưởng Tổ bầu cử mời 02 cử tri là người biết chữ, có uy tín trong Nhân dân tại địa bàn và không phải là những người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại

biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại khu vực bỏ phiếu đó chứng kiến việc mở hòm phiếu.

5. Người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu; các phóng viên báo chí được chứng kiến việc kiểm phiếu của Tổ bầu cử, nhưng phải đảm bảo khoảng cách an toàn để Tổ bầu cử thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu.

6. Đăng ký tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu và khiếu nại về việc kiểm phiếu quy định tại khoản 5 Điều này được thực hiện như sau:

a) Người ứng cử xuất trình Thẻ Căn cước hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử xuất trình văn bản phân công, chỉ định hoặc giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức đơn vị và Thẻ Căn cước hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; người được ủy nhiệm xuất trình giấy ủy quyền và Thẻ Căn cước hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác; phóng viên báo chí xuất trình thẻ nhà báo còn hiệu lực và văn bản phân công hoặc giấy giới thiệu của cơ quan báo chí với Tổ trưởng Tổ bầu cử.

b) Trong quá trình chứng kiến việc kiểm phiếu, nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có quyền khiếu nại, tố cáo tại chỗ với Tổ bầu cử. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Bầu cử.

c) Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp diễn ra thành công, tốt đẹp và đúng quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm quyền lợi chính đáng của người ứng cử và các cá nhân, tổ chức có liên quan, người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm có trách nhiệm liên hệ trước với Tổ bầu cử về việc tham dự chứng kiến kiểm phiếu; quan sát quá trình Tổ bầu cử thực hiện việc kiểm phiếu từ vị trí đã được Tổ bầu cử bố trí; tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy phòng bỏ phiếu và sự hướng dẫn của Tổ bầu cử; bảo đảm an toàn, trật tự, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo với Tổ bầu cử nếu phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình kiểm phiếu;

Phóng viên báo chí có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về báo chí, nội quy phòng bỏ phiếu và sự hướng dẫn của Tổ bầu cử trong quá

trình tác nghiệp; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tổ bầu cử; đưa tin, bài kịp thời, trung thực, chính xác về quá trình kiểm phiếu bầu cử để góp phần vào công tác thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Phóng viên báo chí nước ngoài có nhu cầu tham dự, đưa tin về hoạt động trong ngày bầu cử tại Việt Nam thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để người ứng cử, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử hoặc người được ủy nhiệm, phóng viên báo chí tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu. Bố trí vị trí quan sát, chứng kiến thuận lợi nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động kiểm phiếu của Tổ bầu cử; giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc kiểm phiếu (nếu có) và ghi nội dung giải quyết vào biên bản. Trường hợp không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu cử có liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo. Tổ trưởng Tổ bầu cử có quyền yêu cầu người chứng kiến kiểm phiếu, phóng viên báo chí ra khỏi khu vực kiểm phiếu nếu người chứng kiến kiểm phiếu, phóng viên báo chí có hành vi vi phạm nội quy phòng bỏ phiếu, gây mất an toàn, trật tự, làm ảnh hưởng đến hoạt động của Tổ bầu cử.

7. Quy trình tổ chức kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại các điều 25, 26, 27 và 28 của Thông tư này. Tùy đặc thù của từng địa phương mà Ủy ban bầu cử cấp tỉnh có hướng dẫn quy trình tổ chức kiểm phiếu cho phù hợp.

Trường hợp có sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện việc kiểm phiếu thì Tổ bầu cử thực hiện quy trình kiểm phiếu theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của địa phương về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong thực hiện việc kiểm phiếu.

Điều 25. Phân công nhiệm vụ kiểm phiếu cho các thành viên Tổ bầu cử

1. Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các thành viên Tổ bầu cử thành các nhóm để thực hiện việc kiểm phiếu. Đối với Tổ bầu cử đủ số lượng thành viên để phân thành từ ba nhóm trở lên thì phân công thực hiện như sau:

- Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội;

- Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Để việc kiểm phiếu được chính xác, mỗi nhóm nên bố trí 03 người, gồm: 01 người đọc kết quả phiếu bầu, 01 người ghi (tích) vào danh sách kiểm phiếu và 01 người kiểm tra việc đọc và ghi.

Đối với Tổ bầu cử không đủ số lượng thành viên để phân thành ba nhóm thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phân công các nhóm kiểm phiếu bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã cho phù hợp.

2. Thư ký Tổ bầu cử tiến hành lập các biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

Điều 26. Phân loại phiếu bầu

1. Tổ bầu cử thực hiện việc phân loại phiếu bầu theo màu phiếu bầu đại biểu Quốc hội, màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, màu phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; kiểm kê (đếm) tổng số phiếu trong hòm phiếu để xác định số phiếu thu vào và bản giao các loại phiếu cho các nhóm đã được phân công của Tổ bầu cử để bắt đầu việc kiểm phiếu.

2. Tổ bầu cử tiến hành kiểm tra tổng số phiếu thu vào so với tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu. Nếu tổng số phiếu thu vào bằng hoặc ít hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử mới được tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải kiểm tra lại; nếu kiểm tra lại vẫn cho kết quả tổng số phiếu thu vào nhiều hơn tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu thì lập tức bỏ các phiếu bầu vào hòm phiếu, sau đó niêm phong hòm phiếu và báo cáo ngay để Ban bầu cử giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban bầu cử thì Ban bầu cử phải kịp thời báo cáo Ủy ban bầu cử cùng cấp xem xét, quyết định.

3. Trước khi bắt đầu việc kiểm phiếu, Tổ bầu cử thực hiện phân loại phiếu bầu thành hai loại sau đây:

a) Loại phiếu bầu hợp lệ;

b) Loại phiếu bầu không hợp lệ.

4. Sau khi phân loại xong phiếu bầu, Tổ bầu cử phải ghi kết quả kiểm tra số phiếu bầu hợp lệ, số phiếu bầu không hợp lệ vào biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử.

Điều 27. Xác định phiếu bầu hợp lệ, phiếu bầu không hợp lệ, phiếu bầu hoặc không bầu cho người ứng cử

1. Phiếu bầu hợp lệ là phiếu phải đáp ứng tất cả các yêu cầu sau đây:

a) Phiếu do Tổ bầu cử phát ra và có dấu của Tổ bầu cử;

b) Phiếu bầu đủ số lượng đại biểu hoặc bầu ít hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử;

c) Phiếu không ghì thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu không có ghi thêm nội dung khác.

2. Phiếu bầu không hợp lệ là những phiếu bầu thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật Bầu cử.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 74 của Luật Bầu cử, Tổ trưởng Tổ bầu cử đưa ra để toàn Tổ bầu cử xem xét đối với các phiếu bầu được xác định là phiếu bầu không hợp lệ trong các trường hợp sau đây:

a) Phiếu có ghi thêm nội dung khác hoặc bị đánh dấu trên phiếu bầu;

b) Phiếu mà việc gạch tên đè lên hàng chữ họ và tên của người ứng cử quá mờ không thể nhận biết rõ ràng;

c) Phiếu bị hư, hỏng dẫn đến việc không thể xác định chính xác việc bầu cho những người ứng cử có ghi tên trên phiếu bầu;

d) Các trường hợp khác do Tổ trưởng Tổ bầu cử đề xuất.

4. Về việc xác định phiếu bầu hoặc không bầu cho người ứng cử

a) Trường hợp phiếu bầu gạch chéo, gạch xiên, gạch dọc hoặc gạch ngang nhưng gạch hết tất cả hàng chữ họ và tên của người ứng cử thì được tính là phiếu không bầu cho ứng cử viên đó;

b) Trường hợp cử tri không gạch cả hàng chữ họ và tên (chỉ gạch họ hoặc gạch tên đệm hoặc tên) của người ứng cử hoặc chỉ khoanh tròn, gạch dưới, gạch trên hàng chữ họ và tên của người ứng cử thì phiếu đó vẫn được tính là phiếu bầu cho người ứng cử đó;

c) Trường hợp trong phiếu bầu cử mà người ứng cử vừa có tên khai sinh vừa có tên thường gọi hoặc có chức vị, pháp danh, pháp hiệu theo tôn giáo, nếu cử tri chi gạch một dòng họ và tên khai sinh hoặc họ và tên thường gọi (chỉ gạch 1 dòng họ và tên khai sinh hoặc chức vị, pháp danh, pháp hiệu đối với chức sắc tôn giáo) thì phiếu đó được tính là phiếu không bầu cho người ứng cử đó.

Điều 28. Kiểm đếm số phiếu bầu cho từng người ứng cử

1. Việc kiểm phiếu bầu cho từng người ứng cử chi thực hiện đối với những phiếu bầu hợp lệ. Các phiếu bầu hợp lệ được xếp thành các loại, gồm: Loại phiếu bầu 01 đại biểu; loại phiếu bầu 02 đại biểu; loại phiếu bầu 03 đại biểu,...

2. Tổ bầu cử kiểm phiếu theo từng loại phiếu bầu quy định tại khoản 1 Điều này để làm căn cứ xác định số phiếu bầu cho từng người ứng cử.

3. Cách ghi số phiếu cho từng người ứng cử tham khảo theo cách vẽ lần lượt các hình vuông và một đường chéo, cứ 05 phiếu tạo thành một hình vuông có một đường chéo.

Điều 29. Niêm phong và quản lý phiếu bầu sau khi kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử tiến hành niêm phong phiếu bầu theo từng loại phiếu bầu đại biểu Quốc hội, phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp như sau:

a) Số phiếu bầu hợp lệ;

b) Số phiếu bầu không hợp lệ;

c) Số phiếu bầu không sử dụng đến, phiếu viết hỏng của cử tri.

2. Toàn bộ số phiếu đã được niêm phong quy định tại khoản 1 Điều này phải được Tổ bầu cử cho vào hòm phiếu và làm thủ tục niêm phong hòm phiếu có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý, lưu trữ theo quy định, việc bàn giao hòm phiếu phải có biên bản giao nhận.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, lưu trữ các loại phiếu bầu, hòm phiếu của các Tổ bầu cử ở địa phương mình. Trong

thời gian quản lý hòm phiếu (bao gồm các loại phiếu bầu) theo quy định pháp luật về lưu trữ (ít nhất là 05 năm) nếu không có ý kiến bằng văn bản của cấp có thẩm quyền thì tuyệt đối không được mở và kiểm tra phiếu bầu đã được niêm phong trong hòm phiếu.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện việc số hóa hồ sơ, tài liệu bầu cử sau khi tiếp nhận để phục vụ công tác tra cứu, khai thác, sử dụng về sau, bảo đảm nguyên tắc an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo quy định.

Điều 30. Về lập biên bản kết quả kiểm phiếu của Tổ bầu cử

1. Biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của Tổ bầu cử thực hiện theo các biểu mẫu kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu và các loại mẫu văn bản sử dụng trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 31 của Thông tư này, việc tổng hợp kết quả kiểm phiếu từ các khu vực bỏ phiếu (bao gồm cả các khu vực bỏ phiếu sớm) do các Tổ bầu cử gửi đến để lập biên bản xác nhận kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử chỉ được Ban bầu cử tiến hành sau ngày 15 tháng 3 năm 2026 và thực hiện theo quy định tại Điều 77 của Luật Bầu cử.

Điều 31. Việc tổ chức bầu cử ở các khu vực bỏ phiếu sớm

1. Trường hợp phải tổ chức bỏ phiếu sớm cho cử tri do đặc thù như thực hiện nhiệm vụ, công việc trên biển, hải đảo hoặc do các đặc thù khác thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh có văn bản báo cáo xin ý kiến đồng ý của Hội đồng bầu cử quốc gia.

2. Ngay sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia có văn bản đồng ý thực hiện việc bỏ phiếu sớm, đề nghị chính quyền địa phương và các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương có tổ chức bỏ phiếu sớm khẩn trương ban hành kế hoạch, phương án tổ chức việc bỏ phiếu sớm và đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về bầu cử. Các Tổ bầu cử phải thường xuyên thông báo cho cử tri thuộc khu vực bỏ phiếu sớm biết về ngày bầu cử sớm đã được Hội đồng bầu cử quốc gia xác định, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu bằng hình thức

niêm yết, phát thanh và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác của địa phương. Các tổ chức phụ trách bầu cử phải rà soát lại toàn bộ các công việc cần thực hiện trước, trong và sau ngày bầu cử, bảo đảm thời gian hoàn thành đúng quy định của pháp luật.

3. Thời gian bỏ phiếu, nguyên tắc, trình tự bỏ phiếu đối với bầu cử sớm thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và theo quy định của Thông tư này.

4. Việc kiểm phiếu và bảo quản hòm phiếu, phiếu bầu tại khu vực bỏ phiếu sớm thực hiện như sau:

a) Trong ngày bầu cử, ngay sau khi cuộc bầu cử kết thúc, Tổ bầu cử thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, thực hiện niêm phong theo đúng quy định tại Mục 1 Chương VIII của Luật Bầu cử, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và Thông tư này;

b) Biên bản kiểm phiếu ở khu vực bỏ phiếu sớm phải được Tổ bầu cử niêm phong, gửi đến các Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chậm nhất là 03 ngày sau ngày bầu cử sớm. Trường hợp đặc biệt do khoảng cách địa lý cách trở, do thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh mà Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu sớm không thể gửi biên bản kết quả kiểm phiếu theo thời hạn nêu trên thì có thể gửi muộn hơn, nhưng chậm nhất là ngày 18 tháng 3 năm 2026 phải gửi đến các Ban bầu cử tương ứng và Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để tổng hợp kết quả chung của đơn vị bầu cử;

c) Sau khi kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu sớm phải tiến hành niêm phong phiếu bầu, cho vào hòm phiếu, làm thủ tục niêm phong hòm phiếu có chữ ký của Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý theo quy định tại Điều 29 của Thông tư này;

d) Không làm lộ lọt kết quả kiểm phiếu ở các khu vực bỏ phiếu sớm để tránh ảnh hưởng đến khu vực bỏ phiếu khác trong cùng đơn vị bầu cử. Các Ban bầu cử và Ủy ban nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã khi nhận được biên bản kết quả kiểm phiếu ở khu vực bỏ phiếu sớm do Tổ bầu cử gửi đến có trách nhiệm bảo quản theo chế độ tài liệu

mật và chỉ được mở bì niêm phong biên bản kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc bầu cử vào ngày 15 tháng 3 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này;

đ) Trường hợp toàn bộ khu vực bỏ phiếu của một đơn vị bầu cử đều được Hội đồng bầu cử quốc gia cho phép thực hiện bỏ phiếu sớm và đã hoàn thành việc bỏ phiếu sớm thì Ban bầu cử mở bì niêm phong biên bản kết quả kiểm phiếu và lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử đó theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Các tình huống có thể phát sinh trước, trong và sau ngày bầu cử

1. Trường hợp tại địa bàn có dịch bệnh bùng phát, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chỉ đạo, hướng dẫn phương án tổ chức bầu cử đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, theo nguyên tắc địa phương chủ động xây dựng các phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử. Đồng thời, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp dịch bệnh bùng phát dẫn đến không thể tổ chức được việc bỏ phiếu vào đúng ngày bầu cử hoặc đối với địa phương do dịch bệnh phải áp dụng biện pháp cách ly xã hội hoặc phong tỏa thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh chủ động đề xuất, kịp thời báo cáo rõ phương án (thời điểm, cách thức thực hiện việc bỏ phiếu và những công việc khác cần thực hiện) trình Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

2. Trường hợp tại địa bàn xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai, hỏa hoạn làm địa hình bị chia cắt dẫn đến cử tri không thể đi đến khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban bầu cử các cấp chỉ đạo Tổ bầu cử tìm phương án tốt nhất để có kế hoạch đưa hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến cho những cử tri này nhận phiếu bầu và thực hiện việc bầu cử.

3. Trường hợp tình hình an ninh trật tự phức tạp hoặc có nguy cơ cao xảy ra các vấn đề về an ninh trật tự, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh báo cáo ngay

với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kịp thời có phương án đảm bảo an toàn cho cuộc bầu cử.

4. Trong trường hợp các tình huống phát sinh tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này đã được các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương giải quyết nhưng không thể xử lý được hoặc do vượt quá thẩm quyền hoặc xảy ra sự cố, vấn đề đột xuất ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc bầu cử thì Ủy ban bầu cử cấp tỉnh kịp thời báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định phương án tổ chức bầu cử tại các khu vực này.

Điều 33. Chế độ thông tin, báo cáo về bầu cử

1. Căn cứ quy định của pháp luật, hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia và của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương đến tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên trực tiếp và cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm trung thực, khách quan, kịp thời.

2. Trong ngày bầu cử, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo nhanh định kỳ các mốc thời gian sau (9 giờ sáng, 11 giờ 30 sáng, 03 giờ chiều, 07 giờ tối và 10 giờ tối), nội dung như sau:

a) Việc tổ chức khai mạc bầu cử (đối với báo cáo lần đầu lúc 9 giờ sáng);

b) Diễn biến của cuộc bầu cử; tiến độ cử tri tham gia bỏ phiếu;

c) Không khí ngày bầu cử, dư luận trong Nhân dân về cuộc bầu cử và những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

d) Những thuận lợi, khó khăn về giao thông, thông tin liên lạc, thời tiết ảnh hưởng đến việc bầu cử;

đ) Tình hình bầu cử ở những nơi được Hội đồng bầu cử quốc gia đồng ý cho bầu cử sớm (báo cáo lần đầu lúc 9 giờ sáng);

e) Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn, khu vực xảy ra dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao, khu vực có thiên tai, hỏa hoạn; tình hình ở các điểm nóng và việc xử lý (nếu có);

g) Các điều kiện vật chất - kỹ thuật phục vụ cho ngày bầu cử;

h) Những tình huống phát sinh cần xin ý kiến chỉ đạo giải quyết ngay trong quá trình tổ chức bầu cử (nếu có).

3. Việc báo cáo tình hình, kết quả sơ bộ và kết quả chính thức cuộc bầu cử thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử.

Điều 34. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Nội vụ là cơ quan thường trực, tham mưu giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi, quyền hạn được giao và theo phân công của Hội đồng bầu cử quốc gia thực hiện việc hướng dẫn, tổ chức triển khai và tập huấn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử.

2. Sở Nội vụ (đối với cấp tỉnh), Phòng Văn hóa - Xã hội (đối với cấp xã) là cơ quan thường trực và phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham mưu giúp việc cho Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp xã trong việc thực hiện công tác bầu cử ở địa phương.

3. Căn cứ quy định của Luật Bầu cử và quy định của Thông tư này, người đứng đầu các tổ chức phụ trách bầu cử phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể đối với từng thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử cấp mình.

4. Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương, Sở Nội vụ và Phòng Văn hóa - Xã hội cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc trong nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031, đề nghị Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh kịp thời phản ánh về Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Nội vụ để kịp thời xử lý./.

BỘ TRƯỞNG

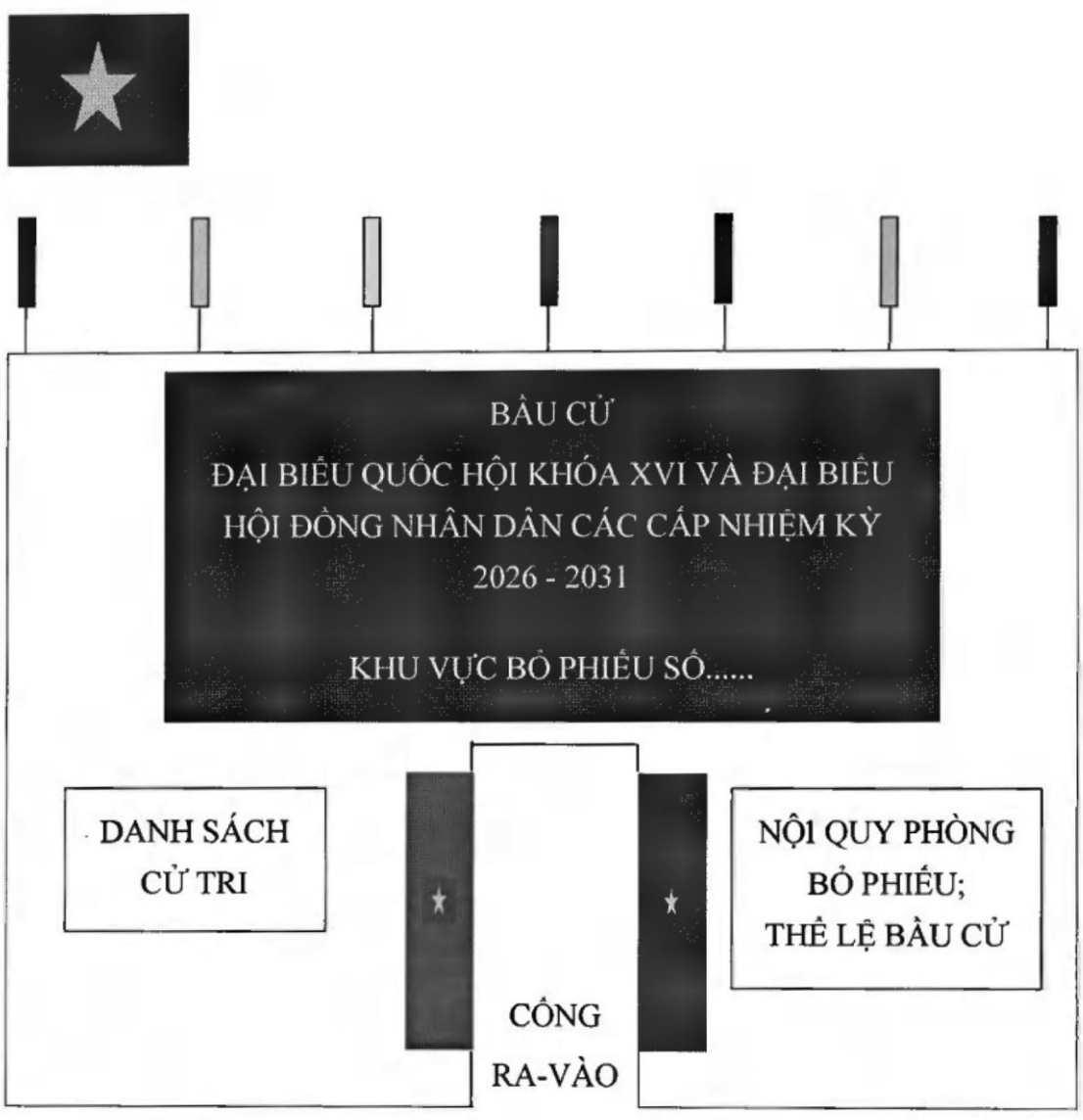
(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Trà

MẪU SỐ 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ)

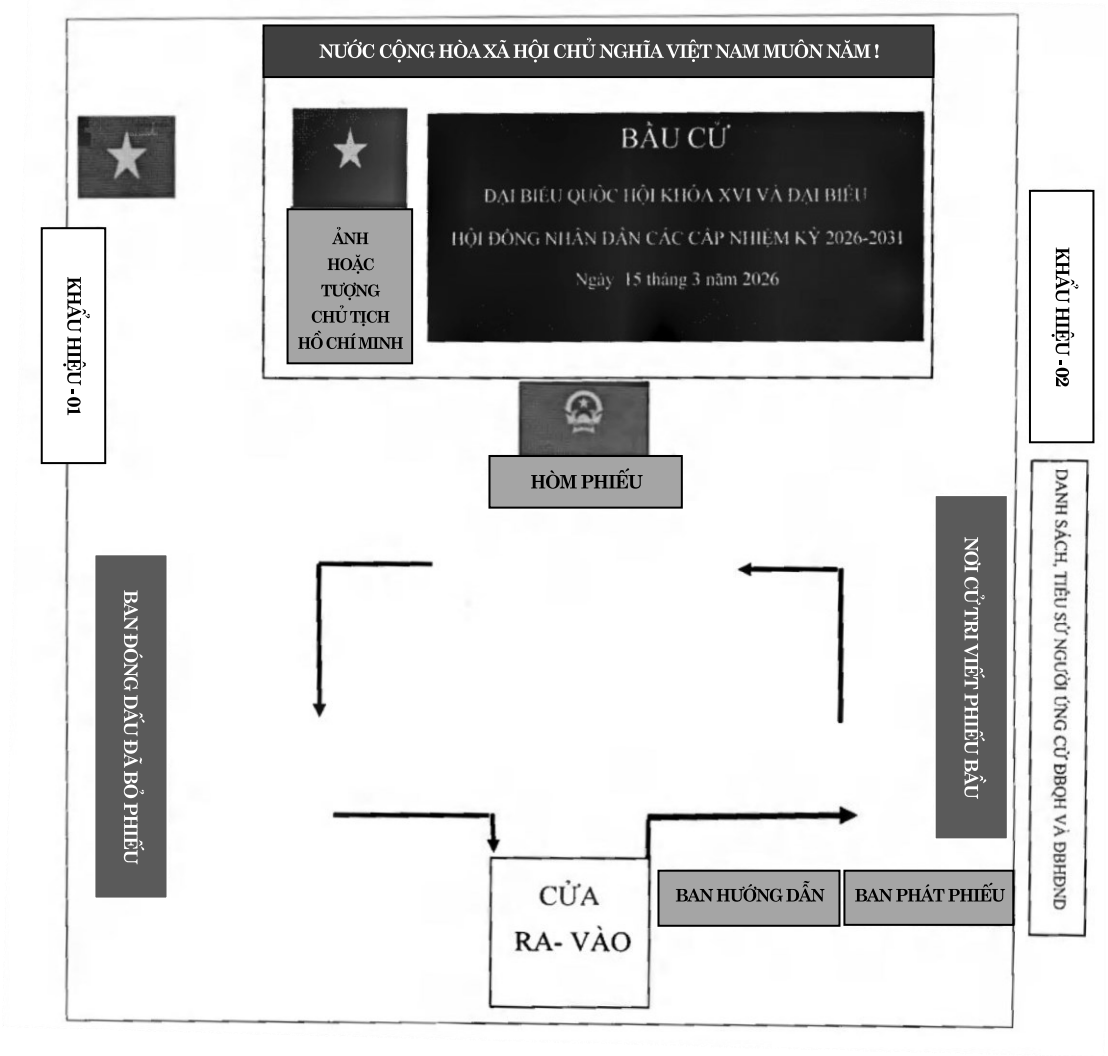
KHU VỰC BÊN NGOÀI PHÒNG BỎ PHIẾU



MẪU SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2025 của Bộ Nội vụ)

KHU VỰC BÊN TRONG PHÒNG BỎ PHIẾU



22. THÔNG TƯ SỐ 87/2025/TT-BTC NGÀY 29/8/2025 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015; căn cứ Luật năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện phân công tại Công văn số 03/HĐBCQG-CTĐB ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia về phân công soạn thảo, ban hành văn bản phục vụ công tác bầu cử;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính-Kinh tế ngành;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước tổ chức bầu cử đại

biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Điều 2. Quy định chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, yêu cầu công việc và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp bổ sung kinh phí từ ngân sách địa phương để phục vụ cho công tác bầu cử cùng với kinh phí phục vụ bầu cử do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

3. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lắp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, tổ chức để phục vụ cho công tác bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nội dung chi

Kinh phí phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được sử dụng chi cho các nội dung sau:

1. Chi xây dựng văn bản hướng dẫn phục vụ công tác tổ chức bầu cử; báo cáo, văn bản liên quan đến công tác tổ chức bầu cử.

2. Chi in ấn hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác tổ chức bầu cử:

a) Chi in ấn các hồ sơ, tài liệu phục vụ cho cuộc bầu cử như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn

thi hành Luật; các ấn phẩm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử.

b) Chi in ấn: Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiểu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử.

3. Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác tổ chức bầu cử: Các cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống sẵn có và dự toán đã được giao của đơn vị để phục vụ công tác bầu cử. Trường hợp có nhu cầu phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.

5. Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử.

6. Chi tổ chức các hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng.

7. Chi cho công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử:

a) Chi phương tiện đi lại, công tác phí.

b) Chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu.

c) Chi khác liên quan đến công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử.

8. Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia khoán chỉ hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu Quốc hội ở Trung ương được giới thiệu ứng cử tại địa phương (tại

các điểm tiếp xúc cử tri nơi cư trú và điểm tiếp xúc cử tri trên địa bàn được giới thiệu ứng cử).

9. Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử.

10. Chi phí hành chính cho công tác bầu cử:

a) Chi văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử.

b) Chỉ thông tin liên lạc phục vụ bầu cử.

c) Chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu (nếu có).

d) Chi phục vụ bầu cử (trang trí, loa đài,...) tại các tổ bầu cử.

đ) Chi làm hòm phiếu bổ sung, khắc dấu của tổ chức bầu cử, bảng niêm yết danh sách bầu cử.

e) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử.

g) Chi khắc phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử.

Điều 4. Mức chi tại Trung ương

1. Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Riêng chi tổ chức các hội nghị do Hội đồng bầu cử quốc gia triệu tập áp dụng theo chế độ chi phục vụ kỳ họp Quốc hội gần nhất theo quy định tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội đối với các nội dung: ăn, nghỉ, giải khát, bồi dưỡng đại biểu tham dự.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

a) Các cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

- Chủ trì cuộc họp: 500.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự: 200.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:

- Chủ trì cuộc họp: 300.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự: 200.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Trưởng đoàn giám sát: 300.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:

- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 150.000 đồng/người/buổi.

- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 100.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát: 5.000.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia: 7.000.000 đồng/báo cáo.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Thực hiện theo khoản 2 Điều 14 Nghị Quyết số 524/2012/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản.

- Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 1.000.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng văn bản:

a) Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản này liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn quốc do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Nội vụ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia ban hành (nghị quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia, kế hoạch, thông tri, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước; các văn bản hướng dẫn cho một tỉnh nhưng được gửi đến tất cả các tỉnh, thành phố để cùng áp dụng):

- Xây dựng văn bản: 3.000.000 đồng/văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý). Riêng Nghị quyết của Hội đồng bầu cử quốc gia và báo cáo tổng kết cuộc bầu cử báo cáo Quốc hội: Mức chi thực hiện theo mức chi xây dựng Nghị quyết của Quốc hội quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Mức chi từ 100.000 đồng/người/lần đến 300.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản.

5. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban Hội đồng bầu cử quốc gia: Mức 3.300.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; Thường trực Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên thuộc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; thành viên các Tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: 2.700.000 đồng/người/tháng.

- Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người có hiệu lực đến khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chỉ bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ giúp việc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia) mức bồi dưỡng 200.000 đồng/người/ngày; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).

Trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chỉ bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 3.000.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trưng tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 300.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Mức hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng đối với:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia; Trưởng các Tiểu ban Hội đồng bầu cử quốc gia.

- Thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia; Phó Trưởng các Tiểu ban, thành viên các Tiểu ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia; thường trực tổ giúp việc cho Ban Thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; thường trực giúp việc cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Thành viên thuộc Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.

b) Trường hợp cần thiết, Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động, mức khoán hỗ trợ tối đa không quá 300.000 đồng/ người/tháng.

c) Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia khoán chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu Quốc hội ở Trung ương thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử: 5.000.000 đồng/điểm nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác. Trường hợp, nhiều người ứng cử cùng một địa bàn mức hỗ trợ tối đa 5.000.000 đồng/điểm. Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Mặt trận Tổ quốc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

8. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:

a) Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 150.000 đồng/người/ buổi.

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

9. Chi đóng hòm phiếu:

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 500.000 đồng/hòm phiếu.

10. Chi khắc dấu:

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 400.000 đồng/dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí).

11. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

12. Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện

tử phục vụ công tác bầu cử: Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

13. Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.

14. Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia: Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hằng năm giao cho Văn phòng Quốc hội.

15. Các khoản chi phát sinh theo thực tế chưa được quy định mức chi tại văn bản này và các văn bản quy phạm pháp luật khác, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia phối hợp với Văn phòng Quốc hội thống nhất quy định bổ sung; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ban hành bằng văn bản để triển khai thực hiện.

Các trường hợp đặc biệt phát sinh vượt quá thẩm quyền của Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chánh Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia báo cáo Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định.

Điều 5. Mức chi tại địa phương

1. Đối với các nội dung chi quy định tại Điều 3 Thông tư này: Căn cứ mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này và mức kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử do ngân sách trung ương bổ sung, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, sau khi thống nhất với Ủy ban bầu cử cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban bầu cử cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc quyết định (trong trường hợp được Hội đồng nhân dân giao) mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ cụ thể tại địa phương.

2. Đối với các nhiệm vụ chi có tính đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đã quy định: Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi cụ thể tại địa phương.

3. Các nội dung chi khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Lập, chấp hành dự toán và hạch toán, quyết toán kinh phí

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, pháp luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thông tư này hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

1. Về lập dự toán:

a) Đối với các Bộ, cơ quan trung ương: Căn cứ nhiệm vụ, hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 được Hội đồng bầu cử quốc gia giao, căn cứ các chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này và các chế độ chi tiêu hiện hành, các Bộ, cơ quan trung ương được giao chủ trì tổ chức các hoạt động bầu cử, xây dựng dự toán kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 gửi Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng gửi Bộ Tài chính.

b) Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Căn cứ số lượng cử tri tại địa phương, căn cứ các chế độ chi tiêu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các Tổ bầu cử, Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh, xã) xây dựng dự toán kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình gửi Ủy ban bầu cử cùng cấp tổng hợp gửi Ủy ban bầu cử cấp trên.

Ủy ban bầu cử cấp tỉnh: Căn cứ số lượng Ủy Ban bầu cử các cấp; Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh, xã); số tổ bầu cử; số thành viên thuộc các Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử; số lượng cử tri tại địa phương; căn cứ các chế độ chi tiêu quy định tại Thông tư này và các chế độ chi tiêu hiện hành, tổng hợp, thẩm định kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của địa phương gửi Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, đồng gửi Bộ Tài chính.

c) Trên cơ sở dự toán kinh phí do các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử cấp tỉnh xây dựng, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia xây dựng nguyên tắc, tiêu thức phân bổ kinh phí bầu cử cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương trình Hội đồng

bầu cử quốc gia quyết định. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia tổng hợp phương án phân bổ kinh phí ngân sách trung ương bố trí cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổ chức phục vụ bầu cử gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Trong thời gian chờ cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí phục vụ công tác bầu cử, các cơ quan, đơn vị chủ động sử dụng nguồn dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao để đảm bảo kịp thời phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Về phân bổ và giao dự toán:

a) Đối với các Bộ, cơ quan trung ương:

Sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách, đơn vị dự toán cấp I ở trung ương thực hiện phân bổ và giao dự toán kinh phí phục vụ công tác bầu cử cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý để triển khai thực hiện theo quy định.

b) Đối với các địa phương:

Sau khi có ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí phục vụ công tác bầu cử từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Ủy ban bầu cử cấp tỉnh.

Căn cứ mức kinh phí bầu cử được cấp có thẩm quyền thông báo, căn cứ vào số cử tri có trên địa bàn, đặc điểm của từng vùng, khu vực, Ủy ban bầu cử cấp tỉnh phê duyệt phương án phân bổ kinh phí bầu cử và gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định dự toán cho các cơ quan, tổ chức liên quan ở cấp tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho các Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ bầu cử, Ban bầu cử và các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn.

3. Về tổ chức thực hiện dự toán, tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí:

Các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc

Nhà nước; Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước. Thông tư này hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị ở trung ương được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử theo đúng các quy định chi tiêu tài chính hiện hành, tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán năm của cơ quan, đơn vị mình theo quy định.

b) Các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định hiện hành.

Trường hợp Tổ bầu cử, Ban bầu cử hết nhiệm vụ sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử công bố kết quả bầu cử mà công tác quyết toán kinh phí vẫn chưa hoàn tất thì Tổ trưởng Tổ bầu cử, Trưởng Ban bầu cử giao trách nhiệm và ủy quyền cho Ủy viên Tổ bầu cử, Ủy viên Ban bầu cử là đại diện Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí bầu cử với cơ quan có thẩm quyền.

c) Kết thúc hoạt động bầu cử, trong vòng 90 ngày, các Bộ, cơ quan trung ương và các Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí bầu cử về Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn, việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với khối lượng công việc của các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi văn bản này có hiệu lực; các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương căn cứ quy định tại văn bản này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chỉ dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương phản ánh về Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia, Bộ Tài chính để xử lý kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG
Thứ trưởng

(Đã ký)

Bùi Văn Khắng

23. VĂN BẢN SỐ 4959/BCA-C06 NGÀY 04/11/2025 CỦA BỘ CÔNG AN

V/v đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử

Kính gửi: Công an các tỉnh, thành phố

Để chuẩn bị phục vụ cho công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031. Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và các Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Căn cứ Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Thông tư số 44/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định về mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức và chức danh nhà nước; ý kiến của Hội đồng bầu cử quốc gia tại Công văn số 58/VPHĐBCQG ngày 21/10/2025; Bộ Công an hướng dẫn việc đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử như sau:

I. VỀ MẪU CON DẤU

1. Mẫu con dấu của Ủy ban bầu cử

1.1. Con dấu của Ủy ban bầu cử tỉnh, thành phố

- Đường kính: 38mm;
- Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;
- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tỉnh, thành phố;
- Giữa con dấu: Ủy ban bầu cử.



- Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tỉnh, thành phố;

- Giữa con dấu: Tên Ủy ban bầu cử cấp xã.



2. Mẫu con dấu của Ban bầu cử

2.1. Con dấu của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Đường kính: 36mm;

- Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tỉnh, thành phố;

- Giữa con dấu: Tên đơn vị sử dụng con dấu.





2.2. Con dấu của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

- Đường kính: 34mm;

- Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

- Giữa con dấu: Tên đơn vị sử dụng con dấu.



3. Mẫu con dấu của Tổ bầu cử

- Đường kính: 34mm;

- Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

- Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

- Giữa con dấu: Tên đơn vị sử dụng dấu.



II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU MỚI, THU HỒI CON DẤU VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU

1. Hồ sơ đăng ký mẫu con dấu mới

Thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 13 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP, cụ thể: Giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền cho người được cơ quan, tổ chức cử liên hệ nộp hồ sơ; quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hồ sơ đề nghị thu hồi con dấu

Con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm ký 2021-2026 không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp phải thu hồi theo quy định.

Hồ sơ đề nghị thu hồi con dấu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP, cụ thể: Văn bản của cơ quan, tổ chức nộp lại con dấu nêu rõ lý do và người được cử liên hệ để thực hiện; giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Giao Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho lãnh đạo Bộ Công an chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời hướng dẫn những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Công an các tỉnh, thành phố

Công an các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức tại địa phương triển khai thực hiện việc đăng ký mẫu con dấu, giao nộp con dấu theo quy định. Chỉ đạo Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thực hiện việc kiểm tra, rà soát, thống kê con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử tại địa phương, thực hiện đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu theo quy định.

Căn cứ hướng dẫn trên, Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm triển khai thực hiện, đồng thời, báo cáo kết quả gửi về Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội để tổng hợp báo cáo lãnh đạo Bộ Công an./.

KT. BỘ TRƯỞNG

Thứ trưởng

(Đã ký)

Thượng tướng Nguyễn Văn Long

MỤC LỤC

1. Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 3
2. Nghị quyết số 199/2025/QH15 ngày 21/5/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc rút ngắn nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 7
3. Nghị quyết số 211/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia 9
4. Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 13
5. Nghị quyết số 101/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định chi tiết, hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cử tri; việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố; việc hiệp thương, giới thiệu người ứng cử, lập danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trong bầu cử bổ sung 19
6. Nghị quyết số 106/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã và việc bố trí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã hoạt động chuyên trách 49
7. Nghị quyết số 107/2025/UBTVQH15 ngày 16/10/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 55
8. Nghị quyết liên tịch số 102/2025/NQLT-UBTVQH15-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội - Chính phủ - Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn quy trình hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 59

9. Nghị quyết số 40/NQ-HĐBCQG ngày 29/9/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia quy định mẫu văn bản hồ sơ ứng cử và việc nộp hồ sơ ứng cử; nội quy phòng bỏ phiếu trong công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 101

10. Nghị quyết số 1891/NQ-UBTVQH15, ngày 10/11/2025 Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội khóa XVI 217

11. Nghị quyết số 5/NQ-HĐBCQG ngày 10/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia về ban hành quy chế làm việc của Hội đồng bầu cử quốc gia 227

12. Nghị quyết số 06/NQ-HĐBCQG, ngày 11/7/2025 của Hội đồng bầu cử quốc gia phân công nhiệm vụ thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia 231

13. Thông tri số 04/TT-MTTW-BTT ngày 04/11/2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kiểm tra, giám sát công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 237

14. Thông tri số 05/TT-MTTW-BTT ngày 04/11/2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 251

15. Kế hoạch số 62 /KH-HĐBCQG của Hội đồng bầu cử quốc gia ngày 11/11/2025 triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 267

16. Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 09/9/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 287

17. Hướng dẫn số 19-HD/UBKTTW ngày 25/8/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp 297
18. Hướng dẫn số 27-HD/BTGDVTW ngày 11/9/2025 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương Tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.....303
19. Kế hoạch số 5271 /KH-BVHTTDL ngày 06/10/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.....315
20. Quyết định số 8202/QĐ-BCA-C06 ngày 7/10/2025 của Bộ Công an ban hành hướng dẫn việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) trong quá trình lập danh sách cử tri, in thẻ cử tri phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.....323
21. Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 331
22. Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 371
23. Văn bản số 4959/BCA-C06 ngày 04/11/2025 của Bộ Công an về việc đăng ký mẫu con dấu, thu hồi con dấu của các tổ chức phụ trách bầu cử.....385

BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA